



# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*Của dự án: “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang”*

Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện  
Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.



## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của dự án: “NHÀ MÁY SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING  
BẮC GIANG”

Địa điểm thực hiện dự án: Một phần Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung,  
huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN VIỆT NAM

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH  
YE XIAO FU

Bắc Giang, tháng 10 năm 2023



**MỤC LỤC**

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. Tên chủ dự án đầu tư:.....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
3. Công suất công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	3
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....	3
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	8
4. Nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện nước và các sản phẩm của dự án.....	8
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	57
5.1. Các hạng mục công trình của dự án.....	57
5.2. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực.....	65
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	69
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	69
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	70
CHƯƠNG III ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	72
CHƯƠNG IV ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	77
1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	77
1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	77
1.1.1. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải.....	77
1.1.1.1. Đánh giá tác động tới môi trường không khí.....	77
1.1.1.2. Đánh giá tác động đến môi trường nước.....	84
1.1.1.3. Đánh giá tác động do chất thải thông thường và chất thải nguy hại.....	92
1.1.1.4. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải.....	95
1.1.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố.....	98
2.2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	101
2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	101
2.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	110
2.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải.....	112

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	115
3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	122
CHƯƠNG V PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC .....	125
CHƯƠNG VI: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	126
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	126
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	127
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung :.....	128
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại(nếu có): Không thuộc đối tượng.....	128
5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	128
5.1. Quản lý chất thải.....	128
5.1.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:.....	128
5.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	129
5.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	131
6. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:.....	131
7. Thời gian xin cấp phép môi trường:10 năm .....	131
CHƯƠNG VII KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .....	132
1. Kế hoạch vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	132
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	132
2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động.....	132
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án: Không có.....	132
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:.....	132
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	133



**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1. 1 Danh mục nguyên vật liệu của dự án sử dụng .....	8
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng các loại hóa chất phụ liệu dùng cho công đoạn giặt của Nhà máy trong giai đoạn hoạt động tổng thể .....	10
Bảng 1. 3 Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất. ....	14
Bảng 1. 4 Các hạng mục công trình của dự án .....	57
Bảng 1. 5 Thông số của hệ thống xử lý nước thải .....	63
Bảng 3. 1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt (quý I) .....	73
Bảng 3. 2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt (quý 2) .....	74
Bảng 3. 3 Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt (quý 3) .....	75
Bảng 4. 1 Hệ số ô nhiễm của 1 số loại xe của một số chất ô nhiễm chính .....	78
Bảng 4. 2 Nồng độ các chất ô nhiễm do phương tiện giao thông thải ra trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm .....	80
Bảng 4. 3 Hệ số phát thải của phương tiện mô tô 2 bánh .....	80
Bảng 4. 4 Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải xe mô tô 2 bánh.....	81
Bảng 4. 5 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt.....	85
Bảng 4. 6 Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước mưa chảy tràn .....	90
Bảng 4. 7 Tác động của một số chất gây ô nhiễm môi trường nước .....	91
Bảng 4. 8 Thành phần và khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh giai đoạn tổng thể của nhà máy.....	92
Bảng 4. 9 Dự báo khối lượng chất thải sản xuất phát sinh của dự án .....	93
Bảng 4. 10 Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất giai đoạn hoạt động tổng thể .....	94
Bảng 4. 11. Mức ồn của các loại xe cơ giới .....	97
Bảng 4. 12. Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải .....	103
Bảng 4. 13 Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường .....	104
Bảng 6. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt .....	126

**DANH MỤC HÌNH**

Hình 1. Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác .....	4
Hình 2. Hoạt động cho thuê nhà xưởng .....	6
Hình 4. 1. Sơ đồ quy trình thu gom nước thải sinh hoạt tổng thể .....	102
Hình 4. 2. Sơ đồ nguyên lý mạng lưới thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.....	103
Hình 4. 3 Sơ đồ nguyên lý thu gom, xử lý chất thải dự án.....	112



**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 <sup>0</sup> C, 5 ngày
BTNMT	Bộ Tài Nguyên Môi Trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTR	Chất thải rắn
CTSH	Chất thải sinh hoạt
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Ôxy hòa tan
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QCCP	Quy chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
SS	Chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban Nhân dân

**CHƯƠNG I:**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Tên chủ dự án đầu tư:**

Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang

- Địa chỉ trụ sở chính: Một phần Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Chung Sui Kuen \_ *Chức vụ:* Tổng giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400711548 đăng ký lần đầu ngày 18/02/2014, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/5/2023

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9802734904 đăng ký lần đầu ngày 23/07/2019, cấp thay đổi lần 3 ngày 02/08/2023

**2. Tên dự án đầu tư**

Tên dự án: Tên dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang”.

Địa điểm thực hiện dự án: Một phần Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Ngày 12/6/2019 được Ban Quản lý các KCN tỉnh cấp điều chỉnh chứng nhận đầu tư lần thứ 2 và được UBND tỉnh phê duyệt ĐTM tại quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 20/07/2020 với quy mô sản xuất:

- Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: số lượng 8.000.000 sản phẩm/năm.

- Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 8.000.000 sản phẩm/năm.

Ngày 08 tháng 08 năm 2023, công ty đã xin điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9802734904, chứng nhận điều chỉnh thay đổi lần thứ 3 ngày 08/8/2023 với quy mô:



## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

---

- Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: số lượng 4.000.000 sản phẩm/năm (*giảm 4 triệu sản phẩm/năm*);

- Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 4.000.000 sản phẩm/năm (*giảm 4 triệu sản phẩm/năm*);

- Cho thuê nhà xưởng 10.409,4 m<sup>2</sup>(nhà xưởng số E-02, E-07) (**Mục tiêu bổ sung mới**).

- **Quy mô dự án theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công:**

Căn cứ theo điểm a khoản 4 Điều 37 của Luật và vệ môi trường và khoản 2, Điều 27 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Quy mô dự án theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Dự án thuộc Mục IV phần A (mục 4 phần b: Nhà máy dệt; nhà máy sản xuất các sản phẩm may mặc 4 phần l: Dự án công nghiệp khác) phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công. Với vốn đầu tư của dự án 144.858.000.000 (Một trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm năm mươi tám triệu đồng), dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Do đó, dự án thuộc mục số 2, Phụ lục IV (dự án nhóm II) của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Dự án thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1, điều 39 và theo điểm a, khoản 3, điều 41 dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh.

- Cấu trúc và nội dung của báo được trình bày theo quy định tại mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

### **3. Công suất công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư**

#### **3.1. Công suất của dự án đầu tư**

Quy mô công suất của dự án: Công ty được Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9802734904, chứng nhận lần đầu ngày 18/02/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 08/08/2023, với quy mô như sau:

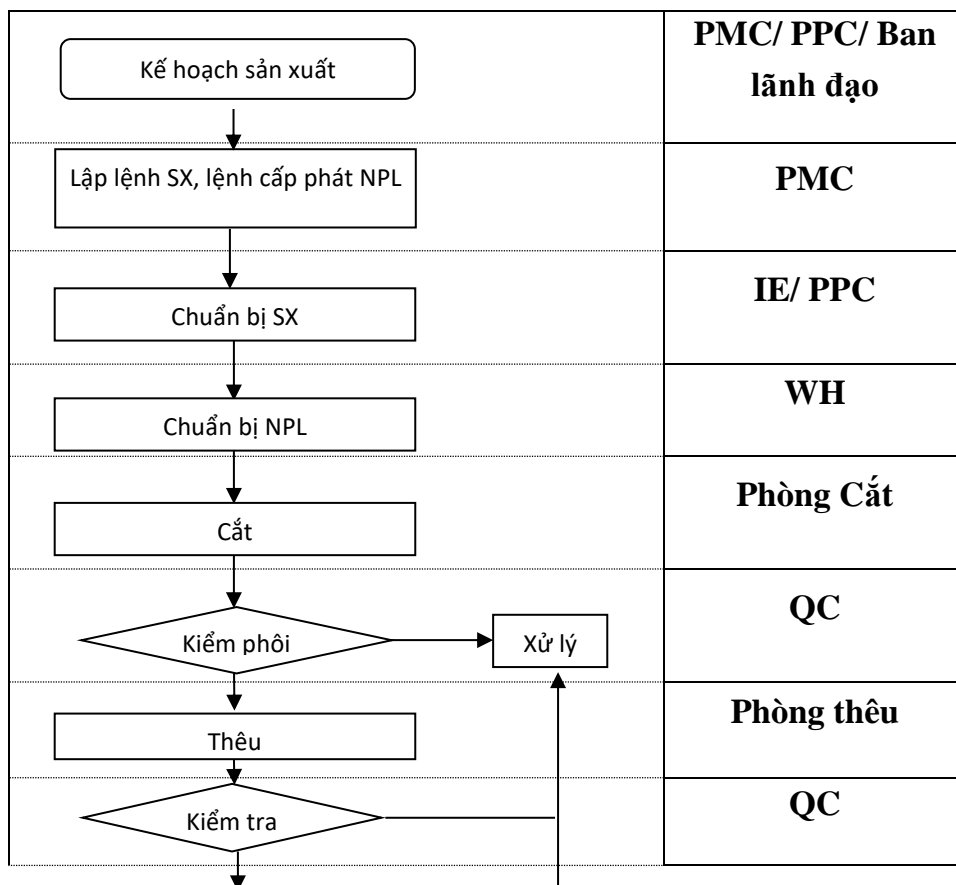
- Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: số lượng 4.000.000 sản phẩm/năm (*quy mô giảm 4 triệu sản phẩm/năm*);

- Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 4.000.000 sản phẩm/năm (*quy mô giảm 4 triệu sản phẩm/năm*);

- Cho thuê nhà xưởng 10.409,4 m<sup>2</sup>(nhà xưởng số E-02, E-07) (**Mục tiêu bổ sung mới**).

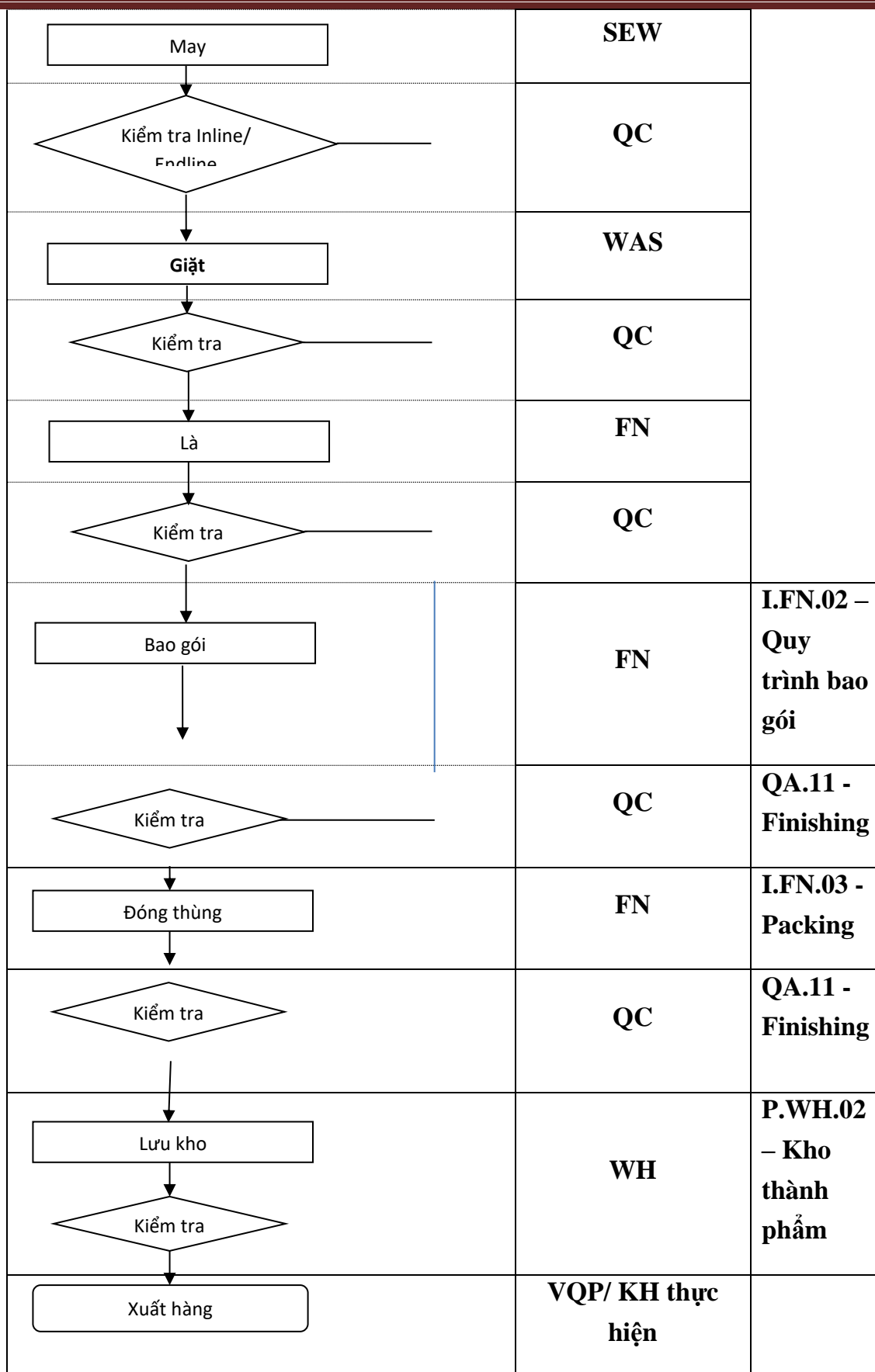
#### **3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:**

##### **❖ Quy trình gia công sản xuất của Nhà máy**





**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**



**Hình 1. Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác**

**\* *Thuyết minh quy trình công nghệ:***

B1: Dựa vào kế hoạch sản xuất, đơn đặt hàng sẽ chuyển đến phòng làm mẫu để thiết kế và tạo mẫu trên giấy.

B2: Công ty chuẩn bị nguyên vật liệu theo thiết kế để phục vụ cho sản xuất.

B3: Tiến hành cắt hàng loạt trên vải dựa theo mẫu thiết kế sẵn. Những chi tiết nhỏ, khó sẽ cắt thủ công bằng tay, những chi tiết lớn sẽ được cài đặt sẵn và cắt bằng máy. Sản phẩm cắt tại bước này được gọi là phôi

B4: Kiểm tra về chất lượng phôi, số lượng phôi. Nếu thiếu hoặc sai thì sẽ báo về bước 3 để cắt bổ sung hoặc sửa chữa

B5: Phôi sẽ được đưa đi thêu bằng máy tự động theo mẫu mã đã được thiết kế sẵn.

B6: Kiểm tra sản phẩm thêu, nếu sai thì sẽ được sửa chữa để hoàn thiện sản phẩm

B7: Phôi sau khi thêu đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa đi may. Tại đây sẽ tiến hành kiểm tra inline (có người đi kiểm tra liên tục tại các chuyền may) nếu sai sẽ sửa tại chỗ và kiểm tra outline là kiểm tra lại khi đã may thành phẩm. Nếu có lỗi sẽ quay lại bước phôi (Bước 3) để sửa chữa hoàn thiện sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

B8: Sản phẩm sau khi hoàn thiện sẽ được đưa đi giặt làm mềm vải bằng máy giặt. Áo trước khi giặt sẽ được phân màu, giặt theo từng lô. Xả nước vào máy giặt với mực nước khoảng 700 lít, sau đó cho áo vào giặt, lượng áo khoảng 100kg và các bột giặt, phụ gia cho theo tỉ lệ vào máy giặt, giặt trong thời gian 10 phút, sau đó xả nước đi.

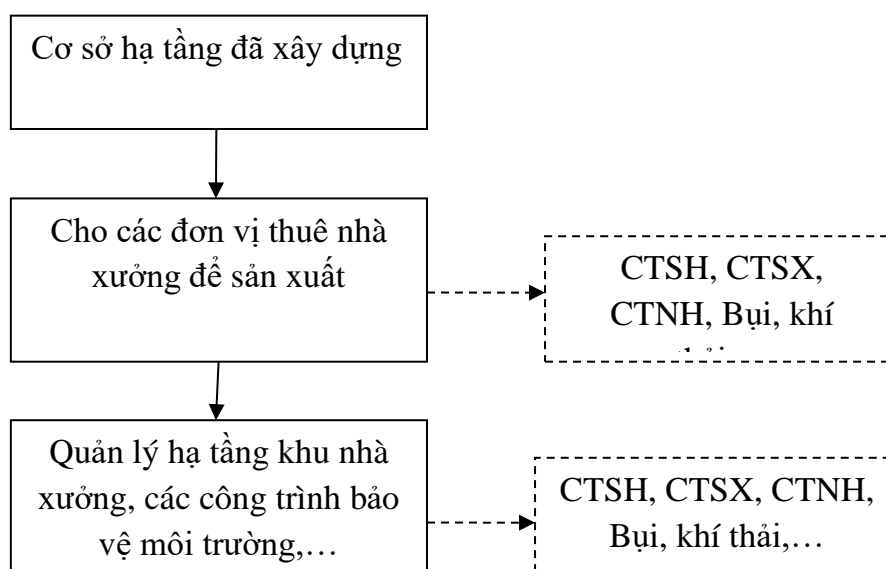
Áo sau giặt được sẽ được xếp cân bằng trong máy, vắt trong thời gian 5 phút.

Sau khi vắt, áo sẽ được lấy ra cho vào lò sấy bằng hơi, ở nhiệt độ 70°C, thời gian từ 40-50 phút. Sấy khô sản phẩm 80% rồi mở cửa lò sấy lạnh, lấy từ 2-3 áo cho kỹ thuật (QC) kiểm, sau khi kiểm thông số nếu đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang công đoạn kế tiếp;

B9: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ chuyển qua công đoạn là hơi sản phẩm đến khi phẳng. Hơi cấp cho quá trình là được cấp từ nồi hơi.

B10: Sản phẩm hoàn thiện và đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn bao gói sản phẩm.

B11: Kiểm tra, đóng thùng rồi xuất kho đợi xuất hàng.

**❖ Hoạt động cho thuê nhà xưởng****Hình 2. Hoạt động cho thuê nhà xưởng**

Dự án dự kiến cho thuê 02 nhà xưởng với diện tích 10.409,4 m<sup>2</sup> với ngành nghề may mặc với tổng số lao động của đơn vị thuê lớn nhất là 600 người. Đối với diện tích nhà xưởng và các hạng mục công trình phụ trợ của từng đơn vị thuê sẽ căn cứ vào nhu cầu của đơn vị thuê, sẽ được liệt kê chi tiết tại hợp đồng thuê nhà xưởng tiến hành ký kết hợp đồng.

Công ty dự kiến cho đơn vị thuê với loại hình sản xuất là các sản phẩm may mặc loại hình sản xuất ít gây ô nhiễm môi trường, không phát sinh nước thải sản xuất.

Đơn vị thuê nhà xưởng sẽ phát sinh các loại chất thải từ quá trình hoạt động như: Khí thải, nước thải, chất thải rắn.... Mỗi loại hình sản xuất, quy mô, công suất của các đơn vị phát sinh các loại chất thải khác nhau.

Hiện tại, hạ tầng bao gồm: nhà xưởng, văn phòng, hệ thống giao thông, điện nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, PCCC... đã được chủ dự án hoàn thiện trước để cho thuê.

Chủ dự án sẽ quản lý chung đối với hoạt động xả thải đối với các đơn vị thuê xưởng, đồng thời quản lý, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định pháp lý về môi trường.

**✓ Đối với khí thải:**

Đơn vị thuê nhà xưởng không phát sinh khí thải

**✓ Đối với chất thải thông thường và chất thải nguy hại:**

Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh và tự bố trí trên phần diện tích thuê. Việc quản lý, xử lý chất thải của các đơn vị thuê nhà xưởng chịu sự quản lý, kiểm tra và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

✓ Đối với nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của đơn vị thuê nhà xưởng, đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung để xử lý.

✓ Đối với nước thải sản xuất:

Chủ dự án không cho thuê nhà xưởng đối với doanh nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất mà cần phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý.

Đối với doanh nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất nhưng phát sinh với khối lượng nhỏ và thuê đơn vị có chức năng xử lý thì các công ty đó có trách nhiệm tự thu gom, quản lý và phải hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.

**\* Trách nhiệm của chủ dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng:**

- Đối với chủ dự án:

Chủ đầu tư bố trí các hạng mục công trình phụ trợ bao gồm: nhà để xe, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt cho các đơn vị thuê nhà xưởng.

+ Chịu trách nhiệm quản lý về hạ tầng kỹ thuật của dự án (hệ thống nhà xưởng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, hệ thống cây xanh, giao thông...). Đảm bảo vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đầu ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung để xử lý

Công ty đã xây dựng hoàn thiện trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 170m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý nước thải cho toàn bộ công ty và đơn vị thuê nhà xưởng.

+ Thường xuyên đôn đốc các đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện tốt các quy định của pháp luật về BVMT.



+ Chịu trách nhiệm quản lý và vệ sinh tại khuôn viên chung của công ty và các đơn vị thuê nhà xưởng.

+ Yêu cầu đơn vị thuê nhà xưởng phải có thủ tục về môi trường trước khi hoạt động sản xuất và thực hiện đúng các yêu cầu trong hồ sơ môi trường được phê duyệt.

Chủ dự án chịu trách nhiệm duy trì bảo dưỡng công trình nhà xưởng, kho chứa, nhà để xe, trạm xử lý nước thải, sân đường nội bộ và các hạng mục công trình sử dụng chung tại dự án.

- *Đối với đơn vị thuê nhà xưởng:*

+ Lập thủ tục về môi trường trước khi tiến hành hoạt động sản xuất.

+ Thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện đúng các quy định chung của chủ dự án là Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.

+ Đối với công trình lưu giữ chất thải: đơn vị thuê nhà xưởng phân loại, thu gom về khu vực lưu giữ đã được chủ dự án bố trí và Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đối với các chất thải phát sinh tại công ty.

### **3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:**

- Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: số lượng 4.000.000 sản phẩm/năm (*giảm 4 triệu sản phẩm/năm*);

- Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 4.000.000 sản phẩm/năm (*giảm 4 triệu sản phẩm/năm*);

- Cho thuê nhà xưởng 10.409,4 m<sup>2</sup>(*nhà xưởng số E-02, E-07*) (**Mục tiêu bổ sung mới**).

## **4. Nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện nước và các sản phẩm của dự án**

Căn cứ vào tỷ trọng khối lượng của từng loại nguyên vật liệu thì khối lượng của từng loại nguyên vật liệu sử dụng dự kiến trong bảng sau

**Bảng 1. 1 Danh mục nguyên vật liệu của dự án sử dụng**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Vải cotton 100%	Mét	1.887.600	Trung Quốc
2	Vải dệt interlock 100%	Mét	322	
3	Vải thun Jersey 100%	Mét	267	
4	Cúc	Hộp	50.666	
5	Bo tay, bo cổ	Bộ	4.080.000	
6	Chỉ may	Cuộn	92	
7	Dây miến (dây trườn vai) bằng silicon trong dẻo	Tấn	400	
8	Vải lót 100% Polyester	Tấn	224	
9	Méch	Tấn	200	
10	Mác sườn (hương dẫn giặt) (vải)	Chiếc	4.080.000	
11	Mác chính ghi logo công ty (vải)	Chiếc	4.080.000	
12	Mác fit (vải)	Chiếc	4.080.000	
13	Mác size (vải)	Chiếc	4.080.000	
14	Dây treo thẻ (bằng nhựa)	Chiếc	4.080.000	
15	Tem dán trên túi (đánh dấu tính chất sản phẩm)	Chiếc	4.080.000	
16	Giấy chống ẩm	Chiếc	4.080.000	
17	Băng dính dán thùng	Tấn	420	
18	Thẻ giá	Chiếc	4.080.000	
19	Thẻ bài (bằng giấy)	Chiếc	4.080.000	
20	Chỉ thêu	Tấn	280	
21	Túi bóng đựng áo	Chiếc	4.080.000	Việt Nam

*(Nguồn: Chủ dự án)*

**\* Với nhu cầu giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 4.000.000 sản phẩm/năm.**

Mỗi 1 sản phẩm có khối lượng là 0,3kg với công suất mục tiêu 4.000.000 sản phẩm thì tổng khối lượng sản phẩm là 600.000 kg/năm. Với mỗi lần giặt là 100kg dùng 700 lít nước thì với tổng khối lượng sản phẩm 600.000 kg/năm thì lượng nước tiêu dùng là:  $(600.000 \text{ kg/năm} \times 700 \text{ lít})/100\text{kg} = 4.200.000 \text{ lít} = 4.200\text{m}^3/\text{năm} = 13 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Với nhu cầu giặt trên thì hóa chất, nguyên vật liệu cần giặt sản phẩm như sau:

**Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng các loại hóa chất phụ liệu dùng cho công đoạn giặt của Nhà máy trong giai đoạn hoạt động tổng thể**

STT	Tên hóa chất	Tỷ lệ dùng	Lượng dùng theo ngày	Xuất xứ
1	Bột giặt Omo	2g/ 1 lit nước	112kg	Việt Nam
2	Bột làm mềm vải Depisoft LCP - P	0,1g/ 1 lit nước	5,6 kg	Malaysia
3	Chất chống lem OREKAS S-35	1g/ 1 lit nước	56kg	Trung Quốc
4	Dầu silicon mềm vải Elastojet	1g/ 1 lit nước	56kg	Malaysia
5	Deniboost OX Chất tẩy ố vàng	0,1g/ 1 lit nước	5,6kg	Malaysia
6	Hồ mềm Escon C	1g/1 lit nước	56kg	Malaysia
7	Kiểm (NaOH 99%)	0,1g/ 1 lit nước	5,6kg	Việt Nam
8	Axit acetic	0,1g/ 1 lit nước	5,6kg	Việt Nam
9	Chất tẩy dầu Deniboost JB65	1g/1 lit nước	56kg	Malaysia

**Ghi chú:**

**1. Nước giặt/ Bột giặt Omo**

**THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN THÀNH PHẨM**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

<b>Tên hóa chất</b>	<b>CAS No.</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Sô đa	497-19-8	10-30%
Chất hoạt động bề mặt anion	-	10-30%
Chất hoạt động bề mặt không chứa ion	-	<10%
Natri silicat	1344-09-8	<10%
Chất huỳnh quang	-	<10%
Protease Enzymes		<10%
Các thành phần khác được xác định không nguy hiểm		To 100%

**2. Bột làm mềm vải Depisoft LCP - P****1) XÁC ĐỊNH CHẤT VÀ THÔNG TIN CÔNG TY**

Tên sản phẩm: **DEPISOFT LCP-P**  
Địa chỉ công ty: **DENIM CARE SDN. BHD**  
Lot 29, Lorong Perusahaan 6A,  
Kulim Industrial Estate  
09000 Kulim Kedah.  
Số điện thoại: 604-4891899  
Số fax: 604-4891898  
Địa chỉ email: [sales@denimcare.net](mailto:sales@denimcare.net)

**2) THÔNG TIN THÀNH PHẦN SẢN PHẨM****Thành phần nguy hiểm:**

<b>Tên chất</b>	<b>Nồng độ trong sản phẩm:</b>	<b>Số CAS</b>
Cellulase Enzyme Protein	> 1	9012-54-8

**2. Dầu silicon mềm vải Elastojet**

**TÀI LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
**TÊN HÓA CHẤT : DẦU SILICON MỀM VẢI/ elastojet**

**1. Thành phần sản phẩm :**

Đồng dạng : ELASTOJET  
CAS : 631-61-8  
Trọng lượng phân tử : 77.08  
Công thức hóa học :  
Mã số sản phẩm :  
T. Baker: 0596, 0598, 0599  
Mallinckrodt: 3271, 3272, 5857

**2. Thành phần :**

Thành phần	Số CAS	Tỷ lệ %	Độc hại
Amino silicone biến tính cao cấp	631-61-8	100%	Có

SILICONE – C885 là một loại hồ mềm Silicone có tính thấm ướt cao, không làm vàng vải, là sản phẩm mới được khai thác trong thời gian gần đây. SILICONE – C885 được sản xuất để thay thế các loại hồ cationic thông thường, vì hiện nay đa số các nhà máy dệt nhuộm khi hồ mềm hoàn tất xong thường phát sinh tình trạng độ thấm của vải sợi bị hạn chế đáng kể, thậm chí không còn tính thấm ướt và mặt vải bị khô. SILICONE – C885 được sản xuất để khắc phục các tình trạng nêu trên. Ngoài ra sau khi sử dụng SILICONE – C885 cho các loại vải sợi T/C, Cotton, CVC, Polyester ... sẽ đạt được độ mềm tuyệt hảo có độ hút nước rất cao (rewetting) tạo độ ẩm ướt cho vải có độ cảm giác mát tay. Đặc biệt sử dụng cho các loại khăn lông, áo lót, vải kaki, jean. Có tính năng thấm ướt rất lý tưởng và kinh tế, vì nồng độ của loại hóa chất này rất cao, giá thành hợp lý.

**3. Deniboost OX Chất tẩy ố vàng**



**DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
**DENIBOOST OX**

Ngày : 19.05.15

Phiên bản : 1.0

Trang 1/3

**1) NHẬN DẠNG HÓA CHẤT**

Tên sản phẩm	DENIBOOST OX
Tên công ty	DENIM CARE SDN BHD Lô 29, Lorong Perusahaan 6A, Kulim Industrial Estate, 09000 Kulim, Kedah.
Số điện thoại.	604-4891899
Số fax.	604-4891898
E-mail	sales@denimcare.net

**2) Thông tin về thành phần hóa chất**

Hóa chất	% khối lượng	CAS No.
Peroxide release agent	70 - 80	10486-00-7
Sodium metasilicate	20 - 30	13517-24-3

**4. Hồ mềm Decosoft Es Conc**



**MATERIAL SAFETY DATA SHEET**

**DECOSOFT ES CONC**

Date: 07-05-2015

Page 1 of 4

**1) XÁC ĐỊNH CHẤT / THÔNG TIN CÔNG TY.**

Tên sản phẩm: **DECOSOFT ES CONC.**  
 Địa chỉ công ty: **DENIM CARE SDN. BHD**  
 Lot 29, Lorong Perusahaan 6A,  
 Kulim Industrial Estate  
 09000 KulimKedah.  
 Số điện thoại: 604-4891899  
 Số fax: 604-4891898  
 Địa chỉ email: [sales@denimcare.net](mailto:sales@denimcare.net).

**2) THÔNG TIN THÀNH PHẦN SẢN PHẨM:**

Tên chất: **Methyl ester**      Nồng độ trong sản phẩm: **> 50%**      Số CAS: **91995-81-2**

**5. Chất tẩy dầu Deniboost JB65**

**3) CẤU TẠO CHẤT/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN**

Tên chất	% Độ đậm đặc	Số CAS
Propylene glycol	30 - 40	57-55-6
Polyoxyethylene isotridecyl ether	10 - 20	69011-36-5
Nước	40 - 50	7732-18-5

**b. Nhu cầu nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý môi trường**

Nhu cầu dự kiến sử dụng trong 01 tháng như sau:

TT	Hóa chất	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
<i>Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt</i>				
1	Hóa chất khử trùng Clo dạng viên	kg/tháng	20	Việt Nam
<i>Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sản xuất</i>				
1	Axit H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	kg/tháng	20	Việt Nam
2	PAC	kg/tháng	30	Việt Nam

Công ty cam kết tất cả các máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng cho xây dựng cũng như hoạt động của Cơ sở không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.



**\*Nhu cầu sử dụng điện****- Nhu cầu sử dụng nước:*****Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hiện tại:***

Theo hóa đơn sử dụng nước tháng 8/2023, tháng 9/2023, tháng 10/2023, nhu cầu sử dụng nước hiện tại của công ty trung bình là  $658 \text{ m}^3/\text{tháng}$  hay  $25 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Trong đó:

Trong đó: Nước chủ yếu được cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân, phục vụ nhu cầu phòng cháy chữa cháy (khi có sự cố xảy ra) và nước tưới rửa sân đường nội bộ.

+ Lượng nước sử dụng cho tưới rửa đường nội bộ, tưới cây  $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$

+ Lượng nước sử dụng thực tế cho sinh hoạt giai đoạn hiện tại:  $25 - 1 = 24 \text{ m}^3/\text{ngày}$  Với lượng công nhân hiện tại là 800 người, tương đương với mỗi người sử dụng khoảng  $0,03 \text{ m}^3/\text{người/ngày}$ .

***Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn mở rộng:***

- Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang là 800 người số lượng công nhân viên của đơn vị thuê xưởng dự kiến lớn nhất là 600 người tương ( căn cứ theo quy mô đầu tư của đơn vị thuê xưởng). Vậy tổng số cán bộ công nhân viên toàn dự án là 1.400 người. Nhu cầu nước sử dụng cho sinh hoạt của công nhân viên nhà máy và đơn vị thuê xưởng lấy theo TCXD 33-2006 là  $100 \text{ lít/người/ngày}$ . Như vậy, nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt là  $100 \text{ lít} \times 1.400 = 140.000 \text{ lít/ngày} = 140 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

Nguồn nước sử dụng được đầu nối từ nguồn nước sạch cung cấp qua hệ thống cấp nước của KCN Vân Trung do Công ty TNHH FuGiang cung cấp.

**- Nhu cầu về điện:**

Nguồn điện cung cấp cho dự án là của KCN Vân Trung. Chủ dự án đã đầu tư xây dựng lắp đặt 02 trạm biến 1250 KVA phục vụ hoạt động sản xuất của dự án và đơn vị thuê nhà xưởng

**❖ Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án****Bảng 1. 3 Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất.**

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng
----	-----------------------	--------	----------	--------------	---------	------------

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

1	Máy in mã vạch không màu hiệu Avery Dennison, Model: AP5.4, sử dụng dòng điện 3ph/220V/60Hz, công suất 250W, độ phân giải 300dpi, tốc độ in 150mm/s, bộ nhớ 32bit, chiều rộng in tối đa 105mm,	Bộ	2	2015	Mỹ	Mới 70%
2	Phần mềm giác sơ đồ GMS V9.0 được ghi trong đĩa CD kèm theo USB	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
3	Phần mềm giác sơ đồ tự động V9.0 được ghi trong đĩa CD kèm theo USB.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
4	Phần mềm thiết kế mẫu DGS V9.0 được ghi trong đĩa CD kèm theo USB.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
5	Bộ lọc khí phụ kiện của máy giặt ozone	Bộ	2	2016	Tây Ban Nha	Mới 80%
6	Dụng cụ phân tích khí của máy giặt ozone	Chiếc	1	2016	Tây Ban Nha	Mới 80%
7	Máy ép thân áo thủy lực, model: NS-8245, hiệu Ngai Shing, sử dụng dòng điện 03 pha xoay chiều, 380V, công suất: 3.4 Kw	SETS	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
8	Máy ép tay áo, hiệu Ngai Shing, model: NS-8402P, sử dụng dòng điện 3 pha, 380V, 50Hz, công suất: 4.9 Kw,	Bộ	6	2014	Trung Quốc	Mới 60%
9	Máy ép tay áo, hiệu Ngai Shing, model: NS-8403P, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều, 380V, 50Hz, công suất 3.7Kw	Bộ	9	2014	Trung Quốc	Mới 60%
10	Máy ép vòng nách tự động hiệu PMM, model: PMM-AHWR, sử dụng dòng điện 03	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	pha xoay chiều, 380V, công suất 3.6 Kw					
11	Máy ép vòng nách tự động hiệu PMM, model: PMM-AHWR-VB, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều, 380V	Bộ	10	2014	Trung Quốc	Mới 60%
12	Máy ép thân sau tự động, hiệu PMM, model: PMM-BYWR, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V, công suất: 7.85 KW	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
13	Máy ép sườn, model: PMM-SSWR-VB, hiệu PMM, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều, 380V, công suất: 6.8Kw, áp suất nén: 6kg/cm <sup>2</sup> ,	Bộ	6	2014	Trung Quốc	Mới 60%
14	Máy ép ống tay áo, hiệu PMM, model: PMM-SVWR, sử dụng dòng điện 3 pha 380V, công suất: 7.1 Kw, áp suất nén: 6kg/cm <sup>2</sup>	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
15	Máy cắt vải tự động hiệu Ngai Shing, model: NS-94-1, công suất: 0.25 Kw, độ rộng đường cắt: 1.5- 2.75 inch, sử dụng dòng điện 01 pha, 220V/50Hz	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
16	Máy in nhãn mác hiệu Futaba, model FPM3, tốc độ in 120 chiếc/ phút, chiều dài in tối đa 120mm, chiều rộng in tối đa 60mm, nhiệt độ hoạt động 5-40 độ, mới 100%, sử dụng dòng điện xoay chiều 100V/50Hz	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
17	Máy ép AH MC ( máy ép vòng nách), hiệu Ngai Shing, model: NS-8401P, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V, công suất hoạt động 3.7KW	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

18	Máy ép đồ, hiệu PMM, model: PMM-BYWR, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V, công suất hoạt động 7.85KW	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
19	Máy ép măng séc hiệu PMM, model: PMM-SVWR, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V, công suất hoạt động 7.1KW	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
20	Máy ép SS MC ( máy ép sườn) hiệu PMM, model: PMM-SSWR-VB, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V, công suất hoạt động 6.8KW	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
21	Máy ép cổ áo hiệu PMM, model: PMM-CP-203+205, sử dụng dòng điện 1PH xoay chiều 220V, công suất hoạt động 2.1KW, 1bộ=1chiếc	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
22	.. Máy ép măng séc hiệu PMM, model: PMM-SS-201S, sử dụng dòng điện 1PH xoay chiều 220V, công suất hoạt động 2.1KW, 1 bộ= 1chiếc	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
23	Máy móc phục vụ nhà máy may công. Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000B-MS, sử dụng dòng điện 1pha xoay chiều 220V tốc độ may tối đa 5000RPM, độ dài mũi kim 5mm	Bộ	6	2014	Trung Quốc	Mới 60%
24	Máy đính cúc 1 kim điện tử hiệu Juki, model: LK-1903A-SS. Sử dụng dòng điện 3ph/220V/50Hz. Tốc độ may 2700RPM, độ dài đường đính cúc 0.8-20mm.	Bộ	18	2014	Trung Quốc	Mới 60%
25	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LBH-1790S. Sử dụng dòng điện 3ph/220V/50Hz.Tốc	Bộ	14	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	độ may 4200RPM, độ dài lỗ khuy 41mm					
26	Máy may 2 kim hiệu Pegasus, model: MX5214-M53, sử dụng dòng điện 3ph/220V/50Hz, tốc độ may 5500RPM, độ dài mũi kim 5.5mm, 1bộ=1chiếc	Bộ	9	2014	Trung Quốc	Mới 60%
27	Máy đính cúc hiệu Juki, model: LK-1903, tốc độ may 4200RPM, độ dài đường may 6.4-31.8mm, bao gồm (mô tơ, bàn máy, chân máy, đầu máy).	Bộ	5	2014	Trung Quốc	Mới 60%
28	Máy may 1 kim dao xén hiệu Juki, model: DLM-5200N, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 220V, tốc độ may 4500RPM, độ dài mũi kim 5mm. mới 100%	Bộ	9	2014	Trung Quốc	Mới 60%
29	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000B-MS, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 220V, tốc độ may tối đa 5000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	141	2014	Trung Quốc	Mới 60%
30	Máy may 2 kim DNCS MH380, hiệu Juki, model: MH380, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 220V, tốc độ may 6000RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	14	2014	Trung Quốc	Mới 60%
31	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: LH-3528A, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 220V, tốc độ may tối đa 3000RPM, chiều dài mũi kim 5mm.	Bộ	9	2014	Trung Quốc	Mới 60%
32	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: LH-3528S, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 220V, tốc độ may tối đa	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	3000RPM, chiều dài mũi kim 5mm.					
33	Máy móc phục vụ nhà máy may công nghiệp. Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LBH-781, sử dụng dòng điện 1pha xoay chiều 220V, tốc độ may 3600RPM.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
34	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: MX5205-12, sử dụng dòng điện 3ph/380V/50Hz, tốc độ may 8000RPM, độ dài mũi kim 5.5mm, 1bộ=1chiếc.	Bộ	5	2014	Trung Quốc	Mới 60%
35	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: MX5214M-M03, sử dụng dòng điện 3ph/380V/50Hz, tốc độ may 7500RPM, độ dài mũi kim 5.5mm, 1bộ=1 chiếc.	Bộ	9	2014	Trung Quốc	Mới 60%
36	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: MX5214M-M53, sử dụng dòng điện 3ph/380V/50Hz, tốc độ may 6500RPM, độ dài mũi kim 7mm, 1bộ=1 chiếc.	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
37	Máy đing cút hiệu Juki, model: LK-1903A-SS, sử dụng dòng điện 3ph/220V, tốc độ may 2700RPM, độ dài đường đing cút 0.8-20 mm	Bộ	6	2014	Trung Quốc	Mới 60%
38	Máy đing cút hiệu Juki, model: LK-1903SS, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V, tốc độ may 2700RPM, độ dài đường đing cút 11mm	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
39	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: MH-380, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V, tốc độ may 6000RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	19	2014	Trung Quốc	Mới 60%



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

40	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LK-1900A-SS, sử dụng dòng điện 3ph/220V. Tốc độ vòng may 3000RPM, độ dài mũi kim 0.1-10mm.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
41	Máy vắt sổ 1 kim cơ hiệu Juki, model: LK-1850, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 220V, tốc độ vòng may 2300RPM, độ dài mũi kim 1.5-3mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
42	Máy may 1 kim dao xén hiệu Juki, model: DLM-5200N, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V. Tốc độ vòng may 4500RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
43	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000A-SS, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V. Tốc độ vòng may 5000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	91	2014	Trung Quốc	Mới 60%
44	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000B-MS, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V. Tốc độ vòng may 5000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	15	2014	Trung Quốc	Mới 60%
45	Máy may 1 kim với dao xén hiệu Juki, model: DLM-5200N-7, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V, tốc độ vòng may 4500RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
46	Máy may 1 kim với dao xén tự động hiệu Juki model: DDL-9000SS, sử dụng dòng điện 3ph/220V, công suất 280W, bao gồm : bàn máy, thân máy, chân máy.	Bộ	7	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

47	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LBH-1790S, sử dụng dòng điện 3ph/220V/50Hz, tốc độ may: 4200RPM, độ dài lỗ khuy 41mm.	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
48	Máy ép méch hiệu KANNEGIESSER, model: HKH5.6/7, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 380V, công suất hoạt động 6.3KW.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
49	Máy ép vòng nách tự động hiệu Ngaishing, model: NS-850-30S. sử dụng dòng điện 3pha/380V/50Hz, công suất hoạt động 3.6KW.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
50	Máy cắt vải hiệu ATOM, model: SE-8. Sử dụng dòng điện 3pha/220V/50hz, Công suất hoạt động 0.75KW, độ rộng đường cắt 2-4 inch.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
51	Máy cắt vải hiệu Ngaishing, model: NS-810. Sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, Công suất hoạt động 0.75KW, độ rộng đường cắt 1.5- 3.5 inch.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
52	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: EX5105-12, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, tốc độ vòng may 7000RPM, độ dài mũi kim 5.5mm.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
53	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: EX5114-92M2, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50hz, tốc độ vòng may 7500RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
54	Xe nâng tay thấp hiệu Eoslift, model: DPD15. Chiều cao nâng tối đa 200mm, kích thước 3.35m x 1.1 m x 2.1m.	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

55	Bàn cắt vải dài bằng sắt, kích thước 24m x 1.86m x 0.86m.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
56	Máy ép keo hiệu Ngaishing, model: NS-94, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 380V, công suất hoạt động 2.1KW.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
57	Máy may 1 kim hiệu Ju ki, model: DLM- 5200N, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 220V, tốc độ vòng may tối đa 4500RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	10	2014	Trung Quốc	Mới 60%
58	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000B-MS, sử dụng dòng điện 3 pha 220V, tốc độ vòng may tối đa 5000RPM, độ dài mũi kim 500.	Bộ	31	2014	Trung Quốc	Mới 60%
59	Máy may 1 kim với dao xén tự động hiệu Juki, model: DLM 5200M, sử dụng dòng điện 3 pha 220V, tốc độ vòng may tối đa 5500RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
60	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: LH-3528A, sử dụng dòng điện 3 pha 220V, tốc độ vòng may tối đa 3000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
61	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: MH380, sử dụng dòng điện 3pha 220V, tốc độ may 6000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	21	2014	Trung Quốc	Mới 60%
62	Máy cắt vải hiệu Ngai Shing, model: NS-94-1, công suất: 0.25 Kw, độ rộng đường cắt: 1.5- 2.75 inch, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

63	Máy cắt vải hiệu Ngaishing, model: NS-94, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz. Công suất 0.25Kw, độ rộng đường cắt 1.5-2.5 inch.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
64	Máy đing cùc hiệu Juki, model: LK-1840, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.28kw, tốc độ vòng may 3200RPM, độ dài mũi kim 0.1-10mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
65	Máy đing cùc hiệu Juki, model: LK-1903, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.25kw tốc độ vòng may 4200RPM, độ dài đường đing cùc 6.4-31.8mm	Bộ	6	2014	Trung Quốc	Mới 60%
66	Máy đing cùc hiệu Juki, model: LK-1903A-SS, sử dụng dòng điện 3ph/220V/50Hz, công suất 0.25kw, tốc độ may 2700RPM, độ dài đường đing cùc 0.8-20 mm.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
67	Máy đing cùc hiệu Juki, model: LK-1903SS, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 0.25kw, tốc độ may 2700RPM, độ dài đường đing cùc 11mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
68	Máy may 1 kim dao xén hiệu Juki, model: DLM-5200N, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 0.3kw. Tốc độ vòng may 4500RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
69	Máy may 1 kim móc xích hiệu Kansai, model: DFB-1404 P, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất	Bộ	12	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	0.45kw, tốc độ vòng may 4500RPM, độ dài mũi kim 10mm.					
70	Máy may 1 kim Pegasus, model: CW664-01HB, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.4 kw, tốc độ vòng may 6000RPM, độ dài mũi kim 4.5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
71	Máy may 1 kim với dao xén tự động hiệu Juki, model: DDL-9000SS, sử dụng dòng điện 3ph/220V/50hz, công suất 0.28kw, bao gồm : bàn máy, thân máy, chân máy.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
72	Máy may 1kim hiệu Juki, model: DDL-9000A-SS, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz. Công suất 0.4kw. Tốc độ vòng may 5000RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
73	Máy may 1kim hiệu Juki, model: DDL-9000B-MS, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.4kw. Tốc độ vòng may 5000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
74	Máy may 2 kim DNCS MH380, model: MH380, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.5kw, tốc độ may 6000RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	17	2014	Trung Quốc	Mới 60%
75	Máy quần sùon 2 kim hiệu Juki, Model MS-1190, tốc độ may 4000RPM, độ dài mũi kim 1,2mm đến 3,2 mm, cự li kim 3,2 mm, sử dụng dòng điện 03pha/380V/50 Hz, công suất	Bộ	20	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	0.5kw.					
76	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LH 3528A, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.25kw, tốc độ vòng may 3000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
77	Máy vắt sổ hiệu Juki, model: MO-6104D, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.55kw, tốc độ vòng may 6000RPM, chiều dài mũi tối đa 0.8-4mm.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
78	Máy vắt sổ hiệu Juki, model: MO-6716D, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.55kw, tốc độ vòng may 6000RPM, chiều dài mũi tối đa 6mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
79	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: MX5214M-M03, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 0.55kw. Tốc độ may 7500RPM, độ dài mũi kim 5.5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
80	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LBH-1790S, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50hz, công suất 0.25kw, tốc độ vòng may 4200RPM, độ dài mũi kim 41mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
81	Máy đính cúc hiệu Juki, model: LK-1903A-SS, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 250W, tốc độ may 2700RPM, độ dài đường đính cúc 0.8-20 mm.	Bộ	7	2014	Trung Quốc	Mới 60%
82	Máy may 1 kim hiệu JUKI,	Bộ	1	2014	Trung	Mới



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	model: DDL 4000B MS, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 500W. Tốc độ vòng may 4500RPM, độ dài mũi kim 4mm.				Quốc	60%
83	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: MB-1377, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất 400W, tốc độ vòng may 4500RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
84	Máy may 1 kim hiệu PEGASUS, model: CW-664-01HB, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 450W. Tốc độ vòng may 5500 RPM, độ dài mũi kim 4.5 mm.	Bộ	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
85	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000A-SS, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất hoạt động 450W, tốc độ vòng may 5000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
86	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: LH-3528A, sử dụng dòng điện 3pha/ 220V/50Hz, công suất 500W, tốc độ may tối đa 3000RPM, chiều dài mũi kim 5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
87	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: LH-3528S, sử dụng dòng điện 3pha/220V/ 50Hz, công suất 500W, tốc độ may tối đa 3000RPM, chiều dài mũi kim 5mm.	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
88	Máy may 2 kim hiệu Juki, model: MH380, model: MH380, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất	Bộ	7	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	500W, tốc độ may 6000RPM, độ dài mũi kim 4mm.					
89	Máy quần sùan hiệu PEGASUS, model: WT664P-01GB, sử dụng dòng điện 3pha/220V/501Hz, công suất 500W, tốc độ vòng may 5500RPM, độ dài mũi kim 4.5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
90	Máy quần sùan hiệu PEGASUS, model: WT664P-ORGB, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz, công suất hoạt động 400W, tốc độ vòng may 5500RPM, độ dài mũi kim 4.5mm.	Bộ	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
91	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LBH-1790S, sử dụng dòng điện 3ph/220V/50Hz, công suất 250W, tốc độ may: 4200RPM, độ dài lỗ khuy 41mm.	Bộ	4	2014	Trung Quốc	Mới 60%
92	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, model: MX5214M-M03, sử dụng dòng điện 3ph/380V/50Hz, công suất 450W, tốc độ may 8000RPM, độ dài mũi kim 5mm.	Bộ	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
93	Máy quần sùan hiệu SAHL, model: CM927-PL, sử dụng dòng điện 3 pha /220V/50Hz, công suất 500W. Tốc độ vòng may 3500RPM.	Bộ	7	2014	Trung Quốc	Mới 60%
94	Máy ép túi OSHIMA model: OP-450GS. Sử dụng dòng điện 1 pha 220V, công suất 3600W, thời gian ép 5-34s.	Bộ	4	2015	Trung Quốc	Mới 70%
95	Máy may Kansai model: MX5205-12/223-4. Sử dụng dòng điện 3 pha 220V công	Bộ	6	2015	Trung Quốc	Mới 70%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	suất 300W, tốc độ may tối đa 8000 RPM, độ dài mũi kim 5.5mm.					
96	Máy vắt sổ model: M952-52H-2X4. Sử dụng dòng điện 3 pha 220V, công suất 250W, tốc độ may tối đa 6000RPM, độ dài mũi kim 4.5mm.	Bộ	26	2015	Trung Quốc	Mới 70%
97	Máy sấy quần áo công nghiệp hiệu Jiemei, model: GZP-80, (gồm : Mô tơ, thân máy, bộ trao đổi nhiệt) sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất sấy: 135kg/ lần.	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
98	Máy sấy quần áo công nghiệp hiệu Yangjia, model: TD-100, (gồm: Mô tơ, thân máy, bộ trao đổi nhiệt) sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất sấy: 136kg/ lần.	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
99	Máy sấy quần áo công nghiệp hiệu Yangjia, model: TD-200, (gồm: Mô tơ, thân máy, bộ trao đổi nhiệt) sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất sấy: 136kg/ lần.	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
100	Máy giặt công nghiệp hiệu Honda, Model: XGQ-100F, sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất mô tơ 7.5Kw, công suất giặt 4500LBS.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
101	Bộ phận của máy sấy khí, thiết bị trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ hiệu Ngaishing, model; AC-IS-2, công suất hoạt động 1.1Kw, sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
102	Máy sấy hiệu Ngaishing, model: NS-2800-300-S, sử	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	dụng dòng điện 3PH/380V/50Hz, công suất hoạt động 2Kw, công suất sấy 135kg/lần sấy.					
103	Máy sang dầu cổ hiệu Ngaishing, model: NS-95, hoạt động bằng hơi, áp suất nén khí 5kgf/cm <sup>2</sup> , lưu lượng khí nén 10l/phút.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
104	Máy cắt vải hiệu Ngaishing, Model: NS-1132-72, công suất hoạt động 2.5Kw, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50HZ, độ rộng đường cắt tối thiểu 72inch.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
105	Máy cắt vải tự động hiệu He- Yin, model: HY-HC2311LM, Công suất hoạt động 0.75Kw, sử dụng dòng điện 3PH/380V, tần số 50Hz-60Hz, độ rộng đường cắt 2,2m.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
106	Máy trải vải tự động hiệu He- Yin, model; SM-IIA, Công suất trải 0.5Kw, Tốc độ trải 80m vải/phút, sử dụng dòng điện 3Ph/380V, tần số 50Hz- 60Hz.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
107	Máy sang dầu cổ hiệu Ngaishing, model: NS-91, sử dụng dòng điện 1Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 0.1Kw.	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
108	Máy cắt vải hiệu Ngaishing, Model: NS-1132-90, công suất hoạt động 2.5Kw, sử dụng dòng điện 1PH/220V/50HZ, độ rộng đường cắt tối thiểu 90inch.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
109	Máy quần vải theo đường chéo hiệu Ngaishing, Model: NS-	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	1121-90, sử dụng dòng điện 1Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 1.3Kw, độ rộng quần tối đa 2.3m, tốc độ quần 0-90yard/phút.					
110	Máy giặt công nghiệp hiệu PMM, Model: WHX-100, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50Hz, công suất hoạt động 7.5Kw, tốc độ giặt 42RPM.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
111	Máy vắt công nghiệp hiệu PMM, Model: WE100, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50HZ, công suất hoạt động 5.5Kw, tốc độ vắt 1000RPM.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
112	Máy thêu điện tử 9kim, 20 đầu thêu hiệu Tajima, Model: TFSN-920, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50HZ, công suất 1.3Kw, Tốc độ thêu tối đa 1000RPM, ( phụ tùng cùng khung thêu tiêu chuẩn đồng bộ).	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
113	Máy may 1 kim với dao xén tự động hiệu Juki, Model: DDL-9000BMS, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50HZ, công suất 4.5KW, tốc độ vòng may tối đa 5000RPM, độ dài mũi kim tối đa 4mm.	Bộ	55	2015	Trung Quốc	Mới 70%
114	Máy cắt tay hiệu Ngaishing, model: NS-69, công suất hoạt động 1Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 0.13Kw, tốc độ cắt 12000RPM.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
115	Cầu là hiệu Ngaishing, model: NS-3502. sử dụng dòng điện 3Ph/380V/ 50Hz, công suất	Bộ	8	2015	Trung Quốc	Mới 70%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	hoạt động 1.35Kw, công suất tỏa hơi 0.6Kw.					
116	Máy sang dầu cổ hiệu Ngaishing, model: NS-91, sử dụng dòng điện 1Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 0.1Kw.	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
117	Máy in nhiệt dùng để in mã vạch ( không màu ) Hiệu Avery Dennision, Model: Snap-700, Sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, Tốc độ in 7ips, Độ phân giải 305dpi.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
118	Máy cắt viên hiệu Lee Wai, Model: CW210 (900), sử dụng dòng điện 1Ph/220V/50Hz, Công suất hoạt động 1.5Kw, tốc độ cắt 0-19.6m/s.	Bộ	2	2015	Trung Quốc	Mới 70%
119	Máy ép mềch hiệu Oshima, Model: OP-450GS, sử dụng dòng điện 1Ph/220V, công suất hoạt động 3.6Kw, thời gian duy trì nhiệt 5-34s, nhiệt độ cao nhất đạt 230 độ C, 440 độ F.	Bộ	4	2015	Trung Quốc	Mới 70%
120	Máy vắt sổ 4 chỉ hiệu pegasus, Model: M952-52H-2X4, Sử dụng dòng điện 3ph/220v/50Hz, công suất hoạt động 250W, Tốc độ may tối đa 6000RPM, độ dài mũi kim 5.5mm.	Bộ	49	2015	Trung Quốc	Mới 70%
121	Máy vắt sổ EX5114-92M2, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 300W, Tốc độ may tối đa 8000RPM, độ dài mũi kim 3.8mm.	Bộ	3	2015	Trung Quốc	Mới 70%
122	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, Model: MX5205-12/223-4, sử	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	dụng dòng điện 3ph/220v/50Hz, Công suất hoạt động 300W, tốc độ máy tối đa 8000RPM.					
123	Máy chém bo cổ hiệu PMM, Model: PMM- J10, Sử dụng dòng điện 1Ph/220V, Tần số 50Hz-60Hz, Công suất hoạt động 0.35Kw, Áp suất nén khí 6kg/cm2.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
124	Máy cắt vải hiệu Ngaishing, Model: NS-1132-90, Sử dụng dòng điện 1Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 2.5Kw, sử dụng dòng điện 1Ph/ 220V/50Hz, độ rộng đường cắt tối thiểu 90inch.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
125	Máy quần vải theo đường chéo hiệu Ngaishing, Model: NS- 1121-90, sử dụng dòng điện 1Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 1.3Kw, độ rộng quần tối đa 2.3m, tốc độ quần 0-90yds/phút.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
126	Máy vắt sổ EX5114-92M2, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 300W, Tốc độ may tối đa 8000RPM, độ dài mũi kim 3.8mm.	Bộ	6	2016	Trung Quốc	Mới 80%
127	Hệ thống móc treo quần áo hiệu EURA TEX, Model E3000, sử dụng dòng điện 3ph/380V/50Hz, công suất 3000W, (bao gồm: mô tơ, bộ nâng, xích, hệ thống cánh tay trái, cánh tay phải máy)	Chiếc	192	2016	Trung Quốc	Mới 80%
128	Cầu là hiệu Oshima, model: OP-450GS.	Bộ	6	2016	Trung Quốc	Mới 80%
129	Máy giặt công nghiệp hiệu	Chiếc	1	2016	Trung	Mới

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	GMC, Model: GFK-G2, sử dụng dòng điện 3Ph/400V/50Hz, công suất mô tơ 10Kw, công suất giặt 100kg				Quốc	80%
130	Máy thử cúc nhãn hiệu SAFEGUARD, Model: GAP, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
131	Máy thêu điện tử 9kim, 20 đầu thêu hiệu Tajima, Model: TFSN-920, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50HZ, công suất 1.3Kw, Tốc độ thêu tối đa 1000RPM, ( phụ tùng cùng khung thêu tiêu chuẩn đồng bộ).	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
132	Máy may 1 kim vi tính, hiệu Keki, model: MJ-A02, sử dụng dòng điện 3pha/220V/, tần số 50-60Hz, công suất 1Kw, Tốc độ vòng may tối đa 3600RPM, thời gian may 3-8 giây/ chiếc.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
133	Máy in giác sơ đồ với đầu đọc cảm ứng hiệu Richpeace, Model: RP-MJ/4 220, công suất hoạt động 2,4Kw, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, tốc độ in 72m2/giờ, chiều rộng giấy in tối đa 2250mm.	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
134	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, Model: MX-5205-12/223-4, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 300W, tốc độ may 8000RPM, độ dài mũi kim tối đa 5mm.	Bộ	6	2015	Trung Quốc	Mới 70%
135	Máy dò kim hiệu Hashima, Model: HN-2870C-120, sử dụng dòng điện 1PH/220/50HZ, công suất hoạt động 140W, độ rộng dò tối đa 600mm, độ dày	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	dò tối đa 120mm, tốc độ dò 400m/phút.					
136	Đầu in của máy in mã vạch Avery Dennison Snap 700, độ phân giải 300dpi.	Chiếc	2	2016	Nhật Bản	Mới 80%
137	Máy vắt sổ EX5114-92M2, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 300W, Tốc độ may tối đa 8000RPM, độ dài mũi kim 3.8mm.	Bộ	3	2016	Trung Quốc	Mới 80%
138	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, Model: MX-5205-12, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 350W. Tốc độ may tối đa 8000RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	11	2016	Trung Quốc	Mới 80%
139	Máy vắt sổ hiệu Pegasus, Model: MX-5205-12, sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, công suất hoạt động 350W. Tốc độ may tối đa 8000RPM, độ dài mũi kim 4mm.	Bộ	4	2016	Trung Quốc	Mới 80%
140	Bộ phận của máy sấy khí, thiết bị trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ hiệu Ngaishing, model; AC-IS-2, công suất hoạt động 1.1Kw, sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
141	Máy may 1 kim vi tính, hiệu Keki, model: MJ-A02, sử dụng dòng điện 3pha/220V/, tần số 50-60Hz, công suất 1Kw, Tốc độ vòng may tối đa 3600RPM, thời gian may 3-8 giây/ chiếc.	Bộ	3	2016	Trung Quốc	Mới 80%
142	Máy kiểm tra màu vải, Model: 571B, vòng quay 60 lần/phút, số lần lặp lại: 10 lần, công suất 40W, điện áp 220V, 50HZ.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

143	Máy là hơi tự động Veit model: 84410, công suất 70-100pc/1h, dòng điện 20-240V/0.92KW, 50-60HZ.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
144	Máy may viên bán tự động nhãn hiệu Yamato, model: EZH-B-VG3721-156S1-8F/UTQ/Y/RH10, sử dụng dòng điện 3 pha xoay chiều 380V.	Bộ	1	2016	Nhật	Mới 80%
146	Máy tổ vãi hiệu ROPPONGI RP-128S Speed, dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 0.4-0.7KW/h.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
147	Máy may 1 kim hiệu BROTHER, model: BAS-311HN-03S, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 400W. Tốc độ vòng may 2.800mũi/1phut, độ dài mũi kim 4.2mm.	Bộ	6	2016	Trung Quốc	Mới 80%
148	Máy in giác sơ đồ với đầu đọc cảm ứng hiệu Richpeace, Model: RGP-MJ/4-220, công nghệ in phun. Sử dụng dòng điện 3Ph/220V/50Hz, tốc độ in 72m2/giờ, chiều rộng giấy in tối đa 2250mm.	Bộ	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
149	Thước cặp phụ kiện của máy in, chiều dài: 2700mm, trọng lượng 13kg.	Chiếc	1	2016	Trung Quốc	Mới 80%
150	Tủ phân phối điện 1-5AP, nhãn hiệu JIANYE, điện áp 380V-250A, (2200x800x1000)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
151	Tủ phân phối điện E-01, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-2000A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
152	Tủ phân phối điện PDB-01.02.03.08.09.10, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A,	Chiếc	6	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	(1000x800x300)mm					
153	Tủ phân phối điện PDB-04, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (1000x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
154	Tủ phân phối điện PDB-05, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (1000x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
155	Tủ phân phối điện PDB-06, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
156	Tủ phân phối điện PDB-07, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
157	Tủ phân phối điện PDB-11, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
158	Tủ phân phối điện PDB-12, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
159	Tủ phân phối điện PDB-13, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
160	Tủ phân phối điện PDB-14, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
161	Tủ phân phối điện 1-4AP nhãn hiệu JIANYE, điện áp 380V- 250A, (2200x800x1000)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
162	Tủ phân phối điện PDB-15, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A,	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	(1200x800x300)mm					
163	Tủ phân phối điện PDB-01, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-125A, (1000x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
164	Tủ phân phối điện PDB-02, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-63A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
165	Tủ phân phối điện PDB-03 nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (1250x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
166	24#& Tủ phân phối điện PDB-04 nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-63A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
167	Tủ phân phối điện E-06, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-1000A, (2200x1000x500)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
168	Tủ phân phối điện PDB-01.02.03, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1200x800x300)mm	Chiếc	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
169	Tủ phân phối điện PDB-04, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
170	Tủ phân phối điện PDB-05, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
171	Tủ phân phối điện PDB-06, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
172	Tủ phân phối điện 1-3AP, nhãn hiệu JIANYE, điện áp 380V-250A, (2200x800x1000)mm	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

173	Tủ phân phối điện, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
174	Tủ phân phối điện PDB-08, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
175	Tủ phân phối điện E-07, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-1000A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
176	Tủ phân phối điện PDB-01.02.03, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1200x800x300)mm	Chiếc	3	2014	Trung Quốc	Mới 60%
177	Tủ phân phối điện PDB-04, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1200x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
178	Tủ phân phối điện PDB-05, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1000x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
179	Tủ phân phối điện PDB-06, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
180	Tủ phân phối điện PDB-07, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (1000x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
181	Tủ phân phối điện PDB-08, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-100A, (900x800x300)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
182	Tủ phân phối điện 1-2AP, nhãn hiệu JIANYE, điện áp 380V-250A, (2200x600x1000)mm	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
183	Tủ phân phối điện 2-4AP, nhãn	Chiếc	1	2014	Trung	Mới



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	hiệu JIANYE, điện áp 380V-250A, (2200x600x1000)mm				Quốc	60%
184	Tủ phân phối điện 2-5AP, nhãn hiệu JIANYE, điện áp 380V-250A, (2200x600x1000)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
185	Tủ phân phối điện 2-6AP, nhãn hiệu JIANYE, điện áp 380V-250A, (550x450x200)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
186	Tủ phân phối điện, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-125A, (1200x700x300)mm.	Chiếc	8	2014	Trung Quốc	Mới 60%
187	9#& Tủ phân phối điện XL, nhãn hiệu ZHEKAI, điện áp 380V-250A, (2200x1700x1000)mm	Chiếc	1	2014	Trung Quốc	Mới 60%
188	Máy bơm nước đặt chìm Model 100WQ110-15-7.5	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
189	Máy bơm nước đặt chìm Model 100WQ80-20-7.5	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
190	Máy bơm nước đặt chìm Model 80WQ65-15-5.5	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
191	Nồi hơi hiệu MIURA, model EZ-800K, công suất 800kg/h, hoạt động bằng điện 380V/50Hz/3PH.	Bộ	2	2014	Hàn Quốc	Mới 60%
192	Máy bơm hóa chất hiệu MIURA, model CPI- 30L, công suất 30ml/phút, hoạt động bằng điện.	Bộ	2	2014	Hàn Quốc	Mới 60%
193	Máy lọc nước mềm hiệu MIURA, model MS- 40, công suất 2.4m3/h, hoạt động bằng điện.	Bộ	2	2014	Hàn Quốc	Mới 60%
194	FR075AP#& Máy sấy khí FR075AP, công suất 2.1Kw, công suất làm việc 7-10kg/cm2, lưu lượng khí nén 11.1m3/phút, sử dụng dòng	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	điện 03 pha,380V, 50HZ.					
195	SA55A#&Máy nén khí SA55A, công suất 55 KW, điện áp 380V, áp lực làm việc 8kg/cm2, lưu lượng 10.2m3/phút, sử dụng dòng điện 3 pha,380V,50Hz.	Chiếc	2	2014	Trung Quốc	Mới 60%
196	BCK5000L#&Bình chứa khí 5000L (bằng thép), áp suất làm việc: 7-9kg/cm2, dung tích 5000L, (phi 1455*3340.)	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
197	Thanh công tắc báo mức dầu bằng inox, dài 750cm	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
198	Ống khói bằng inox dùng cho đường ống nổi hơi (dài 21m, đường kính 40cm)	Chiếc	2	2014	Việt Nam	Mới 60%
199	Bình góp hơi bằng thép (dài 2,2m đường kính 30cm), hai đầu bọc bảo ôn bằng bông, bên ngoài bọc tôn inox	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
200	Bồn dầu chính bằng thép (4000L) bao gồm họng nạp dầu chuyên dụng, kính báo mức dầu, van xả cạn, cao 1,5m x dài 2m x rộng 1,5m	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
201	Bồn dầu phụ bằng thép (600L) bao gồm kính báo mức dầu, cao 2,2m x dài 75cm x rộng 75cm	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
202	Bồn nước hồi bằng inox (2000L), đường kính 1,2m x cao 2,4m	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
203	Bơm dầu trung gian lưu lượng 15 lít/phút, công suất 450W	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
204	Tủ điện cho nồi hơi bằng thép, dài 80cm x rộng 60cm x sâu 40cm,dòng điện 3 pha xoay chiều, 380V.	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

205	Xe nâng điện reach truck hiệu Toyota, model: 7FBR13, số khung 7FBR13-50850, tải trọng 1300kg, chiều cao nâng tối đa: 4000mm, trọng lượng thiết bị: 1790 kg, công suất: 6,5KW (HP)/vòng/phút.	Chiếc	1	2014	Nhật Bản	Mới 60%
206	Đầu ghi hình kỹ thuật số 32 kênh, Độ phân giải xuất hình HDMI: 1920 x 1080i. Model ESC 6332.	Chiếc	2	2014	Việt Nam	Mới 60%
207	Camera ghi hình ảnh quan sát ban ngày, Chip 1/3" Sony CCD, độ phân giải 700 TV lines, tiêu cự ống kính: F1.6-F32, ống kính Zoom 30X, Model ICAM 1610IQ.	Chiếc	7	2014	MALY SIA	Mới 60%
208	Tổng đài điện thoại KX-TDA 100DBP ( 08 trung kế- 24 máy nhánh). Model KX-TDA100DBP. Hiệu Panasonic.	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
209	Thiết bị nối cổng WGSW 28040-28 port 10/100/1000Mbps Switch.	Chiếc	1	2014	Đài Loan	Mới 60%
210	Card mở rộng 24 máy lẻ thường có hiển thị số, dùng cho tổng đài panasonic KX-TDA100DBP. Model KX-TDA0188, hiệu Panasonic.	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
211	Card mở rộng 24 máy lẻ thường có hiển thị số, dùng cho tổng đài Panasonic KX-TDA100DBP. Model KX-TDA0190, hiệu Panasonic.	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
212	Kệ sàn 02 tầng bằng sắt dùng để đựng nguyên vật liệu, kích thước (6600mm x 22790mm x 1168000mm).	Chiếc	1	2014	Việt Nam	Mới 60%
213	Máy cắt vải hiệu ESTMAN, sử dụng dòng điện 3 pha / 220V,	Bộ	1	2014	Trung	Mới

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	công suất hoạt động 550W.				Quốc	60%
214	Bàn cắt (Khung bàn bằng thép CT3 sơn tĩnh điện màu ghi sáng, mặt bàn MDF 25mm phủ màu nâu, sàn dưới bằng gỗ ván Okal, KT: dài 9600mm x rộng 2300mm x cao 825mm).	Chiếc	3	2015	Việt Nam	Mới 70%
215	Máy in mã vạch không màu hiệu Monarch, model: 9855, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50Hz. Độ phân giải 300dpi, tốc độ in tối đa 12ips. Bộ nhớ 16MB SDRAM, Độ dài cuộn mực:600m.	Bộ	1	2015	Việt Nam	Mới 70%
216	Đầu in của máy in mã vạch Monarch 9855, độ phân giải 300dpi.	Bộ	1	2015	Việt Nam	Mới 70%
217	Máy bơm nước li tâm tăng áp EBARA, công suất : 750W-220V, tần số 50Hz, lưu lượng 90-110l/phút, áp suất việc : 2.5kh/cm2, đường kính cửa hút 32mm.	Chiếc	1	2015	Việt Nam	Mới 70%
218	Van bypass bình xử lý nước mềm, loại van bi bằng nhựa, đường kính 25mm	Chiếc	1	2015	Hàn Quốc	Mới 70%
219	Bơm ly tâm trục đứng (bơm nước) CR1-21 A-A-A-E-HQQE, PN: 96516192, 1.1kw/3x220-240 D/380-415Y.	Chiếc	1	2015	singapore	Mới 70%
220	Máy đọc mã vạch MC2180, kèm bút, dây đeo, cáp, nguồn. Hàng mới 100%	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
221	Máy in mã vạch Monarch Model: M-9855, Tốc độ in: 254mm/sec (300dpi); 300mm/sec (203 dpi), In truyền nhiệt trực tiếp hoặc gián tiếp.	Chiếc	1	2015	Việt Nam	Mới 70%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

222	Amply A-1360 MK2	Chiếc	1	2015	Việt Nam	Mới 70%
223	Máy tính xách tay Dell Vos 3459 NPN 3M1 /I5 6200 U/4G/500G/2G-R5M315, Hàng mới 100%	Chiếc	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
224	Thiết bị trợ giúp kỹ thuật số MC4597 (Máy đọc mã vạch)	Bộ	1	2015	Trung Quốc	Mới 70%
225	Xe nâng điện. model: CPD15, hiệu: HELI, sức nâng 1,5 tấn, dùng động cơ điện.	Chiếc	1	2017	Trung Quốc	Mới 80%
226	Xe nâng điện. model: CPD15, hiệu: HELI, sức nâng 1,5 tấn, dùng động cơ điện,	Chiếc	1	2017	Trung Quốc	Mới 80%
227	Máy đo độ ẩm vải TEMI hãng KPM (bao gồm 01 cái Thân máy TEMI, 01 cái Dây cáp 200, 01 cái Hộp bảo vệ đầu dò 204 và 01 cái Đầu dò bề mặt 213), (BỘ=CAI)	Bộ	1	2018	Đức	Mới 80%
228	Máy nén khí piston kiểu TA-100; lưu lượng: 1.46m <sup>3</sup> /phút; công suất: 10HP,7.5KW; áp lực làm việc 8kg/cm <sup>2</sup> G; điện áp: 380V,50HZ; số đầu nén 3 đầu; kích thước: 485*1760mm, trọng lượng: 340kg	Chiếc	1	2018	Trung Quốc	
229	Vỏ rỗng Container 40GP cũ đã qua sử dụng, số TTNU4363907 , dùng để làm kho chứa đồ( kích thước : 11.7 x 2.5 x 2.6 M, trọng lượng 3.740 KGS )	Chiếc	1	2018	Việt Nam	
230	Vỏ rỗng Container 40HC cũ đã qua sử dụng, số GMTU7029588 , dùng để làm kho chứa đồ( kích thước : 11.7	Chiếc	1	2018	Việt Nam	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	x 2.5 x 2.9 M, trọng lượng 3.890 KGS )					
231	Điều Hòa 2 chiều Nagakawa NP-C100DL-01, Năng suất làm lạnh 100,000Btu/h, Sưởi ấm 110,000 Btu/h, Công suất điện tiêu thụ Làm lạnh 10,160 W, Dải điện áp làm việc 345~415/3/50 V/P/Hz,	Bộ	1	2018	Nhật Bản	
232	Điều Hòa Gree ( E3NNC2A ) GWC24QE-01 (ĐH 1 chiều, công suất 24.000 Btu, 2.130W	Bộ	1	2018	Trung Quốc	
233	Hệ thống băng tải áo treo tự động (chuyên treo) Model: CS6V-S168-300-225/SCS/HID Thuộc HĐ số :19072019SSK-SK2. Bao gồm 3 chuyên, 87 trạm, hàng đã qua sử dụng.	Bộ	87	2019	Singapore	
234	Máy đọc mã vạch Model: DT-970, CPU: 32-Bit, bộ nhớ 8MG, màn hình 5.8cm (2.3inch), chạy bằng pin AA-size, và phụ kiện đi kèm.	Bộ	1	2018	Việt Nam	
235	Tủ so màu vải nhãn hiệu X-rite Panton, model Judge QC, kích thước 54.5 x 68.5 x 53.5 cm, trọng lượng: 27 kg, tủ được làm từ thép với 5 nguồn sáng (D65,CWF,TL84, A, UV), điện áp AC 230V 50/60Hz.	Chiếc	1	2019	Hồng Kông	Mới 80%
236	Máy khâu điện tử 9kim, 20 đầu khâu hiệu Tajima, Model: TFSN-920, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50HZ, công suất 1.3Kw, Tốc độ khâu tối đa 1000RPM, (phụ tùng cùng	Bộ	2	2017	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	khung thêu tiêu chuẩn đồng bộ)					
237	Máy trải vải tự động hiệu Bullmer, model; KW2000S-230, Công suất trải 1Kw, Tốc độ trải 94m vải/phút, khổ vải tối đa 230cm , thích hợp với bàn trải có độ rộng 2.53m,	Bộ	1	2018	Trung Quốc	
238	Máy trải vải tự động hiệu Bullmer,model; KW2000S-220, Công suất trải 1Kw,Tốc độ trải 94m vải/phút, khổ vải tối đa 220cm, thích hợp với bàn trải có độ rộng 2.43m,cân nặng cây vải tối đa 60kg.	Bộ	1	2018	Trung Quốc	
239	Máy cắt viền áo tự động hiệu Ngai Shing model: NS-92L, dùng để cắt bo áo,viền áo. Kích thước máy 920x590x1300 mm. Trọng lượng 230Kg, công suất: 0.25kw,sử dụng dòng điện 01 pha 220V/50Hz.	Bộ	1	2019	Trung Quốc	
240	Máy may 1 kim hiệu BROTHER, model: BAS-311HN-03A, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 550W. Tốc độ vòng may 2.800mũi/1phut, độ dài mũi kim 4.2mm.	Bộ	5	2018	Trung Quốc	
241	Máy may 1 kim hiệu BROTHER, model: BAS-326H-03A, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 400W. Tốc độ vòng may 2.800mũi/1phut, độ dài mũi	Bộ	2	2018	Trung Quốc	



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	kim 4.2mm.				
242	Máy thừa khuy hiệu BROTHER, model: HE-800B-3, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50hz, công suất 0.25kw, tốc độ vòng may 4200RPM, độ dài mũi kim 41mm.	Bộ	2	2018	Trung Quốc
243	Máy tỏ vải Model: JN-787SRK-EDS kích thước 2.13m, dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 0.4-0.7KW/h,	Chiếc	1	2018	Trung Quốc
244	Máy thừa khuy hiệu BROTHER, model: BAS-342H-05A, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50hz, công suất 550W, tốc độ vòng may 2800 mũi/phút, độ dài mũi kim 0.05-12.7mm,	Bộ	2	2018	Trung Quốc
245	Máy thừa khuy hiệu BROTHER, model: HE-800B-3, sử dụng dòng điện 3pha/220V/50hz, công suất 0.25kw, tốc độ vòng may 4200RPM, độ dài mũi kim 41mm.	Bộ	1	2018	Trung Quốc
246	Máy vắt vải công nghiệp nhãn hiệu TAIZHOU, model: SS754-1200, công suất tối đa: 220kg, đường kính lồng giặt:1200mm, máy sử dụng công suất động cơ: 7.5KW, kích thước: 2100*2100*1200mm	Chiếc	1	2018	Trung Quốc
247	Máy may tự động Model:	Chiếc	1	2018	Trung

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	T912-SM kích thước: 2100x1210x1250mm, công suất 700W, tốc độ: 40.000 mũi, trọng lượng 550kg, dòng điện: 50/60HZ 110/120				Quốc	
248	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: LK-1900BNBS000/MC672KNN, tốc độ mũi kim tối đa 3200 mũi/phút, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 250V, công suất 450W, cân nặng 42kg.	Chiếc	3	2018	Singapore	
249	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: LK-1903BNBS301/MC672KNN, tốc độ mũi kim tối đa 2700 mũi/phút, sử dụng dòng điện 3pha xoay chiều 250V, công suất 450W, cân nặng 42kg.	Chiếc	4	2018	Singapore	
250	Máy trần đề hiệu Pegasus, model: W662PVH-01GX356BS/UT2E, loại mũi 2 kim 5 chỉ, chiều dài mũi : 1~4.4mm, độ nâng chân vịt tối đa: 6.2mm, tốc độ may tối đa 5500 mũi/ phút	Bộ	11	2018	Hồng Kông	
251	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ hiệu Pegasus, model: M952-52H-2X4, sử dụng dòng điện 3ph/380V/50Hz, công suất 550W, tốc độ may tối đa 5000 mũi/ phút, độ dài mũi kim 3.8mm	Bộ	26	2018	Hồng Kông	
252	Máy thừa khuy hiệu BROTHER, model: HE-800B-3, sử dụng dòng điện 3pha/220V/380V/400V, công	Bộ	4	2018	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	suất 0.25kw, tốc độ vòng may 4000 mũi/phút,và các phụ kiện đi kèm: màn điều khiển, bàn,chân bàn.				
253	Máy ép mềch hiệu Oshima, Model: OP-450GS, sử dụng dòng điện 1Ph/220V, công suất hoạt động 3.6Kw, thời gian duy trì nhiệt 5-34s, nhiệt độ cao nhất đạt 200 độ C,kích thước 1700x910x360 mm,	Bộ	3	2018	Hồng Kông
254	Máy may lập trình hiệu BROTHER, model: BAS-326H-03A, sử dụng dòng điện 3 pha/220V/50Hz, công suất 550W. Tốc độ vòng may tối đa 2.200mũi/1phut, độ dài mũi kim 0.05-12.7mm.	Bộ	4	2018	Trung Quốc
255	Máy cắt viền áo model: PMM-J10 dùng để cắt bo áo, viền áo. Kích thước 107x76x123cm. Trọng lượng 90Kg, Công suất 300W, điện áp 220V.	Bộ	1	2019	Trung Quốc
256	Máy in thẻ bài nhãn hiệu Avery Dennison, model ADTP1, kích thước 131*292*546mm, trọng lượng:14.5kg, tốc độ in 64 mm/s-305 mm/s, bộ nhớ: SDRAM: 64MB Flash: 32MB,độ phân giải: 300 DPI	Bộ	1	2019	Hồng Kông
257	Máy đính bọ hiệu Juki, model LN-1900BN-SS, tốc độ may tối đa: 3200 mũi/ phút, chiều dài mũi 0.1~10mm, diện tích may:30*40mm, công suất 400W, 250VA, và các phụ kiện	Chiếc	6	2019	SNGA POR

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	đi kèm: bàn, giá đỡ,...					
258	Máy kansai đầu nhỏ hiệu Shingling, model VG-888S-356/EWT, loại mũi 3 kim 5 chỉ, khoảng cách giữa 2 mũi kim 5.6mm, độ nâng chân vịt tối đa 6mm, tốc độ may tối đa 4000 mũi/ phút	Bộ	4	2019	Trung Quốc	
259	Bộ cắt viên, linh kiện máy may PEGASUS model W3662P-01GX356BS	Bộ	4	2019	Đài Loan	
260	Máy may viền đầu bằng 3 kim hiệu Pegasus, model W562PV-02GX356BS, khoảng cách giữa 3 kim lần lượt: 4.8:5.6:6.4 mm, tốc độ may tối đa 6000 mũi/phút, độ rộng chân vịt tối đa 7.4mm	Bộ	4	2019	Việt Nam	
261	Máy may viền đầu túm hiệu Pegasus, model W3662P--01GX356BS, loại 3 kim 5 chỉ, tốc độ tối đa 6000 mũi/phút, Độ dài mũi may: 1 ~ 4.4 mm, cự ly chuẩn: 5.6 mm ( 3.2 ~ 6.4mm) và các phụ kiện đi kèm,	Bộ	21	2019	Việt Nam	
262	Máy vắt sổ 3 chỉ hiệu Pegasus, Model: MX5205-12/223-4/EH010/KS0C/Y3111, tốc độ may tối đa 8000 mũi/phút, độ dài mũi kim 0.6-5mm, bờ rộng vắt sổ 1.5-6mm, độ rộng chân vịt tối đa: 7mm	Bộ	8	2019	Trung Quốc	
263	Máy may 12 kim 36 chỉ hiệu Siruba, model VC008-13032P, độ dài mũi kim 3.5-4 inch,	Bộ	2	2019	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	khoảng cách giữa 2 kim 3.2mm, tốc độ may tối đa 4500 vòng/ phút, sử dụng kim may: DV-K25(#18,21).					
264	Máy trần đê hiệu YAMATO, model VT-1500L-156L-44H, khoảng cách giữa 2 mũi kim 6mm, tốc độ may tối đa 4000 mũi/phút, chiều dài mũi kim 1.2-4mm.	Bộ	4	2019	Trung Quốc	
265	Máy vắt sổ loại 2 kim 4 chỉ hiệu YAMATO, model CZ6125-YD5F, khoảng cách giữa 2 mũi kim:2.4mm, tốc độ may tối đa 6000 mũi/phút, chiều dài mũi 1-4mm, sử dụng kim DCX27,	Bộ	16	2019	Trung Quốc	
266	Máy may 2 kim hiệu Brother, model: T-8420C-003, tốc độ may tối đa 4000mũi/ phút, độ dài mũi kim tối đa 4mm, độ cao chân vịt 7mm, ccùng các phụ kiện đi kèm: chân, bàn, mô-tơ,...	Bộ	4	2019	Trung Quốc	
267	Máy di bộ hiệu Juki, model LK-1900BN-SS000, tốc độ may tối đa: 3200 mũi/ phút, chiều dài mũi kim 0.1~10mm, diện tích vùng may:30*40mm, công suất 450W, 250VA,và các phụ kiện đi kèm: mặt bàn...,	Chiếc	5	2019	Nhật Bản	
268	Ma-nơ-canh nữ hiệu Alvanon, dùng cho hàng may mặc (CK Jeans), các phụ kiện đi kèm: giá, chốt . Trọng lượng cả set 36.90 KGS. Chiều cao toàn	Bộ	1	2019	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	thân 174.33 cm.					
269	Máy in thẻ bài nhãn hiệu Avery Dennison, model ADTP1, kích thước 131*292*546mm, trọng lượng: 14.5kg, tốc độ in 64 mm/s-305 mm/s, bộ nhớ: SDRAM: 64MB Flash: 32MB, độ phân giải: 300 DPI.	Bộ	1	2019	Hồng Kông	
270	Bộ lọc khí phụ kiện của máy giặt ozone	Bộ	2	2019	Tây Ban Nha	Mới 80%
271	Dụng cụ phân tích khí của máy giặt ozone	Chiếc	1	2019	Tây Ban Nha	
272	Cảm biến điện áp, phụ kiện của máy giặt công nghiệp hiệu GMC, Model: GFK-G2, hàng mới 100%	Chiếc	1	2019	Tây Ban Nha	
273	Máy giặt công nghiệp hiệu Honda, Model: XGQ-100F, sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất motor 7.5Kw, công suất giặt 4500LBS, mới 100%	Bộ	1	2019	Trung Quốc	
274	Máy giặt công nghiệp hiệu PMM, Model: WHX-100, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50Hz, công suất hoạt động 7.5Kw, tốc độ giặt 42RPM. Mới 100%	Bộ	1	2019	Trung Quốc	
275	Máy giặt công nghiệp hiệu GMC, Model: GFK-G2, sử dụng dòng điện 3Ph/400V/50Hz, công suất motor 10Kw, công suất giặt 100kg,	Chiếc	1	2019	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	mới 100%					
276	Máy giặt công nghiệp hiệu JMC, Model: G2, sử dụng dòng điện 3Ph/400V/50Hz, công suất mô tơ 10Kw, công suất giặt 100kg	Chiếc	1	2019	Bồ Đào Nha	
277	Máy vắt vải công nghiệp nhãn hiệu TAIZHOU, model: SS754-1200, công suất tối đa: 220kg, đường kính lồng giặt: 1200mm, máy sử dụng công suất động cơ: 7.5KW, kích thước: 2100*2100*1200mm, hàng mới 100%	Bộ	1	2019	Trung Quốc	
278	Máy sấy quần áo công nghiệp hiệu Jiemei, model: GZP-80, (gồm : Mô tơ, thân máy, bộ trao đổi nhiệt) sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất sấy: 135kg/ lần, mới 100%	Bộ	2	2019	Trung Quốc	
279	Máy sấy quần áo công nghiệp hiệu Yangjia, model: TD-100, (gồm : Mô tơ, thân máy, bộ trao đổi nhiệt) sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất sấy: 136kg/ lần, mới 100%	Bộ	2	2019	Trung Quốc	
280	Máy sấy quần áo công nghiệp hiệu Yangjia, model: TD-200, (gồm : Mô tơ, thân máy, bộ trao đổi nhiệt) sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, công suất sấy: 136kg/ lần, mới 100%	Bộ	2	2019	Trung Quốc	
281	Bộ phận của máy sấy khí, thiết bị trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ hiệu Ngaishing,	Bộ	1	2019	Trung Quốc	



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	model; AC-IS-2, công suất hoạt động 1.1Kw, sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, mới 100%.					
282	Máy sấy hiệu Ngaishing, model: NS-2800-300-S, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50Hz, công suất hoạt động 2Kw, công suất sấy 135kg/lần sấy, mới 100%		2	2019	Trung Quốc	
283	Máy sấy hiệu Ngaishing, model: NS-2800-300-S, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50Hz, công suất hoạt động 2Kw, công suất sấy 135kg/lần sấy, mới 100%	Bộ	3	2019	Trung Quốc	
284	Bộ phận của máy sấy khí, thiết bị trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ hiệu Ngaishing, model; AC-IS-2, công suất hoạt động 1.1Kw, sử dụng dòng điện 3Ph/380V/50Hz, mới 100%	Bộ	1	2019	Trung Quốc	
285	FR075AP#&Máy sấy khí FR075AP, công suất 2.1Kw, công suất làm việc 7-10kg/cm2, lưu lượng khí nén 11.1m3/phút, sử dụng dòng điện 03 pha, 380V, 50HZ, mới 100%	Chiếc	2	2019	Trung Quốc	
286	Máy vắt công nghiệp hiệu PMM, Model: WE100, sử dụng dòng điện 3PH/380V/50HZ, công suất hoạt động 5.5Kw, tốc độ vắt 1000RPM, mới 100%	Bộ	1	2019	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

287	Nồi hơi bàn là	Bộ	30	2020	Trung quốc	
<b>Danh mục máy móc cho thuê</b>						
1	Máy dò kim hiệu Hasima	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
2	Máy in mã vạch hiệu Avery Dennision	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
3	Hệ thống chuyên treo tự động	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
4	Máy đính bọ 1 kim Juki-LK-1900BNBS000/MC672KNN	Chiếc	4	2020	Trung Quốc	
5	Máy thừa khuy hiệu brother, HE-800B-3	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
6	Máy trần đề hiệu Pegasus, model W662PVH-01GX356BS	Chiếc	6	2020	Trung Quốc	
7	Máy thừa khuy điện tử Juki JUKI Brand LBH-1790AN	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
8	Máy di bọ JUKI Brand LK1900BN-SS	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
9	Máy lập trình hiệu JUKI, model AMS-210EN	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
10	Máy cắt viền áo tự động hiệu Ngai Shing NS-92L	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
11	Máy may viền đầu tùm, W3662P-01GX356BS	Chiếc	7	2020	Trung Quốc	
12	Máy trần đề, YAMATO, VT-1500L-156L-44H	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
13	Máy di bọ JUKI Brand LK1900BN-SS000	Chiếc	4	2020	Trung Quốc	
14	Máy Kansai hiệu Yamato	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	
15	Máy kansai 4 kim 6 chỉ hiệu Sing Ling	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

16	Hệ thống chuyên treo INA	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
17	Máy đing bộ hiệu Juki	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
18	Máy in tem Avery Dennision,model ADTP1	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
19	Máy kansai đầu nhỏ• Shing Ling	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
20	Máy kansai Pegasus	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
21	Máy đing cùc điện tử JUKI LK1903BNSS301/MC672KN	Chiếc	5	2020	Trung Quốc	
22	Máy kansai 3 kim 5 chỉ hiệu Shing Ray	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
23	Máy đing bộ điện tử hiệu SUPREME,model:SP-460AS/MF	Chiếc	4	2020	Trung Quốc	
24	Máy lập trình hiệu SUPREME, model: SP-2210AS-M/QH	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
25	Máy thừa khuy hiệu Juki,model: LBH-1790ANB/MC602KN	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	
26	Máy lập trình bộ hiệu SUPREME,Model:SP-460AS/MF	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	
27	Máy quần chân cùc tự động ST-20	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
28	Máy may tự động hiệu PEGASUS, model: QK-300	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
29	Bộ 2 Tivi theo dõi sản lượng nhà B LG 4k 75 inch	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
30	Máy đing cùc 1 kim điện tử hiệu LK-1903A-SS	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
31	Máy thừa khuy hiệu Juki, model: LBH-1790S	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
32	Máy đing cùc hiệu Juki, model: LK-1903A-SS	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

33	Máy may( loại 1kim) hiệu Juki,model:DDL-9000C	Chiếc	27	2020	Trung Quốc	
34	Máy may vắt sổ Pegasus-M952-52H	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	
35	Máy đếm sản lượng Oshima OP-102A	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
36	Máy dập cúc 3 đầu Jingling JQL-03-100SH	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
37	Máy vắt sổ 2kim 4 chỉ hiệu Pegasus,model: M952-52H	Chiếc	5	2020	Trung Quốc	
38	Máy may( loại 1kim) hiệu Juki,model:DDL-8000AP-MSN	Chiếc	18	2020	Trung Quốc	
39	Máy Kan sai đầu nhỏ hiệu Shingling, model VG-888S-	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
40	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ hiệu Pegasus,M932-38	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
41	Máy may viền đầu 3 kim, Pegasus, W562PV-02GX356BS	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
42	Máy vắt sổ 2kim, 4 chỉ YAMATO, CZ6125-YD5F	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	
43	Máy may 2 kim hiệu Brother, model T-8420C-003	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
44	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ hiệu Pegasus, M952-52H-2X4	Chiếc	7	2020	Trung Quốc	
45	Máy may 1kim hiệu Juki, model:DDL-9000C	Chiếc	7	2020	Trung Quốc	
46	Máy vắt sổ 4 chỉ hiệu Hikari	Chiếc	6	2020	Trung Quốc	
47	Máy may nhiều kim, hiệu Siruba, model VC008	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
48	Máy may 1 kim Juki DDL-7000A-7	Chiếc	13	2020	Trung Quốc	
49	Máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ YAMATO, model CZ6125-YD5F	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

50	Máy may 1 kim hiệu Jack, Model: A8+	Chiếc	5	2020	Trung Quốc	
51	Máy cắt nhám nóng lạnh Y998	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
52	Máy may Juki 1 kim DDL-5556N-7	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
53	Máy may 1 kim DDL-8700	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
54	Máy may Juki 1 kim, model: DDL-5556N-7	Chiếc	14	2020	Trung Quốc	
55	Máy may 1 kim hiệu Juki, model: DDL-9000B-MS	Chiếc	49	2020	Trung Quốc	
56	Máy may Juki 1 kim hiệu Juki, model: DDL-5556N-7	Chiếc	1	2020	Trung Quốc	
57	Máy may 2 kim hiệu Juki , model : MH380	Chiếc	2	2020	Trung Quốc	
58	Máy vắt sổ model: M952-52H-2X4	Chiếc	34	2020	Trung Quốc	
59	Máy may viên tự động hiệu JACK, W4-D-02BB	Chiếc	3	2020	Trung Quốc	
60	Bộ bàn là YY202 kèm nồi hơi HY-116G	Bộ	14	2020	Trung Quốc	

*(Nguồn: Chủ dự án)***5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư****5.1. Các hạng mục công trình của dự án**

Chủ dự án đã thuê đất tại Lô CN 03, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Fugiang với tổng diện tích đất là 22.430m<sup>2</sup> để thực hiện dự án. Hiện tại, nhà xưởng và các công trình phụ trợ đã được công ty xây dựng hoàn thiện và đưa vào hoạt động sản xuất từ tháng 12/2014 và một phần nhà xưởng dư thừa công ty dự kiến cho thuê. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình được trình bày ở bảng sau:

**Bảng 1. 4 Các hạng mục công trình của dự án**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Tiến độ thực hiện
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà xưởng số 1 (E01)	m <sup>2</sup>	4.232	Đã được Công ty TNHH Fuhua xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2015.
2	Nhà xưởng số 2 (E02)	m <sup>2</sup>	3.588	
3	Nhà xưởng số 3 (E06)	m <sup>2</sup>	3.036	
4	Nhà xưởng số 4 (E07)	m <sup>2</sup>	3.036	
5	Nhà bảo vệ	m <sup>2</sup>	16	
6	Nhà để xe	m <sup>2</sup>	300	
	Các hạng mục công bảo vệ môi trường			
1	Bể tự hoại 04 bể: 3 ngăn (Thể tích: 30m <sup>3</sup> / bể)	m <sup>3</sup>	120	Đã được Công ty TNHH Fuhua xây dựng
3	Kho chứa chất thải rắn sản xuất	m <sup>2</sup>	+ Kho 1: 14,4m <sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m)  + Kho 2: 19,5m <sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m)  + Kho 3: 19,5m <sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m)	Xây dựng hoàn thiện 6/2014 Hiện đang sử dụng tốt, tiếp tục sử dụng trong thời gian tới
4	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	m <sup>2</sup>	14,4 (kích thước 3mx4,8m)	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

5	Kho chứa chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	10,5 ( <i>kích thước 3mx3,5m</i> )	
	<b>Các hạng mục công trình khác</b>			
1	Hệ thống thông tin liên lạc	Hệ thống	01	Đã được Công ty TNHH Fuhua xây dựng xây dựng Hiện đang sử dụng tốt, tiếp tục sử dụng trong thời gian tới
2	Hệ thống cấp nước	Hệ thống	01	
3	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	01	
4	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	01	
5	Hệ thống PCCC	Hệ thống	01	
6	Đường giao thông nội bộ	-	-	
7	Trạm biến áp (Công suất 1.250KVA)	Trạm	02	Công ty lắp đặt hoàn thiện 06/2014 Hiện đang sử dụng tốt, tiếp tục sử dụng trong thời gian tới
8	Hệ thống xử nước thải công suất 170 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	Hệ thống	01	Xây dựng lắp đặt hoàn thiện vào tháng 12/2019  Hiện đang sử dụng tốt, tiếp tục sử dụng trong thời gian tới
9	Hệ thống xử lý khí thải - Công nghệ lò hơi đốt dầu và xử lý khí thải lò hơi	Hệ thống	01	Xây dựng lắp đặt hoàn thiện vào tháng 02/2015  (Được xác nhận hoàn



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

				thành tại Giấy Xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Thời gian tới dự kiến sẽ thay thế công nghệ lò hơi đốt dầu thành lò hơi điện sẽ không xử dụng hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
<b>II</b>	<b>Các hạng mục cho đơn vị thuê xưởng sử dụng</b>			
1	Nhà xưởng số 2 (E02)	m <sup>2</sup>	3.588	
	Nhà xưởng số 4 (E07)	m <sup>2</sup>	3.036	
<b>III</b>	<b>Các hạng mục sử dụng chung</b>			
1	Nhà bảo vệ	m <sup>2</sup>	16	
2	Nhà để xe	m <sup>2</sup>	300	
3	Kho chứa chất thải rắn sản xuất	m <sup>2</sup>	+ Kho 1: 14,4m <sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m)  + Kho 2: 19,5m <sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m)  + Kho 3: 19,5m <sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m)	Đã xây dựng và hoàn thiện tháng 6/2014, và đang được công ty sử dụng (được xác nhận hoàn thành tại Giấy Xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)
4	Kho chứa chất thải rắn	m <sup>2</sup>	14,4	

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	sinh hoạt		(kích thước 3mx4,8m)	
5	Kho chứa chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	10,5 (kích thước 3mx3,5m)	
6	Đường giao thông	Hệ thống	01	Đã được Công ty TNHH Fuhua xây dựng xây dựng. Hiện đang sử dụng tốt, tiếp tục sử dụng trong thời gian tới
7	Bể nước phòng cháy chữa cháy	Hệ thống	01	
8	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	01	
9	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	01	
10	Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt	Hệ thống	01	
11	Hệ thống xử nước thải công suất 170 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	Hệ thống	01	Xây dựng lắp đặt hoàn thiện vào tháng 12/2019 (được xác nhận hoàn thành tại Giấy Xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)  Hiện đang sử dụng tốt, tiếp tục sử dụng trong thời gian tới

## ❖ Các hạng mục công trình chính

Giải pháp kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nhà xưởng công nghiệp

phù hợp với quy hoạch chung của KCN Vân Trung, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cần thiết và theo quy định của Nhà nước hiện hành trong xây dựng.

Các nhà xưởng có diện tích lớn tạo nên không gian kiến trúc thông thoáng, đa dạng, hiện đại trong khu công nghiệp. Việc tính toán tải trọng theo Tiêu chuẩn TCVN 2737-1995; kết cấu thép áp dụng theo Tiêu chuẩn: TCVN 4059-1985, TCVN 4613-1988, TCVN 5889 – 1995, TCXD 170 – 1989, TCXD 338 – 2005.

**\*Nhà xưởng và nhà văn phòng**

- Nhà xưởng có kết cấu sử dụng khung kèo thép tiền chế.
- Phần mái nhà xưởng được thiết kế tôn mạ nhôm kẽm, Tôn được phủ một lớp Polyester có độ bền cao. Độ dốc mái đảm bảo việc tiêu thoát nước.
- Tường bao quanh nhà xưởng được xây bằng gạch đặc đến độ cao 3.2m so với cos nền, trát vữa xi măng cát 1: 2 dày 20mm. Kết cấu bao che: Sử dụng khung kèo thép, xà gồ thung liên kết tôn mạ màu bằng đinh vít, chít silicon chuyên dụng.
- Mái lợp tôn dày 0.45mm tôn màu xanh, tường thung tôn dày 0.40 mm. Đối với khu nhà văn phòng sẽ được bố trí tầng 2 của xưởng, nhà văn phòng sẽ được ngăn cách bằng các tấm panel cách nhiệt.

**\* Nhà bảo vệ:**

Móng và tường xây gạch VXM M75. Trát tường VXM M75 dày 15cm, sơn 3 nước. Nhà xây theo kết cấu tường chịu lực. Giằng móng, dầm, sàn mái lanh tô bằng bê tông M200 chịu lực. Mái lợp tôn Austnam dày 4mm.

**\* Nhà để xe:** Nhà theo kết cấu khung chịu lực. Bố trí cột thép D100, dày 2mm đỡ hệ thống vì kèo và xà gồ, móng cột được cố định bằng BT M200. Mái lợp tôn Austnam dày 0,4mm.

**❖ Các hạng mục công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường**

**1, Hệ thống cấp nước**

Nguồn nước: được cấp từ Công ty TNHH FuGiang thuộc KCN Vân Trung. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án chủ yếu là nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở và phục vụ cho sản xuất.

**2, Hệ thống thoát nước.**

Hệ thống thoát nước của Dự án bao gồm hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước thải. Cụ thể như sau:

**\* Hệ thống thoát nước thải:**

Hệ thống thoát nước thải của dự án bao gồm hệ thống thoát nước nhà vệ sinh.

+ Kết cấu nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh xây bằng gạch, trát xi măng, trần bê tông, nền lát gạch ceramic và tường ốp gạch men.

+ Kết cấu bể tự hoại: Thành xây dựng bằng gạch, trát xi măng, đáy đổ bê tông M200, dày 15cm.

- Toàn bộ lượng nước thải này sau khi xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại 03 ngăn tại 4 nhà xưởng với thể tích mỗi bể là 30m<sup>3</sup>/bể rồi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty với công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi thải ra môi trường đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BNTNMT, cột B, C<sub>max</sub> trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung để xử lý.

Thông số các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày.đêm như sau:

**Bảng 1. 5 Thông số của hệ thống xử lý nước thải**

<b>TT</b>	<b>Tên bể</b>	<b>Thể tích bể (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Chiều dài x đường kính (m)</b>
<b>Hệ thống xử lý nước thải công suất: 170 m<sup>3</sup>/ngày.đêm</b>			
1	Bể gom nước thải sinh hoạt TK1	3,456	1,8x1,2x1,6
2	Bể gom nước thải sản xuất TK1A	2,496	1,3x1,2x1,6
3	Bể điều hòa TK2	56,16	5,2x4x2,7
4	Bể thiếu khí TK3	49,14	5,2x3,5x2,7
5	Bể hiếu khí TK4	81,43	5,2x5,8x2,7

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

6	Bể lắng TK5	24,3	3x3x2,7
7	Bể khử trùng TK6	10,26	1,9x2x2,7
8	Bể bơm bùn TK7	5,4	1x2x2,7
9	Bể chứa bùn TK8	6,075	1,5x1,5x2,7
10	Bể phản ứng + lắng TK1B	9,315	2,3x1,5x2,7
11	Bể chứa bùn hóa lý TK1C	4,86	1,2x1,5x2,7

**\* Hệ thống thoát nước mưa:**

Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống thoát nước trên mái nhà và hệ thống thoát nước trên bề mặt sân, đường giao thông.

- Đối với nước mưa từ mái nhà xưởng, nhà văn phòng của Dự án được thu gom bằng hệ thống ống thoát nước riêng (ống PVC Ø110) được nối từ mái nhà xưởng xuống dưới đất. Sau đó, được đưa vào hệ thống hệ thống thoát nước mưa của công ty.

Nước chảy tràn trên bề mặt sân cũng được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của công ty.

Nước sau đó được nhập vào hệ thống thu gom, thoát nước mặt của KCN Vân Trung và cuối cùng đổ ra kênh tiêu thoát nước của khu vực.

Hệ thống thu gom thoát nước mưa được xây bằng gạch, trát vữa xi măng. Cống thoát nước bê tông cốt thép có đường kính D300; độ dốc  $i = 0,4\%$ , dọc các tuyến thoát nước có bố trí các hố ga thu nước mưa xây bằng gạch, trát vữa xi măng tổng gồm 70 hố ga, có nắp đậy bằng tấm đan bê tông cốt thép dày 10mm. Hố ga có kích thước: 1m x 1m x 1m.

Định kỳ (3 tháng/lần) Công ty sẽ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

**- Hệ thống cấp điện**

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện cấp chung cho KCN Vân Trung; Điểm cấp điện dự kiến trên đường dây 24 KV thuộc tuyến trực cấp điện KCN.

- Công suất trạm biến áp của công ty gồm 02 trạm là: 1.250 KVA.

**\* Chiếu sáng ngoài nhà:**

- Toàn bộ nhà máy được chiếu sáng bằng hệ thống đèn cao áp, thủy ngân treo trên tường, đèn trụ công trên đầu cột (250W- 220V);

**- Hệ thống phòng cháy chữa cháy**

\* Giải pháp phòng cháy chữa cháy, chống sét

- Phòng cháy chữa cháy: Thiết kế tuân theo các quy định trong tiêu chuẩn “Phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình” TCVN 2622: 1995.

- Chống sét:

Nhà xưởng được lắp hệ thống chống sét trên nóc nhà để bảo vệ cho các thiết bị nhà xưởng. Hệ thống chống sét được dẫn xuống bằng các dây dẫn và nối tới hệ thống tiếp địa chung. Hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ và hệ thống cải tiến theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của công ty.

Hệ thống thu lôi chống sét bằng mạng lưới kim thu sét, thiết kế theo tiêu chuẩn 20 TCN 46-84 “Chống sét cho các công trình xây dựng”. Với yêu cầu điện trở cho hệ thống chống sét đánh thẳng  $R \leq 10\Omega$ .

- **Kho chứa chất thải** (kho chất thải sinh hoạt 14,4m<sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m), Kho chất thải sản xuất gồm 3 kho trong đó kho 1: 14,4m<sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m), Kho 2: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m), Kho 3: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m), kho chất thải nguy hại với diện tích 10,5 m<sup>2</sup> (kích thước 3mx3,5m)) tường xung quanh được bắn tôn, nền láng xi măng, mái lợp tôn được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

**5.2. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực**

**\* Tiến độ thực hiện dự án**

- Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đã đi vào hoạt động.

- Thời gian hoạt động của dự án: đến ngày 05/12/2057.

**\* Vốn đầu tư**

Tổng vốn kinh doanh: 144.858.000.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu đồng).

**\* Tuyển dụng lao động**

- Cơ sở ưu tiên tuyển lao động tại địa phương; Các lao động được đào tạo phù hợp với ngành nghề của cơ sở, công nhân tốt nghiệp các trường cao đẳng,

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

các trường đại học kỹ thuật, kinh tế, công nhân kỹ thuật thuộc lĩnh vực thực phẩm.

- Những nhân viên, công nhân không cần đòi hỏi có trình độ kỹ thuật cao, Cơ sở sẽ tuyển lao động phổ thông để đào tạo nghề ngắn hạn.

- Tiêu chuẩn tuyển dụng.

+ Trong độ tuổi lao động, đã tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

+ Có sức khỏe tốt.

+ Có tư cách đạo đức tốt, không có tiền án, tiền sự.

Sau khi tuyển dụng đào tạo được thử việc tại công ty 6 ngày đối với những vị trí lao động phổ thông, 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, công nhân viên kỹ thuật và không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên. Nếu sau thời gian thử việc đáp ứng được yêu cầu của Cơ sở sẽ được ký hợp đồng lao động dài hạn.

\* **Chế độ lao động:** Cơ sở thực hiện chế độ lao động theo luật hiện hành: Một ngày làm việc 8 giờ; một tuần làm việc 6 ngày; các ngày lễ, tết, ốm đau, thai sản được hưởng chế độ theo quy định hiện hành. Số ngày làm việc trong năm khoảng 302 ngày.

- Cơ sở có trách nhiệm đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định hiện hành.

### **❖ Việc thực hiện Giấy phép môi trường theo quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang**

Theo báo cáo tình hình hoạt động dự án, công suất sản xuất thực tế của dự án trong năm 2022 cụ thể như sau:

+ Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam, nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: 4,813,394 chiếc.

+ Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do công ty sản xuất: 4,813,394 chiếc.

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

- Việc thực hiện nội dung ĐTM của dự án như sau:

+ Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022 hoàn thành các hạng mục công trình như sau:

01 hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày đêm

02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi (01 hệ thống khí thải từ lò hơi đốt dầu và 01 hệ thống khí thải từ lò hơi đốt viên nén gỗ).

Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10,5 m<sup>2</sup>; 03 kho chứa chất thải thông thường (01 kho diện tích 14,4 m<sup>2</sup>, 02 kho diện tích 19,5 m<sup>2</sup>). Bố trí 01 kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 14,4 m<sup>2</sup>. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường với Công ty TNHH Hồng Ngọc, xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11.

Có Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2021, 2022.

Đã tiến hành chương trình quan trắc định kỳ theo quy định..

**\* Những nội dung điều chỉnh so với quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang:**

- Mục tiêu, quy mô của dự án:

+ Giảm mục tiêu Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam, nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác và Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do công ty sản xuất từ 8.000.000 sản phẩm/ năm xuống còn 4.000.000 sản phẩm/năm.

+ Bổ sung cho thuê nhà xưởng với diện tích 10.409,4 m<sup>2</sup>

- Thay đổi lò hơi từ 05 lò hơi (02 đốt dầu và 03 đốt viên nén gỗ) thành 30 lò hơi nhỏ bằng điện.

**Bảng tổng hợp các hạng mục công trình BVMT của dự án**

STT	Công trình	Theo QĐ số 628/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	Giai đoạn điều chỉnh
1	Nhà xưởng số 1 (E01)	Khu vực sản xuất	Khu vực sản xuất



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

2	Nhà xưởng số 1 (E06)	Khu vực sản xuất	Khu vực sản xuất
3	Nhà xưởng số 1 (E02)	Khu vực sản xuất	Cho thuê
4	Nhà xưởng số 1 (E07)	Khu vực sản xuất	
3	Hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Đã được xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022	Tiếp tục sử dụng
4	02 hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi (02 lò hơi bằng dầu, 03 lò hơi đốt viên nén gỗ )	Đã được xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022	Không sử dụng . Hiện tại chủ dự án đã dỡ bỏ. Do dự án đã thay thế bằng lò hơi điện
5	Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10,5 m <sup>2</sup>	Đã được xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022	Tiếp tục sử dụng và bố trí cho đơn vị thuê nhà xưởng cùng sử dụng
6	03 Kho chứa chất thải thông thường 01 kho diện tích 14,4 m <sup>2</sup> , 02 kho diện tích 19,5 m <sup>2</sup>	Đã được xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022	Tiếp tục sử dụng và bố trí cho đơn vị thuê nhà xưởng cùng sử dụng
7	01 kho chứa CTR SH diện tích 14,4 m <sup>2</sup>	Đã được xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022	Tiếp tục sử dụng và bố trí cho đơn vị thuê nhà xưởng cùng sử dụng

**CHƯƠNG II:**

**SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,  
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

**1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.**

Dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9802734904 Chứng nhận lần đầu ngày 18/02/2014, thay đổi lần thứ 3 ngày 08/8/2023

Dự án phù hợp với Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Dự án được thực hiện tại KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là một trong 29 KCN được quy hoạch của tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” thuộc KCN Vân Trung, huyện Việt Yên do Công ty TNHH FUGIANG làm chủ đầu tư hạ tầng và trực tiếp quản lý. Hạ tầng KCN đã được đầu tư đồng bộ bao gồm: hệ thống đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cung cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN (Công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm).

\* Ngành nghề đầu tư phù hợp với quy hoạch KCN Vân Trung được phê duyệt tại Quyết định số 427/QĐ-BTNMT ngày 14/3/2008 về Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN Vân Trung, cụ thể như sau:

- + Nhóm ngành điện tử: Sản xuất, gia công, lắp ráp linh phụ kiện.
- + Nhóm ngành công nghiệp lắp ráp điện, điện lạnh.
- + Nhóm ngành cơ khí, lắp ráp.

- + Nhóm ngành sản xuất bao bì.
- + Nhóm ngành công nghiệp cao su (không chế biến máy và các sản phẩm từ plastic.
- + Nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, hóa dược, mỹ phẩm, thuốc thú y, thức ăn gia súc.
- + Nhóm ngành công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng, gia dụng
- + Nhóm ngành công nghiệp hóa chất.
- + Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng: ván ép các loại.
- + Ngành công nghiệp phụ trợ.

Dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” thuộc lĩnh vực Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc: do Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang làm chủ đầu tư là phù hợp với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng trong KCN Vân Trung.

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Hạ tầng kỹ thuật của KCN Vân Trung bao gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được đầu tư hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của dự án.

Hiện tại KCN Vân Trung, đã được Công ty TNHH FUGIANG đầu tư xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN với công suất 10.000m<sup>3</sup> ngày đêm theo công nghệ sinh lý hóa.

Theo nhật ký vận hành của nhà máy xử lý nước thải KCN Vân Trung, hiện tại, khối lượng nước thải tiếp nhận để xử lý trung bình khoảng: 7.500 m<sup>3</sup>/ngày.

Do vậy, với lượng nước thải lớn nhất của dự án là 170 m<sup>3</sup> /ngày. Trạm xử lý nước thải của KCN hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận xử lý nước thải phát sinh của công ty. Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B sau đó được đầu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt

#### **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

Quy chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A). Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đạt Quy chuẩn được đổ vào kênh T6 chạy qua KCN Vân Trung. Mục đích của kênh T6 dùng để cấp nước cho tưới tiêu và không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Nguồn nước sử dụng do Công ty TNHH FuGiang đảm bảo cung cấp qua hệ thống cấp nước của KCN Vân Trung, nước sạch qua hệ thống ống nhựa PVC đường kính 220mm, dày 1,5mm dẫn vào các nhà xưởng và khu văn phòng.

Công ty TNHH FuGiang có hệ thống cung cấp nước sạch, nguồn nước được lấy từ sông Cầu lượng nước cấp của nhà máy nước sạch là 12.000m<sup>3</sup>/ngày đêm

**CHƯƠNG III:****ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” có mục tiêu là Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam, nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: 4.000.000 sản phẩm/năm (quy mô giảm 4 triệu sản phẩm/năm); Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 4.000.000 sản phẩm/năm (quy mô giảm 4 triệu sản phẩm/năm); cho thuê nhà xưởng (nhà E02, E07) (bổ sung mới), không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đồng thời dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công do đó dự án thuộc nhóm II và được thực hiện tại KCN Vân Trung, huyện Việt Yên nên căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 2, điều 28 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án không phải đánh giá hiện trạng nơi thực hiện dự án đầu tư.

Tuy nhiên trong năm 2023 chủ dự án đã tiến hành thực hiện chương trình giám sát định kỳ, cụ thể như sau:

Chất lượng hiện trạng môi trường tại nhà máy được thể hiện qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm, Kết quả quan trắc môi trường định kỳ quý I, II, II/2023 được thể hiện ở bảng sau:

**\* *Chất lượng môi trường nước thải*****\* *Môi trường nước thải sinh hoạt:***

	<b>Vị trí lấy mẫu</b>	<b>Thời gian lấy mẫu</b>	<b>Thời gian phân tích</b>
<b>1</b>	Lấy tại cống thải tập trung nước thải trước khi vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Vân Trung. Tọa độ (X:2339371, Y: 404470)	29/3/2023	29/3-10/04/2023

**Bảng 3. 1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt (quý I)**

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	<b>5,0 - 9,0</b>
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24,2	<b>100</b>
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24,2	<b>50</b>
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	TCVN 6179:1996	4,08	<b>10</b>
5	(PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	2,18	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH	<b>0,5</b>
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9	<b>10</b>
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2500	<b>5000</b>

**Ghi chú:**

- (<): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện.

- **QCVN 40:2011/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**Nhận xét:** Kết quả phân tích các mẫu nước thải sinh hoạt lấy được cho thấy:

- Đối với mẫu nước thải lấy được tại cống thoát nước thải của công ty cho thấy chỉ tiêu phân tích khác đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT.

**Bảng 3. 2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt (quý II)**

	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời gian phân tích
<b>2</b>	Lấy tại cống thải tập trung nước thải trước khi vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Vân Trung. Tọa độ (X:2339371, Y:404470)	30/06/2023	30/6-12/07/2023

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,83	<b>5,0 - 9,0</b>
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	78,5	<b>100</b>
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	37,9	<b>50</b>
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	TCVN 6179:1996	0,44	<b>10</b>
5	(PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	3,65	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,06	<b>0,5</b>
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,3	<b>10</b>
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3000	<b>5000</b>

**Ghi chú:**

- **QCVN 40:2011/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

*công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.*

**Nhận xét:** Kết quả phân tích các mẫu nước thải sinh hoạt lấy được cho thấy:

- Đối với mẫu nước thải lấy được tại bể tập trung nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của Công ty cho thấy chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT.

**Bảng 3.3 Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt (quý III)**

	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời gian phân tích
<b>2</b>	Lấy tại cống thải tập trung nước thải trước khi vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Vân Trung. Tọa độ (X:2339371, Y:404470)	08/09/2023	08/9-19/09/2023

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,16	<b>5,0 - 9,0</b>
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	19,5	<b>100</b>
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18,9	<b>50</b>
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	TCVN 6179:1996	1,71	<b>10</b>
5	(PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	2,03	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH	<b>0,5</b>
7	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW	<0,9	<b>10</b>



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	khoáng		5520B&F:2017		
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187- 2:1996	1700	<b>5000</b>

**Ghi chú:**

- **KPH:** không phát hiện

- **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**Nhận xét:** Kết quả phân tích các mẫu nước thải sinh hoạt lấy được cho thấy:

- Đối với mẫu nước thải lấy được tại cống thoát nước thải của công ty cho thấy chỉ tiêu phân tích khác đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT.

**CHƯƠNG IV**  
**ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG**

Công ty đã thuê đất của công ty TNHH Fugiang tại KCN Vân Trung để xây dựng nhà xưởng và các hạng mục công trình phục vụ sản xuất. Dự án đã đi vào hoạt động sản xuất từ tháng 12/2014, do điều chỉnh mục tiêu sản xuất dự án dự kiến giảm mục tiêu quy mô hiện có và cho thuê nhà xưởng dư thừa (cho đơn vị thuê nhà xưởng thuê lại toàn bộ máy móc thiết bị tại nhà xưởng cho thuê), thay thế nồi hơi đốt dầu và nồi hơi đốt viên nén gỗ bằng nồi hơi điện

Hiện tại, toàn bộ nhà xưởng và các công trình phụ trợ đã được xây dựng hoàn thiện để hoạt động sản xuất và cho thuê. Do đó, Báo cáo đề xuất cấp GPMT chỉ đánh giá tác động và đưa ra các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành hoạt động của dự án.

**1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

**1.1. Đánh giá, dự báo các tác động**

**1.1.1. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải**

***1.1.1.1. Đánh giá tác động tới môi trường không khí***

Trong giai đoạn mở rộng Công ty không sử dụng nồi hơi đốt bằng dầu mà thay vào đó sử dụng nồi hơi bằng điện, do đó công trình xử lý khí thải bụi do quá trình sử dụng dầu DO vận hành nồi hơi sẽ được bỏ đi và không sử dụng. Vì vậy trong phần này chỉ đánh giá các tác động do hoạt động của quy trình mở rộng (cho thuê nhà xưởng).

*\* Nguồn phát sinh:*

- Từ hoạt động giao thông vận tải: Vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, sản phẩm và hoạt động giao thông của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực dự án;
- Bụi từ quá trình cắt, may, đóng gói sản phẩm từ hoạt động sản xuất Nhà máy
- Bụi khí thải từ hoạt động sản xuất của các đơn vị thuê nhà xưởng.
- Mùi hôi từ khu tập kết chất thải sinh hoạt, nhà vệ sinh.

*\* Đối tượng, phạm vi tác động:*

- Đối tượng: Cán bộ công nhân làm việc trong khu vực sản xuất, môi trường xung quanh.

- Quy mô, phạm vi mức độ tác động: Trong suốt thời gian hoạt động của Dự án.

*\* Thành phần, tải lượng:*

**\* Bụi, khí thải do các phương tiện giao thông vận tải chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và hoạt động giao thông của công nhân viên**

Khi Dự án đi vào hoạt động, sẽ làm gia tăng thêm một lượng phương tiện tham gia giao thông, cụ thể:

- Xe vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu;
- Xe của cán bộ công nhân viên (ô tô con, xe máy).

Trong quá trình hoạt động, các phương tiện giao thông này sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu diezen phát sinh các chất ô nhiễm như bụi, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub>,...

*Tải lượng ô nhiễm đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm đi tiêu thụ:*

Căn cứ vào nhu cầu nguyên vật liệu và sản phẩm tiêu thụ dự báo hàng ngày có khoảng 2 xe ô tô tải 5 tấn ra vào dự án (tương đương 4 lượt xe ra vào).

Dựa trên phương pháp xác định nhanh nguồn thải của các loại xe theo “Hệ số ô nhiễm không khí” của Môi trường không khí - GS.TS Phạm Ngọc Đăng và Sổ tay về công nghệ môi trường, tập 1: “Đánh giá nguồn ô nhiễm không khí, nước và đất” có thể xác định được mức độ ảnh hưởng do hoạt động vận chuyển của các phương tiện giao thông.

**Bảng 4. 1 Hệ số ô nhiễm của 1 số loại xe của một số chất ô nhiễm chính**

Loại xe	Đơn vị	TSP (kg/1000km)	CO	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>
Xe tải động cơ Diezel > 3.5 tấn	Kg/1000 km	1,6	28	20S	55
Xe tải động cơ Diezel < 3.5 tấn	Kg/1000 km	0,2	1	1,16S	0,7
Xe ô tô con và xe khách	Kg/1000 km	0,07	7,72	2,05S	1,19
Mô tô và xe máy	Kg/1000 km	0,08	16,7	0,57	0,14

[Nguồn: Môi trường không khí - GS.TS Phạm Ngọc Đăng - Nxb Khoa học và kỹ thuật].

Ghi chú: - S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu là 0,05%

Dựa vào số liệu tại Bảng trên, tải lượng các chất gây ô nhiễm phát sinh từ các phương tiện giao thông được tính như sau:

$$E_{CO} = 28 \times 4 = 112 \text{ kg/1.000 km.h} = 0,031 \text{ mg/m.s}$$

$$E_{SO_2} = 20 \times 0,05 \times 4 = 40 \text{ kg/1.000 km.h} = 0,0011 \text{ mg/m.s}$$

$$E_{NO_x} = 55 \times 4 = 220 \text{ kg/1.000 km.h} = 0,061 \text{ mg/m.s}$$

$$\text{Bụi} = 1,6 \times 4 = 6,4 \text{ kg/1.000 km.h} = 0,0017 \text{ mg/m.s.}$$

Từ tải lượng của các chất ô nhiễm đã tính toán ở trên, áp dụng mô hình tính toán Sutton xác định nồng độ trung bình của bụi TSP tại một điểm bất kỳ trên tuyến đường vận chuyển như sau:

$$C = \frac{0,8E \cdot \left\{ \exp\left[ \frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp\left[ \frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z \cdot u} \quad (\text{mg/m}^3)$$

Trong đó :

E: Lượng thải tính trên đơn vị dài của nguồn đường trong đơn vị thời gian (mg/m.s). (E được tính toán ở phần trên)

$\sigma_z$ : Hệ số khuếch tán theo phương z (m) là hàm số của x theo phương gió thổi.  $\sigma_z$  được xác định theo công thức Slade với cấp độ ổn định khí quyển loại B (là cấp độ ổn định khí quyển đặc trưng của khu vực) có dạng sau:

$$\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73}$$

x: khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải, tính theo chiều gió thổi.

u: Tốc độ gió trung bình (m/s), tại khu vực có tốc độ gió trung bình là 2,5m/s.

z: độ cao của điểm tính (m), tính ở độ cao 0,5m.

h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), coi mặt đường bằng mặt đất,  $h = 0\text{m}$

Bỏ qua sự ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm khác trong khu vực, các yếu tố ảnh hưởng của địa hình,... Dựa trên tải lượng ô nhiễm tính toán, thay các giá trị vào công thức tính toán, nồng độ các chất ô nhiễm ứng với khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện ở bảng dưới đây.

**Bảng 4. 2 Nồng độ các chất ô nhiễm do phương tiện giao thông thải ra trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm**

Số thứ tự	X	$\sigma_z$	CO	NO <sub>2</sub>	SO <sub>2</sub>	Bụi (muội)
Đơn vị	M	M	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	$\mu\text{g}/\text{m}$	$\mu\text{g}/\text{m}$	$\mu\text{g}/\text{m}^3$
1	5	1,72	1397,405	11,685	11,926	6,626
2	10	2,85	431,593	3,609	3,683	2,046
3	15	3,83	260,209	2,176	2,221	1,234
4	20	4,72	193,542	1,618	1,652	0,918
5	30	6,35	156,881	1,312	1,339	0,744
<b>QCVN 05:2013/BTNMT</b>	<i>Trung bình 1h</i>		30.000	200	350	300
	<i>Trung bình 24h</i>		5.000	100	125	200

Nhận xét: Từ các kết quả tính toán trên so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT, nhận thấy rằng nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải và bụi phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm đều thấp hơn nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép, vì vậy phạm vi và mức độ ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm của phương tiện vận chuyển là không đáng kể.

*Tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án:*

Tải lượng các chất ô nhiễm được tính toán trên cơ sở "Hệ số ô nhiễm" do Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập như sau:

**Bảng 4. 3 Hệ số phát thải của phương tiện mô tô 2 bánh**

Loại xe	Bụi g/km	SO <sub>2</sub> g/đv	NO <sub>x</sub> kg/đv	CO kg/đv	HC kg/đv
Động cơ <50 cc, 2 kỳ	0,12	0,36 S	0,05	10	6
Động cơ >50 cc, 2 kỳ	0,12	0,6 S	0,08	22	15
Động cơ >50 cc, 4 kỳ	0,12	0,76 S	0,3	20	3

Ghi chú: S là tỉ lệ % của lưu huỳnh có trong nhiên liệu.

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên dự kiến tối đa làm việc tại dự án khoảng 350 lao động. Hầu hết công nhân sử dụng xe máy làm phương tiện đi lại. Khoảng cách di chuyển trong phạm vi 10km.

Dựa trên hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ thiết lập đối với xe mô tô 2 bánh dùng xăng, động cơ 4 thì, dung tích xi lanh > 50 cc, có thể ước tính tải lượng các chất ô nhiễm không khí trong khí thải các xe mô tô 2 bánh do công nhân tự túc đi lại trong ngày như trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4. 4 Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải xe mô tô 2 bánh**

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km)	Chiều dài tính toán (km)	Tải lượng (g/ngày)
1	Bụi	0,12	10	1,2
2	SO <sub>2</sub>	0,76 S	10	7,6
3	NO <sub>2</sub>	0,3	10	3
4	CO	20	10	200
5	VOC	3	10	30

Ghi chú:

- S: Hàm lượng lưu huỳnh trong xăng là rất nhỏ, không đáng kể.
- Quãng đường vận chuyển trung bình cho 1 lượt xe được ước tính là 10 km.

- Từ các bảng số liệu tổng hợp ta có thể thấy rằng tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông thải ra là đáng kể. Các phương tiện này đi qua các vực có dân cư sinh sống nên có thể gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- Ngoài ra có thể thấy hàm lượng khí SO<sub>2</sub> phụ thuộc chặt chẽ vào hàm lượng S có trong nhiên liệu. Với những loại phương tiện sử dụng nhiên liệu xăng thì hàm lượng S thấp do đó hàm lượng khí SO<sub>2</sub> phát sinh sẽ thấp, còn với những loại phương tiện sử dụng nhiên liệu dầu Diezen thì hàm lượng lưu huỳnh cao hơn và do đó hàm lượng khí SO<sub>2</sub> phát sinh cũng cao hơn.

Trong quá trình hoạt động, các phương tiện giao thông này sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu diezen phát sinh các chất ô nhiễm như bụi, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub>,...

Ô nhiễm do các phương tiện giao thông chủ yếu ảnh hưởng trên tuyến đường gần dự án và tại cổng Dự án vào giờ đi làm và giờ tan ca. Tuy nhiên, do chất lượng đường khá tốt, đường nội bộ gần dự án được quét dọn sạch sẽ, các

cán bộ, nhân viên sẽ tắt máy và dắt xe vào khu để xe của Dự án nên lượng khí thải và bụi phát sinh không lớn, khả năng ảnh hưởng đến môi trường cũng như sức khỏe của con người là không đáng kể.

**Đánh giá mức độ ô nhiễm từ hoạt động giao thông:**

Các tác động do bụi và các loại khí độc hại đến môi trường không khí và sức khỏe con người như sau:

- Với khí VOC nếu không có biện pháp quản lý, xử lý và giảm thiểu, nguồn thải này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người lao động làm việc tại công ty và khu vực lân cận, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái xung quanh khu vực dự án. Việc đề xuất biện pháp quản lý, xử lý và giảm thiểu nguồn thải này là một trong những nội dung quan trọng và sẽ được trình bày chi tiết tại báo cáo này.

- Các khí độc hại phát sinh như CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> phần lớn ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân. Đối với con người các khí này có khả năng gây kích ứng niêm mạc phổi ở nồng độ thấp. Ở nồng độ cao và lâu dài, chúng có thể gây loét phế quản, giảm khả năng hấp thụ ôxi của các phế nang, tác động không tốt đến hệ tim mạch, gây suy nhược cơ thể. Đặc biệt khi có mặt đồng thời SO<sub>3</sub> thì các tác động lên cơ thể sống mạnh hơn so với tác động của từng chất riêng biệt, gây co thắt phế quản gây ngạt và tử vong.

- Bụi từ các phương tiện giao thông có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân viên tại Nhà máy. Bụi có khả năng bay cao và xa gây nguy cơ mắc bệnh bụi phổi cho con người, gây kích thích cơ học và phát sinh phản ứng xơ hóa phổi, gây nên những bệnh về đường hô hấp. Bụi đất đá là bụi lơ, không chứa các hợp chất có tính độc, do đó không dẫn đến những phản ứng phụ trong cơ thể. Mặt khác, bụi đất đá có kích thước lớn nên ít có khả năng đi vào phế nang phổi, ít ảnh hưởng đến sức khỏe. Nhìn chung, bụi là nguyên nhân gây nên các bệnh nghề nghiệp cho công nhân trực tiếp làm việc tại nhà máy, gây các bệnh viêm mắt, viêm xoang, viêm phế quản mãn tính.

***\* Mùi hôi từ khu tập kết rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh***

Hoạt động hàng ngày của Dự án sẽ phát sinh một lượng rác thải sinh hoạt. Nếu không có biện pháp giảm thiểu mùi hôi sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến hoạt động của Dự án cũng như ảnh hưởng đến các doanh nghiệp bên cạnh. Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt, do lưu trữ rác tạm thời trước lúc đưa đi xử lý tập trung trong điều kiện ẩm thấp... có thể phát sinh quá



trình lên men và sự phân hủy hữu cơ của rác làm phát sinh các mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí (các khí  $\text{CH}_4$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ ,  $\text{NH}_3$ ...).

**\* Bụi và khí thải của nhà máy hoạt động sản xuất: từ quá trình cắt, may, đóng gói sản phẩm:**

Quá trình sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam, nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: 4.000.000 sản phẩm/năm (quy mô giảm 4 triệu sản phẩm/năm) thì tại công đoạn cắt, may, đóng gói sản phẩm có phát sinh bụi trong quá trình gia công.. Nhưng do lượng bụi phát sinh không đáng kể, tuy nhiên Công ty sẽ có các biện pháp như: trang bị đồ bảo hộ lao động kính, khẩu trang,... để đảm sức khỏe cho công nhân trong quá trình làm việc.

**\* Khí thải từ hoạt động sản xuất của các đơn vị thuê nhà xưởng**

Công ty dự kiến cho các doanh nghiệp thuê với ngành nghề sản xuất là các sản phẩm ngành may mặc,... Do đó các loại chất thải khí phát sinh tại các đơn vị thuê nhà xưởng không có tính chất gây ô nhiễm môi trường lớn và mang tính chất đặc trưng của từng loại hình sản xuất.

Các doanh nghiệp đầu tư thuê nhà xưởng của dự án đều phải tuân thủ thực hiện các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động. Do đó mức độ tác động đến môi trường sẽ được giảm thiểu và các tác động sẽ được đánh giá chi tiết tại hồ sơ môi trường của từng đơn vị thuê nhà xưởng.

**Đánh giá tác động của các chất ô nhiễm:**

Các tác động do bụi và các loại khí độc hại đến môi trường không khí và sức khỏe con người như sau:

- Bụi trong quá trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân viên tại dự án. Bụi có khả năng bay cao và xa gây nguy cơ mắc bệnh bụi phổi cho con người, gây kích thích cơ học và phát sinh phản ứng xơ hóa phổi, gây nên những bệnh về đường hô hấp. Bụi đất đá là bụi lơ, không chứa các hợp chất có tính độc, do đó không dẫn đến những phản ứng phụ trong cơ thể. Mặt khác, bụi đất đá có kích thước lớn nên ít có khả năng đi vào phế nang phổi, ít ảnh hưởng đến sức khỏe. Nhìn chung, bụi là nguyên nhân gây nên các bệnh nghề nghiệp cho công nhân trực tiếp làm việc tại nhà máy, gây các bệnh viêm mắt, viêm xoang, viêm phế quản mãn tính.



- Đối với mùi: Mức độ ảnh hưởng của mùi tùy thuộc vào độ nhạy khứu giác của mỗi người và khi phải thường xuyên làm việc trong môi trường có mùi thì giới hạn chịu đựng sẽ tăng lên và không còn khó chịu như khi mới tiếp xúc. Mỗi người phản ứng với sự khó chịu của mùi hôi không giống nhau. Tác động của mùi hôi đối với con người đầu tiên là một tác động khó chịu tức thời. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp các phản ứng tiếp theo lại có thể rất quan trọng. Một số mùi mạnh có thể dẫn đến hiện tượng nôn mửa. Mặt khác những mùi tồn tại dai dẳng và thường xuyên làm cho con người mất ngủ, kích thích thần kinh ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe.

- Các khí độc hại có thể phát sinh như: CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> phần lớn ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân. Ngoài ra, các loại khí này thường khi thâm nhập tầng bình lưu là các tác nhân gây nên khói quang hoá, phá huỷ tầng ôzôn, góp phần tạo nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng chung đến thời tiết toàn cầu. Ở tầng đối lưu các loại khí này có khả năng kết hợp với hơi nước tạo ra các hạt mù axit, hoặc hoà tan vào nước mưa làm giảm độ pH của nước xuống tới 5,5. Khi rơi xuống mặt đất sẽ làm gia tăng khả năng hoà tan các kim loại nặng trong đất, làm chai đất, phá huỷ rễ cây, hạn chế khả năng đâm chồi, giảm năng suất cây trồng. Đối với con người các khí này có khả năng gây kích ứng niêm mạc phổi ở nồng độ thấp. Ở nồng độ cao và lâu dài, chúng có thể gây loét phế quản, giảm khả năng hấp thụ ôxi của các phế nang, tác động không tốt đến hệ tim mạch, gây suy nhược cơ thể. Đặc biệt khi có mặt đồng thời SO<sub>3</sub> thì các tác động lên cơ thể sống mạnh hơn so với tác động của từng chất riêng biệt, gây co thắt phế quản gây ngạt và tử vong.

#### ***1.1.1.2. Đánh giá tác động đến môi trường nước***

##### **❖ Nguồn phát sinh**

Do trong giai đoạn hoạt động tổng thể công ty không sử dụng nồi hơi đốt bằng dầu DO mà thay vào đó sử dụng nồi hơi bằng điện do đó nguồn nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải nồi hơi sẽ không phát sinh trong giai đoạn này. Vì vậy các nguồn chất thải lỏng phát sinh tại dự án giai đoạn hoạt động tổng thể sẽ còn nguồn nước thải phát sinh từ khu vệ sinh là nước thải sinh hoạt, khu nấu ăn của dự án nước mưa chảy tràn. Giai đoạn này phát sinh thêm một lượng nước thải như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của đơn vị thuê nhà xưởng.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình giặt làm mềm vải của Nhà máy.

❖ **Đối tượng bị tác động**

- Chất lượng nước mặt, nước ngầm.
- Hệ sinh thái nước nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.
- Sức khỏe của cán bộ, công nhân làm việc trong công ty, cộng đồng dân cư xung quanh.

❖ **Thành phần và tải lượng**

- *Đối với nước thải sinh hoạt*

Khi dự án đi vào hoạt động số cán bộ, tổng số cán bộ công nhân làm việc lớn nhất là 1400 người ( bao gồm cán bộ, công nhân của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang 800 người và căn cứ vào quy mô dự kiến của đơn vị thuê nhà xưởng là 600 người). Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang chịu trách nhiệm thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án.

Chủ dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng không tổ chức nấu ăn mà mua xuất ăn công nghiệp . Nước sinh hoạt phát sinh chủ yếu do vệ sinh của cán bộ, công nhân và nước phục vụ cho hoạt động rửa tay, chân. Lượng nước thải sinh hoạt thải vào môi trường được tính như sau:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân: (Nhu cầu nước cho sinh hoạt lấy theo TCXD 33-2006 của Bộ Xây dựng dùng nước cho sinh hoạt và các nhu cầu khác tính theo đầu người đối với các điểm dân cư nông thôn áp dụng theo lượng nước dự báo cho giai đoạn năm 2020 là 100lit/người/ngày).

$$Q=100 \times 1400 = 140.000 \text{ lít/ngày} = 140 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Ước tính lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp. Do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày khoảng 140 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Vậy tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của toàn bộ dự án là 140 m<sup>3</sup>/ngày

Theo thống kê tính toán của Tổ chức Y tế Thế giới, khối lượng chất ô nhiễm của mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (nếu không xử lý) sẽ là:

Theo tính toán thống kê của WHO, đối với những quốc gia đang phát triển, khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hàng ngày do mỗi người đưa vào môi trường như trong bảng dưới đây:

**Bảng 4. 5 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý)**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

TT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người.ngày)	Tải lượng chất ô nhiễm tính cho 1.400 người (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 40:2011/BT NMT (Cột B) (mg/l)
1	BOD <sub>5</sub>	54	75.600	540	50
2	Chất rắn lơ lửng	145	203.000	1.450	100
3	Dầu mỡ	30	42.000	300	10
4	Tổng Nitơ	12	16.800	120	40
5	Amôni	4,8	6.720	48	10
6	Tổng Phốt Pho	4,0	5.600	40	6
7	Tổng Coliform (MPN/100ml)	10 <sup>6</sup> – 10 <sup>9</sup>			5000

Từ kết quả tính toán ở bảng trên cho thấy khi nước thải sinh hoạt chưa được xử lý có nồng độ các chất ô nhiễm vượt rất nhiều lần so với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, Cmax. Như vậy, nước thải nếu không được xử lý trước khi thải vào môi trường sẽ gây tác động xấu tới nguồn tiếp nhận.

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), BOD, COD, các vi sinh vật.... chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, sự ô nhiễm do các chất hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hoà tan để phân huỷ chất hữu cơ. Oxy hoà tan giảm sẽ khiến cho các loài thủy sinh trong thủy vực thiếu oxy để sinh sống. Ngoài ra, đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng phú dưỡng nguồn nước.

- **Nước thải sản xuất :**

\* ***Lưu lượng, thành phần:***

**+ Lưu lượng**

+ Nước sản xuất: Mỗi 1 sản phẩm có khối lượng là 0,3kg với công suất mục tiêu 4.000.000 sản phẩm thì tổng khối lượng sản phẩm là 1.200.000 kg/năm. Với mỗi lần giặt là 100kg dùng 700 lít nước thì với tổng khối lượng sản phẩm 1.200.000 kg/năm thì lượng nước tiêu dùng là: (1.200.000 kg/năm x 700 lít)/100kg = 8.400.000 lít = 8.400m<sup>3</sup>/năm = **27 m<sup>3</sup>/ngày**.

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

Lượng nước cung cấp cho quá trình giặt bằng 100% lượng nước thải bỏ.

Vậy lượng nước thải bỏ của Nhà máy tại công đoạn giặt là: **27 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.**

**+ Thành phần**

Lượng dùng hóa chất trong quá trình giặt của Nhà máy như sau:

STT	Tên hóa chất	Tỷ lệ dùng	Lượng dùng theo ngày
1	Bột giặt Omo	2g/ 1 lit nước	112kg
2	Bột làm mềm vải Depisoft LCP – P	0,1g/ 1 lit nước	5,6 kg
3	Chất chống lem OREKAS S-35	1g/ 1 lit nước	56kg
4	Dầu silicon mềm vải Elastojet	1g/ 1 lit nước	56kg
5	Deniboost OX Chất tẩy ó vàng	0,1g/ 1 lit nước	5,6kg
6	Hồ mềm Escon C	1g/1 lit nước	56kg
7	Kiểm (NaOH 99%)	0,1g/ 1 lit nước	5,6kg
8	Axit acetic	0,1g/ 1 lit nước	5,6kg
9	Chất tẩy dầu Deniboost JB65	1g/1 lit nước	56kg

**I. Nước giặt/ Bột giặt Omo****THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN THÀNH PHẦN**

Tên hóa chất	CAS No.	Tỷ lệ
Sô đa	497-19-8	10-30%
Chất hoạt động bề mặt anion	-	10-30%
Chất hoạt động bề mặt không chứa ion	-	<10%
Natri silicat	1344-09-8	<10%
Chất huỳnh quang	-	<10%

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

Protease Enzymes		<10%
Các thành phần khác được xác định không nguy hiểm		To 100%

**2. Bột làm mềm vải Depisoft LCP - P****1) XÁC ĐỊNH CHẤT VÀ THÔNG TIN CÔNG TY**

Tên sản phẩm: **DEPISOFT LCP-P**  
Địa chỉ công ty: **DENIM CARE SDN. BHD**  
Lot 29, Lorong Perusahaan 6A,  
Kulim Industrial Estate  
09000 Kulim Kedah.  
Số điện thoại: 604-4891899  
Số fax: 604-4891898  
Địa chỉ email: [sales@denimcare.net](mailto:sales@denimcare.net)

**2) THÔNG TIN THÀNH PHẦN SẢN PHẨM**

Thành phần nguy hiểm:

Tên chất	Nồng độ trong sản phẩm:	Số CAS
Cellulase Enzyme Protein	> 1	9012-54-8

**3. Dầu silicon mềm vải Elastojet**

**TÀI LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT**  
**TÊN HÓA CHẤT : DẦU SILICON MỀM VẢI/ elastojet**

**1. Thành phần sản phẩm :**

Đồng dạng : ELASTOJET  
CAS : 631-61-8  
Trọng lượng phân tử : 77.08  
Công thức hóa học :  
Mã số sản phẩm :  
T. Baker: 0596, 0598, 0599  
Mallinckrodt: 3271, 3272, 5857

**2. Thành phần :**

Thành phần	Số CAS	Tỷ lệ %	Độc hại
Amino silicone biến tính cao cấp	631-61-8	100%	Có

SILICONE – C885 là một loại hồ mềm Silicone có tính thấm ướt cao, không làm vàng vải, là sản phẩm mới được khai thác trong thời gian gần đây. SILICONE – C885 được sản xuất để thay thế các loại hồ cationic thông thường, vì hiện nay đa số các nhà máy dệt nhuộm khi hồ mềm hoàn tất xong thường phát sinh tình trạng độ thấm của vải sợi bị hạn chế đáng kể, thậm chí không còn tính thấm ướt và mặt vải bị khô. SILICONE – C885 được sản xuất để khắc phục các tình trạng nêu trên. Ngoài ra sau khi sử dụng SILICONE – C885 cho các loại vải sợi T/C, Cotton, CVC, Polyester ... sẽ đạt được độ mềm tuyệt hảo có độ hút nước rất cao (rewetting) tạo độ ẩm ướt cho vải có độ cảm giác mát tay. Đặc biệt sử dụng cho các loại khăn lông, áo lót, vải kaki, jean. Có tính năng thấm ướt rất lý tưởng và kinh tế, vì nồng độ của loại hóa chất này rất cao, giá thành hợp lý.

**4. Deniboost OX Chất tẩy ố vàng**

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)



### DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT

"DENIM CARE PRODUCTS  
WHAT NATURE CREATES"

#### DENIBOOST OX

Ngày :19.05.15

Phiên bản : 1.0

Trang 1/3

#### 1) NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm	DENIBOOST OX
Tên công ty	DENIM CARE SDN BHD Lô 29, Lorong Perusahaan 6A, Kulim Industrial Estate, 09000 Kulim, Kedah.
Số điện thoại.	604-4891899
Số fax.	604-4891898
E-mail	sales@denimcare.net

#### 2) Thông tin về thành phần hóa chất

Hóa chất	% khối lượng	CAS No.
Peroxide release agent	70 - 80	10486-00-7
Sodium metasilicate	20 - 30	13517-24-3

## 5. Hồ mềm Decosoft Es Conc



### MATERIAL SAFETY DATA SHEET

"DENIM CARE PRODUCTS  
WHAT NATURE CREATES"

#### DECOSOFT ES CONC

Date: 07-05-2015

Page 1 of 4

#### 1) XÁC ĐỊNH CHẤT / THÔNG TIN CÔNG TY.

Tên sản phẩm:	DECOSOFT ES CONC.
Địa chỉ công ty:	DENIM CARE SDN. BHD Lot 29, Lorong Perusahaan 6A, Kulim Industrial Estate 09000 KulimKedah.
Số điện thoại:	604-4891899
Số fax:	604-4891898
Địa chỉ email:	sales@denimcare.net.

#### 2) THÔNG TIN THÀNH PHẦN SẢN PHẨM:

Tên chất:	Nồng độ trong sản phẩm:	Số CAS
Methyl ester	> 50%	91995-81-2

## 6. Chất tẩy dầu Deniboost JB65

#### 3) CẤU TẠO CHẤT/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Tên chất	% Độ đậm đặc	Số CAS
Propylene glycol	30 - 40	57-55-6
Polyoxyethylene isotridecyl ether	10 - 20	69011-36-5
Nước	40 - 50	7732-18-5



**\* Nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường giao thông, nhà xưởng,... của Dự án. Vào mùa mưa lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào chế độ mưa của khu vực.

Nước mưa chảy tràn kéo theo các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, rác, đất đá từ sân bãi, đường đi...thải vào nguồn nước mặt trong khu vực. Nước mưa chảy tràn khi xả vào hệ thống ao hồ, mương, sông ngòi thì sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt như gây ngập úng ảnh hưởng đến thủy sinh trong khu vực.

Lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực có thể được xác định theo công thức thực nghiệm như sau:

$$Q = 0,287 \times 10^{-3} \times \psi \times h \times F \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Trong đó:

$0,287 \times 10^{-3}$  – hệ số quy đổi đơn vị

$\psi$  - Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào độ dốc, đặc điểm mặt phủ.... ( = 0,7)

$h$  – Cường độ trung bình tại trận mưa tính toán theo kết quả quan trắc nhiều năm ( $h= 0,1\text{m/h}$ )

$F$ - Diện tích khu vực  $22.430 \text{ m}^2$

Từ đó  $Q= 0,5 \text{ m}^3/\text{s}$

Tải lượng chất ô nhiễm trong nước mưa: với nước mưa chảy tràn, mức độ ô nhiễm chủ yếu là từ nước mưa đợt đầu (tính từ khi mưa bắt đầu hình thành dòng chảy trên bề mặt cho đến 15 hoặc 20 phút sau đó). Hàm lượng các chất bẩn trong mưa đợt đầu tại khu vực được ước lượng như sau:  $\text{BOD}_5$  khoảng 35 đến 50 mg/l, hàm lượng cặn lơ lửng khoảng 1500 đến 1800 mg/l.

Theo thống kê tính toán của Tổ chức Y tế Thế giới, nồng độ các chất ô nhiễm môi trường trong nước mưa chảy tràn được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 4. 6 Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước mưa chảy tràn**

STT	Chỉ tiêu	Nồng độ (mg/l)
1	Tổng Nitơ	0,5 – 1,5
2	Tổng Phot pho	0,004 – 0,03
3	COD	10 – 12
4	TSS	10 – 20

[Nguồn: Thống kê tính toán của tổ chức Y tế Thế giới]

So với nguồn nước thải khác nước mưa chảy tràn có mức độ ô nhiễm thấp. Vì vậy, nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước, hố ga có lưới chắn rác trước khi thải ra Môi trường khu vực.

• ***Ảnh hưởng của tác động***

Xét về thành phần và tính chất, cũng giống như nước thải sinh hoạt từ các cơ sở công nghiệp và cụm dân cư khác, NTSH của cơ sở chứa cặn bã hữu cơ, chất lơ lửng, các chất hữu cơ và vô cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD và COD), các chất dinh dưỡng (thông qua các chỉ số N và P) và các loại vi sinh vật gây bệnh. Nếu không được xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, NTSH của Cơ sở cũng sẽ gây tác động xấu đến chất lượng nước mặt và nước ngầm khu vực xung quanh cơ sở và góp phần làm tăng mức độ ô nhiễm nước mặt của khu vực.

Trị số BOD<sub>5</sub> và COD càng cao trong NTSH thì mức độ ô nhiễm hữu cơ càng lớn. Khi thải vào nguồn tiếp nhận, NTSH sẽ làm giảm lượng ôxi hòa tan và cũng rất nguy hại nếu con người sử dụng nguồn nước này để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt.

**Bảng 4. 7 Tác động của một số chất gây ô nhiễm môi trường nước**

TT	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ	-Làm giảm nồng độ ôxy hòa tan trong nước -Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh -Ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ -Gây mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.
2	Chất rắn lơ lửng	-Ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước và tài nguyên thủy sinh -Tăng độ đục và giảm khả năng quang hợp của một số loại sinh vật hoại sinh
3	Các chất dinh dưỡng (N, P)	-Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước và sự sống của sinh vật thủy sinh. -Phát sinh nhiều loại sinh vật không mong muốn
4	Các vi khuẩn gây bệnh	-Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân gây các bệnh: thương hàn, phó thương hàn, tả, lị... -Coliform là nhóm gây bệnh đường ruột -E.coli là vi khuẩn thuộc nhóm coliform.

Nước mưa chảy tràn trong khu vực cơ sở sản xuất phụ thuộc vào lượng mưa trong năm. Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các tạp chất rơi vãi trên mái nhà xưởng và trên hệ thống đường giao thông nội bộ trước khi vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. So với các nguồn nước khác, nước mưa



chảy tràn tương đối sạch. Tuy nhiên vẫn cần phải có biện pháp khống chế nhằm loại bỏ và giảm thiểu các tạp chất bị cuốn theo nước mưa chảy tràn đến nguồn tiếp nhận.

### **1.1.1.3. Đánh giá tác động do chất thải thông thường và chất thải nguy hại**

#### **❖ Nguồn chất thải rắn thông thường**

##### **+ Chủ dự án:**

- Chất thải sinh hoạt: phát sinh khu văn phòng, hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phát sinh từ hoạt động sản xuất.

##### **+ Đơn vị thuê nhà xưởng:**

- Chất thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án của đơn vị thuê nhà xưởng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phát sinh từ hoạt động sản xuất của đơn vị thuê nhà xưởng.

##### **\* Thành phần và tải lượng:**

##### **- Chất thải rắn sinh hoạt:**

Hiện tại, lương công nhân viên công ty là 800 người, theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,7 tấn/tháng tương đương 269 kg/ngày (lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,3kg/người/ngày).

**Bảng 4. 8 Thành phần và khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh giai đoạn tổng thể của nhà máy.**

<b>STT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Khối lượng (kg/ngày)</b>
1	Giấy bìa, bao bì...	30	80,7
2	Chất thải giữa (động vật, thực vật)	25	67,2
3	Thủy tinh	12	32,3
4	Chất dẻo	10	26,9
5	Kim loại	6	16,2
6	Chất sợi	2	5,4
7	Các chất vô cơ khác	15	40,3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>269</b>

(Nguồn: Giáo trình Quản lý và xử lý chất thải rắn- PGS.TS. Nguyễn Văn Phước - Khoa Môi trường, trường Đại học Bách khoa TP HCM)

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

+ **Chủ dự án:** Trong giai đoạn mở rộng công ty giảm 50% quy mô công suất với các mục tiêu sản xuất do đó khối lượng chất thải không phát sinh thêm mà trong giai đoạn này công ty không sử dụng dầu DO để đốt nồi hơi để phục vụ cho sản xuất nên lượng chất thải từ nồi hơi sẽ không phát sinh. Lượng chất thải sản xuất thông thường phát sinh tại dự án giai đoạn hoạt động tổng thể như sau:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu gồm vải vụn, chỉ thải, các loại phụ liệu thải bỏ ....Theo công tác báo cáo bảo vệ môi trường năm 2022 của công ty thì chất thải rắn sản xuất phát sinh 16.950kg/tháng

**Bảng 4. 9 Dự báo khối lượng chất thải sản xuất phát sinh của dự án**

STT	Thành phần	Trạng thái	Khối lượng(kg/tháng)
1	Vải vụn, chỉ thải	Rắn	360
2	Phụ liệu thải bỏ	Rắn	225
3	Sản phẩm không đạt yêu cầu	Rắn	475
4	Bùn thải	Lỏng	425
5	Bìa carton	Rắn	6.125
6	Nilon trắng mềm	Rắn	865
	<b>Tổng</b>		<b>8.475</b>

Vậy tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh giai đoạn hoạt động tổng thể phát sinh khoảng **8.475** kg/tháng tương đương 326kg/ngày.

Lượng chất thải này tuy không chứa thành phần nguy hại xong nếu thải ra ngoài môi trường sẽ có tác động lớn, do đặc tính khó phân hủy (túi nilon, sản phẩm lỗi hỏng,...). Do vậy, chủ dự án có những biện pháp xử lý đảm bảo các tác động giảm thiểu đến mức thấp nhất.

**\* Đối tượng và phạm vi tác động**

- Môi trường nước mặt, nước ngầm và môi trường đất xung quanh dự án;
- Hệ sinh thái khu vực.

**\* Phạm vi tác động:**

Khu vực chịu tác động là nguồn nước mặt, nước ngầm, môi trường đất xung quanh khu vực dự án.

**\* Ảnh hưởng của tác động**

Đối với chất thải rắn thì nguồn chính là rác thải sinh hoạt. Nguồn rác thải sinh hoạt bao gồm rác thải khu hành chính, phát sinh do ăn uống,... Thành phần của rác thải sinh hoạt có khoảng 40% chất hữu cơ, 60% chất vô cơ. Thành phần hữu cơ trong rác thải sinh hoạt có khả năng phân hủy nhanh. Nếu không được chứa trong thùng kín và thu gom trong ngày các khí ô nhiễm và mùi khó chịu sẽ phát tán vào không khí xung quanh.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh lớn nếu không có biện pháp thu gom, xử lý sẽ gây ô nhiễm cho môi trường, trong khu vực dự án cũng như môi trường xung quanh.

**+ Chủ dự án:**

Trong giai đoạn hiện tại Công ty sản xuất các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác với quy mô 8.000.000 sản phẩm/ năm, giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do công ty sản xuất 8.000.000 sản phẩm/năm thì lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 500kg/năm.

Giai đoạn mở rộng Công ty giảm 50% quy mô công suất với các mục tiêu sản xuất, do đó lượng chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động tổng thể giảm so với giai đoạn hiện tại.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án giai đoạn hoạt động tổng thể như sau:

**Bảng 4. 10 Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất giai đoạn hoạt động tổng thể**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	(Kg/năm)
01	Bao bì cứng bằng kim loại	08 01 02	Rắn	50
02	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắn	60
03	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	70
04	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Rắn	60
05	Dầu thải	17 02 03	Lỏng	30
06	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	10
	<b>Tổng</b>			<b>280</b>

***\*Đối tượng, phạm vi tác động***

- Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước, không khí và con người.
- Quy mô tác động, phạm vi tác động: Tác động suốt trong thời gian hoạt động Dự án. Chất thải rắn nguy hại nếu không được tập trung, thu gom và xử lý đúng theo quy định hiện hành của Pháp luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. CTNH phát tán vào môi trường sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng đến nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm, môi trường đất, không khí; Theo chuỗi thức ăn các chất ô nhiễm trong CTNH sẽ thâm nhập vào cơ thể con người gây các bệnh nan y như ung thư,... nặng hơn có thể dẫn đến nhiễm độc cấp tính gây tử vong.

- Các chất thải nguy hại như dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị khi vào môi trường đất, nước sẽ gây tác động hủy diệt lớn đối với hệ sinh vật đất, nước.

- Chất thải nguy hại khi vào nguồn nước sẽ làm thay đổi tính chất nước, nếu vào trạm xử lý nước thải tập trung sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý nước thải của trạm.

***1.1.1.4. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải***

***a/ Tác động đến các đối tượng kinh tế - xã hội***

***\* Tác động tích cực:***

Hoạt động của dự án góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế của địa phương, tạo việc làm cho người lao động, các hộ kinh doanh sản xuất, góp phần cải thiện đời sống xã hội của người dân xung quanh khu vực Dự án.

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho một số lao động tại địa phương và đóng góp thêm cho ngân sách địa phương qua các khoản thuế, phí,...

- Góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng công nghiệp hóa.

***\* Tác động tiêu cực:***

Ngoài các tác động tích cực, hoạt động của Công ty cũng có thể gây ra một số tác động tiêu cực như:

- Gây ô nhiễm môi trường
- Mất an ninh trật tự, tắc nghẽn giao thông, tệ nạn xã hội...

***\* Đối tượng, phạm vi tác động***

- Đối tượng bị tác động:
  - + Kinh tế - xã hội địa phương.

+ Người dân địa phương.

- Quy mô, phạm vi tác động: Tác động trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

***b/ Tác động của tiếng ồn, độ rung***

***\* Nguồn phát sinh***

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bao gồm:

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, máy móc thiết bị do quá trình bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm, hoạt động của các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên, nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đi tiêu thụ.

- Quạt thông gió nhà xưởng.

- Hoạt động thiết bị, máy móc sản xuất: máy cắt, máy nén khí,...

- Hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải.

Trong quá trình vận hành, các loại máy móc tại nhà máy sẽ được vận hành đồng loạt theo dây chuyền, sự vận hành cùng lúc của các loại máy móc sẽ gây ra tiếng ồn đồng loạt, nếu không có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trong quá trình vận hành dự án, dự báo công nhân làm việc tại nhà máy trong thời gian dài sẽ chịu ảnh hưởng đến sức khỏe do tác động tiếng ồn gây ra.

***\* Tác động***

Tiếng ồn tác động lên con người ở 3 dạng: Tác động về mặt cơ học như che lấp âm thanh cần nghe, gây khó chịu căng thẳng; tác động tới bộ phận thính giác và hệ thần kinh; ở mức cao và lâu dài tiếng ồn ảnh hưởng đến hành vi xã hội của con người;

Tiếng ồn có ảnh hưởng đến cơ quan thính giác (gây thủng màng nhĩ, mất khả năng nghe,..) và hệ tuần hoàn, đặc biệt khi tiếng ồn có tần số cao. Tiếng ồn có tần số thấp có tác dụng đến hệ thần kinh, làm mất tập trung, dễ gây tai nạn lao động, làm việc nhiều ở những nơi có cường độ tiếng ồn cao có thể mắc bệnh điếc nghề nghiệp.

Tiếng ồn khi vượt quá tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ra ảnh hưởng đến sức khỏe con người và hạ thấp chất lượng cuộc sống của xã hội.

- Khi bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm cũng sẽ phát sinh tiếng ồn do va chạm các thùng, kiện hàng nhưng mức ồn phát sinh từ các nguồn này không lớn và không thường xuyên ảnh hưởng đến môi trường lao động của công nhân không đáng kể.

- Các phương tiện giao thông vận tải, đặc biệt là các phương tiện bốc dỡ chuyên dùng của Nhà máy, mặc dù mức tiếng ồn không cao bằng các máy xây dựng nhưng tần số hoạt động cao hơn nhiều. Tiếng ồn từ các phương tiện GTVT chỉ diễn ra trong khoảng thời gian ngắn. Thông thường, chênh lệch mức ồn khi có và không có phương tiện GTVT hoạt động là 5- 10dBA.

- Hoạt động của các động cơ, dây chuyền công nghệ sản xuất sẽ phát sinh tiếng ồn.

- Tiếng ồn từ hoạt động của máy nén khí: hoạt động của máy nén khí phát ra tiếng ồn khi máy hoạt động là do các động cơ quay hoạt động sinh ra hoặc được tạo ra từ quá trình nạp và thải khí của máy. Nhưng nếu tiếng ồn vượt quá ngưỡng quy định sẽ gây khó chịu cho người làm việc xung quanh, ô nhiễm môi trường...

- Tiếng ồn gây ô nhiễm khá nghiêm trọng đối với sức khỏe của người tiếp xúc trực tiếp và lâu dài với nguồn gây ồn. Các tác động có thể nhận thấy là người vận hành bị mệt mỏi, mất ngủ, gây tâm lý khó chịu, giảm năng suất lao động. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ cao trong thời gian dài sẽ làm cho thính lực bị giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

*\* Mức độ ồn*

Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ, mức ồn tại khu vực xử lý nước thải là 70,8dBA, tại khu vực lò hơi là 82,1dBA, tại khu vực xưởng sản xuất là 79dBA.

Qua kết phân tích, cường độ tiếng ồn khá lớn, tuy nhiên vẫn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (mức 85dBA).

Các phương tiện giao thông ra vào Công ty chủ yếu là ô tô và xe máy. Mức ồn phát sinh do các phương tiện vận chuyển được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4. 11. Mức ồn của các loại xe cơ giới**

TT	Phương tiện, máy móc	Mức ồn (dBA)	QCVN 26:2016/BYT
			Từ 6 giờ đến 21 giờ
1	Xe vận tải	93	85
2	Xe mô tô 2 thì	80	
3	Xe mô tô 4 thì	94	

[Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nxb KHK, 1997]



- Mức ồn của các loại xe cơ giới trong bảng trên hầu hết đều cao hơn Quy chuẩn tiếng ồn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT. Tuy nhiên, tác động do tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện chỉ có tính chất gián đoạn nên không đáng kể.

Do khu vực Dự án nằm cách khu dân cư 50 m nên ảnh hưởng không đáng kể tới môi trường xung quanh. Tuy nhiên, tiếng ồn cao và lâu dài sẽ ảnh hưởng tới thính giác và năng suất làm việc của công nhân. Chủ Dự án đã trang bị các thiết bị bảo hộ đặc biệt cho công nhân làm việc tại những khu vực có độ ồn cao, đảm bảo không ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân.

#### ***1.1.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố***

##### ***a) Sự cố tại nạn lao động***

Các nguyên nhân có thể dẫn đến tai nạn lao động:

- + Công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động;
- + Bất cẩn khi vận hành các máy móc thiết bị, tiếp xúc với điện, lửa;
- + Rơi hàng hóa khi bốc dỡ, tai nạn giao thông trong khu vực.
- + Rơi, đổ hóa chất vào người

Xác suất xảy ra sự cố tùy thuộc vào ý thức chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của công nhân trong từng trường hợp cụ thể. Do vậy, vấn đề đảm bảo an toàn lao động cho công nhân làm việc được Công ty xem xét và thực hiện nghiêm túc, hướng dẫn mọi người về các quy định an toàn lao động trong sản xuất.

##### ***b) Sự cố tại nạn giao thông***

Sự gia tăng số lượng, mật độ phương tiện giao thông trong Nhà máy và các tuyến đường xung quanh Nhà máy làm tăng khả năng xảy ra các tai nạn giao thông trong khu vực.

##### ***c) Sự cố an ninh trật tự khu vực***

Hiện tại, số người làm việc tại dự án khoảng 2.100 người trong đó có người nước ngoài. Trong công việc và sinh hoạt do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa rất dễ gây bất đồng và xảy ra mâu thuẫn gây mất trật tự an toàn xã hội cho khu vực địa phương ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương; gây ô nhiễm môi trường; lây lan dịch bệnh cho người dân sống xung quanh Nhà máy.

Tuy nhiên tác động tích cực mà dự án mang lại với kinh tế xã hội địa phương như mang lại việc làm cho một số lao động nhân rỗi tại địa phương với thu nhập,

việc làm ổn định. Việc tập trung công nhân lao động tại dự án cũng góp phần thúc đẩy một số loại hình dịch vụ tăng thu nhập cho người dân địa phương như: dịch vụ cho thuê nhà ở, hàng ăn, bán hàng tạp hóa, bán quán nước...

***d) Sự cố cháy nổ, chập điện***

Nguyên nhân dẫn đến cháy, nổ có thể do:

- + Vứt bừa bãi tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực dễ xảy ra cháy nổ.
- + Tồn trữ rác, bao bì giấy, nilon trong khu vực có lửa hay nhiệt độ cao.
- + Sự cố về các thiết bị điện như dây trần, dây điện, động cơ, quạt... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt dẫn đến cháy, hoặc do chập mạch khi gặp mưa dông to.
- + Sự cố do sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ...

Sự cố cháy nổ khi xảy ra có thể dẫn tới các thiệt hại lớn về kinh tế xã hội và làm ô nhiễm cả ba hệ thống sinh thái nước, đất và không khí một cách nghiêm trọng. Hơn nữa nó còn ảnh hưởng tới tính mạng của con người, tài sản người dân trong khu vực.

***e) Sự cố ngập úng***

Sự cố ngập úng có thể xảy ra do một số nguyên nhân như:

- Tắc nghẽn hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

Ngập úng xảy ra có thể tác động đến toàn bộ hoạt động của Công ty, đình trệ hoạt động sản xuất của nhà máy. Do đó, ngập úng sẽ gây thiệt hại cho nhà máy cũng như cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty.

***g) Sự cố do thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt, lốc, sét,...)***

Khi xảy ra thiên tai, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt, lốc, sét,... đặc biệt là những trận mưa lớn làm ngập, ngăn chặn các dòng thoát nước tự nhiên điều này làm gia tăng nguy cơ sạt lở, ngập úng vào mùa mưa (từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm) gây sạt lở các tuyến đường, gây đổ các công trình của công ty gây thiệt hại về tài sản nên khi xảy ra sự cố về thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt, lốc, sét,... gây ảnh hưởng là không nhỏ. Do đó công tác quản lý, cũng như thiết kế ban đầu cần tính toán được sức chịu tải của các công trình để nâng cao khả năng sử dụng, tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra, gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản.

***h) Sự cố hóa chất***



Công ty có sử dụng hóa chất cho hoạt động sản xuất và xử lý môi trường. Sự cố hóa chất có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển, trong quá trình lưu giữ bảo quản. Sự cố do hóa chất gây ra được đánh giá là gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, tác động xấu đến môi trường xung quanh, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của công nhân.

Khi hóa chất bị rò rỉ, xâm nhập vào môi trường làm phát tán mùi trong không khí, thay đổi tính chất của nước, ảnh hưởng đến hệ sinh thái nước. Làm thay đổi thành phần hóa học trong đất, ảnh hưởng đến môi trường đất.

An toàn hóa chất là một vấn đề cần được quan tâm trong hoạt động sản xuất. Do vậy Công ty sẽ có các biện pháp nhằm giảm thiểu sự cố hóa chất gây ra, tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Luật hóa chất Việt Nam hiện hành.

***i) Sự cố từ Máy nén khí:***

- *Máy nén khí:*

Máy nén khí khi chứa khí nén sẽ có áp suất rất lớn và có khả năng gây ra nổ áp lực và dễ bị nổ khi nung nóng, đổ rơi, va đập, nhiệt độ thay đổi đột ngột, bình quá hạn sử dụng... Hoặc có thể do chất khí bị rò rỉ, dung môi tiếp xúc, chập điện, chập đường dây dẫn...

Máy nén khí khi chứa khí nén sẽ có áp suất rất lớn và có khả năng gây ra nổ do tăng áp suất, do van an toàn không hoạt động, điện giật do gio điện, dây cuaroa kéo quần áo, tóc vào bộ phận truyền động, tiếng ồn từ quá trình hoạt động...

***k) Sự cố hư hỏng các hạng mục công trình BVMT***

- *Hệ thống rãnh thoát nước mưa:* Đường ống thu gom, thoát nước mưa bị hư hỏng do lực mạnh tác động vào dẫn đến sụt lún, vỡ đường ống, do hệ thống lâu ngày xuống cấp dẫn đến đường thoát nước bị tắc nghẽn.

- *Hệ thống rãnh thoát nước thải:* Đường ống thu gom, thoát nước thải bị hư hỏng do lực mạnh tác động vào dẫn đến sụt lún, vỡ đường ống, do hệ thống lâu ngày xuống cấp dẫn đến đường ống thu thoát bị tắc nghẽn, nước thải chảy tràn lan ra ngoài môi trường gây mất vệ sinh môi trường.

- *Đường ống thoát nước sau xử lý D110:* Đường ống bị tác động mạnh là vỡ đường ống thoát nước dẫn đến nước thải sau xử lý không thu gom được ra điểm đầu nối.

- *Kênh tiếp nhận nước mưa, nước thải của dự án:* kênh tiếp nhận bị sụt, vỡ,... hoặc sửa chữa kênh sẽ không tiếp nhận được nước thải và nước mưa của dự án, gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

- *Trạm xử lý nước thải:*

Trong quá trình hoạt động của dự án, các thiết bị xử lý môi trường như xử lý nước thải,... sẽ làm việc liên tục với thời gian dài rất dễ xảy ra sự cố (hư hỏng máy móc thiết bị). Khi phát hiện sự cố sẽ phải tạm ngừng hoạt động để khắc phục, sửa chữa dẫn đến ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, sản xuất của dự án.

Ngoài ra, quá trình hoạt động trạm xử lý nước thải có thể ngừng hoạt động do mất điện, hỏng hóc, sửa chữa, bảo dưỡng... làm cho một lượng lớn nước thải không được xử lý kịp thời hoặc hiệu suất xử lý không đạt tiêu chuẩn thiết kế gây ảnh hưởng đến nguồn nước tiếp nhận.

- *Sự cố chất thải thông thường (chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp):*

Công trình thu gom, lưu trữ gặp sự cố gây hư hỏng do mưa, bão, lũ,.. bị đổ làm các chất thải bị tràn đổ, rò rỉ ra ngoài môi trường.

- *Sự cố chất thải nguy hại:*

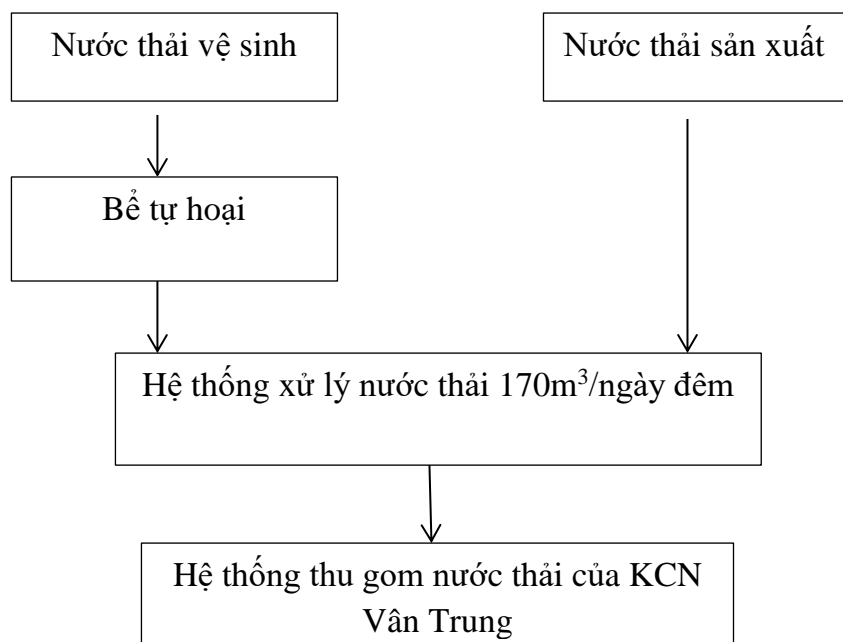
Công trình thu gom lưu trữ gặp sự cố gây hư hỏng do mưa, bão, lũ,.. bị đổ làm các chất thải bị tràn đổ, rò rỉ ra ngoài môi trường.

Các chất thải để lưu giữ lâu ngày, ăn mòn thùng đựng dẫn đến bị vỡ, rò rỉ thùng chứa làm chất thải tràn đổ ra ngoài môi trường.

## **2.2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện**

### **2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải**

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt Quy chuẩn 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN, biện pháp thu gom, xử lý nước thải của dự án được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



**Hình 4. 1. Sơ đồ quy trình thu gom nước thải sinh hoạt tổng thể**

**a) Nước thải sinh hoạt của chủ dự án và đơn vị thuê xưởng**

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh giai đoạn tổng thể của chủ dự án và đơn vị thuê xưởng lớn nhất là 140 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước thải của đơn vị thuê xưởng sẽ do Công ty chịu trách nhiệm xử lý đạt quy chuẩn trước khi đầu nối ra ngoài môi trường.

Như vậy với trạm xử lý nước thải công suất 170m<sup>3</sup>/ngày.đêm đã xây dựng, hoàn toàn đảm bảo xử lý nước thải cho giai đoạn hoạt động hiện tại và giai đoạn hoạt động sản xuất tổng thể cũng như nhu cầu mở rộng (cho thuê nhà xưởng) của công ty.

Trong giai đoạn hoạt động tổng thể, công ty sẽ tiếp tục vận hành trạm xử lý nước thải công suất 170m<sup>3</sup>/ngày.đêm đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung .( vị trí được thể hiện trên tổng mặt bằng thoát nước thải –đính kèm trong phục lục báo cáo)

Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn được đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh cụ thể như sau:

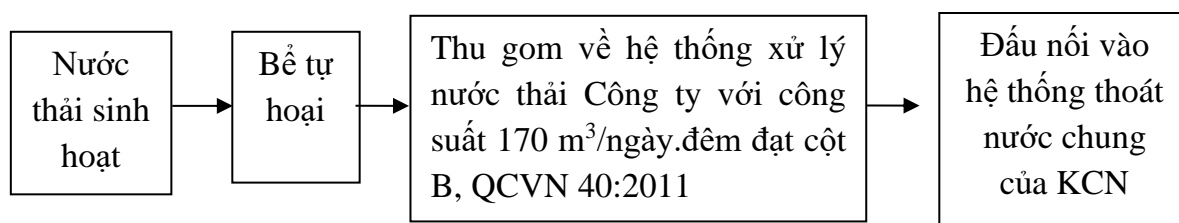
Tại nhà xưởng E01: đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích: 30m<sup>3</sup>/bể..

Tại nhà xưởng E02: đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích: 30m<sup>3</sup>/bể..

Tại nhà xưởng E07: đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích: 30m<sup>3</sup>/bể..

Tại nhà xưởng E06: đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích: 30m<sup>3</sup>/bể.

Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 120 m<sup>3</sup> sau đó được thu gom về hệ thống nước thải tập trung với công suất là 170 m<sup>3</sup>/ngày/đêm để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các chỉ tiêu phân tích đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.



**Hình 4. 2. Sơ đồ nguyên lý mạng lưới thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của dự án**

#### ***b, Nước thải sản xuất***

Với lượng nước thải bỏ của Nhà máy tại công đoạn giặt là: 27 m<sup>3</sup>/ngày.đêm thì sẽ được thu gom về bể thu gom nước thải sản xuất rồi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải với công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom đầu nối cùng về hệ thống xử lý nước thải với công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải với công suất 170m<sup>3</sup>/ngày.đêm như sau:

**Bảng 4. 12. Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải**

TT	Tên bể	Thể tích bể (m <sup>3</sup> )	Chiều dài x đường kính (m)
<b>Hệ thống xử lý nước thải công suất: 170 m<sup>3</sup>/ngày.đêm</b>			
1	Bể gom nước thải sinh hoạt TK1	3,456	1,8x1,2x1,6
2	Bể gom nước thải sản xuất TK1A	2,496	1,3x1,2x1,6
3	Bể điều hòa TK2	56,16	5,2x4x2,7

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

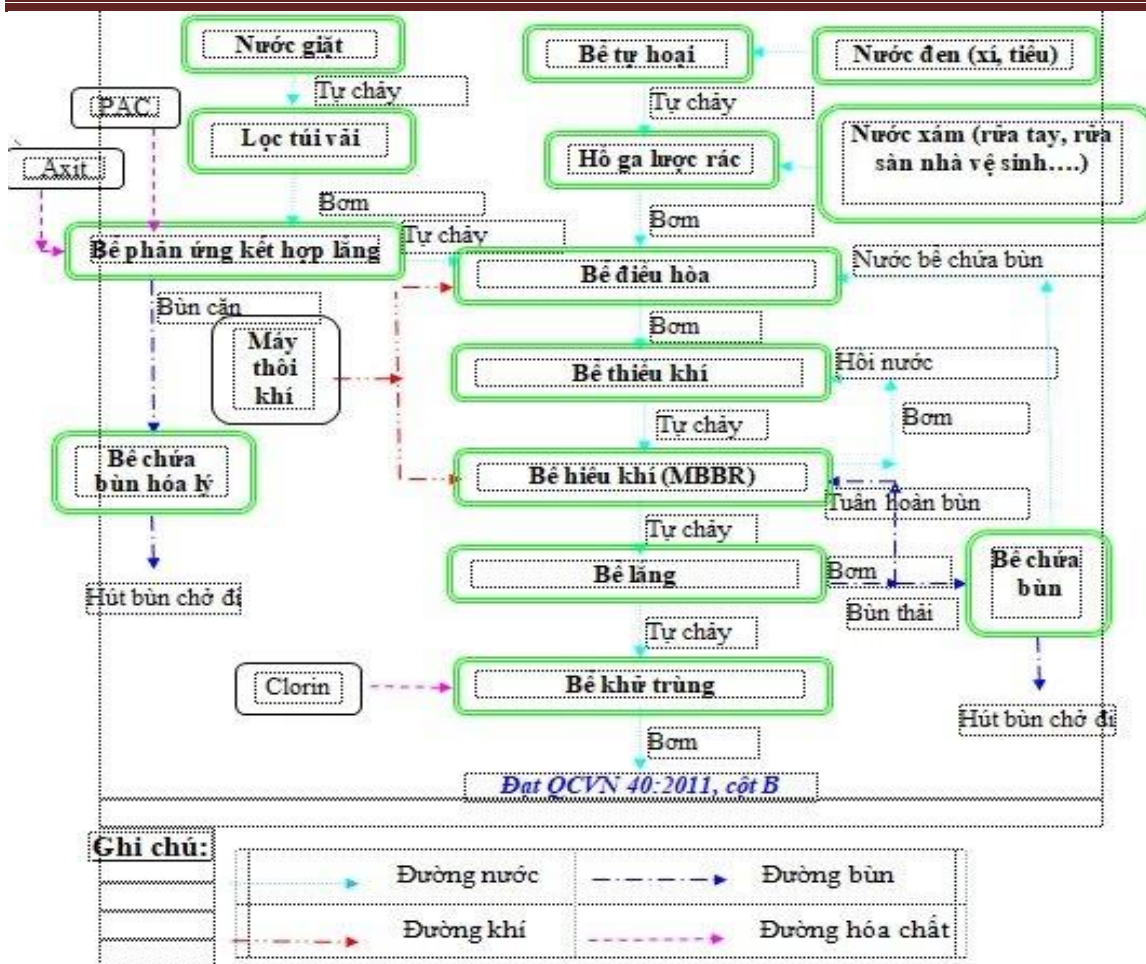
4	Bể thiếu khí TK3	49,14	5,2x3,5x2,7
5	Bể hiếu khí TK4	81,43	5,2x5,8x2,7
6	Bể lắng TK5	24,3	3x3x2,7
7	Bể khử trùng TK6	10,26	1,9x2x2,7
8	Bể bơm bùn TK7	5,4	1x2x2,7
9	Bể chứa bùn TK8	6,075	1,5x1,5x2,7
10	Bể phản ứng + lắng TK1B	9,315	2,3x1,5x2,7
11	Bể chứa bùn hóa lý TK1C	4,86	1,2x1,5x2,7

**Bảng 4. 13 Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường**

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy bơm	4	Chiếc	Trung Quốc/Đài Loan	Mới 100%
2	Bơm bùn	1	Chiếc	Trung Quốc/Đài Loan	Mới 100%
3	Máy thổi khí	2	Chiếc	Trung Quốc/Đài Loan	Mới 100%
4	Máy khuấy chìm	1	Chiếc	Trung Quốc/Đài Loan	Mới 100%
5	Đồng hồ đo lưu lượng	1	Chiếc	Trung Quốc/Đài Loan	Mới 100%

(Nguồn: Đơn vị tư vấn và chuyển giao công nghệ Công ty TNHH CNMT Đất Việt)

**Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải**



**\* Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Nước thải từ bể tự hoại của công ty sẽ được dẫn về **hố ga lọc rác** tại hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại đây nước thải được bơm vào **bể điều hòa**.

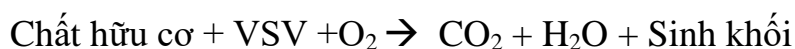
Nước thải giặt phát sinh từ quá trình sản xuất của công ty sẽ được dẫn về **bể lọc túi vải**. Nước thải được bơm vào **bể phản ứng kết hợp lắng**. Tại bể này có lắp đặt thiết bị đo pH online và bơm định lượng hóa chất sẽ tự động châm Axit nếu thiết bị đo báo ngoài ngưỡng quy định. Tại bể phản ứng kết hợp lắng được châm hóa chất PAC giúp loại bỏ các chất rắn lơ lửng trong nước. Sau đó nước trong tự chảy sang **bể điều hòa**, bùn thải sẽ được bơm về **bể chứa bùn hóa lý** và định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

**Bể điều hòa** có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý phía sau, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Đồng thời làm giảm 20 – 30 % BOD, COD trong nước thải và tạo điều kiện tốt cho quá trình xử lý sinh học MBBR công đoạn sau.



Tại **bể thiếu khí** môi trường thiếu khí được hình thành nhờ vào quá trình đảo trộn của máy khuấy chìm, tạo điều kiện cho vi sinh vật thiếu khí khử nitrate – Nitrogen thành khí  $N_2$ ,  $N_2O$ ,  $NO$ . Ngoài khả năng khử Nitrogen bể Anoxic còn có khả năng khử một phần COD trước khi đưa vào bể hiếu khí MBBR..

Tại **bể MBBR** các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiếu khí nhờ  $O_2$  cấp vào, vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất. Để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đủ cho vi sinh vật tồn tại, phát triển. Oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24, còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ (Nếu như nồng độ chất dinh dưỡng trong nước thải không đủ). Chất hữu cơ trong nước thải sẽ được các vi sinh vật hiếu khí trong ngăn sinh học được tiêu thụ theo phương trình sau:



Trong bể sinh học MBBR còn được lắp đặt hệ thống giá thể nhằm làm nơi “cư trú” cho các vi sinh vật có lợi phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Nước sau khi ra khỏi bể sinh học, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%. Sau khi đã được xử lý sinh học trong bể sinh học hiếu khí, nước thải cùng với bùn hoạt tính sẽ chảy vào bể lắng sinh học.

Tại **bể lắng**, quá trình lắng trọng lực xảy ra, bùn hoạt tính lắng xuống đáy bể, phần nước trong qua máng răng cưa sẽ được dẫn qua **bể khử trùng**. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn và định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

Tại **bể khử trùng** nước thải được châm hóa chất khử trùng Chlorine nhằm khử mầm bệnh vi sinh, coliform có trong nước thải, đảm bảo nước đầu ra đạt **QCVN 40:2011/BTNMT Cột B** trước khi xả ra ngoài môi trường.

### **\* TÍNH NĂNG, TÁC DỤNG TỪNG ĐƠN VỊ CÔNG NGHỆ**

#### **Bể điều hòa.**

Điều hòa lưu lượng là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, để cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo, để giảm kích thước và vốn đầu tư xây dựng các công trình tiếp theo. Các lợi ích cơ bản của việc điều hòa lưu lượng là: (1) quá trình xử lý

sinh học được nâng cao do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất “shock” tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý có thể được pha loãng, pH có thể được trung hòa và ổn định; (2) chất lượng nước thải sau xử lý được cải thiện do tải trọng chất thải lên các công trình ổn định. Bể điều hòa có thể đặt trên tuyến (on-line) hoặc ngoài tuyến (off-line). Với trình độ kỹ thuật tự động hóa như hiện nay, bể điều hòa ngoài tuyến kiến nghị áp dụng để giảm thể tích bể. Với mạng lưới đường ống áp lực thu gom và vận chuyển nước thải, thể tích bể điều hòa hoặc chi phí điện tại nhà máy xử lý giảm đáng kể.

#### **Bể thiếu khí (Bể Anoxic).**

Nước sau khi qua bể điều hòa được đưa tới bể Anoxic, tại bể này có nhiệm vụ khử các hợp chất hữu cơ chứa Nitơ và phốt pho trong nước thải. Tại bể này có đặt hệ thống khuấy trộn chìm nhằm tạo dòng rối trong nước tăng khả năng hòa trộn, khuấy đảo dòng nước.

Trong bể xử lý diễn ra quá trình khử nitơ (denitrification) từ nitrat thành nitơ dạng khí  $N_2$  đảm bảo nồng độ nitơ trong nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan tới quá trình ôxi hoá sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng Nitrat hoặc Nitrit như chất nhận điện tử thay vì dùng ôxi. Trong điều kiện thiếu oxi diễn ra phản ứng khử nitơ:



Quá trình chuyển hoá này được thực hiện bởi vi khuẩn nitrat chiếm khoảng 10 - 80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Tốc độ khử nitơ đặc biệt dao động 0,04 đến 0,42 gN- $NO_3^-$ /g MLSS.ngày, tỉ số F/M càng cao thì tốc độ khử Nitơ càng lớn.

#### **Bể hiếu khí (Bể MBBR).**

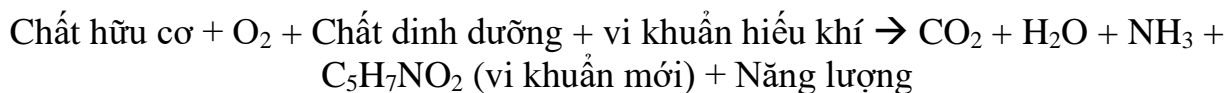
Nước sau khi qua bể Anoxic được đưa tới bể MBBR. Thành phần còn lại chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan trong nước, các chất lơ lửng khó lắng còn sót lại. Nhờ có hệ vi sinh vật bám dính trên lớp đệm vi sinh. Khi nước thải chảy qua lớp đệm thì các thành phần hữu cơ COD, BOD, N và P sẽ được các vi sinh vật hấp thụ gần như hoàn toàn. Đồng thời với quá trình đó là các mảng bám sinh học có chứa cặn và vi sinh già chết sẽ liên tục bong ra và theo nước thải chảy sang bể lắng.



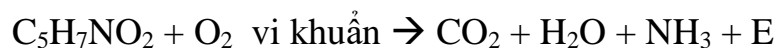
Hệ thống bể xử lý sinh học có mục đích là ôxy hoá COD, BOD, thành phần chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan trong nước, tại bể liên tục xảy ra phản ứng oxy hóa chất hữu cơ hòa tan thành  $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2\text{O}$ , cặn và cơ chất mới cho tế bào vi sinh. Nhờ có hệ vi sinh vật bám dính trên lớp đệm vi sinh. Khi nước thải chảy qua lớp đệm thì các thành phần hữu cơ COD, BOD, N và P sẽ được các vi sinh vật hấp thụ 70 - 75%. Đồng thời với quá trình đó là các mảng bám sinh học có chứa cặn và vi sinh già chết sẽ liên tục bong ra và theo nước thải chảy sang bể lắng sinh học.

Cụ thể với một số quá trình như Nitrification - Denitrification. Và hấp thụ phần lớn photpho và các tế bào vi khuẩn, ngoài ra còn phân hủy một số hợp chất khác thể hiện như sau:

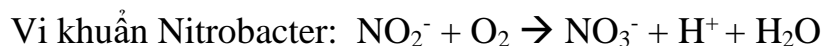
Nước thải từ bể lắng sơ bộ cùng với bùn hoạt tính tuần hoàn từ bể lắng vào bể xử lý sinh học. Nồng độ bùn hoạt tính từ 1.000 - 3.000 mg/l và nồng độ bùn tuần hoàn từ 5.000 - 7.000 mg/l. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, khả năng xử lý BOD của bể càng lớn. Oxi được cung cấp bằng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí từ đáy bể có hiệu quả khuếch tán oxi vào trong nước thải cao tạo điều kiện cho vi sinh vật sử dụng để ôxy hoá nước thải. Phương trình phản ứng:



Quá trình hô hấp nội bào là quá trình ôxy hoá bùn (vi khuẩn) được thể hiện bằng phương trình sau:



Bên cạnh quá trình phân giải các chất hữu cơ thành  $\text{CO}_2$  và  $\text{H}_2\text{O}$ , vi khuẩn hiếu khí Nitrosomonas và Nitrobacter còn ôxy hoá  $\text{NH}_3$  thành Nitrit và cuối cùng thành Nitrat. Các phương trình phản ứng như sau:



Hệ thống cấp oxy cho bể xử lý sinh học được cấp bởi 2 máy thổi khí thông qua hệ thống đường ống công nghệ và đĩa phân phối khí tinh.

### **Bể lắng**

Bể lắng có nhiệm vụ lắng bùn, cặn vi sinh của cụm bể xử lý sinh học phía trước. Bùn lắng được hút liên tục sang bể chứa bùn và tuần hoàn 1 phần lại bể MBBR.

**Bể khử trùng.**

Để đảm bảo chỉ tiêu vi sinh là coliform thì ta tiến hành khử trùng. Bằng cách châm định lượng hóa chất khử trùng clorin vào bể khử trùng. Sau thời gian tiếp xúc khoảng 30 phút thì toàn bộ vi khuẩn và các vi sinh vật gây bệnh sẽ bị chết và bất hoạt gần như hoàn toàn. Nước thải sau bể khử trùng sẽ đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT và được xả ra nguồn tiếp nhận.

**Bể chứa bùn.**

Bùn từ bể lắng được bơm về bể chứa bùn và định kỳ được Công ty thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý hút đi.

**- Hóa chất sử dụng là:**

- + Hóa chất khử trùng Clo dạng viên : Khoảng 20kg/tháng
- + Axit  $H_2SO_4$ : Khoảng 20 kg/tháng;
- + PAC: Khoảng 30 kg/tháng.

**\* Quy trình vận hành trạm xử lý nước thải:**

**- Vận hành các thiết bị trong phạm vi điều khiển của tủ điều khiển trung tâm**

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên các CB con để chuyển tất cả CB con sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã sẵn sàng ở các tiếp điện vào của tất cả các khởi động từ.

Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển

Bước 3: Sau khi đã chuẩn bị xong TĐK, chuyển sang bước 4 bắt đầu tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

**- Vận hành ở chế độ tự động**

Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí “AUTO”. Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển hệ thống SCADA, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình cài đặt như đã nêu tại bảng trên.

**- Vận hành ở chế độ không tự động**

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy. Khi đó chỉ cần bật máy sáng chế độ MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

**- Dừng do sự cố**

+ Khi hệ thống điện gặp sự cố chạm đất, CB tổng sẽ tự động ngắt. Trước khi khởi động lại hệ thống cần phải kiểm tra và khắc phục thiết bị đã bị chạm.

+ Khi đèn vàng trên bảng điều khiển bật sáng báo hiệu máy/thiết bị tại vị trí tương ứng gặp sự cố → bật công tắc và CB của thiết bị đó sang vị trí “OFF” để kiểm tra và phát hiện sự cố.

**Lưu ý:** Trong trường hợp dừng hệ thống bằng đóng CB tổng trong TĐK hoặc do cúp điện thì khi khởi động lại nên bật tắt cả các công tắc về trạng thái OFF và thực hiện lại quá trình vận hành từ Bước 1 như trên. Điều này giúp tránh các máy đồng loạt khởi động gây sụt áp hệ thống.

**2.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Đối với các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ khí thải nồi hơi thì công ty không hoạt động xử lý nữa vì sẽ thay đổi nồi hơi đốt dầu DO bằng nồi hơi điện để phục vụ sản xuất do đó khí thải nồi hơi sẽ không phát sinh.

***a, Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải:***

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng nội quy cho các phương tiện giao thông ra vào dự án;
- Khu vực bãi đỗ xe, trông giữ xe thuận tiện đồng thời yêu cầu tắt máy, dắt xe vào khu vực đỗ xe đúng nơi quy định.
- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực dự án.
- Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương để hạn chế phát thải từ hoạt động giao thông, giảm thiểu tai nạn, mật độ giao thông,...
- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn mặt bằng, phun nước tưới ẩm mặt đường để giảm lượng bụi phát tán vào không khí.
- Chỉ sử dụng phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

***b, Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt, bụi, mùi từ khu vực nhà xưởng: quá trình gia công cắt, may, đóng gói sản phẩm:***

Chủ dự án đã xây dựng văn phòng, nhà xưởng thoáng mát sạch sẽ, đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết cho quy trình lao động của công nhân (ánh sáng, thông khí,...).

- Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại các khu vực văn phòng làm việc: Văn phòng được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió điều hòa không khí theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống điều hòa không khí.

- Để đảm bảo các chỉ tiêu vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm,...) môi trường làm việc của công nhân trong khu vực văn phòng cũng như khu vực nhà xưởng, các doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng, văn phòng đã lắp đặt điều hòa không khí để giảm thiểu ô nhiễm do nhiệt.

- Để hạn chế bụi từ các công đoạn sản xuất phát tán gây ô nhiễm môi trường làm việc trong khu vực sản xuất, các doanh nghiệp thứ cấp vệ sinh khu vực nhà xưởng sạch sẽ hàng ngày.

- Công ty và các doanh nghiệp thứ cấp đã và sẽ tiếp tục thực hiện trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên làm việc trong mỗi nhà máy để giảm thiểu ảnh hưởng của khí bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.

***d/ Đối với mùi từ khu vực lưu giữ rác:***

- Tổ chức thu gom và xử lý kịp thời, hàng ngày đội vệ sinh có trách nhiệm thu gom rác thải và tập kết về kho lưu giữ chất thải.

- Khu lưu giữ chất thải đảm bảo có mái che, tường bao xung quanh tránh mưa, nắng và có nền chống thấm, biển báo đầy đủ.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**\* Đối với khí thải, mùi hôi từ khu tập kết chất thải, khu vực xử lý nước thải sinh hoạt**

Khu tập kết chất thải tách biệt với khu nhà xưởng, văn phòng. Các kho chứa chất thải có tường bao, mái che và cửa đóng kín. Chất thải sinh hoạt phát sinh được công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý hàng ngày.

Đối với trạm xử lý nước thải sinh hoạt, luôn luôn đảm bảo các đơn nguyên hoạt động ổn định, tránh hiện tượng kỵ khí xảy ra ở các đơn nguyên để hạn chế phát sinh mùi hôi. Trạm xử lý nước thải được xây dựng khu tách

biệt, có xây tường bao quanh, có mái che nên không phát tán khí thải, mùi ra môi trường xung quanh.

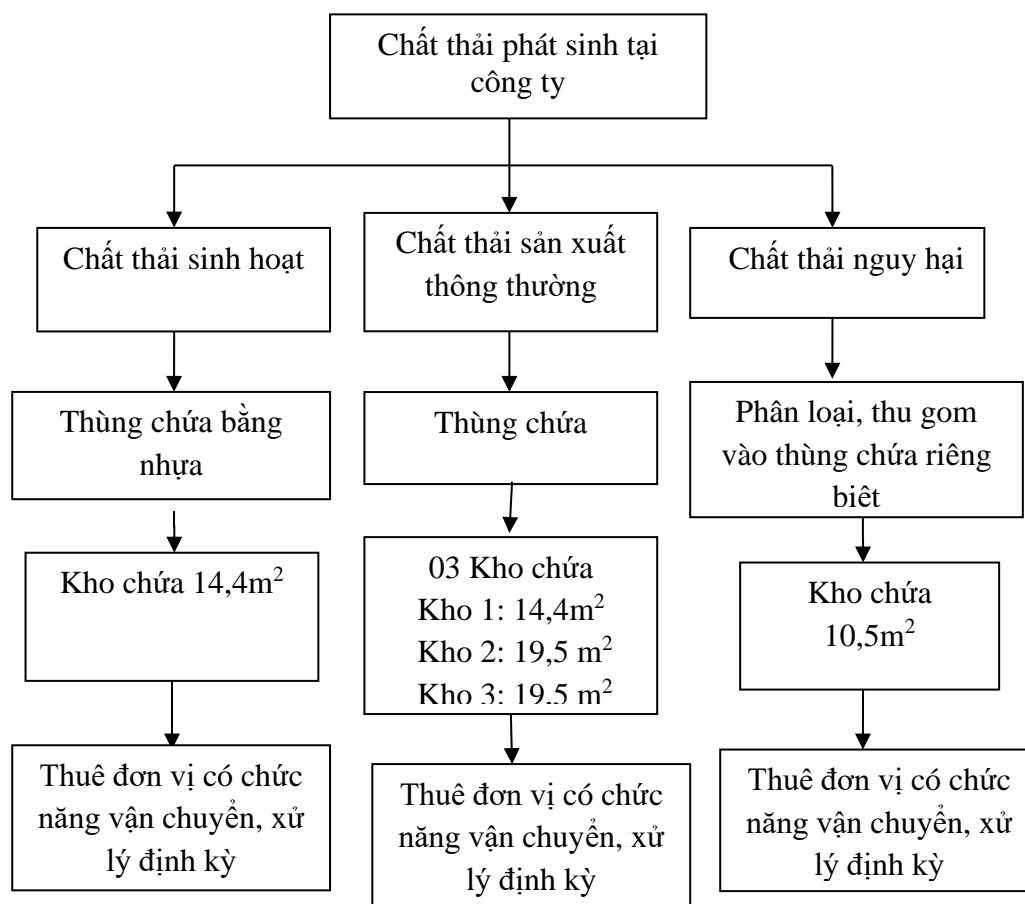
❖ **Đối với đơn vị thuê nhà xưởng:** Đơn vị thuê nhà xưởng phát sinh khí thải tại các công đoạn sản xuất sẽ có biện pháp xử lý, đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn cho phép theo quy định. Đơn vị thuê nhà xưởng chịu sự giám sát, quản lý của chủ dự án và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về khí thải phát sinh tại đơn vị mình.

Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm tự bố trí hệ thống thu gom, xử lý khí thải trên phần diện tích được thuê.

Chi tiết các biện pháp sẽ được trình bày tại hồ sơ môi trường của đơn vị thuê nhà xưởng.

### 2.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải

Trong giai đoạn hoạt động tổng thể, công ty sẽ tiếp tục thực hiện quy trình thu gom, xử lý chất thải phát sinh như giai đoạn hiện tại như



**Hình 4. 3 Sơ đồ nguyên lý thu gom, xử lý chất thải dự án**

**+ Chủ dự án:**

**a) *Đối với chất thải rắn sinh hoạt***

Bố trí đội ngũ lao công sẽ làm nhiệm vụ lau dọn sàn khu văn phòng làm việc, kho chứa nguyên vật liệu, sản phẩm, sân đường nội bộ và thu gom rác sinh hoạt phát sinh hàng ngày và các thùng đựng rác đã được bố trí tại từng khu chức năng.

Chủ dự án sẽ bố trí 10 thùng đựng rác 100 lít ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,... Hàng ngày bố trí công nhân thu gom về thùng chứa sau đó cuối ngày thu gom về khu tập kết với kho chứa diện tích 14,4 m<sup>2</sup> (*kích thước 3mx4,8m*) được bố trí bên ngoài nhà xưởng được thiết kế tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 2,2m. (*vị trí kho chứa thể hiện trên mặt bằng tổng thể*).

- Công ty hợp đồng cơm công nghiệp sau bữa ăn sẽ được đơn vị cung cấp thu gom mang về, do đó không phát sinh chất thải cơm thừa từ nhà ăn.

- Chất thải có khả năng tái chế như bao bì, giấy vụn,... Công ty thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải không có khả năng tái chế như nilon, mảnh vỡ thủy tinh,... Thu gom vào thùng chứa rác rồi tập trung đưa đi xử lý.

- Bùn cặn của Bể tự hoại định kỳ 06 tháng/lần được thuê đơn vị dịch vụ thông hút bể phốt sau đó đưa đi xử lý an toàn, hợp vệ sinh.

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại CTSH với đơn vị có chức năng là Công ty TNHH Hồng Ngọc để thu gom vận chuyển theo đúng quy định. (*Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục báo cáo*).

***b) Đối với chất thải rắn sản xuất thông thường:***

+ Trong các phân xưởng bố trí các thùng nhỏ để lưu giữ chất thải thông thường phát sinh hàng ngày. Chất thải thông thường được phân chia thành 2 loại:

- ✓ Chất thải không tái chế được;
- ✓ Chất thải có thể tái chế được.

+ Nhân viên vệ sinh hàng ngày chịu trách nhiệm thu gom các chất thải từ các khu vực phát sinh về nơi tập trung chất thải của công ty ít nhất một ngày một lần.

+ Công ty bố trí kho chứa chất thải rắn sản xuất bên ngoài nhà xưởng,



thiết kế: Kho quây khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 2,2m, diện tích các kho như sau: Kho 1: 14,4m<sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m), Kho 2: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m), Kho 3: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m) để tập kết thu gom các chất thải phát sinh..

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại CTSX với đơn vị có chức năng là Công ty TNHH Hồng Ngọc để thu gom vận chuyển theo đúng quy định. (Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục báo cáo).

**c) Đối với chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại của dự án bao gồm các loại chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải...

Toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại công ty được bố trí 01 công nhân hàng ngày thu gom để đúng vào nơi quy định. Mỗi loại chất thải phát sinh được thu gom đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng, kho chứa có biển cảnh báo theo quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chất thải nguy hại đảm bảo được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và được lưu giữ riêng theo quy định không được để lẫn CTNH với CTR thông thường.

- Mỗi loại CTNH được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

- Toàn bộ lượng CTNH được thu gom tập kết trong kho chứa CTNH với diện tích khoảng 10,5 m<sup>2</sup> (kích thước 3mx3,5m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng. Thiết kế, cấu tạo của kho: Mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu. Chiều cao công trình 2,2m.

Bố trí 10 thùng chứa có nắp đậy bằng nhựa dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại, bên ngoài được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại CTNH với đơn vị có chức năng là Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-URENCO 11 để thu gom vận chuyển theo đúng quy định. (Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục báo cáo).

**❖ Đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại của đơn vị thuê nhà xưởng:**

Doanh nghiệp thuê nhà xưởng phải tự chịu trách nhiệm về việc phát sinh chất thải, việc phân loại, quản lý và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định. Dự án dự kiến bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải cho đơn vị thuê nhà xưởng. Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm tự ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển các loại chất thải phát sinh theo quy định.

Chủ đầu tư chỉ có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở đơn vị thuê lại nhà xưởng của mình thực hiện tốt các biện pháp quản lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường theo quy định.

**2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường**

**(1). Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung của máy móc, thiết bị trong nhà xưởng là không đáng kể vì: nền móng lắp đặt máy móc, thiết bị đã được gia cố chắc chắn. Bên cạnh đó, máy móc trang thiết bị của Dự án được nhập khẩu mới hoàn toàn. Tuy nhiên, để khống chế tiếng ồn, độ rung Chủ Dự án áp dụng một số biện pháp sau:

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và lập nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.
- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.
- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.
- Trang bị mũ, tai chụp đúng tiêu chuẩn cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc thiết bị.
- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm để không làm ảnh hưởng tới sự nghỉ ngơi của nhân dân trong khu vực.
- Trồng cây xanh quanh khu vực nhà xưởng,... Tỷ lệ cây xanh khoảng 10%.

**(2). Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đối với các rủi ro, sự cố môi trường**

**a. Biện pháp phòng chống cháy nổ**



## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

Chủ Dự án luôn đảm bảo tuyệt đối những điều kiện phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy của Dự án, được chia thành các tổ thường trực (24/24h), ban chuyên trách tại từng phân xưởng sản xuất, sẵn sàng ứng cứu khi có dấu hiệu cháy nổ xảy ra trong khu vực Dự án.

- Luôn bố trí đầy đủ phương tiện dùng phòng cháy chữa cháy gồm các bình bột CO<sub>2</sub>, bể cát và các họng nước cứu hỏa được bố trí tại các vị trí thích hợp.

- Hàng năm toàn bộ cán bộ, nhân viên phục vụ và công nhân làm việc trong dây chuyền sản xuất đều được huấn luyện định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đặc biệt đối với lực lượng phòng cháy chữa cháy của Dự án.

- Bố trí, thiết kế đường nội bộ trong khu vực Dự án và giữa các xưởng sản xuất đảm bảo đủ rộng thông suốt cho phương tiện chữa cháy xe cứu hỏa thao tác thuận lợi, đảm bảo không chế được bất kỳ ngọn lửa phát sinh ở vị trí nào trong khu vực Dự án.

- Cấm hút thuốc lá, bật lửa... trong khu vực dễ cháy nổ (*bãi để xe, khu văn phòng, nhà kho, xưởng sản xuất,...*) và đảm bảo khoảng cách ly an toàn.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy bao gồm:

- Hệ thống bình phun chữa cháy: *Bình khí CO<sub>2</sub> chữa cháy* (Ký hiệu: MT-3, trọng lượng bình: 7,3kg, trọng lượng khí CO<sub>2</sub>: 3kg, khoảng cách hiệu quả: 5-7m) và *Bình bột chữa cháy* (Bình bột chữa cháy loại MFZ4 và có thể trang bị thêm bình bột chữa cháy xe đẩy MFT35. Bình chữa cháy bố trí cạnh họng nước chữa cháy đặt riêng hoặc chung cùng hộp họng nước chữa cháy).

- Hàng năm, toàn bộ cán bộ, nhân viên phục vụ và công nhân làm việc trong dự án đều được tập huấn về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, nắm rõ cách thức ứng phó khi sự cố cháy nổ xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống ống dẫn khí, các khóa van khí gas,...

### **b. Phòng cháy các thiết bị điện**

- Trạm biến áp của dự án được lắp đặt đúng kỹ thuật thiết kế, có giá đỡ theo quy định.

- Đầu nối tiếp đất tất cả các thiết bị điện, bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn;

- Thông báo và treo biển khi sửa chữa điện.
- Bố trí bể nước và các bình nước cứu hỏa phù hợp, thuận tiện; trang bị bình bọt CO<sub>2</sub> và bố trí gần những khu vực cần thiết.
- Xây dựng và ban hành nội quy an toàn về điện.
- Công nhân trực tiếp làm việc tại trang trại được tham gia tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ, chập điện.
- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện để hở của thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bàn điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9358 : 2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung.
- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống nối đất cho các thiết bị điện theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9358 : 2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung và theo quy định tại Quy phạm trang bị điện - Phần I. Quy định chung, ký hiệu TCN - 11- 18 - 2006.

***c. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động:***

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.
- Khu vực phát sinh bụi, dùng xe tưới nước trên bề mặt công trình và các loại vật liệu như đá, cát, sỏi để chống bụi,...
- Xây dựng nội quy về an toàn và bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở các khu vực nhà xưởng cũng như trong toàn bộ khu vực dự án.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, thực hiện nghiêm về khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.
- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại các Điều: 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động.
- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại các Điều: 76, 78 Luật An toàn, vệ sinh lao động.
- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của

Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

***d. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông***

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện tham gia giao thông để tránh tai nạn giao thông khi tham gia trên đường.

- Cán bộ, công nhân của dự án phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ.

- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các Trung tâm kiểm định của Bộ Giao thông vận tải; tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.

- Tuyệt đối không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải.

- Nghiêm cấm dùng các loại xe vận tải chở người đi đến nơi làm việc hoặc về nơi nghỉ và cấm trở người trên thùng xe trong khi hoạt động.

- Cấm người ngồi trên mui xe hoặc đứng bám sát vào thành xe.

- Cấm người lên xuống xe khi xe chưa dừng hẳn.

***e. Hệ thống chống sét:***

Kim thu sét được sử dụng theo công nghệ mới là loại kim phóng tia tiên đạo sớm. Với loại kim này, khi trong không khí có xuất hiện hiện tượng chênh lệch điện thế, xuất hiện các đám mây mang điện tích cao sẽ được thu sớm và dẫn truyền xuống đất trước khi xảy ra hiện tượng phóng điện. Các kim thu sét được lựa chọn của các hãng có uy tín trên thị trường để đảm bảo chất lượng kỹ thuật cho các kim.

Kim thu sét sử dụng để bảo vệ cho cả công trình với chiều cao lắp đặt 5m trên điểm cao nhất của công trình, bán kính bảo vệ 100m trên mỗi kim thu sét. Kim thu sét được lắp đặt tại các vị trí cao nhất trên mái nhà xưởng, đảm bảo bán kính bảo vệ. Việc bố trí các kim thu sét được thể hiện như sau:

Nhà xưởng sản xuất được bảo vệ bởi 02 kim thu sét lắp trên mái nhà xưởng với bán kính mỗi kim là 100m.

Việc đặt kim thu sét trên các hạng mục đảm bảo cho các hạng mục và các nhà lân cận nằm trong bán kính bảo vệ của kim được bảo vệ khỏi sét đánh trực tiếp.

Hệ thống điện tại các xưởng đều được bảo vệ chống sét lan truyền và chống sét cảm ứng bởi các bộ chống sét.

*Hệ thống nối đất:* Các cọc tiếp đất được sử dụng là cọc đồng tròn  $\Phi 16$ . Mỗi cọc dài 2,4m, được đóng sâu xuống đất ở độ sâu 0,5m. Việc liên kết giữa

các cọc nối đất được thực hiện bằng cáp đồng trần tiết diện 70mm<sup>2</sup>. Liên kết giữa các cọc và các dây nối đất được thực hiện bằng các mối hàn đồng, hoặc dụng kẹp đồng.

Dây dẫn sét xuống đất dùng dây đồng 50mm<sup>2</sup>. Số lượng dây xuống tùy thuộc vào kích thước mái của công trình.

Điện trở tiếp cho hệ thống chống sét địa đảm bảo tối thiểu  $\leq 10 \Omega$  tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Điện trở cho các hệ thống nối đất an toàn cũng  $< 4 \Omega$ , theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn IEC.

Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét cho nhà xưởng, văn phòng làm việc theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9385 : 2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

***f. Đối với sự cố về dịch bệnh:***

Khi có dịch bệnh phát sinh, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với cơ quan y tế địa phương để có biện pháp ứng phó và xử lý kịp thời, cụ thể như sau:

- Có các biện pháp ngăn chặn sự phát tán của dịch bệnh ra khu vực dân cư lân cận;
- Xác định khu vực có dịch bệnh và không có dịch bệnh, phun hoá chất khử trùng và tiệt trùng,
- Thông báo và hướng dẫn cán bộ công nhân viên không đến khu vực phát sinh tránh lây nhiễm.
- Đồng thời Chủ đầu tư sẽ bố trí một phòng y tế, có đầy đủ cán bộ y tế, thuốc men để sơ cứu, khám chữa bệnh khi có sự cố xảy ra

***g. Sự cố ngập úng***

Trong mùa mưa lũ Cơ sở phối hợp với địa phương, có lực lượng thường trực phòng chống lũ lụt trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên nạo vét kiểm tra và nạo vét hệ thống thoát nước, kênh mương dọc khu vực dự án để đảm bảo thông thoát nước tốt.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành sơ tán, di chuyển các loại nguyên vật liệu, dầu mỡ, thiết bị đến nơi an toàn theo khuyến cáo hoặc quy định của cấp có thẩm quyền để ngăn ngừa phát tán dầu mỡ, nguyên vật liệu ra môi trường xung quanh;

- Ngắt toàn bộ hệ thống điện;

- Sau khi nước rút tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị máy móc bị hư hỏng.

***h. Biện pháp quản lý an toàn trong xưởng và giảm thiểu tác động do máy móc, thiết bị đến sức khỏe công nhân***

Cơ sở áp dụng các biện pháp sau nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân:

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí văn phòng, thông gió cho nhà xưởng giúp không khí lưu thông từ trong nhà xưởng ra ngoài môi trường. Đồng thời, quạt thông gió giúp điều hòa không khí, nhiệt độ trong nhà xưởng, làm giảm nhiệt độ của máy móc, thiết bị làm giảm chênh lệch nhiệt độ giữa trong và ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế bộ phận giảm âm, giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị;

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ;

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, nút tai,... cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Chú trọng công tác an toàn sản xuất.

- Thiết lập đội ngũ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện quản lý an toàn sản xuất, khi xảy ra sự cố thông báo cho cấp trên và phổ biến dưới xưởng. Xây dựng hoàn thiện các chế độ quản lý, phổ biến giáo dục an toàn, chế độ kiểm tra định kỳ, chế độ duy tu thiết bị và các điều kiện cải thiện lao động...

- Cán bộ nhân viên mới hoặc nhân viên chuyển đổi vị trí làm việc phải đào tạo về kiến thức chuyên nghiệp và an toàn kỹ thuật đạt tiêu chuẩn sau đó mới được vào vị trí làm việc.

- Định kỳ phổ biến kiến thức giáo dục an toàn sản xuất đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, định kỳ kiểm tra an toàn.

- Vị trí thao tác có tính nguy hiểm cao phải tiến hành đào tạo công nhân viên và công nhân kỹ thuật trình độ cao.

***i. Biện pháp với sự cố của hệ thống xử lý chất thải***

\* *Sự cố hệ thống xử lý nước thải*

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải;

- Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải nếu sự cố xảy ra thì chủ dự án phải liên hệ ngay với đơn vị có đủ năng lực để phân tích nguyên nhân gây ra sự cố, đề được hướng dẫn và hỗ trợ xử lý, khắc phục sự cố kịp thời. Tránh dẫn đến hư hỏng thiệt hại, gây ảnh hưởng đến công trình khác, đồng thời chất lượng nước thải được ổn định, hệ thống hoạt động an toàn.

- Kiểm tra chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý, khi đủ điều kiện xả thải mới xả vào đường cống thoát nước thải của khu công nghiệp;

- Có các biện pháp dự phòng, ứng phó với sự cố rò rỉ hay lan truyền chất thải;

Một số giải pháp giảm thiểu, phòng ngừa, ứng phó với sự cố này được đề xuất như sau:

- Chủ dự án sẽ mua mới hoàn toàn các trang thiết bị máy móc phục vụ quá trình hoạt động tại dự án, các trang thiết bị có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, của các nhà cung cấp có uy tín chất lượng đã được kiểm định và sử dụng phổ biến.

- Đồng thời, lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng trạm thường xuyên, đột xuất; quy định lưu giữ hồ sơ kiểm tra, theo dõi tình trạng hoạt động của trạm xử lý.

- Lắp đặt đường ống thoát nước khi sự cố xảy ra, tránh làm ngập úng khu vực.

- Tập huấn kiến thức, nâng cao khả năng ứng phó sự cố cho cán bộ công nhân bằng các đợt diễn tập.

- Lập, phổ biến, thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc đảm bảo an toàn, đúng quy trình vận hành trạm xử lý.

- Để giảm thiểu ảnh hưởng thì đối với các hạng mục công trình xử lý môi trường, Chủ dự án đã bố trí dự phòng cho các thiết bị chính như máy thổi khí, máy bơm, máy phát điện dự phòng nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định;

- Trong trường hợp cả các thiết bị dự phòng đồng thời xảy ra sự cố, chủ dự án sẽ tạm ngừng hoạt động hệ thống và tiến hành sửa chữa, thay thế mới thiết bị một cách nhanh nhất tránh để ngừng hoạt động sản xuất của dự án trong thời gian dài. Thực hiện các biện pháp khắc phục, giảm thiểu ngay khi sự cố xảy ra. Đồng thời, báo cáo tình hình sự cố đến cơ quan quản lý, thông báo tới địa phương để có biện pháp giảm thiểu, khắc phục kịp thời.

#### **k. Sự cố cháy nổ do lò hơi**



- Trước hết phải điều tra nguyên nhân xảy ra sự cố trước khi vận hành lại lò hơi;
- Vệ sinh sạch sẽ buồng đốt;
- Điện trở nối đất với các bộ phận kim loại có thể tiếp xúc với người;
- Ngắt nguồn điện trong quá trình bảo trì lò;
- Thường xuyên thông thổi công tắc bảo vệ để loại bỏ các cặn;
- Định kỳ xả cặn đáy lò hơi;
- Định kỳ kiểm tra bề mặt tiếp xúc với nước của lò;
- Vận hành lò hơi với áp suất thích hợp và nước ở nhiệt độ bão hòa theo áp suất theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà sản xuất;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc;
- Có nhân viên giám sát quá trình hoạt động của lò hơi.
- Đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực vận hành cho cán bộ công nhân viên

### **3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

#### ***a) Về mức độ chi tiết***

Các đánh giá về các tác động môi trường do việc triển khai thực hiện của dự án được thực hiện một cách tương đối chi tiết, báo cáo đã nêu được các tác động đến môi trường trong từng giai đoạn của dự án. Đã nêu được các nguồn ô nhiễm chính trong từng giai đoạn, quy trình sản xuất của dự án.

#### ***b) Về hiện trạng môi trường***

Nhóm nghiên cứu môi trường làm đề xuất cấp phép môi trường đã kết hợp với Chủ dự án đi hiện trường, lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích mẫu bằng phương pháp mới, với thiết bị hiện đại. Qua đó đánh giá được hiện trạng môi trường của dự án khi chưa đi vào hoạt động. Độ tin cậy của các kết quả phân tích các thông số môi trường tại vùng Dự án hoàn toàn đảm bảo.

#### ***c) Về mức độ tin cậy***

Các phương pháp CPMT áp dụng trong quá trình CPMT có độ tin cậy cao. Hiện đang được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Việc định lượng các nguồn gây ô nhiễm từ đó so sánh kết quả tính toán với các Tiêu chuẩn cho phép là phương pháp thường được áp dụng trong quá trình CPMT. Các công thức để tính toán các nguồn gây ô nhiễm được áp dụng trong quá trình CPMT của dự án như: Công thức tính phát tán nguồn đường... đều có độ tin cậy cao, tuy nhiên khi áp dụng cho khu vực nghiên cứu thực tế còn có sai số nhất định.

Tuy nhiên, một số phương pháp đã sử dụng trong thời gian dài từ thế kỷ trước chưa đáp ứng hết sự biến đổi ngày càng nhanh và phức tạp của môi trường hiện nay. Mức độ tin cậy không những phụ thuộc vào Phương pháp đánh giá, các công thức mà còn phụ thuộc vào các yếu tố sau:

Các thông số đầu vào (điều kiện khí tượng) đưa vào tính toán là giá trị trung bình năm do đó kết quả chỉ mang tính trung bình năm. Để có kết quả có mức độ tin cậy cao sẽ phải tính toán theo từng mùa, hoặc từng tháng. Nhưng việc thực hiện sẽ rất tăng chi phí về CPMT và mất nhiều thời gian.

***d) Đánh giá đối với các tính toán về lưu lượng, nồng độ và khả năng phát tán khí độc hại và bụi***

- Để tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm do các phương tiện thi công và do các hoạt động khác gây ra được áp dụng theo các công thức thực nghiệm cho kết quả nhanh, nhưng độ chính xác so với thực tế không cao do lượng chất ô nhiễm này còn phụ thuộc vào chế độ vận hành.

- Để tính toán phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong không khí sử dụng các công thức thực nghiệm trong đó có các biến số phụ thuộc vào nhiều yếu tố khí tượng như tốc độ gió, khoảng cách,... Các thông số về điều kiện khí tượng có giá trị trung bình năm nên kết quả chỉ có giá trị trung bình năm. Do vậy các sai số trong tính toán so với thời điểm bất kỳ trong thực tế là không tránh khỏi.

- Quá trình tính toán, đánh giá quy mô tác động của khí thải và bụi phát sinh từ hoạt động của Dự án chỉ mang tính lý thuyết, chưa đề cập đến quá trình chuyển hóa, tương tác của các chất có trong hỗn hợp khí thải, do vậy chưa đánh giá được tiềm năng gây ô nhiễm trong trường hợp có các phản ứng chuyển hóa diễn ra, do vậy mức độ của đánh giá có thể chưa sát với thực tế.

***e) Đánh giá đối với các tính toán về phạm vi tác động do tiếng ồn***

Xác định chính xác mức ồn chung của dòng xe là một công việc rất khó khăn, vì mức ồn chung của dòng xe phụ thuộc rất nhiều vào mức ồn của từng loại xe, lưu lượng xe, thành phần xe, đặc điểm đường và địa hình xung quanh,... Mức ồn dòng xe lại thường không ổn định (thay đổi rất nhanh theo thời gian), vì vậy người ta thường dùng trị số mức ồn tương đương trung bình tích phân trong một khoảng thời gian để đặc trưng cho mức ồn của dòng xe và đo lường mức ồn của dòng xe cũng phải dùng máy đo tiếng ồn tích phân trung bình mới xác định được.



***g) Đánh giá đối với các tính toán về tải lượng, nồng độ và phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải***

- Về lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt căn cứ vào nhu cầu sử dụng của cá nhân ước tính lượng thải do vậy kết quả tính toán sẽ có sai số xảy ra do nhu cầu của từng cá nhân trong sinh hoạt là rất khác nhau.

- Về lưu lượng và thành phần nước mưa chảy tràn cũng rất khó xác định chính xác do lượng mưa phân bố không đều trong năm, do đó lưu lượng nước mưa là không ổn định. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn phụ thuộc rất nhiều vào mức độ tích tụ các chất ô nhiễm trên bề mặt cũng như thành phần đất đá khu vực nước mưa tràn qua.

- Về phạm vi tác động: để tính toán phạm vi ảnh hưởng do các chất ô nhiễm cần xác định rõ rất nhiều các thông số về nguồn tiếp nhận. Do thiếu các thông tin này nên việc xác định phạm vi ảnh hưởng chỉ mang tính tương đối.

***h) Đánh giá đối với các tính toán về lượng chất thải rắn phát sinh***

Cũng như đối với các tính toán khác trong báo cáo CPMT, các tính toán về tải lượng, hàm lượng các chất ô nhiễm trong chất thải rắn cũng gặp phải những sai số tương tự. Việc tính toán được dựa vào các số liệu tham khảo từ các báo cáo khác. Lượng chất thải rắn phát sinh được tính ước lượng thông qua định mức phát thải trung bình nên so với thực tế không thể tránh khỏi các sai số.

Ngoài ra, đối với chất thải rắn sinh hoạt căn cứ vào nhu cầu sử dụng của cá nhân ước tính lượng thải do vậy sai số xảy ra do nhu cầu của mỗi cá nhân là khác nhau.

***i) Đánh giá đối với các rủi ro, sự cố***

Các sự cố rủi ro đã được đánh giá trên cơ sở tổng kết đúc rút những kinh nghiệm thường gặp trong lĩnh vực hoạt động xây dựng hạ tầng kỹ thuật vì thế có tính dự báo cao.

Tuy các đánh giá không thể định lượng hoá được hết các tác động môi trường nhưng căn cứ đánh giá là rất chắc chắn: dựa trên kinh nghiệm chuyên môn của các nhà môi trường; dựa trên các kết quả thu được từ nhiều công trình nghiên cứu về những vấn đề liên quan nên những đánh giá trong báo cáo.

**CHƯƠNG V:**

**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN  
BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

(Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường, bồi  
hoàn đa dạng sinh học)

**CHƯƠNG VI:****NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:****\* Nước thải sinh hoạt**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc tại Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại đơn vị thuê nhà xưởng
- Nguồn số 3: Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án
- Lưu lượng xả nước thải: Lưu lượng xả thải lớn nhất 170m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương 7,08 m<sup>3</sup>/giờ (tính theo 24 giờ).

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 170m<sup>3</sup>/ngày đêm của Dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn hiện hành là QCVN 40:2011/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

**Bảng 6. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt**

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BT NMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,16	<b>5,0 - 9,0</b>
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	19,5	<b>100</b>
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001- 1:2008	18,9	<b>50</b>
4	Amoni	mg/L	TCVN 6179:1996	1,71	<b>10</b>

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

	(NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )				
5	(PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	2,03	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH	<b>0,5</b>
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9	<b>10</b>
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187- 2:1996	1700	<b>5000</b>

**- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của dự án sau khi qua trạm xử lý nước thải tập trung công suất 170m<sup>3</sup>/ngày, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT cột B, tại hố ga nước thải tại dự án sau trạm xử lý nước thải, kích thước 0,8x0,8x0,8(m), xây gạch, trát vữa xi măng #75, nắp ngang, sau đó đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp qua 01 điểm xả bằng phương pháp tự chảy

Điểm xả nước thải tại hố ga thoát nước thải của KCN nằm ngoài hàng rào, cách cổng ra vào của dự án khoảng 20m có tọa độ **X= 2339371; Y=404470**

**Tọa độ địa lý vị trí điểm xả nước thải theo hệ tọa độ VN-2000 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3<sup>0</sup>)**

<b>Tọa độ VN 2000</b>	
<b>X=2339371</b>	<b>Y=404470</b>

- Nguồn tiếp nhận nước thải : hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Phương thức xả thải: chế độ tự chảy
- Chế độ xả thải: liên tục, xả hàng ngày hoặc theo thời gian làm việc của dự án.

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:**

Dự án không có công trình thu gom đối với khí thải do đó không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

### **3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung :**

**Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất của nhà máy.

**Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- 01 vị trí giữa xưởng sản xuất:

TT	Kí hiệu điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107 <sup>0</sup> , vĩ chiều 3 <sup>0</sup> )		Vị trí phát sinh
		X= 2339360	Y= 404474	
1	KLV1			Khu vực thông thường
2	KLV2	X= 2339327	Y= 404459	

#### **❖ Tiếng ồn, độ rung**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- **Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Xưởng sản xuất

- **Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s <sup>2</sup> (103dB)	1,4m/s <sup>2</sup> (103dB)	-	Xưởng sản xuất

**4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):** Không thuộc đối tượng

**5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

#### **5.1. Quản lý chất thải**

##### **5.1.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**a/ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	(Kg/năm)
01	Bao bì cứng bằng kim loại	08 01 02	Rắn	50
02	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắn	60
03	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	70
04	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Rắn	60
05	Dầu thải	17 02 03	Lỏng	30
06	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	10
	<b>Tổng</b>			<b>280</b>

**b/ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:**

STT	Thành phần	Trạng thái	Khối lượng(kg/tháng)
1	Vải vụn, chỉ thải	Rắn	360
2	Phụ liệu thải bỏ	Rắn	225
3	Sản phẩm không đạt yêu cầu	Rắn	475
4	Bùn thải	Lỏng	425
5	Bìa carton	Rắn	6.125
6	Nilon trắng mềm	Rắn	865
	<b>Tổng</b>		<b>8.475</b>

**c/ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 269 kg/ngày**, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

**5.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**a/ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

**\* Thiết bị lưu chứa**

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

- Bố trí 10 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít, lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại.

### **\* Kho lưu chứa chất thải:**

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10,5 m<sup>2</sup> (kích thước 3mx3,5m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu. Chiều cao công trình 2,2m.

## ***b/ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

### **\* Thiết bị lưu chứa:**

- Bố trí các thùng chứa chất thải sản xuất tại các vị trí như sau:

+ Trong nhà xưởng bố trí 2 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 150lít/thùng tại các khu vực sản xuất.

### **\* Kho lưu chứa chất thải:**

- Toàn bộ chất thải rắn sản xuất được phân loại và lưu trong kho chứa chất thải chung của nhà máy. Diện tích kho chứa chất thải sản xuất: Kho 1: 14,4m<sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m), Kho 2: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m), Kho 3: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m) được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho vây khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 2,2m.

## ***c/ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt***

### **\* Thiết bị lưu chứa:**

Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác thải để thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty bố trí 10 thùng nhựa chứa rác 100 lít có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,.... Sau đó thu gom về kho chứa thuê đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý.

### **\* Kho/khu vực lưu chứa:**

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và lưu trong kho chứa chất thải chung của nhà máy. Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 14,4 m<sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m) được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho vây khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng,



#### **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (IX)**

---

mái tôn, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 2,2m.

#### **5.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

**6. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:** Không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

**7. Thời gian xin cấp phép môi trường: 10 năm** (Căn cứ điểm c, khoản 4 điều 40 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

**CHƯƠNG VII****KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN****1. Kế hoạch vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư**

Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022 Giấy xác nhận việc thực hiện một số công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt đối với “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” – Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang hoàn thành các hạng mục công trình như sau:

- 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày đêm
- Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10,5 m<sup>2</sup>; 03 kho chứa chất thải thông thường (01 kho diện tích 14,4 m<sup>2</sup>, 02 kho diện tích 19,5 m<sup>2</sup>) . Bố trí 01 kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 14,4 m<sup>2</sup>. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường với Công ty TNHH Hồng Ngọc, xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11.

**2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

- Đối với khí thải: không phát sinh khí thải. Do đó, theo Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

- Đối với nước thải sinh hoạt: dự án có lưu lượng nước thải 170m<sup>3</sup>/ngày. Do đó, theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với nước thải.

Do đó, Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang không phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với nước thải.

**2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:** Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động

**2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án:** Không có.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:** Không có

**CHƯƠNG VIII**

**CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành ngày 01/1/2022.

Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

**Đối với bụi và khí thải :** Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát bụi và khí thải trong các giai đoạn hoạt động của dự án nhằm đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B- Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp.

**Đối với tiếng ồn và độ rung:** Thực hiện và giám sát đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của dự án nhằm đạt được quy chuẩn QCVN 26-2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải sản xuất thông thường:** Thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường.

**Đối với chất thải nguy hại:** Chủ dự án thực hiện, đảm bảo thu gom, quản lý theo quy định tại thông tư số 02/2022/TT - BTNMT và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đem đi xử lý theo quy định. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó các sự cố về chất thải theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 – 2030.

Cam kết mời cơ quan nhà nước trước khi vận hành thử nghiệm 10 ngày để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

Và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Thực hiện các biện pháp hạn chế đến mức tối đa các rủi ro và sự cố môi trường như phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chủ dự án cam kết triển khai các biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cùng với các giải pháp hỗ trợ khác như đã đề xuất trong báo cáo nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật nhà nước, bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự thành công của dự án.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Bản vẽ tổng mặt bằng, bản vẽ thoát nước mưa, nước thải.
- Hợp đồng xử lý chất thải và các văn bản giấy tờ khác có liên quan.





UBND TỈNH BẮC GIANG  
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

**Mã số dự án: 9802734904**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 18 tháng 2 năm 2014

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 08 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) mã số dự án 9802734904 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/02/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 12/6/2019;

Căn cứ công văn số 4433/UBND-KTN ngày 07/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về bổ sung mục tiêu cho thuê nhà xưởng tại dự án của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang ;

Căn cứ công văn số 512/CCHQBG-NV ngày 28/7/2023 của Chi Cục hải quan quản lý các khu công nghiệp Bắc Giang;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy CNĐKĐT của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang nộp ngày 01/8/2023,

## BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN

### **Điều 1. Nhà đầu tư**

#### **1. Tên nhà đầu tư: SMART SHIRTS KNITS LIMITED.**

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp mã số: 1032251; cấp thành lập ngày 09/12/2006, cấp lại ngày 09/09/2010, cấp lại ngày 20/7/2016.

Cơ quan cấp: Cơ quan đăng ký doanh nghiệp HongKong, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở chính: 23/F Tow Landmark East 100 How Ming Street Kwun Tong, Hồng Kông, Trung Quốc

#### **2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:**

Họ và tên: XU LEI; Giới tính: Nam; Chức vụ: Chủ tịch





Sinh ngày: 15/7/1968; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số: HJ2164919

Cấp ngày: 21/7/2022; Nơi cấp: Đặc khu hành chính HongKong

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/chỗ ở hiện tại: Suite 3701, 37F, Hampton Court, Gateway Apartments, Harbour City, Kowloon, HongKong.

### 3. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư

Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400711548 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 18/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/5/2023.

### Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô dự án đầu tư: “Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” kèm theo Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9802734904 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/02/2014, thay đổi lần thứ hai ngày 12/6/2019, cụ thể như sau:

**1. Tên dự án đầu tư:** SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG.

**2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:** Lô CN-03, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**3. Diện tích đất sử dụng:** 22.430 m<sup>2</sup>.

**4. Mục tiêu và quy mô của dự án**

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Quy mô	
			Đơn vị	Số lượng
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), chi tiết: Sản xuất các loại áo sơ mi nam, nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc	1410	Sản phẩm/năm	4.000.000
2	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú, chi tiết: Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất	9620	Sản phẩm/năm	4.000.000
3	Kinh doanh bất động sản, chi tiết: cho thuê nhà xưởng (nhà xưởng E-02, E-07)	6810	m <sup>2</sup>	10.409,4

**5. Tổng vốn đầu tư của dự án:** 144.858.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm năm mươi tám triệu đồng Việt Nam), tương đương 6.800.000 USD (Sáu triệu tám trăm nghìn Đô la Mỹ).

#### 5.1 Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư dự án

- Vốn góp chủ sở hữu: 84.252.000.000 VNĐ tương đương 4.000.000 USD, chiếm tỷ lệ 58,82% tổng vốn đầu tư của dự án;



- Vốn vay và huy động: 60.606.000.000 VNĐ tương đương 2.800.000 USD, chiếm tỷ lệ 41,18% tổng vốn đầu tư của dự án.

**5.2 Tiến độ thực hiện vốn đầu tư của dự án:** đã thực hiện

**6. Thời hạn hoạt động của dự án:** đến ngày 05/12/2057.

**7. Tiến độ thực hiện dự án:** dự án đã đi vào hoạt động.

**Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

**Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường và môi sinh, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất theo mục tiêu đăng ký của dự án; tuân thủ pháp luật Việt nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT này trong quá trình hoạt động; Đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài. Đối với hoạt động mua bán hàng hóa, Công ty chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 5.** Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 9802734904 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/02/2014, thay đổi lần thứ hai ngày 12/6/2019.

**Điều 6.** Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản được lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

**TRƯỞNG BAN**



*[Handwritten signature in blue ink]*  
**Đào Xuân Cường**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2400711548**

*Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 02 năm 2014*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 29 tháng 05 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS  
MANUFACTURING BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMART SHIRTS GARMENTS  
MANUFACTURING BAC GIANG CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Lô CN-03, KCN Vân Trung, Xã Vân Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 0204 3568 988

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

84.378.000.000 đồng

*Bằng chữ: Tám mươi bốn tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: SMART SHIRTS KNITS LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1032251

Ngày cấp: 09/12/2006 Nơi cấp: Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: 23/F Tow Landmark East 100 How Ming Street Kwun Tong,  
Hồng Kông, Trung Quốc

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: POON KAM WING

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/11/1962

Dân tộc: Quốc tịch:

Australia

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: PB3295651

Ngày cấp: 05/02/2020

Nơi cấp: Bộ nội vụ - Liên bang Australia

Địa chỉ thường trú: Hẻm D, 6/F, Lô 18, Laguna Verde, Hunghom, N.T Hong Kong, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Thôn Sa Lung, Xã Phù Ủng, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



NGUYỄN VŨ ĐIỂN





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Independence – Freedom – Happiness**

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ**

**CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI**

**CONTRACT ON COLLECTION, TRANSPORTATION, TREATMENT**

**OF INDUSTRIAL AND HAZARDOUS WASTE**

*Số/No: 1004/2023/HĐCN/URENCO11*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

*Pursuant to the Civil Code No 91/2015/QH13 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24<sup>th</sup>, 2015;*

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

*Pursuant to the Environmental Protection Law No 55/2014/QH13 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 23<sup>rd</sup>, 2014 effective from January 01<sup>st</sup>, 2015;*

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

*Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated February 10<sup>th</sup>, 2022 of Ministry of Resources & Environment stipulating in hazardous waste management;*

- Căn cứ Giấy phép môi trường số: 141/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 – URENCO 11 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 7 tháng 7 năm 2022.

- Pursuant to Environmental License No: 141/GPMT-BTNMT of Urban and Industrial Environment Joint Stock Company 11 - URENCO 11 issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on July 7, 2022.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

*Pursuant to the capabilities and demands of both parties.*

Hôm nay, ngày 10 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm:

*Today, on April 10<sup>th</sup>, 2022, we are:*

**Bên A: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG**

**Party A: SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BAC GIANG CO., LTD**

Mã số thuế: 2400711548



Tax code: 2400711548

Địa chỉ: Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Address: Lot CN-03, Van Trung industrial park, Van Trung commune, Viet Yen district, Bac Giang province

Điện thoại: 02403661966

Fax:

Tel: 02403661966

Fax:

Người đại diện: Ông **Poon Kam Wing**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Representative: **Mr Poon Kam Wing**

Position: General Director

Và/and

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO 11**

**Party B: INDUSTRIAL AND URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY NO. 11 – URENCO 11**

Mã số thuế: 0900291087

Tax code: 0900291087

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Address: Dai Tu village, Dai Dong Commune, Van Lam District, Hung Yen Province

Điện thoại: 0221 3 999 072

Fax: 0221 3 981 489

Tel: 0221.3999.072

Fax: 0221.3981.489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Tiến**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Representative: **Mr. Nguyen Dinh Tien**

Position: Vice Director

Theo Giấy ủy quyền số: 68/GUQ-URENCO do ông Vũ Quý Bình ngày 11 tháng 11 năm 2022

According to Power of Attorney No: 68/GUQ-URENCO issued by Mr. Vu Quy Binh on 11/11 year

Tài khoản số: 19129984688699 mở tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

Account No: 19129984688699 at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank) - Hung Yen branch

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”)

(Party A and Party B is referred to as "Party" and collectively as the "Parties" or "two Parties")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp nguy hại (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau đây:

Two parties agree to sign & implement the Contract of waste collection, transportation and treatment (hereinafter referred to as “the Contract”) with the following contents:

**Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá xử lý**

**Article 1. Types of waste and unit price**

1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A theo Danh mục chất thải được liệt kê



trong Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng này (sau đây gọi là “Phụ lục 01”) và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

*Party A agrees to transfer and Party B agrees to collect, transport and treat the waste from Party A's operations according to the lists of waste types as stipulated in the Appendix No. 01 attached this Contract (hereinafter referred to as “Appendix 01”), which is an integral part of this contract.*

- 1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế có xác nhận của Bên A theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại của Bên B.

*The volume of each type of waste will be determined according to the actual transport record confirmed by Party A for every collection time at Party A's collection site. Party B has the responsibility to unload, collect the waste, transport and treat the waste from Party A's waste storage place to Party B's hazardous waste storage and treatment area.*

- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác ngoài các loại được liệt kê tại Phụ lục 01 thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

*During the fulfillment of the Contract, if there are wastes besides the types listed in Appendix 01, both parties will make amendments to the Appendix for each type of waste.*

- 1.4. Đơn giá xử lý của từng loại chất thải được quy định tại Phụ lục 01 và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Trong trường hợp có sự thay đổi về mức giá của chất thải, Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

*The treatment fee of each type of waste is stipulated in the Appendix 01 and might change according to the market prices. In case there is a change in the price of waste, Party B must send a written notice to Party A and both parties will make suggestions and discussion for agreement. All changes and agreement on price changes will be noted into the Appendixes.*

## **Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển**

### **Article 2: Characteristics, location, time of transferal and waste receiving and transportation means**

- 2.1. Đặc tính chất thải: Chất thải với đặc tính và trạng thái chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.  
*Waste characteristics: industrial waste with characteristics and existing conditions as in the Appendix 01.*

- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải của Bên A - địa chỉ: Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*Location of waste delivery: At Party A's waste storage site - address: Lot CN-03, Van Trung industrial park, Van Trung commune, Viet Yen district, Bac Giang province*

- 2.3. Thời gian giao nhận: Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng điện thoại hoặc email của Bên A, Bên B có trách nhiệm tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải theo như thỏa thuận trong Hợp đồng này.

*Time of waste transfer: Within 02 (two) days from the date of receiving the notification by phone or email of Party A, Party B is responsible for collecting and transporting waste as stipulated in this Contract.*

- 2.4. Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại khu xử lý chất thải của Bên B.

*Waste treatment location: All hazardous waste that Party A assigns to Party B will be transported to a centralized location and treated at Party B's waste treatment area.*

- 2.5. Phương thức giao nhận: Với mỗi lần giao nhận, hai bên sẽ cùng ký xác nhận khối lượng từng chủng loại chất thải trên từng biên bản giao nhận và định kỳ 06 tháng/lần, hai bên tổng hợp số lượng chất thải, có xác nhận trong Biên bản nghiệm thu để tính toán giá trị thanh toán và viết hóa đơn.

*Method of waste transfer: For each delivery time, two parties will mutually confirm the amount of each type of waste on each delivery record and every 06 months, the two parties shall summarize the quantity, confirm in the acceptance record to calculate the payment value and issue the invoice.*

- 2.6. Nhân công và phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về nhân công và phương tiện vận chuyển đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật để vận chuyển chất thải theo thỏa thuận tại Hợp đồng này

*Workers and means of transportation: Party B is responsible for providing transportation vehicles and workers that meet the conditions prescribed by law to transport waste as agreed in this Contract.*

### **Điều 3. Phí dịch vụ và thời hạn thanh toán**

#### **Article 3: Service fee and payment term**

##### **3.1 Phí dịch vụ/ Service fee**

Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải là: **16.000.000 VNĐ/ năm (Mười sáu triệu đồng/ năm)** chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

*The fee for waste collection, transportation and treatment is: 16,000,000 VND/ year (Sixteen million VND/ year) excluding Value Added Tax.*

Bên A sẽ thanh toán phí dịch vụ trên cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên 6 tháng/ đợt tương ứng với **8.000.000 VNĐ/ đợt (Tám triệu đồng/ đợt).**

*Party A shall pay 6 months/ stage of the above service fee to Party B based on the invoice and the volume acceptance record between the two parties corresponding to VND 8,000,000/ stage (Eight million VND/ đợt).*

Nếu khối lượng chất thải xử lý 01 lần nhân với đơn giá nêu tại Phụ lục 01 mà lớn hơn 8.000.000 VNĐ (Tám triệu đồng) thì Bên A sẽ phải thanh toán phí dịch vụ phát sinh cho khối lượng chất thải vượt quá theo đơn giá nêu tại Phụ lục 01.

*If the volume of waste treated once multiplied by the unit price stated in Appendix 01 is more than VND 8,000,000 (Eight million VND), Party A shall have to pay the service fee incurred for the excess amount of waste according to the unit prices listed in Appendix 01.*

- 3.2. Thời hạn thanh toán: 2 đợt. . Cụ thể:



*Payment term: 2 stage as follows:*

Đợt 1: Vào tháng cuối cùng của tháng thứ 6 tính từ ngày hai bên ký Hợp đồng này, Bên B gửi Bên A hóa đơn, chứng từ và Biên bản nghiệm thu khối lượng trong đó có xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành đầy đủ các công việc theo yêu cầu của Bên A. Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn.

Stage 1: In the last month of the 6th month from the date of signing this Contract by both parties, Party B sends Party A invoices, documents and the volume acceptance record which includes Party A's confirmation that Party B fully complete the work as requested by Party A. Party A pays to Party B within 30 days from the last day of the invoice month.

Đợt 2: Vào tháng cuối cùng của tháng hết hạn Hợp đồng, Bên B gửi Bên A hóa đơn, chứng từ và Biên bản nghiệm thu khối lượng trong đó có xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành đầy đủ các công việc theo yêu cầu của Bên A. Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn.

Stage 2: In the last month of the Contract expiration month, Party B sends Party A invoices, documents and the volume acceptance record which includes Party A's confirmation that Party B has fully completed the work as requested by Party A. Party A pays to Party B within 30 days from the last day of the invoice month.

- 3.3. Phương thức thanh toán: Đồng tiền sử dụng trong thanh toán là tiền Việt Nam đồng (VNĐ). Bên A thanh toán cho Bên B theo thời hạn nêu tại Khoản 3.2 Điều này bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ gồm hóa đơn Giá trị gia tăng và Biên bản nghiệm thu có xác nhận của hai bên.

*Payment method: The currency used in payment is Vietnamese Dong (VND). Party A pays to Party B according to the payment period specified in Clause 3.2 of this Article by transfer to the bank account of Party B after Party A receives valid billing documents including the VAT invoice and the volume acceptance record confirmed by the two parties.*

Thông tin tài khoản ngân hàng của Bên B:

*Party B's bank account information:*

Tài khoản số: 19129984688699 mở tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

*Account No: 19129984688699 at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank) - Hung Yen branch*

#### **Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên**

##### ***Article 4: The responsibilities and rights of each party***

##### **4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A**

*The responsibilities & rights of Party A*

- a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi địa điểm giao nhận của Bên A.

*Party A completes other necessary procedures quickly, facilitating Party B in collecting and transporting waste out of the waste store of Party A.*



- b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.

*Party A takes full responsibility for the waste which is not delivered to the Party B for collection, transport and disposal.*

- c. Chất thải công nghiệp nguy hại phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu trữ theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải công nghiệp nguy hại như đã thông báo với Bên B. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

*Hazardous industrial waste must be controlled from the source according to the provisions of Circular No. 02/2022/TT-BTNMT of the Ministry of Natural Resources and Environment. Party A is responsible for classifying waste at source and storing it not in accordance with regulations, ensuring the composition of hazardous industrial waste as notified to Party B. When there is a change in waste composition, Party A must notify Party B for a timely settlement plan and appropriate unit price adjustment..*

- a. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

*In case there is change in waste component, party A must notice to party B to make timely treatment solution and readjust unit price.*

- b. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

*Party A makes full payment on schedule to Party B under the terms agreed in this contract.*

- c. Trong thời gian ký Hợp đồng với Bên B, Bên A không được ký Hợp đồng xử lý chất thải theo các hạng mục như phụ lục đính kèm với bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp Bên B không thực hiện hoặc không thực hiện đúng bất kỳ nội dung nào theo Hợp đồng này.

*During the time of signing contract with Party B, Party A is not allowed to sign the contract with waste listed at the appendix with any other third parties unless Party B fails to perform or fails to comply with any content hereunder.*

- d. Bên A được phép giám sát, kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý trước, trong và sau khi xử lý chất thải nguy hại nhằm đảm bảo hoạt động xử lý chất thải nguy hại đạt yêu cầu, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

*Party A may supervise and inspect any period of collection, storage and handling of hazardous waste of Party A that Party B conducts before, during and after hazardous waste treatment to ensure hazardous waste treatment process meeting the requirements and not affecting the environment.*

- e. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu xét thấy việc thực hiện công việc không mang lại lợi ích cho Bên A nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước 30 ngày;  
*Unilaterally terminate the Contract if it considers that the working performance does not bring benefits to Party A, but must notify in writing to Party B 30 days in advance;*



- f. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại đối với những thiệt hại thực tế xảy ra trong trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc không đảm bảo điều kiện hành nghề xử lý chất thải nguy hại hoặc không đảm bảo đúng quy trình, kỹ thuật trong quá trình quản lý chất thải nguy hại gây ra hậu quả về môi trường theo quy định pháp luật.

*Unilaterally terminate the Contract and request Party B to compensate for the actual damage that occurs in the event that Party B does not fully perform the work as agreed in this Contract or fails to ensure the operating conditions. hazardous waste treatment profession or fail to ensure the correct process and technique in the process of hazardous waste management, causing environmental consequences in accordance with the law.*

#### **4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B**

*The responsibilities & rights of Party B*

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình thực hiện công việc theo Hợp đồng này tại địa điểm giao nhận của Bên A.

*Party B must comply with the policies and internal regulations of Party A, such as environmental policy and other relevant regulations and instructions of the person in charge of Party A during work at the waste transfer location of Party A.*

- b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

*Party B must provide Party A all qualified documents for hazardous waste collection, transportation and treatment.*

- c. Chịu trách nhiệm và chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải nguy hại và chi phí cân điện tử (nếu có) theo Hợp đồng đã được ký.

*Party B must bear the cost of transporting and unloading, choosing properly types of hazardous waste, and bearing weighing cost (if available).*

- d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.

*Party B must be responsible for sanitary work area and environment of Party A, avoid leaking and emitting waste into the environment. If the waste is leaked or emitted into the environment by any chance, Party B shall be liable for the processing costs.*

- e. Các phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của Bên B phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

*The vehicles and equipment for collecting and transporting hazardous waste of Party B must meet the technical requirements and management process as prescribed.*

- f. Chịu trách nhiệm phối hợp với bên A lập và giao nhận chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.

*Party B is responsible for co-operating with party A to set and hand-over the certificate of hazardous waste each transfer trip complying with qualification of Law. Party B*



*must complete fully the certificate of hazardous waste and hand over it to Party A immediately after the hazardous waste is handled according to regulations.*

- g. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

*During the period of validity of this contract, Party B must always ensure and maintain the licenses issued by the State relating to the collection, transportation and disposal of hazardous wastes and implement full liability of service providers in accordance with current law. If Party B license is revoked or ceased the use of the license or suspend the licensing of new or renewal arising in cases under the new rules set forth by law, Party A has the right to unilaterally terminate the contracts without the consent of Party B.*

- h. Bên B không được quyền tiết lộ bất kỳ thông tin nào từ bên A mà bên B biết được một cách trực tiếp hay gián tiếp trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng. Nghĩa vụ này tồn tại hiệu lực trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng và sau khi Hợp đồng thanh lý/chấm dứt.

*Party B has no right to reveal any information from Party A that Party B got directly or indirectly in the negotiation and implementation of contract. This responsibility remains in the validity of contract and after contract liquidation/stop.*

- i. Bên B không được đơn phương chấm dứt Hợp đồng hoặc chuyển giao một phần hay toàn bộ quyền và nghĩa vụ được nói đến trong Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

*Party B must not unilaterally stop the contract or transfer one or all agreed rights and responsibilities of this contract to any other third parties unless Party A agrees by written consent.*

## **Điều 5. Bất khả kháng**

### **Article 5. Force Majeure**

- 5.1 Trường hợp bất khả kháng trong quá trình thực hiện Hợp đồng là các sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên như: động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, đình công, chiến tranh hoặc các thảm họa khác chưa lường hết được. Thủ tục xác nhận trường hợp bất khả kháng theo các quy định của pháp luật.

*Force majeure in the process of contract performance is events that happen objectively and beyond the control of both parties such as earthquakes, storms, floods, floods, tsunamis, landslides, fires, strikes, wars or other disasters. Procedures for confirming force majeure cases comply with the provisions of law.*

- 5.2. Bên Bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng không quá 05 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung



cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo thời gian khắc phục sự cố.

*The party affected by the force majeure must take measures to fulfill its obligations under the Contract as soon as possible and must notify the other party of the force majeure event no later than 05 days after the event. Provide proof of the nature and cause of the problem, and notice the time to fix the problem.*

- 5.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên Bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

*In the event of a force majeure event, the Contract performance period will be extended by the time of the force majeure event that the affected party is unable to perform its contractual obligations.*

## **Điều 6. Bảo mật**

### **Article 6. Confidentiality**

- 6.1. Bên B có trách nhiệm giữ bí mật mọi thông tin được Bên A cung cấp hoặc các thông tin khác liên quan đến Hợp đồng và không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B sẽ chỉ sử dụng thông tin đó để phục vụ các mục đích của Hợp đồng.

*Party B is responsible for keeping confidential all information provided by Party A or other information relating to the Contract and not disclosing it to any third party without the prior written consent of the Party A, Party B will only use such information for the purpose of this contract.*

- 6.2. Thông tin mật theo quy định tại điều này có nghĩa là toàn bộ nội dung và thông tin về kinh doanh hoặc kỹ thuật liên quan đến đàm phán, hình thành và thực hiện Hợp đồng, cùng bất cứ thông tin, phát hiện, dữ liệu và tài liệu nào dưới bất cứ dạng loại hoặc phương thức thể hiện nào mà (i) liên quan đến Bên A hoặc (ii) các Bên liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, hoặc (iii) liên quan đến các hoạt động kinh doanh của các Bên, dù là thực tế hay đang đề xuất, đã được tiết lộ trong quá trình đàm phán, hình thành và thực hiện Hợp đồng (ngoại trừ những thông tin đã được phổ biến rộng rãi trong công chúng một cách hợp pháp hoặc Bên B có nghĩa vụ cung cấp theo quy định của Pháp luật).

*Confidential Information as defined in this article means the entire business or technical content and information relating to the negotiation, formation and performance of the Contract, and any information, findings, data and any material in any type or mode of performance that (i) relates to Party A or (ii) the parties involved in the performance of the Contract, or (iii) Parties, whether actual or proposed, have been disclosed in the course of negotiating, forming and implementing the Contract (except for information that has been publicly available to the public in a lawful manner or Party B is obliged to provide in accordance with the law of Vietnam).*

- 6.3. Các quy định tại Điều này sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt hiệu lực.

*The provisions of this Article shall continue to apply after termination of this Contract.*

## **Điều 7. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

## **Article 7. Penalty and compensation**

### **7.1 Phạt vi phạm**

#### ***Penalty***

Bên Bị vi phạm có thể yêu cầu bên vi phạm phải chịu phạt do vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại. Mức phạt do vi phạm Hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại tối đa bằng 8% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.

*The aggrieved party may request the breaching party to pay a penalty for breach of the Contract and compensate for the damage. The penalty for breach of contract and liability to compensate for damage is up to 8% of the value of the breached contract.*

### **7.2 Bồi thường thiệt hại**

#### ***Compensation***

Bên nào vi phạm Hợp Đồng phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên kia. Việc xác định bồi thường thiệt hại được thực hiện dựa trên nguyên tắc sau (1) có hành vi vi phạm; (2) có thiệt hại thực tế xảy ra và (3) có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế xảy ra. Để làm rõ, thiệt hại bao gồm toàn bộ các thiệt hại trực tiếp và gián tiếp phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp Đồng của Bên vi phạm.

*Any party that violates the Agreement shall fully indemnify the other Party for all damage. The determination of compensation is based on the following principles (1) violations; (2) actual damage and (3) the causal relationship between violations and actual damages occurring. For clarity, damage includes all direct and indirect damage resulting from violations of the Agreement of the infringing Party.*

## **Điều 8. Thực thi Hợp đồng**

### **Article 8. Contract implementation**

- 8.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của Hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho Hợp đồng này.

*This contract can be modified according to written documents between two parties. In the case of a work is not included in the content of the contract, two parties agree to discuss, negotiate, and decide to establish additional appendix to this contract.*

- 8.2 Hiệu lực của Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

*The validity of contract shall be terminated in the following cases:*

- a. Nghĩa vụ của các bên quy định trong Hợp đồng đã được hoàn tất;  
*Obligations of the Parties in the Contract have been fulfilled;*
- b. Bên A hoặc Bên B bị rút giấy phép, giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật;  
*One of the parties withdraws the license, dissolves, goes bankrupt or terminates its operation in accordance with law;*
- c. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ ba, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền Hợp đồng cho bên thứ ba

*Party B sells their company to a third party, or Party B changes the owner or transfers the contract to third party without Party A's consensus on the matter.*



- d. Một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo các điều kiện và điều khoản quy định tại Hợp đồng này.

*One party unilaterally stops the contract according to fixed conditions and terms of this contract.*

- e. Một bên vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ trong Hợp đồng này và không có bất kỳ hành động sửa chữa nào các vi phạm đó trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Bị vi phạm, Bên Bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo cho bên kia trước 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng. Bên Bị vi phạm có quyền yêu cầu Bên vi phạm thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí tương ứng với phần các công việc đã thực hiện và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

*A party is in material breach of its obligations under this Contract and does not take any action to correct such breach within 30 (thirty) days from the date of receipt of the notice of the non-defaulting party. The non-defaulting party has the right to unilaterally terminate the contract by giving notice to the other party 30 (thirty) days prior to the date of termination of the Contract. The non-defaulting party shall have the right to request the breaching party to pay or reimburse the expenses corresponding to the part of the performed work and pay damages according to the provisions of law Vietnam.*

- 8.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt Hợp đồng trong khoản 8.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước 30 (ba mươi) ngày bằng văn bản cho Bên kia.

*In addition to the termination of contract case in the clause 8.2 of this Article; during the performance of contracts, if a party who wishes to terminate the contract before its expiry need to send the written notice 30 (thirty) days in advance to the other Party.*

- 8.4 Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, nghĩa vụ thanh toán của Bên A đối với Bên B sẽ tùy thuộc vào khối lượng Công việc đã thực hiện (được Bên A nghiệm thu) cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng sau khi trừ các khoản tiền phạt và/hoặc các khoản khấu trừ khác (nếu có) theo quy định của Hợp đồng.

*In case of terminating the contract ahead of schedule, Party A's payment obligation to Party B will depend on the work volume performed (accepted by Party A) until the time of contract termination after minus the fines and/or other deductions (if any) in accordance with the Contract.*

## **Điều 9. Giải quyết tranh chấp**

### **Article 9. Dispute resolution**

- 9.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

*This contract is governed by the relevant regulations of the law of the Socialist Republic of Vietnam.*

- 9.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của Hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 (ba mươi) ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa



ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

*Any dispute arising out of the terms of the contract, the first will be resolved through negotiation, reconciliation in a spirit of friendship and mutual respect within 30 days. Any dispute which is not settled between the Parties shall be referred to arbitration at the Court of competent people. Spoken language is Vietnamese. Litigation costs of the parties, including reasonable costs to hire a lawyer, will be paid by the losing party.*

## **Điều 10. Những điều khoản khác**

### **Article 10 Other articles**

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 1 năm kể từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/04/2024.

*This contract is valid 1 year from 10/04/2023 to 10/04/2024.*

- 7.2 Trường hợp thời hạn Hợp đồng kết thúc và các Bên không có nhu cầu gia hạn thì sẽ tiến hành giao kết Biên bản thanh lý Hợp đồng sau khi các Bên hoàn tất tất cả các nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng.

*In case this contract is ended and both parties have no demand for contract extension, two parties will liquidate the contract and completes all relevant responsibilities.*

- 7.3 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong Hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của Hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

*In case one or more articles and clauses in this contract are pointed by the state agency of competent jurisdiction to be invalid, no legal value or unenforceable under the current provisions of law, the Article, clauses and other points of this agreement remain effective for both parties.*

- 7.4 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên và được các Bên ký kết thành Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền người đại diện giống như Hợp đồng.

*All supplements and amendments to the contents of this contract are effective only with a written confirmation of both parties amended by the contracting parties into a contract, amended or supplemented in an order and in rights of the representative as in the contract.*

- 7.5 Hợp đồng này được lập thành 02 bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 01 bản). Nếu có bất kỳ xung đột nào về ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt, ngôn ngữ tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*This contract is made into 02 bilingual Vietnamese and English sets with the same legal value (each party keeps 01 sets). If there is any conflict between English and Vietnamese, Vietnamese contents shall prevail.*

**Đại diện bên A**  
**Representative of Party A**

**Đại diện bên B**  
**Representative of Party B**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đình Tiến*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence – Freedom – Happiness

PHỤ LỤC SỐ 01

APPENDIX NO 01

Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI No: 1004/2023/HĐCN/URENCO11 ký ngày 10 tháng 04 năm 2023. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

*This appendix is an inseparable part of the contract of waste collection, transportation, treatment No: 1004/2023/HĐCN/URENCO11 signed on 2023 April 10<sup>th</sup>. The conditions of the contract remain unchanged.*

Hôm nay, ngày 10 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm:

*Today, on 2023 April 10<sup>th</sup>, we are:*

**Bên A: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG**

**Party A: SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BAC GIANG CO., LTD**

Mã số thuế: 2400711548

Tax code: 2400711548

Địa chỉ: Lô CN-03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*Address: Lot CN-03, Van Trung industrial park, Van Trung commune, Viet Yen district, Bac Giang province*

Điện thoại: 02403661966

Fax:

Tel: 02403661966

Fax:

Người đại diện: Ông **Poon Kam Wing**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

*Representative: Mr Poon Kam Wing*

*Position: General Director*

Và/and

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO 11**

**Party B: INDUSTRIAL AND URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY NO. 11 – URENCO 11**

Mã số thuế: 0900291087

Tax code: 0900291087

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

*Address: Dai Tu village, Dai Dong Commune, Van Lam District, Hung Yen Province*

Điện thoại: 0221 3 999 072

Fax: 0221 3 981 489

Tel: 0221.3999.072

Fax: 0221.3981.489



Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Tiến**

Chức vụ: Phó Giám đốc

*Representative: Mr. Nguyen Dinh Tien*

*Position: Vice Director*

Theo Giấy ủy quyền số: 68/GUQ-URENCO do ông Vũ Quý Bình ngày 11 tháng 11 năm 2022  
*According to Power of Attorney No: 68/GUQ-URENCO issued by Mr. Vu Quy Binh on 11/11 year*

Tài khoản số: 19129984688699 mở tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên

*Account No: 19129984688699 at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank) - Hung Yen*

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01 theo các điều khoản sau:

*Two parties agree to sign the appendix No. 01 with the following contents:*

**DANH MỤC CHẤT THẢI, ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ  
(ĐƠN GIÁ CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT):**

***THE LIST OF WASTES & UNIT PRICES (PRICE DOES NOT INCLUDE VAT):***

Stt No	Loại Chất thải <i>Types of waste</i>	Mã CTNH <i>Hazardous waste code</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Đơn giá <i>Unit price (VND)</i>	Phương pháp xử lý <i>Treatment method</i>
1	Bao bì cứng bằng kim loại <i>Solid waste metal package contaminated hazardous elements</i>	18 01 02	Kg	3.500	Xúc rửa
2	Bao bì cứng bằng nhựa <i>Solid waste plastic package contaminated hazardous elements</i>	18 01 03	Kg	3.500	Xúc rửa
3	Bóng đèn huỳnh quang <i>Waste fluerescent lights</i>	16 01 06	Kg	5.000	Nghiền nhỏ, hóa rắn
4	Giẻ lau nhiễm TPNH <i>Clouts contaminated hazardous elements</i>	18 02 01	Kg	5.000	Thiêu đốt
5	Dầu thải <i>Waste oil</i>	17 02 03	Kg	5.000	Thiêu đốt
6	Hộp mực in thải <i>Waste printing cartrige</i>	08 02 04	Kg	5.000	Thiêu đốt
7	Chất thải y tế	13 01 01	Kg	5.000	Thiêu đốt



	<i>Medical waste</i>				
8	Bùn thải <i>sludge</i>	12 06 05	Kg	5.000	Hóa rắn
9	Rác thải thông thường không chứa các thành phần nguy hại <i>Non-hazardous industrial waste</i>		Kg	4.000	Thiêu đốt

**Ghi chú:** Đơn giá trọn gói của hợp đồng là 16.000.000 VNĐ (chưa gồm VAT). Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên A 02 lần/năm. Nếu khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý 01 lần nhân với đơn giá mà lớn hơn 8.000.000 VNĐ thì tính theo bảng trên.

**Note:** The all-in price of contract is 16,000,000 VND (VAT not included). Party B is responsible for waste collection, transportation and treatment for Party A 2 times per year. If the volume for each collection trip that multiplies with the unit price is bigger than 8,000,000 VND so the unit price for each type of waste will be applied

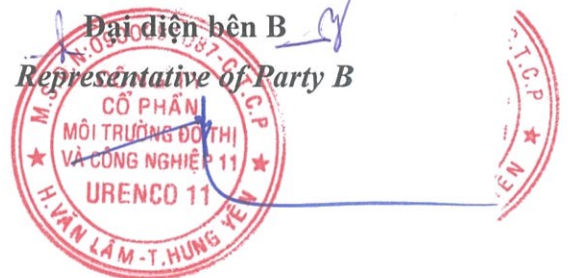
Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 02 bản song ngữ Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 01 bản. Nếu có bất kỳ xung đột nào về ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt, ngôn ngữ tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.  
*This appendix is made into 02 bilingual Vietnamese and English sets with the same legal value (each party keeps 01 sets). If there is any conflict between English and Vietnamese, Vietnamese contents shall prevail.*

Đại diện bên A *Đại diện bên A*  
 Representative of Party A



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**POON KAM WING**

Đại diện bên B *Đại diện bên B*  
 Representative of Party B



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Đình Tiến**

2209240018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Independence – Freedom - Happiness**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**ECONOMIC CONTRACT**

*Số: 0110/2022/SSGM-HN*

*No: 0110/2022/SSGM-HN*

*“Về việc: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt”*

*“Re: Collection and transportation of domestic waste”*

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2022 tại văn phòng Công ty TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG, chúng tôi gồm:

*Today, October 01<sup>st</sup>, 2022 at SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BAC GIANG CO.,LTD, we include:*

**BÊN A: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG**

***PARTY A: SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BAC GIANG CO.,LTD***

Người đại diện: Ông POON KAM WING

Chức vụ: Tổng Giám đốc

*Representative: Mr. POON KAM WING*

*Position: General Manager*

Địa chỉ: Lô CN 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*Address: CN 03 Lot, Van Trung Industrial Park – Van Trung Commune – Viet Yen district – Bac Giang Province*

Điện thoại (Tel): 02043.661.966

MST(Tax Code): 2400711548.

**Bên B: CÔNG TY TNHH HỒNG NGỌC**

***PARTY B: HONG NGOC CO.,LTD***

Địa chỉ: Thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

*Address: Thuong Duong village, Nam Trung commune, Nam Sach district, Hai Duong province*

Người đại diện: Ông TRƯỜNG VĂN NGỌC

Chức vụ: Giám đốc

Representative: Mr TRƯỜNG VAN NGOC

Position: Director

Điện thoại ( Tel): 0943.435.999

MST (Tax Code): 0800273905

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với các nội dung như sau:

*The two parties agree to sign a contract with the following contents:*

**Điều 1: Đối tượng, mục tiêu của hợp đồng:**

**Article 1 . Subjects and objectives of the contract:**

1. Bên B nhận thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt cho bên A.

*Party B receives and treats domestic waste for Party A.*

- Địa điểm thu gom: Tại CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG - Lô CN 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

*Collecting address: At SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BAC GIANG CO.,LTD - CN 03 Lot, Van Trung Industrial Park – Van Trung Commune – Viet Yen district – Bac Giang Province*

- Bên B phải thu gom tất cả các rác thải trên và chịu trách nhiệm về xử lý những gì mà không tái chế được đúng nơi quy định tuân thủ các quy định về Luật môi trường, vệ sinh sạch sẽ nơi chứa phế liệu và có trách nhiệm thu gom vệ sinh môi trường cho bên A theo lịch đã thông báo.

*Party B must collect all of the above wastes and be responsible for handling what is not recyclable in the right place in compliance with the provisions of the Environmental Law, cleanliness of the waste storage area and responsible for collecting environmental sanitation for Party A according to the announced schedule.*

Thời gian thu gom: Bên A có trách nhiệm liên hệ bên B trước 02 ngày khi có phát sinh khối lượng.

*Collecting time: Party A is responsible for contacting Party B two days in advance when the volume arises.*

**Điều 2.Đơn giá và phương thức thanh toán**

**Article 2.Unit price and payment method**

2.1 Đơn giá: 2.000.000VNĐ/ tháng

*Unit price: 2.000.000 VND / month*

*(Đơn giá trên đã bao gồm thuế , và phí bao bì thu gom rác sinh hoạt.*



*The above price is inclusive tax, and bag of domestic garbage collection)*

Bên B chịu trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính hợp pháp cho bên A.

*Party B is responsible for issuing legal financial invoices to Party A.*

2.2 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 45 ngày làm việc kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính, thanh toán bằng chuyển khoản;

*Payment method: Party A shall pay Party B within 45 working days after receiving the financial invoice, paying in cash or by bank transfer.*

### **Điều 3. Trách nhiệm các bên/Responsibility of the parties**

#### **3.1.1. Trách nhiệm của bên A/ Responsibility of party A**

- Bên A có trách nhiệm phân loại riêng phế liệu, rác thải đúng chủng loại, tuyệt đối không để lẫn rác thải sinh hoạt vào rác thải công nghiệp và kiểm soát rác thải trước khi đưa ra nhà rác.

*Party A is responsible for classifying waste materials and waste in the right category, not to mix domestic waste into industrial waste and control waste before putting it into the garbage house.*

- Cử người phụ trách kiểm tra việc thu gom.

*Assign the person in charge of checking the collection.*

#### **3.1.2. Quyền của bên A/ Rights of party A**

- Bên A có quyền yêu cầu bên B chở rác thải 1 chuyến/ 1 tuần. Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện vận chuyển cho phù hợp.

*Party A has the right to request Party B to carry 01 time per week. Inform Party B in case of increased volume of waste so that Party B can plan to transfer the means of transport accordingly.*

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp đồng mà không cần báo trước và không bồi hoàn lại tiền trong các trường hợp sau:

*Party A has the right to unilaterally terminate the contract without prior notice and does not compensate money in the following cases:*

a) Khi bên B không đến thu gom rác thải sinh hoạt tại bên A trong vòng 10 ngày.

*When Party B does not collect domestic waste at Party A within 10 days.*

b) Khi Bên A phát hiện được trong phế liệu, rác thải có lẫn hàng hóa thành phẩm hay vật tư, thiết bị của bên A không nằm trong đối tượng của hợp đồng và khi đó không có nhân viên giám sát của bên A.

17115  
CÔNG  
T.N.H  
ART S  
GARME  
NUFAC  
BẮC GI  
BẮC

*When Party A detects in waste, garbage mixed with finished goods or supplies, Party A's equipment is not subject to the contract and then there is no supervisor of Party A.*

### **3.2. Trách nhiệm của bên B/ Responsibility of party B**

- Bố trí người nhận và bốc vác hàng, chở hàng, phương tiện vận chuyển và kiểm tra phế liệu, rác thải trong quá trình thu gom nhằm đảm bảo đúng chủng loại đã thống nhất trong hợp đồng. Tuyệt đối không thu gom rác thải có lẫn hàng hóa thành phẩm hay vật tư, thiết bị của bên A.

*Arrange people to receive and pick up goods, means of transport and inspect waste and garbage in the collection process to ensure the right kind agreed in the contract. Absolutely do not collect garbage mixed with finished goods or supplies and equipment of Party A.*

- Bên B chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh môi trường, đảm bảo đúng pháp luật trong quá trình thu gom vận chuyển xử lý. Công nhân của bên B khi thu gom phế liệu tại bên A phải tuân thủ các nội quy, quy chế của bên A và chỉ được phép đi lại tại khu vực cho phép thu gom rác thải.

*Party B is responsible for labor safety, traffic safety, environmental hygiene and safety, ensuring the law in the process of collection and handling. Workers of Party B when collecting waste materials at Party A must comply with Party A's rules and regulations and are only allowed to travel to the area where garbage collection is permitted.*

- Phí vận chuyển, bao gói và bốc xếp do bên B thanh toán.

*Shipping, packaging and loading and unloading charges are paid by party B.*

- Bên B không được phép vứt, đổ rác thải (vải vụn, carton, nylon, phế liệu ...) ra những nơi mà pháp luật không cho phép theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

*Party B is not allowed to dispose, dump garbage (rags, carton, nylon, scraps ...) into places that are not allowed by law in accordance with the Law on Environmental Protection.*

- Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải, tránh rơi vãi.

*Means of transport are equipped to ensure environmental hygiene, ensure clean and clean waste, avoid spillage.*

- Cung cấp cho bên A đầy đủ tài liệu của việc thu gom, xử lý chất thải theo qui định của luật môi trường và chính quyền sở tại.

*Provide Party A with full documentation of waste collection and treatment in accordance with local environmental and government laws.*

- Bên B cam kết đảm bảo các bí mật kinh tế, thương mại có xuất xứ trong rác thải của bên A.



*Party B commits to ensure the origin of economic and trade secrets of Party A.*

• **Điều khoản chung/ General term:**

- Mỗi bên cùng ký nhận biên bản bàn giao cho từng chuyến cụ thể.

*Each party signed a receipt for each specific trip.*

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 01/10/2023.

*This contract is effective from October 01<sup>st</sup> 2022 to October 01<sup>st</sup> 2023.*

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh hoặc thay đổi, bổ sung thì phải thông báo trước để hai bên cùng bàn bạc và ký các phụ lục hợp đồng khi cần thiết, nếu có tranh chấp thì hai bên sẽ cùng nhau thương lượng, trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ đưa nhau ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật, quyết định của toàn án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải có trách nhiệm thi hành, án phí do bên thua chịu.

*The two parties pledge to strictly implement the terms of this contract. In the course of contract performance, if any arises or changes, it must be notified in advance so that the two parties can discuss and sign contract appendices when necessary. In case of failure to reach an agreement, they will be brought to competent court for settlement according to the provisions of law, the decision of the court is the final decision that the two parties must implement, court fees incurred by the losing party.*

- Hết thời hạn hợp đồng nếu hai bên không có ý kiến khiếu nại gì thì hợp đồng coi như được hết hiệu lực.

*At the end of the contract, if the two parties do not have any complaints, then the contract is considered invalid.*

- Trong vòng 30 ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, đại diện hai bên sẽ thảo luận xem xét việc gia hạn hợp đồng. Hợp đồng được gia hạn khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng.

*Within 30 days before the contract expires, representatives of both parties will discuss consideration of contract extension. The contract is extended when the two parties sign the contract appendix.*

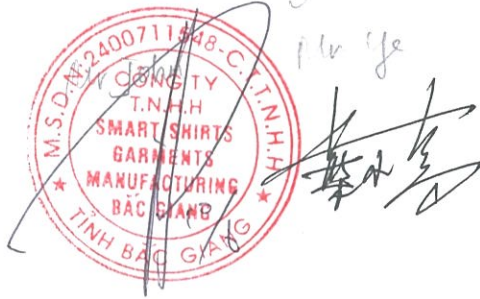
- Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước 30 ngày làm việc.

*If either party wants to terminate the contract ahead of time, it must notify in writing to the other party 30 working days in advance.*

- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau. Nếu có sai khác giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

The contract is made into four (04) copies in Vietnamese and English, each party keeps two (02) copies with the same legal value. In case of discrepancy between English content and Vietnamese content, Vietnam shall prevail.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
*Poon*  
**On behalf of Party A**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**POON KAM WING**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**On behalf of Party B**



**GIÁM ĐỐC**  
**TRƯƠNG VĂN NGỌC**

Thay thế cho hóa đơn Mẫu số 1 ký hiệu C23TFG số 00001445 ngày 9 tháng 8 năm 202



Tra cứu hóa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 134901002C23TFG162958502

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://2400390365-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 134901002C23TFG179753723



**IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang**

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2400711548 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 18/02/2014. Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 07/01/2016.

Địa chỉ thường trú: Lô CN - 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**CD 425663**



*hứa đất:*

**Nhà ở: -/-**

công trình: Xưởng sản xuất E06

**ừng sản xuất là rừng trồng:**

*'ây lâu năm:-/-."*

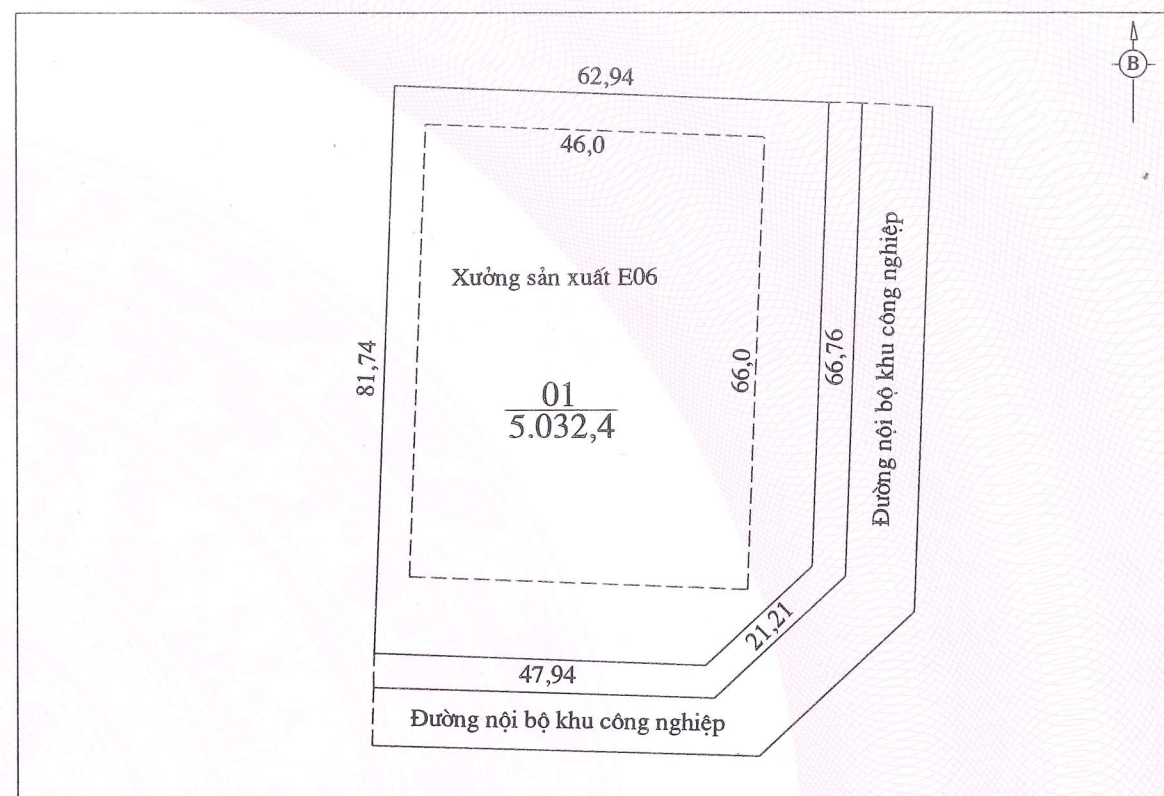
**Chú chú:**

Bắc Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2016  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
TU. CHỦ TỊCH  
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

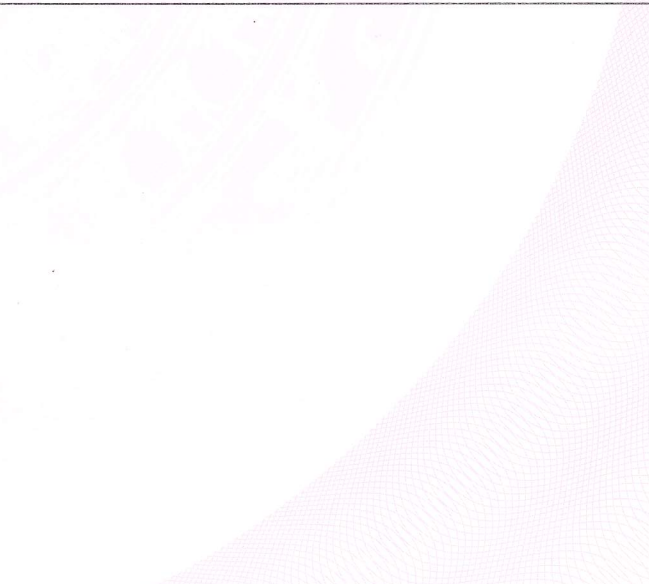
Số vào sổ cấp GCN: CS00128/001

**Lê Hồng Sơn**

### III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



#### IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhân

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
	



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang**  
Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2400711548 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 18/02/2014. Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 07/01/2016.  
Địa chỉ thường trú: Lô CN - 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

CD 425661



Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
Thửa đất:

Thửa đất số: 01, Tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính thửa đất số 06 - 2016

Địa chỉ thửa đất: Một phần lô CN - 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Diện tích: 6.988,2 m<sup>2</sup> (bằng chữ: Sáu nghìn chín trăm tám tám phẩy hai mét vuông)

Hình thức sử dụng đất: riêng: 6.988,2 m<sup>2</sup>, chung: Không m<sup>2</sup>

Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 18/02/2057

Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

Nhà ở: -/-

Công trình xây dựng khác: -/-

Công trình: Xưởng sản xuất E01

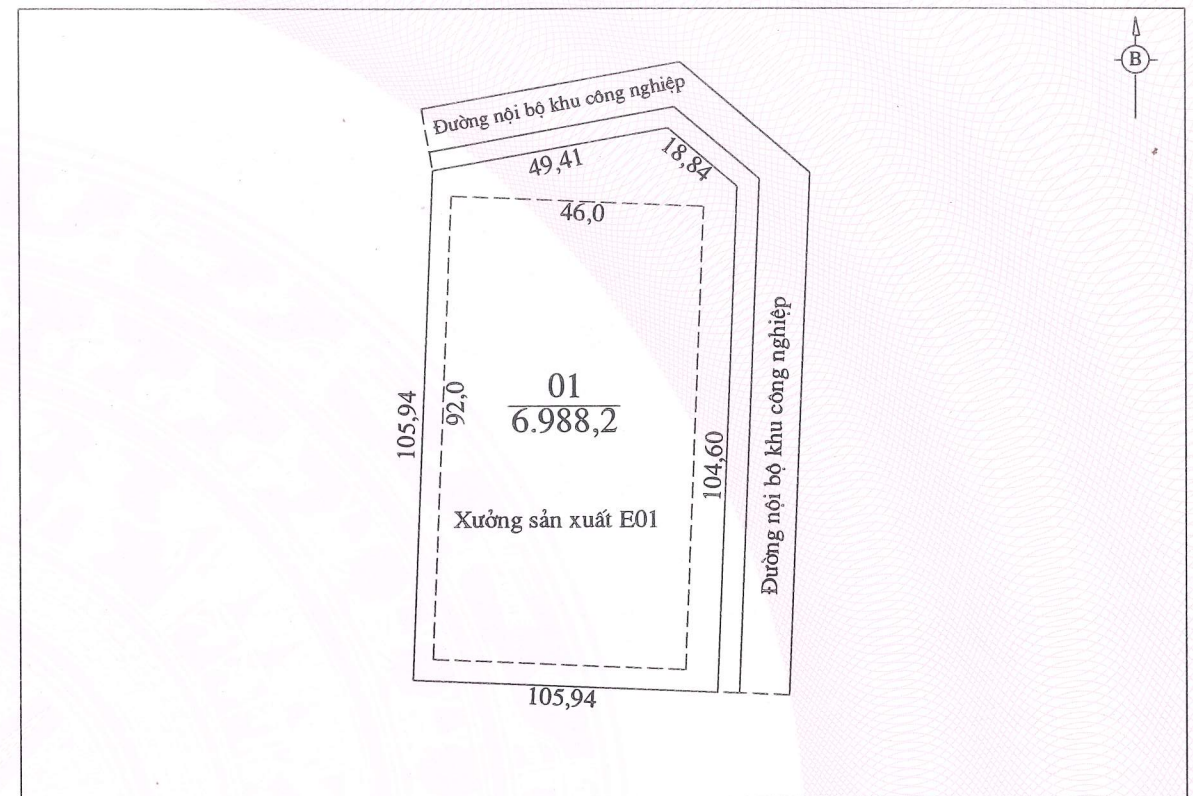
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng ( m2 )	Diện tích sàn (m2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Xưởng sản xuất E01	4.232,0	4.784,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-

Rừng sản xuất là rừng trồng:

Ây lâu năm:-/-." -/-

Ghi chú:

### III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



### IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bắc Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2016  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
TUQ. CHỦ TỊCH  
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CS00127/Q01

Lê Hồng Sơn



Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thửa đất:

Thửa đất số: 01, Tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính thửa đất số 07 - 2016

Địa chỉ thửa đất: Một phần lô CN - 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Diện tích: 5.709,7 m<sup>2</sup> (bằng chữ: Năm nghìn bảy trăm linh chín phẩy bảy mét vuông)

Hình thức sử dụng đất: riêng: 5.709,7 m<sup>2</sup>, chung: Không m<sup>2</sup>

Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 18/02/2057

Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

Nhà ở: -/-

Công trình xây dựng khác: -/-

Công trình: Xưởng sản xuất E02

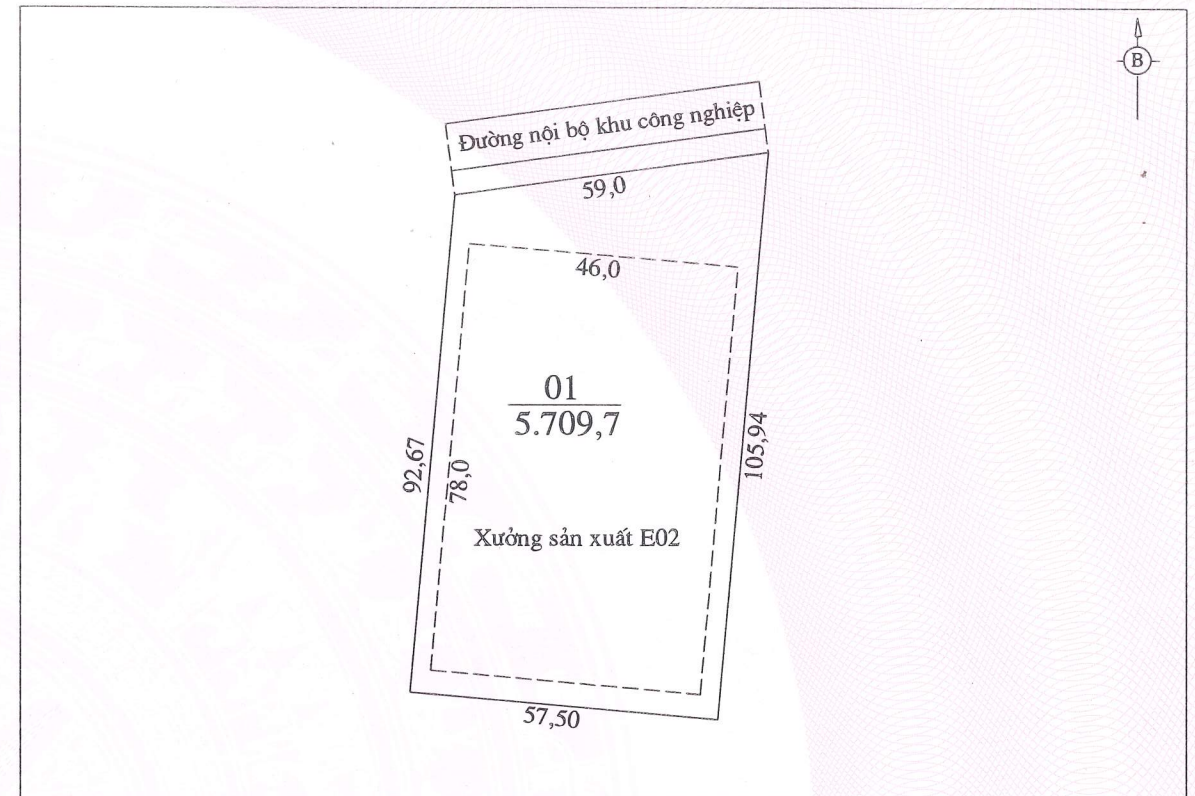
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng ( m2 )	Diện tích sàn (m2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Xưởng sản xuất E02	3.588,0	4.140,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-

Rừng sản xuất là rừng trồng:

Cây lâu năm:-/-" -/-

Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bắc Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2016  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
TU. CHỦ TỊCH  
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Hồng Sơn

Số vào sổ cấp GCN: CS.00129/Q01





**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang**  
Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2400711548 do Phòng Đăng ký kinh  
doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 18/02/2014. Đăng ký  
thay đổi lần thứ 02 ngày 07/01/2016.

Địa chỉ thường trú: Lô CN - 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên,  
tỉnh Bắc Giang.

CD 425662

**IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 01, Tờ bản đồ số: Mảnh trích đo địa chính thửa đất số 09 - 2016
- b) Địa chỉ thửa đất: Một phần lô CN - 03, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- c) Diện tích: 4.699,7 m<sup>2</sup> ( bằng chữ: Bốn nghìn sáu trăm chín chín phẩy bảy mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng đất: riêng: 4.699,7 m<sup>2</sup>, chung: Không m<sup>2</sup>
- đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
- g) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 18/02/2057
- h) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

"2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

Tên công trình: Xưởng sản xuất E07

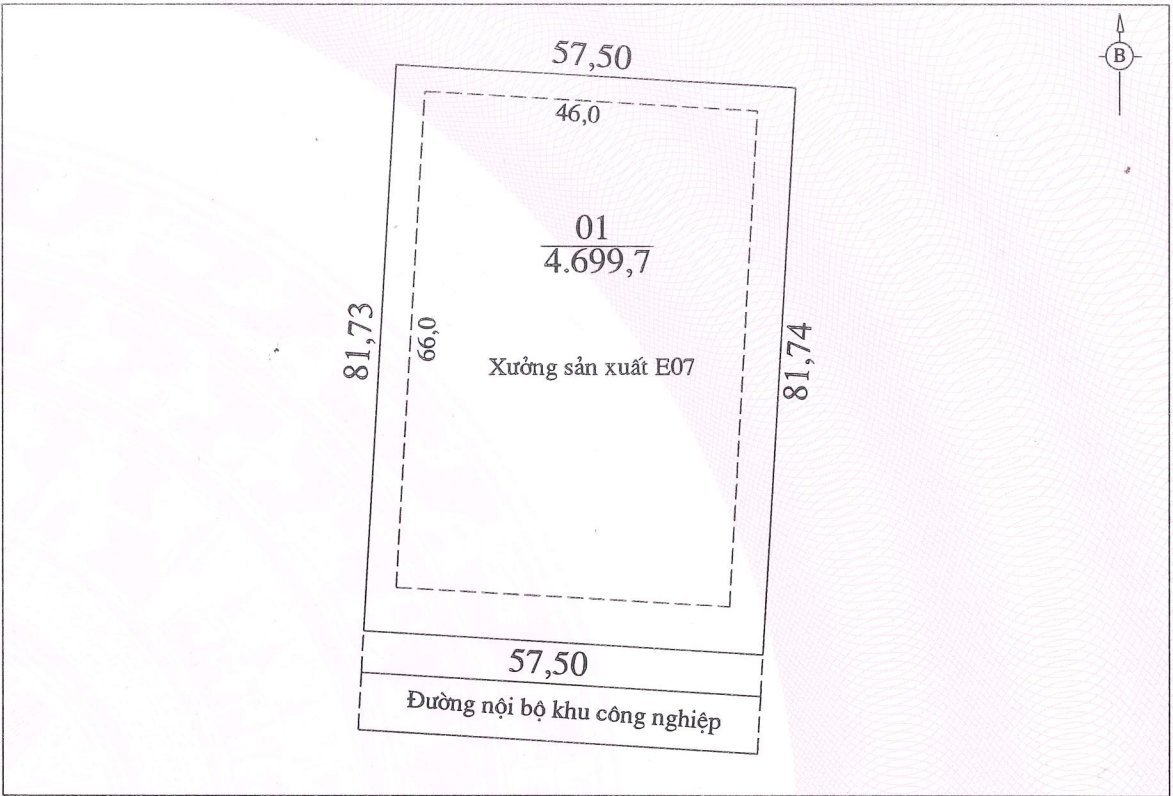
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng ( m2 )	Diện tích sàn (m2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Xưởng sản xuất E07	3.036,0	3.588,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

5. Cây lâu năm:-/-." -/-

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bắc Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2016  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
TUQ. CHỦ TỊCH  
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Hồng Sơn

Số vào sổ cấp GCN: CS.00150/Q.01





**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang  
Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2400711548 do Phòng Đăng ký kinh  
doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 18/02/2014. Đăng ký  
thay đổi lần thứ 02 ngày 07/01/2016.  
Địa chỉ thường trú: Lô CN - 03, KCN Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên,  
tỉnh Bắc Giang.

CD 425664

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
------------------------------------	---------------------------------------

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



Bắc Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2013.

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
Số: 12.2013/GPXD



**1. Cấp cho:** Công ty TNHH FuHua.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang.

**2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án:** Đầu tư xây dựng công trình nhà xưởng Fuhua tại lô CN-03, Khu công nghiệp Vân Trung, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích đất sử dụng là 41.112 m<sup>2</sup>. Theo đề nghị của Công ty của Công ty TNHH FuHua tại Đơn xin cấp Giấy phép xây dựng ngày 20/6/2013.

- Tổng số công trình được cấp phép xây dựng : 08 công trình theo thiết kế cơ sở do Công ty TNHH TV và XD Xương Giang lập tháng 6 năm 2013 được Ban Quản lý các KCN tham gia ý kiến tại văn bản số 10/ TGYK - KCN, ngày 03 tháng 7 năm 2013.

**2.1 Xưởng sản xuất E01 (Số 1 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-01-1÷E-01-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 2.300,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 2.300,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,00 m.

. Số tầng: 01 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục A song song và cách đoạn 5-6 của tường rào 6,25 m.

+ Trục 9 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 87,50 m.

**2.2 Xưởng sản xuất E02 (Số 2 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-0206070809-1÷E-0206070809-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,0 m.

. Số tầng: 01 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục G song song và cách đoạn 5-6 của tường rào 64,75 m.

+ Trục 1 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 87,50 m.

**2.3 Xưởng sản xuất E03 (Số 3 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-03-1÷E-03-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.588,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.588,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,0 m.

. Số tầng: 01 tầng.  
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục A song song và cách đoạn 5-6 của tường rào 123,25 m.

+ Trục 14 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 87,50 m.

**2.4 Xưởng sản xuất E05 (Số 5 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-05-1÷E-05-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 4.232,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 4.232,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,0 m.

. Số tầng: 01 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục A song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 10,70 m.

+ Trục 1 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 87,50 m.

**2.5 Xưởng sản xuất E06 (Số 6 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-0206070809-1÷E-0206070809-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,0 m.

. Số tầng: 01 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục A song song và cách đoạn 5-6 của tường rào 6,25 m.

+ Trục 12 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 10,50 m.

**2.6. Xưởng sản xuất E07 (Số 7 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-0206070809-1÷E-0206070809-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,0 m.

. Số tầng: 01 tầng.

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục A song song và cách đoạn 5-6 của tường rào 64,75 m.

+ Trục 12 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 10,50 m.

**2.7. Xưởng sản xuất E08 (Số 8 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-0206070809-1÷E-0206070809-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.036,00 m<sup>2</sup>.



## CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan chức năng trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

## ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

. Chiều cao công trình: 8,0 m.  
. Số tầng: 01 tầng.  
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

- + Trục A song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 69,20 m.
- + Trục 12 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 10,50 m.

**2.8. Xưởng sản xuất E09 (Số 9 trên tổng mặt bằng):**

+ Theo thiết kế có ký hiệu: E-01÷E-06; E-0206070809-1÷E-0206070809-6; KC-01÷ KC-48.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.  
. Tổng diện tích sàn: 3.036,00 m<sup>2</sup>.  
. Chiều cao công trình: 8,0 m.  
. Số tầng: 01 tầng.  
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt + 5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

- + Trục G song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 10,70 m.
- + Trục 12 song song và cách đoạn 5-4 của tường rào 10,50 m.

**3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Hợp đồng thuê lại đất giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH FuHua số 2013-K-FG-HDTD-001 ngày 20/6/2013 và biên bản bàn giao đất tại thực địa.

**5. Hiệu Lực khởi công:** Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công ty TNHH Fugiang;
- Lưu VT, QHMT.

**Bản điện tử:**

- Lãnh đạo Ban;
- QHMT.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Anh Quyền.

## ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

**1. Nội dung điều chỉnh:** Điều chỉnh 04 công trình nhà xưởng theo Giấy phép xây dựng Số 12.2013/GPXD ngày 03/7/2013 do Trưởng Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp cho Công ty TNHH Fuhua.

**2.1 Nhà xưởng E01 (theo giấy phép là Xưởng sản xuất E05):** (Ký hiệu E01 trên tổng mặt bằng):

+ Theo thiết kế có ký hiệu: QH-01÷QH-02; KCM-01÷KCM-07; KT-01÷KT-07; KC-01÷KC-04; CTM-01÷CTM-04; CT-01÷CT-07.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 4.232,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 4.784,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,00 m.

. Số tầng: 02 tầng (từ trục 14 đến trục 16 là 2 tầng với diện tích sàn 552 m<sup>2</sup>).

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt +5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục G song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 7,20 m.

+ Trục 16 song song và cách đoạn 4-5 của tường rào 84,20 m.

. Màu sắc công trình: Tường màu vàng, mái màu xanh.

**2.2 Nhà xưởng E02 (theo giấy phép là Xưởng sản xuất E03):** (Ký hiệu E03 trên tổng mặt bằng):

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KCM-01÷KCM-07; KT-01÷KT-07; KC-01÷KC-04; CTM-01÷CTM-04; CT-01÷CT-07.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.588,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 4.140,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,00 m.

. Số tầng: 02 tầng (từ trục 10 đến trục 12 là 2 tầng với diện tích sàn 552 m<sup>2</sup>).

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt +5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục G song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 65,70 m.

+ Trục 16 song song và cách đoạn 4-5 của tường rào 84,20 m.

. Màu sắc công trình: Tường màu vàng, mái màu xanh.

**2.3 Nhà xưởng E06 (theo giấy phép là Xưởng sản xuất E06):** (Ký hiệu E07 trên tổng mặt bằng):

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KCM-01÷KCM-07; KT-01÷KT-07; KC-01÷KC-04; CTM-01÷CTM-04; CT-01÷CT-07.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.588,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,00 m.





. Số tầng: 02 tầng (từ trục 1 đến trục 3 là 2 tầng với diện tích sàn 552 m<sup>2</sup>).  
. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt +5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục G song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 7,19 m.

+ Trục 12 song song và cách đoạn 4-5 của tường rào 7,20 m.

. Màu sắc công trình: Tường màu vàng, mái màu xanh.

**2.4 Nhà xưởng E07 (theo giấy phép là Xưởng sản xuất E07):** (Ký hiệu E07 trên tổng mặt bằng):

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KCM-01÷KCM-07; KT-01÷KT-07; KC-01÷KC-04; CTM-01÷CTM-04; CT-01÷CT-07.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng: 3.036,00 m<sup>2</sup>.

. Tổng diện tích sàn: 3.588,00 m<sup>2</sup>.

. Chiều cao công trình: 8,00 m.

. Số tầng: 02 tầng (từ trục 1 đến trục 3 là 2 tầng với diện tích sàn 552 m<sup>2</sup>).

. Cốt nền xây dựng công trình: Cốt +0,00 tương đương với cốt +5,30 trong bản vẽ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Vân Trung.

. Định vị công trình:

+ Trục G song song và cách đoạn 2-3 của tường rào 65,70 m.

+ Trục 12 song song và cách đoạn 4-5 của tường rào 7,20 m.

. Màu sắc công trình: Tường màu vàng, mái màu xanh.

**2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:** Giấy phép điều chỉnh có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì chủ đầu tư phải đề nghị ra hạn giấy phép xây dựng theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang;

- Công ty TNHH Fugiang

- Lưu: VT, QHMT.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Ban;

- QHMT.

Bắc Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2015

**KT. TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Trần Vũ Thông**





**HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA**

Số:.....

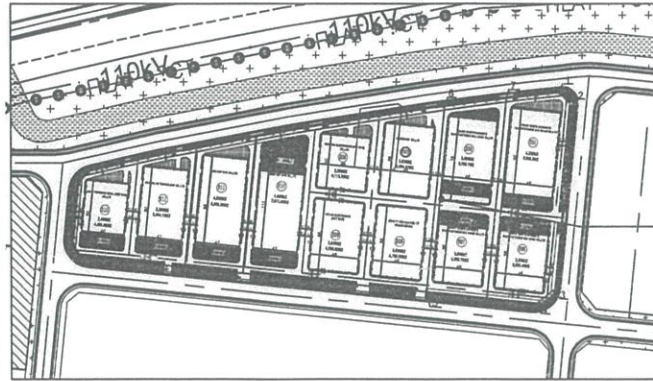
Ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHẦN I**  
**TỔNG MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ NHÀ XƯỞNG**  
**TỔNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG TƯỜNG RÀO**  
**HỆ THỐNG CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC**  
**HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN**

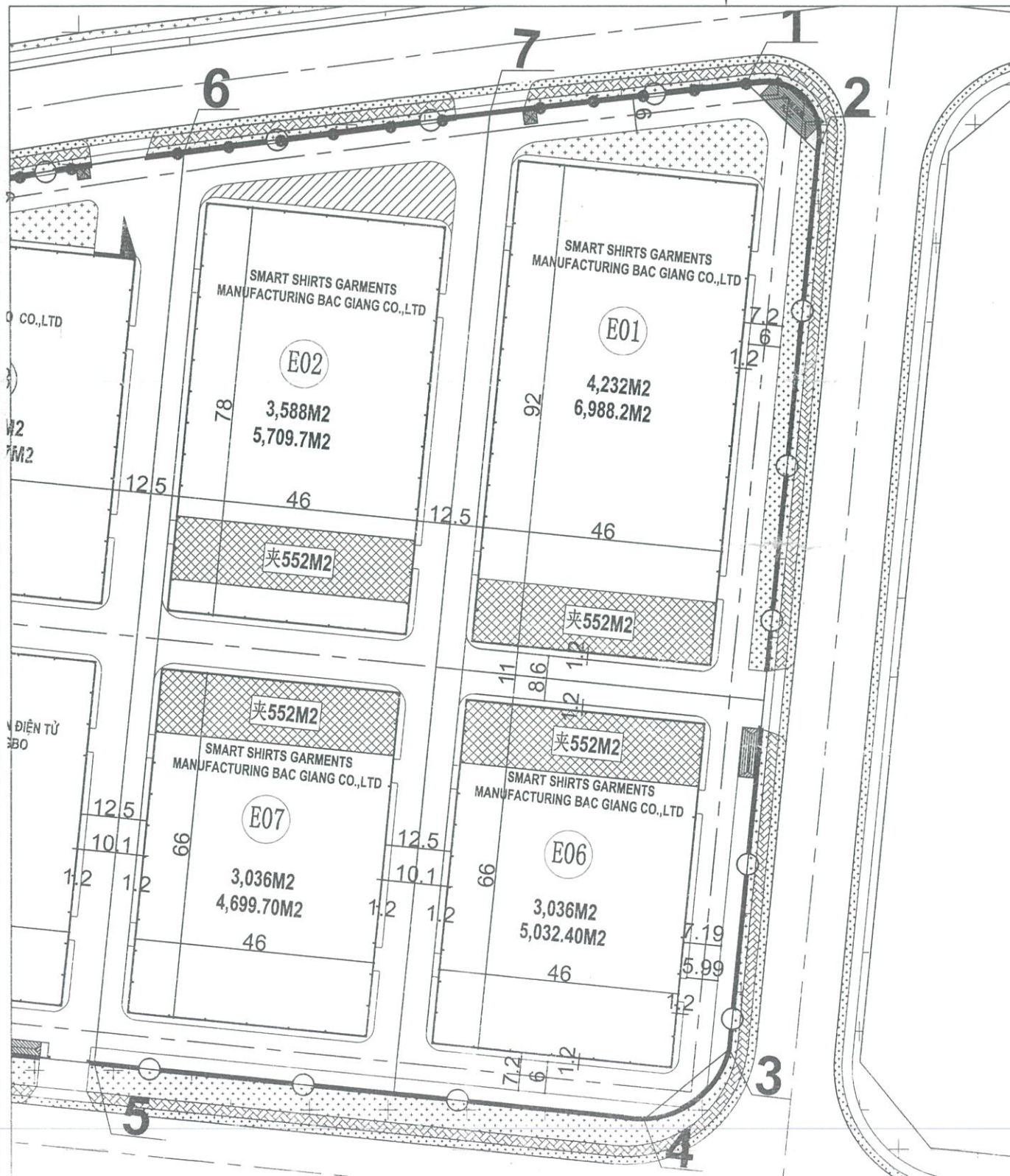




## SƠ HẠ TỔNG MẶT BẰNG

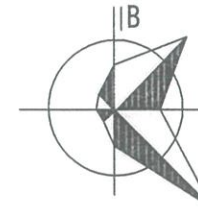
MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG SMART SHIRTS BẮC GIANG  
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ CN-03, KCN VÂN TRUNG, BẮC GIANG

VỊ TRÍ XIN



## MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

## NHÀ XƯỞNG SMART SHIRTS BẮC GIANG (LÔ CN-03)



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only.  
Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc tự thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

A3 Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

- + Cốt nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Vân Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cốt cao độ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

## BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG

STT	Factory name 厂名 Tên nhà xưởng	Building dimension (length*width*height) 建筑尺寸 (长*宽*高) Kích thước xây dựng (dài*rộng*cao)	Floor Area 建筑面积 (m²) Diện tích xây dựng (m²)		Total factory area 占地面积 (m²) Tổng diện tích nhà xưởng (m²)	Phase 期别 Giải đoạn	SỐ NGÀY NO - DATE MÔ TẢ DESCRIPTION XÁC NHẬN APPROVAL
			Diện tích sàn tầng 1 floor area of 1	Diện tích sàn tầng 2 floor area of 2			
1	E01	92*46*6	4,232	552	6,988.20	Phase I	SỐ:..... Ngày..... tháng..... năm..... CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GRAMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-03 KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
2	E02	78*46*6	3,588	552	5,709.70	Phase I	
5	E06	66*46*6	3,036	552	5,032.40	Phase I	
6	E07	66*46*6	3,036	552	4,699.700	Phase I	

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM  
LÔ ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2350852.8749	410493.3275
2	2350839.6314	410506.7331
3	2350669.1333	410489.5910
4	2350655.7058	410473.1666
5	2350666.2794	410368.2604
6	2350839.8070	410385.7091
7	2350847.2596	410444.2449

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM  
LÔ ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG E01

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2350852.8749	410493.3275
2	2350839.6314	410506.7331
3	2350735.5518	410496.2662
4	2350741.8463	410433.6453
5	2350847.2596	410444.2449

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM  
LÔ ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG E02

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2350847.2581	410444.2447
2	2350741.8459	410433.6490
3	2350747.5967	410376.4371
4	2350839.8070	410385.7091

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM  
LÔ ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG E06

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2350735.5518	410496.2662
2	2350669.1333	410489.5910
3	2350655.7058	410473.1666
4	2350660.5168	410425.4673
5	2350741.8463	410433.6453

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM  
LÔ ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG E07

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
1	2350741.8463	410433.6453
2	2350660.5168	410425.4673
3	2350666.2794	410368.2604
4	2350747.5967	410376.4371

## KÝ HIỆU:

- NHÀ XƯỞNG
- SÀN LƯỠNG TẦNG 2
- CÂY XANH
- TƯỜNG RÀO BAO QUANH

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN  
CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA  
CÔ PHẦN  
XÂY DỰNG  
CÔNG NGHIỆP  
ALPHA  
A: P201 NHÀ C18-2, KHU ĐÔ THỊ MỀ TRỊ HÀ  
TƯ LIÊM, HÀ NỘI  
T: 04.37876753 F: 04.37876753  
W: ALPHAICC.COM.VN

P. GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR  
ĐỖ VĂN NGỌCCHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER  
VƯƠNG THỊ HỒNG VÂNTHỂ HIỆN - DRAWN  
NGUYỄN THÀNH CHUNGKIỂM - CHECKED  
NGUYỄN ĐỨC THIẾPCÔNG TRÌNH - PROJECT:  
CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG  
E01, E02, E06, E07ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:  
KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANGHÀNG MỤC - BUILDING ITEM  
NHÀ XƯỞNG E01, E02, E06, E07TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME  
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ NHÀ XƯỞNGG. ĐOẠN TK - STAGE  
TK BVTCSỐ HIỆU BẢN VẼ  
DRAWING NUMBER

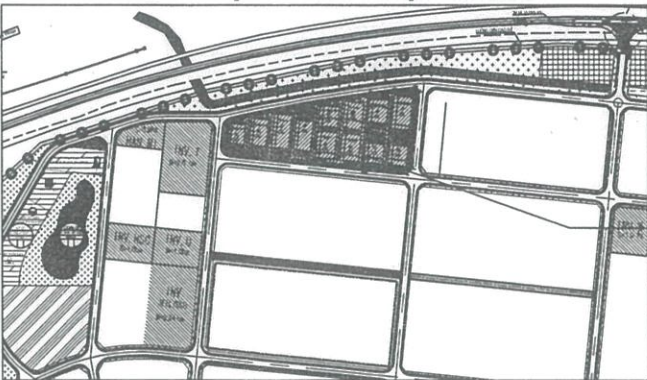
TỶ LỆ - SCALE

NGÀY - DATE

QH-01  
PROJ NO



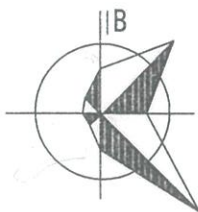
SƠ HỌA TỔNG MẶT BẰNG



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG SMART SHIRTS BẮC GIANG  
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ CN-03, KCN VÂN TRUNG, BẮC GIANG

VỊ TRÍ THI CÔNG ĐỢT NÀY

MẶT BẰNG GIAO THÔNG  
NHÀ XƯỞNG E01; E02; E06; E07 (LÔ CN-03)



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only. Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc tự thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

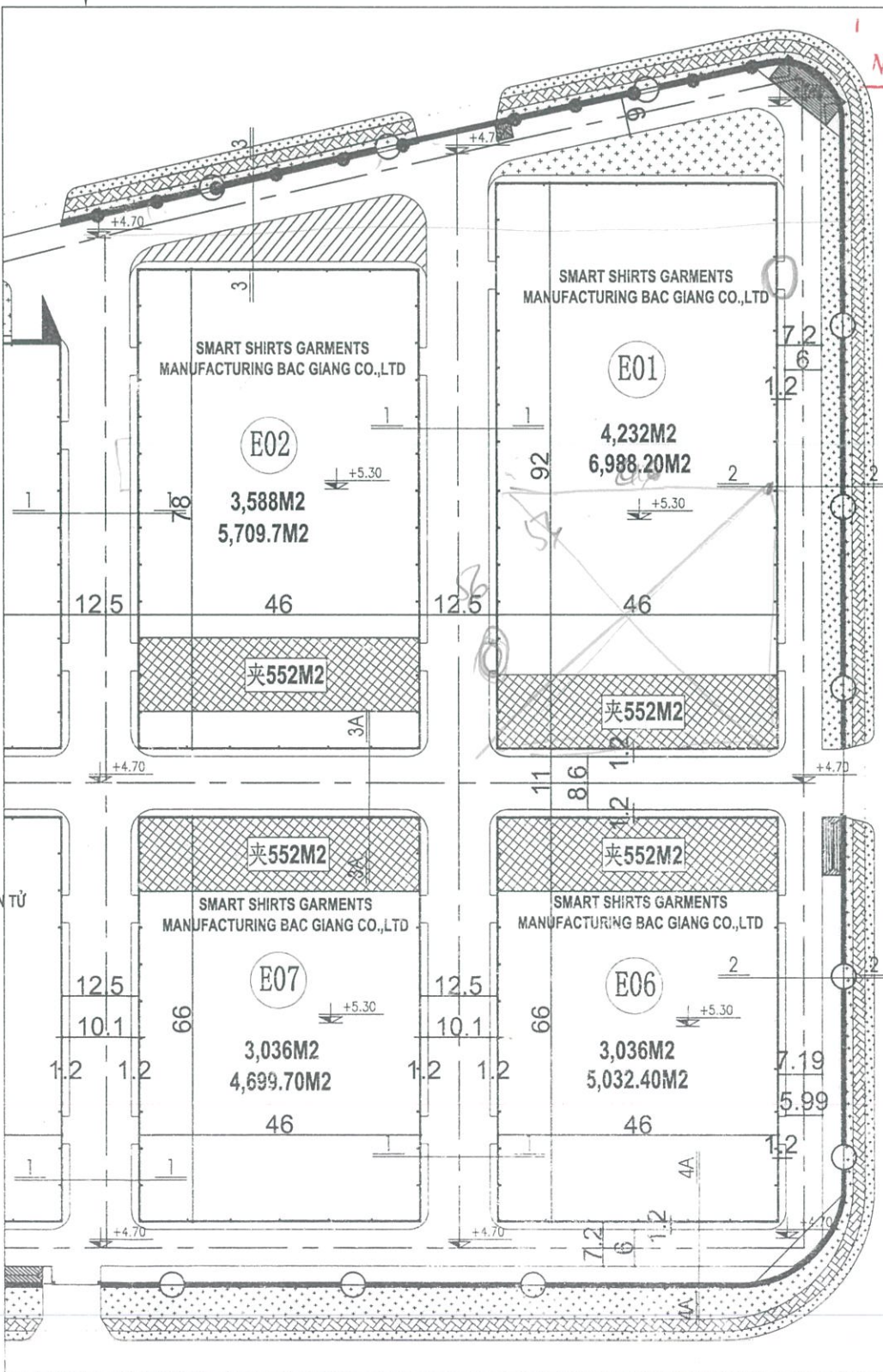
A3 Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

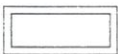
- + Cốt nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Vân Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cốt cao độ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG

STT	Factory name 厂房名称 Tên nhà xưởng	Building dimension (length*width*height) 建筑尺寸 (长*宽*高) Kích thước xây dựng (dài*rộng*cao)	Floor Area 建筑面积 (m²) Diện tích xây dựng (m²)		Total factory area 占地面积 (m²) Tổng diện tích nhà xưởng (m²)	Phase 期别 Giai đoạn
			Diện tích sàn tầng 1 floor area of 1	Diện tích sàn tầng 2 floor area of 2		
1	E01	92*46*6	4,232	552	6,988.20	Phase I
2	E02	78*46*6	3,588	552	5,709.70	Phase I
5	E06	66*46*6	3,036	552	5,032.40	Phase I
6	E07	66*46*6	3,036	552	4,699.700	Phase I



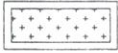
KÝ HIỆU:



- NHÀ XƯỞNG



- SÀN LƯỖNG TẦNG 2



- CÂY XANH



- TƯỜNG RÀO BAO QUANH

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Số: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

SỐ NGÀY MO TA XÁC NHẬN

NO DATE DESCRIPTION APPROVAL

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GRAMENTS  
MANUFACTURING BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-03 KCN VÂN TRUNG -  
VIỆT YÊN - BẮC GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN

CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG  
CÔNG NGHIỆP  
ALPHA

A: P201 NHÀ CT3-2 KHU ĐÔ THỊ MÊ TRÌ HẠ  
ĐƯỜNG LÊ VĂN HÒA NỘI

T: 0437876752 F: 0437876753  
W: ALPHAICC.COM.VN

P.GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR

ĐỖ VĂN NGỌC

CHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER

VƯƠNG THỊ HỒNG VÂN

THIẾT KẾ - DESIGNED

NGUYỄN THÀNH CHUNG

THỂ HIỆN - DRAWN

NGUYỄN THÀNH CHUNG

KIỂM - CHECKED

NGUYỄN ĐỨC THIẾP

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

E01; E02; E06; E07

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM

HẠ TẦNG GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG GIAO THÔNG NHÀ XƯỞNG

G.ĐOẠN TK - STAGE

TK BVTC

SỐ HIỆU BẢN VẼ  
DRAWING NUMBER

TỶ LỆ - SCALE

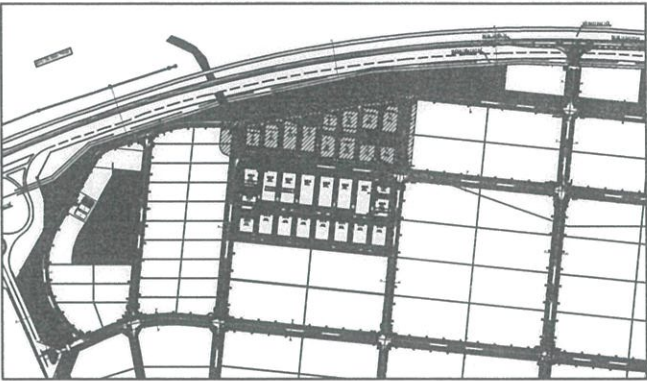
QH-02

NGÀY - DATE

PROJ NO

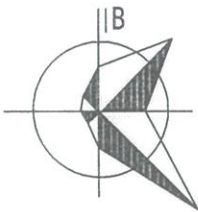


SƠ HỌA TỔNG MẶT BẰNG



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG SMART SHIRTS BẮC GIANG  
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ CN-03, KCN VÂN TRUNG, BẮC GIANG

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC  
NHÀ XƯỞNG E01; E02; E06; E07 (LÔ CN-03)



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only. Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc tự thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

A3 Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

- + Cốt nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Vân Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cốt cao độ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Số: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

SỐ NGÀY	MÔ TẢ	XÁC NHẬN
NO. DATE	DESCRIPTION	APPROVAL
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG	
ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-03 KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG		
TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR		

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN	
CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA	
CHỦ PHÂN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA	
A: P201 NHÀ CTS-2 KHU ĐÔ THỊ MÊ TRÌ HÀ TUYÊN, HÀ NỘI	
T: 04 97876752 F: 04 37876753 W: ALPHAICC.COM.VN	

P.GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR	
ĐỖ VĂN NGỌC	
CHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER	
NGUYỄN ĐỨC HIẾU	
THIẾT KẾ - DESIGNED	
HOÀNG ANH VIỆT	
THẺ HIỆN - DRAWN	
HOÀNG ANH VIỆT	
KIỂM - CHECKED	
TRẦN NGỌC BÁC	

CÔNG TRÌNH - PROJECT:  
CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG  
E01;E02;E06;E07

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION  
KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG

HÀNG MỤC - BUILDING ITEM  
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME  
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC NHÀ XƯỞNG

G.ĐOẠN TK - STAGE	SỐ HIỆU BẢN VẼ
TK BVTC	DRAWING NUMBER
TỶ LỆ - SCALE	CN-01
NGÀY - DATE	PROJ. NO.

GHI CHÚ:

----- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC

◆ VỊ TRÍ CỌC

(x4) TÊN CỌC

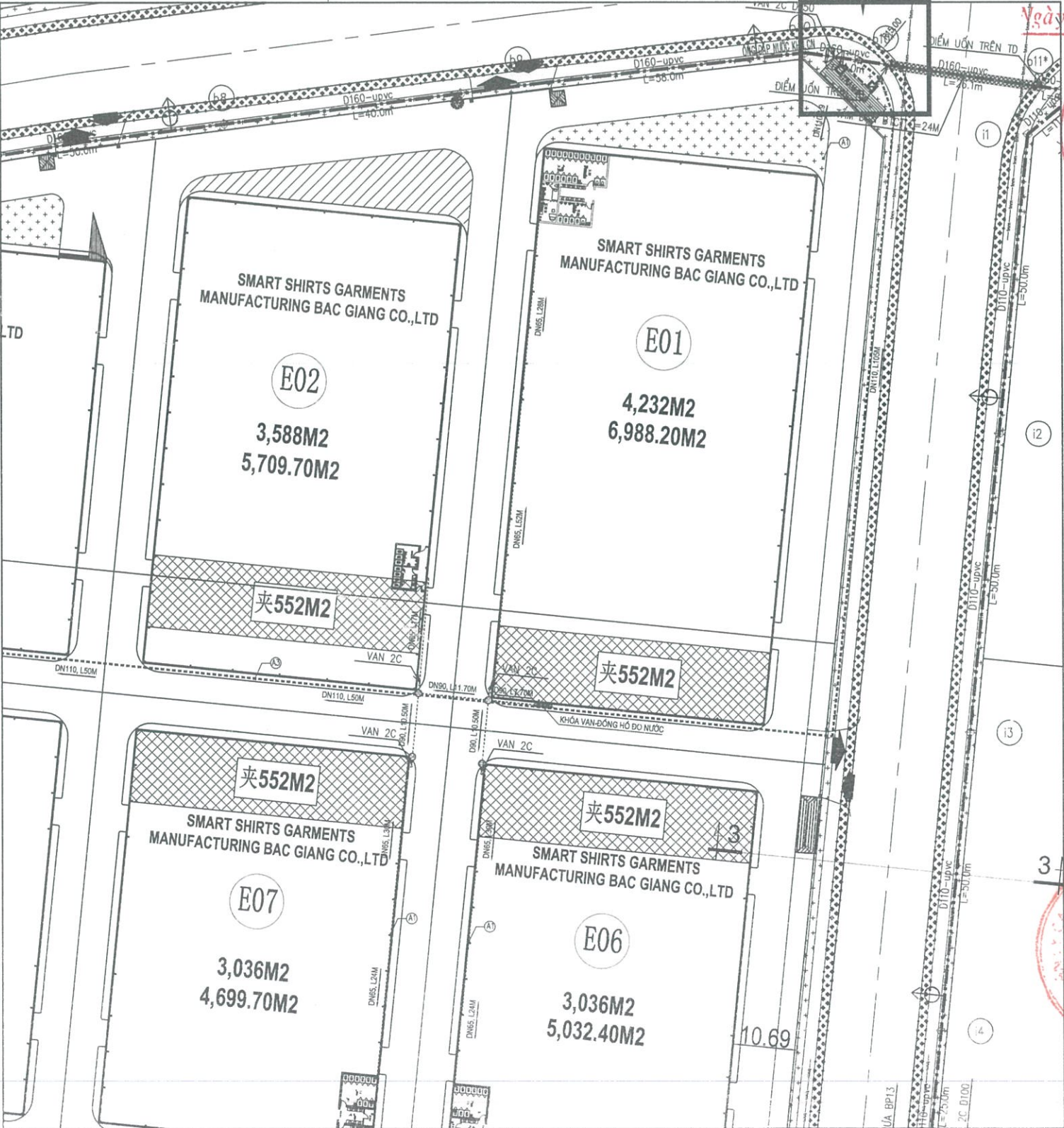
✕ HỐ VAN

↑ TRỤ CỬU HỎA

--- TẤM ĐAN BÊ TÔNG CHỊU LỰC

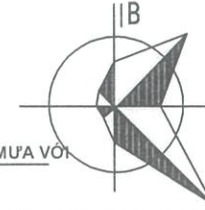
D110-UPVC ĐƯỜNG KÍNH-VẬT LIỆU  
L=50m KHOẢNG CÁCH

⊞ KHÓA VAN-ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC  
(01) NÚT TÍNH TOÁN





MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA  
NHÀ XƯỞNG E01; E02; E06; E07 (LÔ CN-03)



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only.  
Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

**A3** Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

- + Cốt nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Văn Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cốt cao độ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

ĐIỂM ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA VỚI  
HỆ THỐNG CỦA KCN

ĐIỂM ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA VỚI  
HỆ THỐNG CỦA KCN

**HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA**

Số: .....  
Ngày ..... tháng ..... năm .....

SỐ NGÀY	MÔ TẢ	XÁC NHẬN
NO. DATE	DESCRIPTION	APPROVAL
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR		
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GRAMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG		
ĐƠN ĐƠN: LÔ CN-03 KCN VĂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG		
TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR		

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP  
CƠ THIÊN  
XÂY DỰNG  
CÔNG NGHIỆP  
ALPHA  
Địa chỉ: P.201 NHÀ C.T.3-2 KHU ĐÔ THỊ MỀ TRÍ HÀ  
P. LIỆM HÀ NỘI  
T: 04.37876752 F: 04.37876753  
W: ALPHAICC.COM.VN

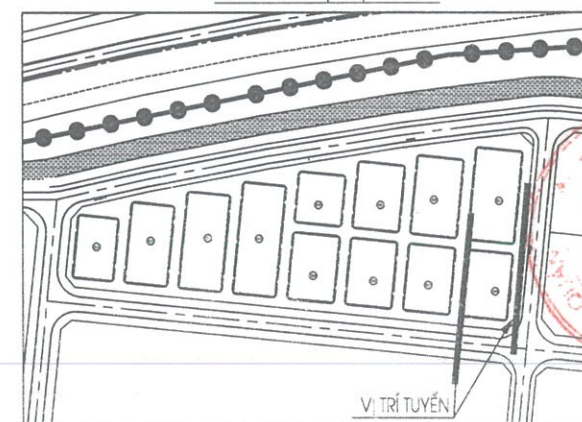
P.GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR ĐỖ VĂN NGỌC	
CHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER NGUYỄN ĐỨC HIẾU	
THIẾT KẾ - DESIGNED HOÀNG ANH VIỆT	
THỂ HIỆN - DRAWN HOÀNG ANH VIỆT	
KIỂM - CHECKED TRẦN NGỌC BÁC	
CÔNG TRÌNH - PROJECT: CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG E01;E02;E06;E07	

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: KCN VĂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG	
HẠNG MỤC - BUILDING ITEM HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA NHÀ XƯỞNG	
G.ĐOẠN TK - STAGE TK BVTC	SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NUMBER
TỶ LỆ - SCALE	TNM-01 PROJ NO
NGÀY - DATE	

KÝ HIỆU BẢN VẼ

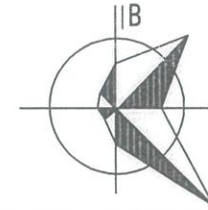
	ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA		HỐ GA NẮP TRÒN
	HỐ GA NẮP GANG THU NƯỚC		CĐ ĐÌNH TẮM ĐAN GA
	CAO ĐỘ ĐẤT ỨNG		ĐƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI ỨNG
			TÊN HỐ GA
			CAO ĐỘ THIẾT KẾ NÚT

BÌNH ĐỒ SƠ HẠ VỊ TRÍ TUYẾN





MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI  
NHÀ XƯỞNG E01; E02; E06; E07 (LÔ CN-03)



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only. Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc tự thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

A3 Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

- + Cốt nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Văn Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cốt cao độ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

HỒ SƠ ĐÃ THẨM TRA

Số: .....  
Ngày ..... tháng ..... năm .....

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GRAMENTS  
MANUFACTURING BẮC GIANG

ĐIỂM ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG  
THOÁT NƯỚC THẢI KCN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-03 KCN VĂN TRUNG -  
VIỆT YÊN - BẮC GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN

CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA

XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA

Alpha Industrial Construction JSC

Địa điểm: Lô CN-03, Khu Đô Thị Mễ Trì Hà

Từ Liêm, Hà Nội

T: 04 37876752 F: 04 37876753

W: ALPHAICC.COM.VN

P. GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR

ĐỖ VĂN NGỌC

CHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

THIẾT KẾ - DESIGNED

HOÀNG ANH VIỆT

THẺ HIỆN - DRAWN

HOÀNG ANH VIỆT

KIỂM - CHECKED

TRẦN NGỌC BÁC

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

E01;E02;E06;E07

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

KCN VĂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM

HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ XƯỞNG

G.ĐOẠN TK - STAGE

TK BVT

SỐ HIỆU BẢN VẼ

DRAWING NUMBER

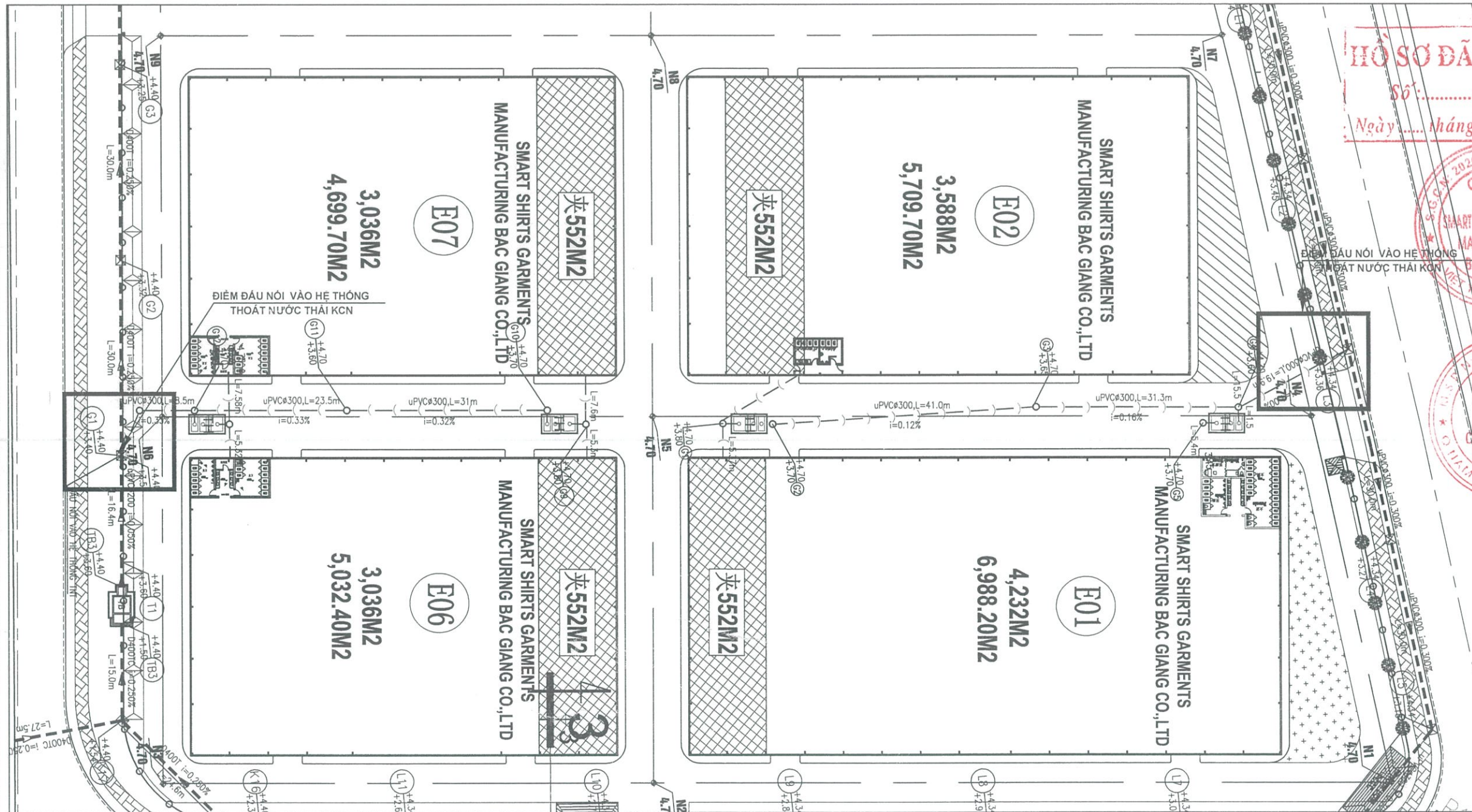
TỶ LỆ - SCALE

TNT-01

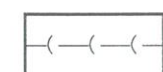
NGÀY - DATE

06/2013

PROJ NO



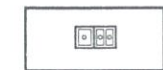
KÝ HIỆU BẢN VẼ



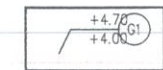
ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI



HỐ GA NÁP TRÒN



BỂ TỰ HOẠI



CĐ ĐỈNH TẮM ĐẠN GA  
CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG

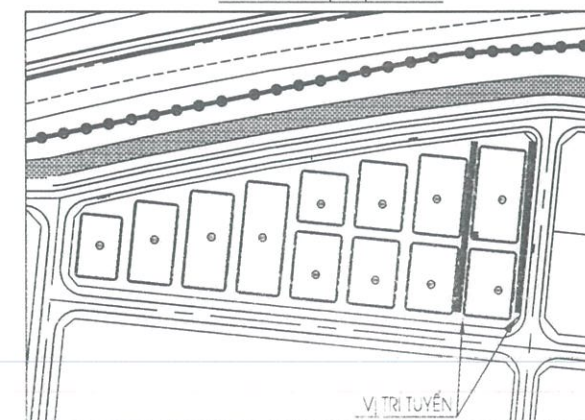
UPVC Ø300, L=40  
i=0.33%

ĐƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI ỐNG  
ĐỘ DỐC ỐNG

N1  
4.70

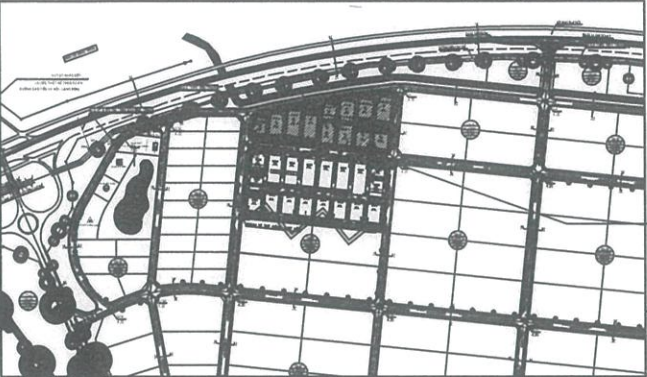
TÊN NÚT (ĐƯỜNG NỘI BỘ)  
CAO ĐỘ THIẾT KẾ NÚT

BÌNH ĐỒ SƠ HẠ VỊ TRÍ TUYẾN





SƠ HẠ TỔNG MẶT BẰNG



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG SMART SHIRTS BẮC GIANG  
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ CN-03, KCN VÂN TRUNG, BẮC GIANG

VỊ TRÍ THI CÔNG ĐỢT NÀY

MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN  
NHÀ XƯỞNG E01; E02; E06; E07 (LÔ CN-03)



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only. Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc tự thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

A3 Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

- + Cốt nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Vân Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cốt gờ đồ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

HỒ SƠ ĐÃ THAM TRA

Số:.....

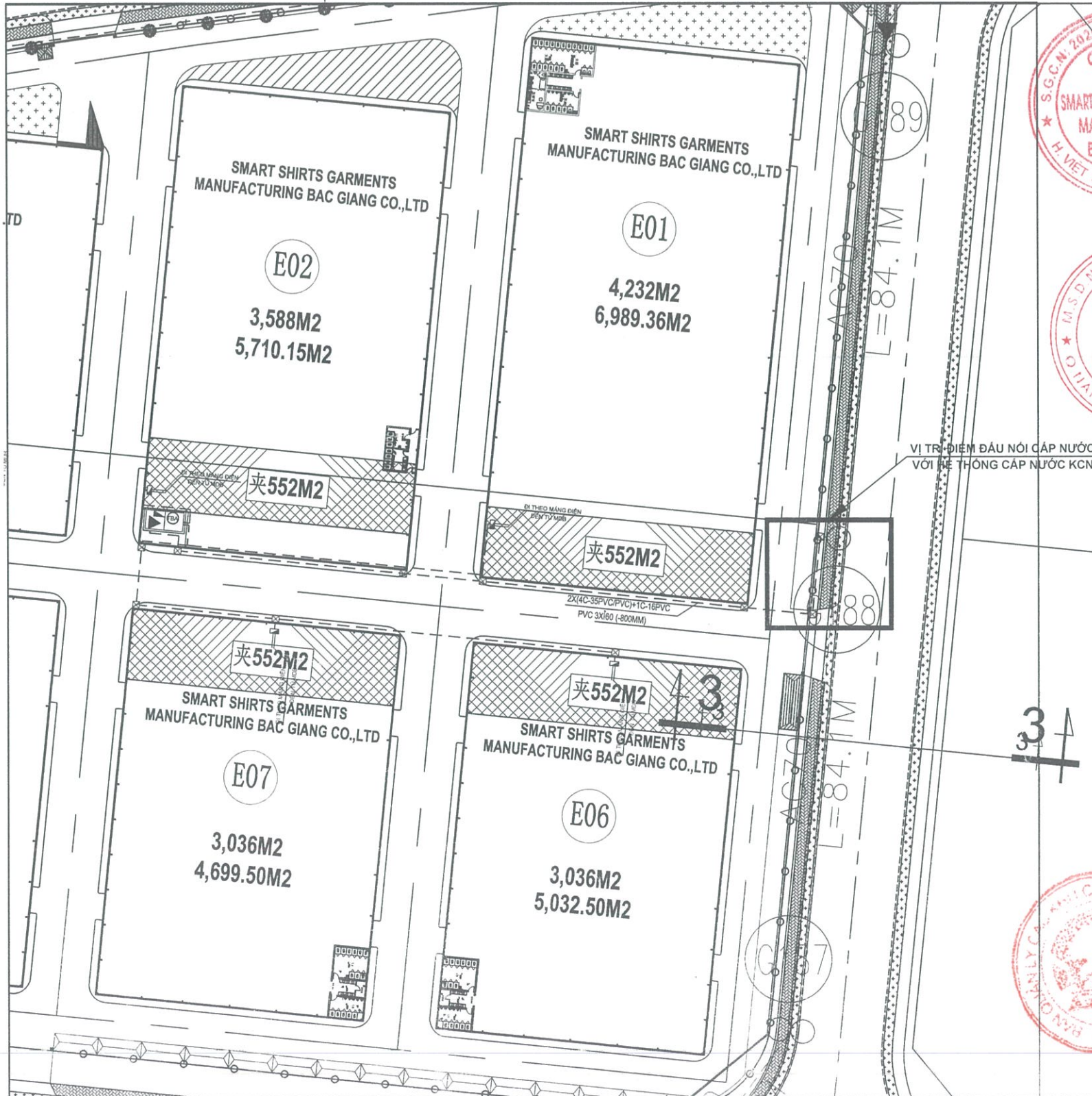
Ngày ..... tháng ..... năm .....

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI KHU VỰC QUY HOẠCH
- RANH GIỚI KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN
- RANH GIỚI KHU CÔNG NGHIỆP DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN
- NÉT HIỆN TRẠNG
- TRẠM TRUNG GIAN 110/22KV
- TRẠM PHÂN PHỐI 22/0.4KV
- CỘT ĐIỆN 110KV HIỆN TRẠNG
- CỘT ĐIỆN 110KV XÂY MỚI
- 1 MẠCH - CỘT ĐIỆN 22KV XÂY MỚI (CỘT ĐƠN) (CỘT ĐIỆN KẾT HỢP VỚI ĐÈN ĐƯỜNG)
- 1 MẠCH - CỘT ĐIỆN 22KV XÂY MỚI (CỘT ĐÔI) (CỘT ĐIỆN KẾT HỢP VỚI ĐÈN ĐƯỜNG)
- 2 MẠCH - CỘT ĐIỆN 22KV XÂY MỚI (CỘT ĐƠN) (CỘT ĐIỆN KẾT HỢP VỚI ĐÈN ĐƯỜNG)
- 2 MẠCH - CỘT ĐIỆN 22KV XÂY MỚI (CỘT ĐÔI) (CỘT ĐIỆN KẾT HỢP VỚI ĐÈN ĐƯỜNG)

CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	CN-01	KÍ HIỆU Ô ĐẤT
NHÀ XƯỞNG CN	64.63 KVA	NHU CẦU CÔNG SUẤT
	54.94 KW	BIỂU KIẾN (KVA)
HỮU CÔNG (KW)	0.85	HỆ SỐ CÔNG SUẤT

- 2 MẠCH - CỘT ĐIỆN 22KV XÂY MỚI (CỘT BỐN) (CỘT ĐIỆN KẾT HỢP VỚI ĐÈN ĐƯỜNG)
- ĐƯỜNG DÂY 110KV HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG DÂY 110KV XÂY MỚI
- ĐƯỜNG DÂY TRÊN KHÔNG 22KV - 2 MẠCH (KHOẢNG CÁCH CỘT VÀ CHỪNG LOẠI DÂY DẪN)
- ĐƯỜNG DÂY TRÊN KHÔNG 22KV - 1 MẠCH (KHOẢNG CÁCH CỘT VÀ CHỪNG LOẠI DÂY DẪN)
- CÁP NGẮM 22KV



CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GRAMENTS  
MANUFACTURING BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-03 KCN VÂN TRUNG -  
VIỆT YÊN - BẮC GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA

Địa điểm: P.201, NHÀ 2TS-2, KHU ĐÔ THỊ MỀ TRÍ HÀ  
TỔ 11/EM, HÀ NỘI  
T: 04-37876752 F: 04-37876753  
W: ALPHAICC.COM.VN

P.GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR  
ĐỖ VĂN NGỌC

CHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER  
VŨ MINH TRIỀU

THIẾT KẾ - DESIGNED  
NGUYỄN CHÍ TUẤN

THẺ HIỆN - DRAWN  
NGUYỄN CHÍ TUẤN

KIỂM - CHECKED  
NGUYỄN MINH ĐƯỜNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT:  
CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG  
E01,E02,E06,E07

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:  
KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM  
HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME  
MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NHÀ XƯỞNG

G.ĐOẠN TK - STAGE  
TK BVTC

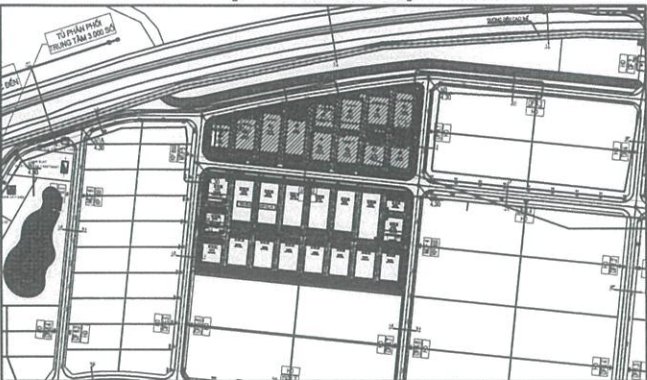
TỶ LỆ - SCALE  
Đ-01

NGÀY - DATE  
PROJ NC

SỐ HIỆU BẢN VẼ  
DRAWING NUMBER



SƠ HỌA TỔNG MẶT BẰNG



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG SMART SHIRTS BẮC GIANG  
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ CN-03, KCN VÂN TRUNG, BẮC GIANG

MẶT BẰNG THÔNG TIN  
NHÀ XƯỞNG E01; E02; E06; E07 (LÔ CN-03)

VỊ TRÍ THI CÔNG ĐỢT NÀY

THUYẾT MINH:

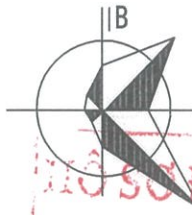
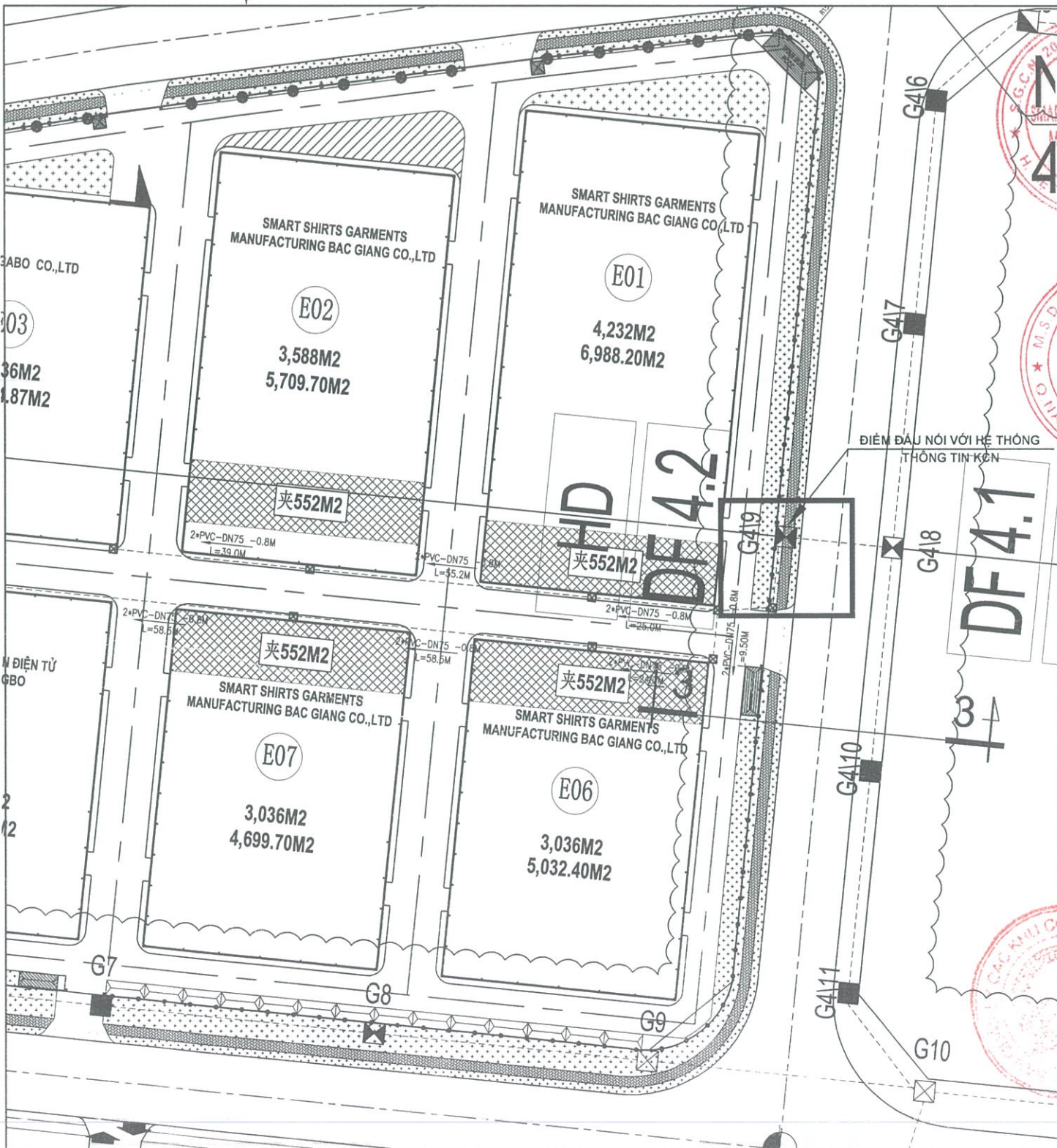
- NHU CẦU THUÊ BAO ĐIỆN THOẠI VÀO KHOẢNG 2.890 SỐ.
- NGUỒN THÔNG TIN SẼ LẤY TỪ TRUNG TÂM BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG CỦA TỈNH BẮC GIANG ĐẾN.
- TỦ PHÂN PHỐI TRUNG TÂM SẼ LÀ TỦ ĐẦU MỐI CHO TOÀN BỘ KHU VỰC QUY HOẠCH.
- CÁC TỦ PHÂN PHỐI THÔNG TIN MDF KHÁC SẼ ĐẶT Ở CÁC VỊ TRÍ TRUNG TÂM KHU VỰC ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH TỐI ƯU VỀ MẶT KINH TẾ, KỸ THUẬT.
- VỊ TRÍ TỦ PHÂN PHỐI, HƯỚNG ĐI CÁP THÔNG TIN CHỈ CÓ TÍNH CHẤT ĐỊNH HƯỚNG VÀ SẼ ĐƯỢC CHI TIẾT HÓA Ở BƯỚC THIẾT KẾ THI CÔNG SAU NÀY.
- MẠNG LƯỚI THÔNG TIN CÓ DẠNG HÌNH TIA KẾT HỢP VỚI DẠNG PHÂN NHÁNH.
- HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN THUỘC DỰ ÁN KHÁC
- TRONG PHẠM VI DỰ ÁN TA CHỈ TÍNH SỐ THUÊ BAO DỰ PHÒNG CHO KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN VÀ ĐẶT ĐẦU CHỜ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

	RANH GIỚI KHU VỰC QUY HOẠCH		TỦ PHÂN PHỐI CHÍNH, TỦ PHÂN PHỐI NHÁNH
	RANH GIỚI DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 1		GA DƯỚI ĐƯỜNG, GA DƯỚI HÈ, GA VỊ TRÍ TỦ ĐIỆN
	NÉT HIỆN TRẠNG		CÁP THÔNG TIN LIÊN LẠC CHỖN NGẮM 3 SỢI CÁP TIẾT DIỆN A & 2 SỢI CÁP TIẾT DIỆN B
	TÊN MẶT CẮT		TỦ PHÂN PHỐI TRUNG TÂM TOÀN KHU
			HỖ GA THÔNG TIN 600*600 600*600通信管道井

KÝ HIỆU TIẾT DIỆN CÁP

X:	CÁP THÔNG TIN TIẾT DIỆN 10*2*0,5MM LƯỚI TRONG ỐNG U.PVC D42
Y:	" " 20*2*0,5MM " D42
A:	" " 30*2*0,5MM " D42
B:	" " 50*2*0,5MM " D42
C:	" " 300*2*0,5MM " D110
D:	" " 500*2*0,5MM " D110
E:	" " 600*2*0,5MM " D110
F:	" " 2*1500*2*0,5MM " 2*D200



Responsibility is not accepted for errors made by others in scaling from this drawing. All construction information should be taken from figured dimensions only. Không chịu trách nhiệm với các sai sót từ việc tự thu phóng từ bản vẽ này. Tất cả các thông số thi công chỉ nên lấy từ các kích thước đã ghi rõ trong bản vẽ.

0mm 10 20 30 40mm

A3 Original sheet size

GHI CHÚ - NOTES

- + Cột nền hoàn thiện cốt ±0.000m tương ứng với cốt +4.800m (Trong quy hoạch KCN Vân Trung)
- + Kích thước ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (mm)
- + Cột cao độ ghi trong bản vẽ lấy theo đơn vị (m)

THÔNG TIN DỰ ÁN

Số: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

SỐ	NGÀY	MÔ TẢ	XÁC NHẬN
NO	DATE	DESCRIPTION	APPROVAL

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GRAMENTS  
MANUFACTURING BẮC GIANG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN-03 KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC & KẾT CẤU - ARCH. & STRUC. DESIGN  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA

CO PHÂN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP ALPHA

A: P201 NHÀ CT-2, KHU ĐÔ THỊ MỀ TRỊ HÀ  
TỔ LIÊM HÀ NỘI  
T: 04.37876752 F: 04.37876753  
W: ALPHAICC.COM.VN

P.GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR  
ĐỖ VĂN NGỌC

CHỦ TRÌ - CHIEF ENGINEER  
NGUYỄN QUANG HUY

THIẾT KẾ - DESIGNED  
NGUYỄN CHÍ TUẤN

THỂ HIỆN - DRAWN  
NGUYỄN CHÍ TUẤN

KIỂM - CHECKED  
NGUYỄN MINH ĐƯỜNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT:  
CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG  
E01;E02;E06;E07

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:  
KCN VÂN TRUNG - VIỆT YÊN - BẮC GIANG

HẠNG MỤC - BUILDING ITEM  
NHÀ XƯỞNG E01;E02;E06;E07

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME  
MẶT BẰNG THÔNG TIN NHÀ XƯỞNG

G.ĐOẠN TK - STAGE  
TK BVTC

SỐ HIỆU BẢN VẼ  
DRAWING NUMBER

TỶ LỆ - SCALE  
TT-01

NGÀY - DATE  
PROJ. NO.

A3 (420X297MM)



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường**  
**Dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 506/TTr-TNMT ngày 15/7/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.



Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu nêu tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” tại lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, ĐT-CNN, TN, XD, GT, TKCT;
- + Lưu: VT, MT.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Thanh Sơn**

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
NHÀ MÁY SAMRT SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG  
(kèm theo Quyết định số 628 /QĐ-UBND ngày 20 /7/2020 của UBND tỉnh)

- 1.1. Tên dự án: Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.
- 1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên.
- 1.3. Chủ dự án: Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.
- 1.4. Quy mô của dự án:
  - Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc khác: 8.000.000 sản phẩm/năm
  - Giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do Công ty sản xuất: 8.000.000 sản phẩm/năm.

**2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án (lắp đặt 02 lò hơi và hoạt động hiện tại)**

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất: Công đoạn cắt, may sản phẩm phát sinh chủ yếu bụi; từ vận hành nồi hơi phát sinh khí thải.
- Mùi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt; bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực.

### 2.1.3. Tác động của chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sản xuất gồm: Vải vụn, chỉ thừa, bìa cát tông, bao dứa ...phát sinh khoảng 32,5 tấn/tháng.

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau dính dầu, bao bì cứng bằng nhựa, bằng kim loại, dầu động cơ...khoảng 272 kg/năm,.

Sự cố tai nạn lao động; cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm, hệ thống xử lý khí thải, nước thải...



## **2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành (hoạt động với công suất tối đa từ tháng 8 năm 2020)**

### **2.2.1. Tác động tới môi trường không khí**

- Bụi từ hoạt động sản xuất (cắt, may, đóng gói sản phẩm)
- Khí thải từ nồi hơi đốt dầu, nồi hơi đốt viên nén nhiên liệu.
- Mùi hôi từ khu tập kết rác.

### **2.2.2. Tác động đối với môi trường nước**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 90m<sup>3</sup>/ngày.
- Nước thải sản xuất từ quá trình giặt phát sinh khoảng 54 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường, mái nhà,... kéo theo bụi bẩn và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

### **2.2.3. Tác động của chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.603 kg/ngày.
- Chất thải rắn sản xuất bao gồm: Vải vụn, cuộn chỉ thừa, bìa cát tông, bao dứa...phát sinh khoảng 43,3 tấn/tháng.
- Chất thải nguy hại bao gồm: Giẻ lau dính dầu, hóa chất, bao bì cứng bằng kim loại, dầu động cơ, hộp thùng đựng hóa chất, hộp mực in, vật liệu lọc từ hệ thống xử lý khí ...phát sinh khoảng 1,9 tấn/năm.

### **2.2.4. Rủi ro, sự cố môi trường**

Sự cố tai nạn lao động; cháy nổ; vệ sinh an toàn thực phẩm; hư hỏng công trình bảo vệ môi trường, sự cố rò rỉ hóa chất...

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

### **3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án (lắp đặt 02 lò hơi và hoạt động hiện tại)**

#### **3.1.1. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải**

- Toàn bộ khu vực đường nội bộ được bê tông hóa và vệ sinh hàng ngày.
- Bụi khí thải từ quá trình cắt may sản phẩm: Nhà xưởng thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, thông thoáng nhà xưởng, công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Khí thải từ nồi hơi đốt dầu DO được lọc bụi bằng lưới lọc bụi đồng bộ trong mỗi nồi hơi, khí thải xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành được đưa ra ngoài bằng 01 ống khói chung cao 07m.

#### **3.1.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa**

- Nước mưa chảy tràn: Rãnh thoát nước mưa chảy tràn bố trí quanh nhà xưởng đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp.
- Nước thải sinh hoạt: Được sử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được khử trùng đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Vân Trung.



kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được đưa đến xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất  $170\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ , nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Vân Trung.

- Nước thải sản xuất từ quá trình giặt: Nước thải được đưa qua lọc túi vải sau đó đưa đến bể kết hợp lắng rồi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $170\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý chung với nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Vân Trung.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày vào kho chứa tạm thời có diện tích  $14,4\text{m}^2$ . Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất: Tại khu vực sản xuất bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 100 lít sau đó vận chuyển về kho chứa gồm có 03 kho có diện tích  $14,4\text{m}^2$ ,  $19,5\text{m}^2$  và  $19,5\text{m}^2$ . Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, bố trí kho chứa có diện tích diện tích  $10,5\text{m}^2$ . Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí cán bộ phụ trách về an toàn và vệ sinh môi trường, y tế; thường xuyên tập huấn về công tác an toàn, phổ biến kiến thức cho toàn bộ cán bộ, nhân viên.

- Lắp đặt các thiết bị chữa cháy, khi có sự cố cháy nổ xảy ra huy động mọi nguồn lực tham gia chữa cháy để giảm thiểu tới mức thấp nhất tác hại do sự cố cháy, nổ gây ra.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên với từng chức danh công việc. Thường xuyên giám sát điều kiện làm việc.

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại của Luật an toàn, vệ sinh lao động.

- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động...

**4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:** Chi tiết tại nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa, lưu giữ tại kho chứa có diện tích 14,4m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất: Khu vực sản xuất bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 100 lít, sau đó được lưu trữ tạm thời tại kho chứa. Có 03 kho chứa diện tích 14,4m<sup>2</sup>, 19,5m<sup>2</sup>, 19,5m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng chứa có dán nhãn chất thải nguy hại, mỗi loại chất thải phát sinh được chứa trong các thùng chứa riêng. Bố trí kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10,5m<sup>3</sup>; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.1.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân; tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

- Liên hệ trước với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý, công an phòng cháy chữa cháy... để phối hợp, hiệp đồng công tác giữ gìn an ninh trật tự khu vực phòng chống cháy nổ....

**3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành (hoạt động với công suất tối đa từ tháng 8 năm 2020)**

3.2.1. Về thu gom và xử lý khí thải

- Xây dựng nội quy cho các phương tiện giao thông ra vào dự án; trồng cây xanh khu vực dự án.

- Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay...

- Khí thải từ nồi hơi đốt dầu DO được lọc bụi bằng lưới lọc bụi đồng bộ trong mỗi nồi hơi, khí thải xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành được đưa ra ngoài bằng 01 ống khói chung cao 07m.

- Khí thải từ hoạt động của nồi hơi đốt viên nén gỗ: Khí thải qua tháp giải nhiệt rồi qua hai lớp vật liệu lọc làm bằng vải lọc chuyên dụng mỗi lớp dày 20cm với các vách ngăn tràn sau đó theo hệ thống đường ống với đường kính 30cm và được quạt hút đến đến 01 ống khói chung cao khoảng 12m đường kính 60cm và đi ra ngoài môi trường.

Khí thải sau xử lý thoát ra môi trường đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

3.2.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Nước mưa chảy tràn: Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa,



+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí thải của nồi hơi đốt viên nén gỗ sau hệ thống xử lý, với thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19/2019/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

### 5.2.3. Nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp Vân Trung.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Chủ dự án có trách nhiệm đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình xử lý chất thải của dự án đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường;

- Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 506/Tr-TNMT ngày 15/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.



## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

### 5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án (lắp đặt 02 lò hơi và hoạt động hiện tại)

#### 5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nhà xưởng E01; 01 vị trí tại nhà xưởng E02; 01 vị trí tại nhà xưởng E06; 01 vị trí tại nhà xưởng E07.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT

#### 5.1.2. Khí thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí khí thải nồi hơi sau xử lý tại ống khói trước khi thải ra môi trường

- Thông số giám sát: SO<sub>2</sub>, SO<sub>3</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, Bụi tổng, As, Pb, Cd, Clo..

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19/2019/BTNMT

#### 5.1.3. Nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp Vân Trung.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

### 5.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành (hoạt động với công suất tối đa từ tháng 8 năm 2020)

#### 5.2.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nhà xưởng E01; 01 vị trí tại nhà xưởng E02; 01 vị trí tại nhà xưởng E06; 01 vị trí tại nhà xưởng E07.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, độ ẩm, tốc độ gió, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

#### 5.2.2. Khí thải

- Vị trí, thông số giám sát:

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí thải của nồi hơi đốt dầu DO, với thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, SO<sub>3</sub>, NO<sub>x</sub>, VOC (Toluen)

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu nêu tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” tại lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, ĐT-CNN, TN, XD, GT, TKCT;
- + Lưu: VT, MT.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Thanh Sơn**





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 170M3/NG.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM : LÔ CN 03, KCN VÂN TRUNG, XÃ VÂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN,  
TỈNH BẮC GIANG, VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
YU CHAO

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT



GIÁM ĐỐC  
PHẠM QUANG ANH





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

---

PHẦN XÂY DỰNG

DANH MỤC BẢN VẼ

PHẦN XÂY DỰNG		
STT	TÊN BẢN VẼ	KÍ HIỆU
1	MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ	DM - 00
2	MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP BÊ	KC - 01
3	MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC, LỖ CHỜ	KC - 02
4	MẶT CẮT CỤM BỂ XỬ LÝ	KC - 03
5	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP BÊ	KC - 04
6	CHI TIẾT THÉP XÂY DỰNG	KC - 05
7	DANH MỤC BẢN VẼ	KC - 06
8	DANH MỤC BẢN VẼ	KC - 07

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING

ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG

HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

DỰ ÁN

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

M.S.D.N: 2400774322 - C.T.T.N.H.H

CÔNG TY

ĐẤT VIỆT

MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐẤT VIỆT

MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

ĐỊA CHỈ: SỐ 10 ĐƯỜNG VĂN TRUNG - P. VĂN TRUNG - TP. BẮC GIANG

ĐT: 0968.887.888 - 0968.887.888 - 0968.887.888

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THUY

TÊN BẢN VẼ:

DANH MỤC BẢN VẼ

HOÀN THÀNH:

2020

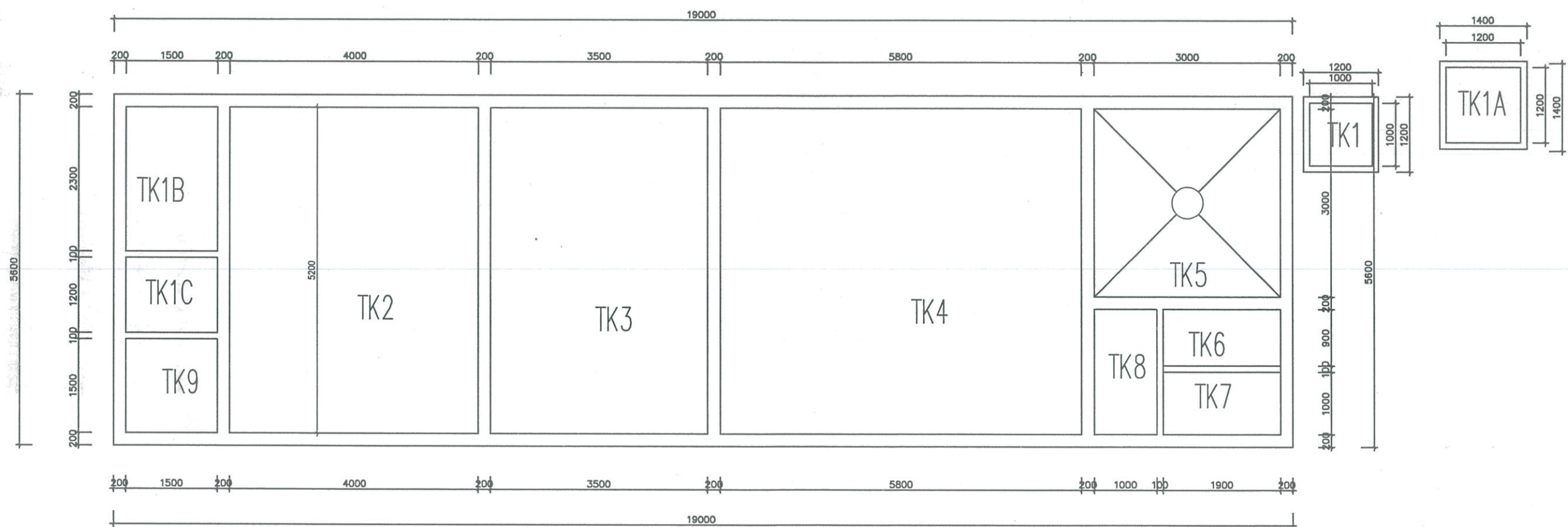
TỶ LỆ:

KÝ HIỆU:

DM - 00



# MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ



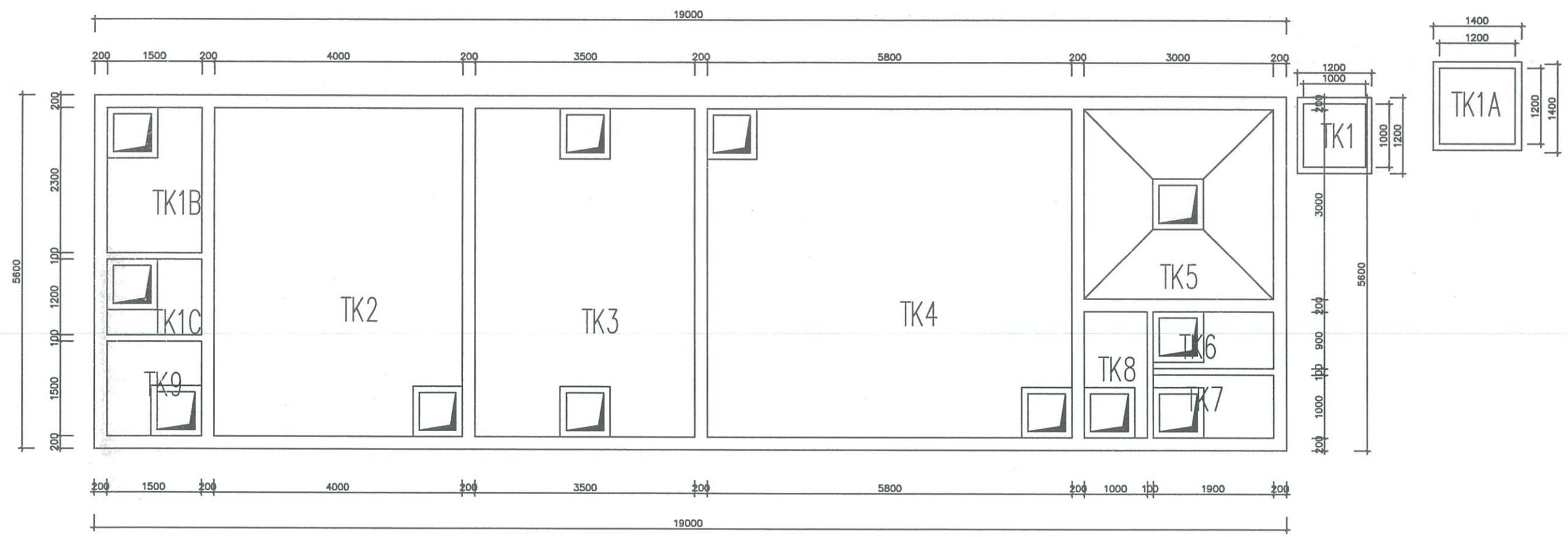
GHI CHÚ:			
TK1	BỂ GOM	TK7	BỂ KHỬ TRÙNG
TK2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK8	BỂ BƠM Bùn
TK3	BỂ THIẾU KHÍ	TK1A	BỂ GOM NT GIẶT
TK4	BỂ HIẾU KHÍ	TK1B	BỂ PHẢN ỨNG+LẮNG
TK5	BỂ LẮNG	TK1C	BỂ CHỨA Bùn HÓA LÝ
TK6	BỂ LỌC	TK9	BỂ CHỨA Bùn

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
		
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT SMART SHIRTS MANUFACTURING ĐỊA CHỈ: LÔ CN-03, KCN VĂN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
DỰ ÁN	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN-03, KCN VĂN TRUNG, TP. BẮC GIANG ĐT: 0911.111.111 - 0911.111.111 - EMAIL: CONTACT@DVT.VN	
GIÁM ĐỐC:	
	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	KC - 01
TỶ LỆ:	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP BỂ



GHI CHÚ:			
TK1	BỂ GOM	TK7	BỂ KHỬ TRÙNG
TK2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK8	BỂ BƠM Bùn
TK3	BỂ THIẾU KHÍ	TK1A	BỂ GOM NT GIẶT
TK4	BỂ HIẾU KHÍ	TK1B	BỂ PHẢN ỨNG+LẮNG
TK5	BỂ LẮNG	TK1C	BỂ CHỨA Bùn HÓA LÝ
TK6	BỂ LỌC	TK9	BỂ CHỨA Bùn



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN: 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY  
CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

Kiểm tra:

KS. BẠCH DIỆU THUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ NẮP BỂ

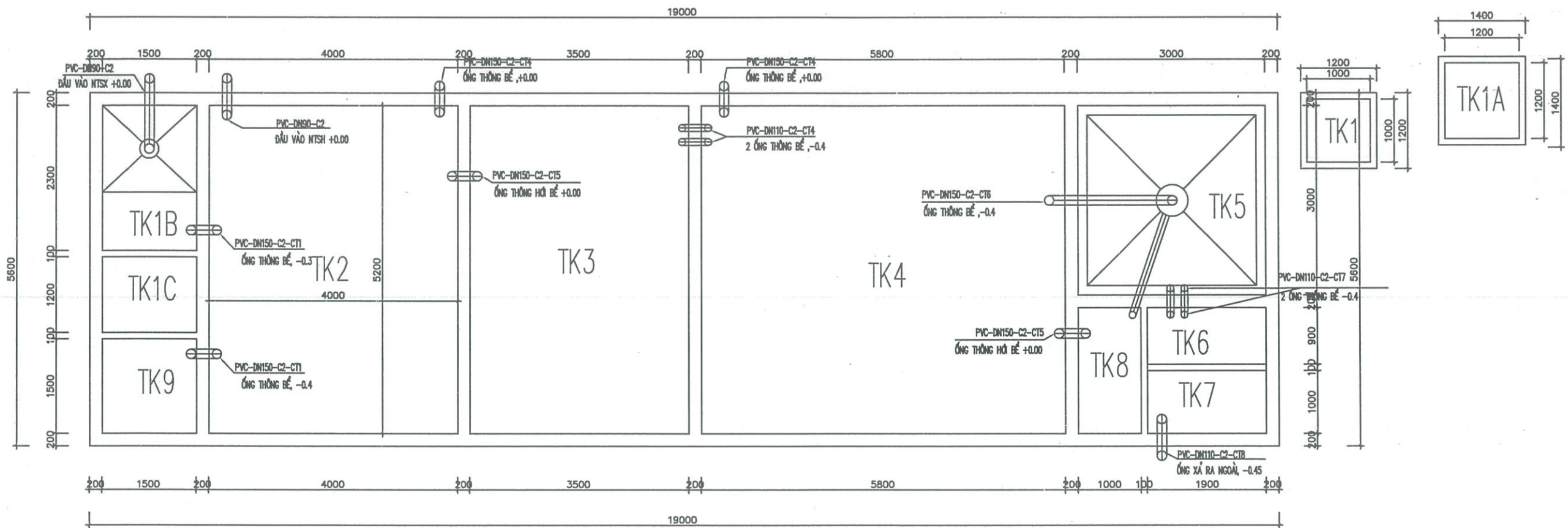
HOÀN THÀNH: 2020

KÝ HIỆU: KC - 02

TỶ LỆ:



MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC, LỖ CHỜ



GHI CHÚ:			
TK1	BỂ GOM	TK7	BỂ KHỬ TRÙNG
TK2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK8	BỂ BƠM Bùn
TK3	BỂ THIẾU KHÍ	TK1A	BỂ GOM NT GIẶT
TK4	BỂ HIẾU KHÍ	TK1B	BỂ PHẢN ỨNG+LẮNG
TK5	BỂ LẮNG	TK1C	BỂ CHỨA Bùn HÓA LÝ
TK6	BỂ LỌC	TK9	BỂ CHỨA Bùn

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING

ĐỊA CHỈ: LÔ CN-03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

DỰ ÁN:

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

M.S.D.N: 2400774322 - C.T.T.N.H.H

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

ĐỊA CHỈ: LÔ CN-03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

ĐT: 0904.887.788 - 0904.887.789 - EMAIL: DNTN@DNTN.COM

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRƯỞNG:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THỦY

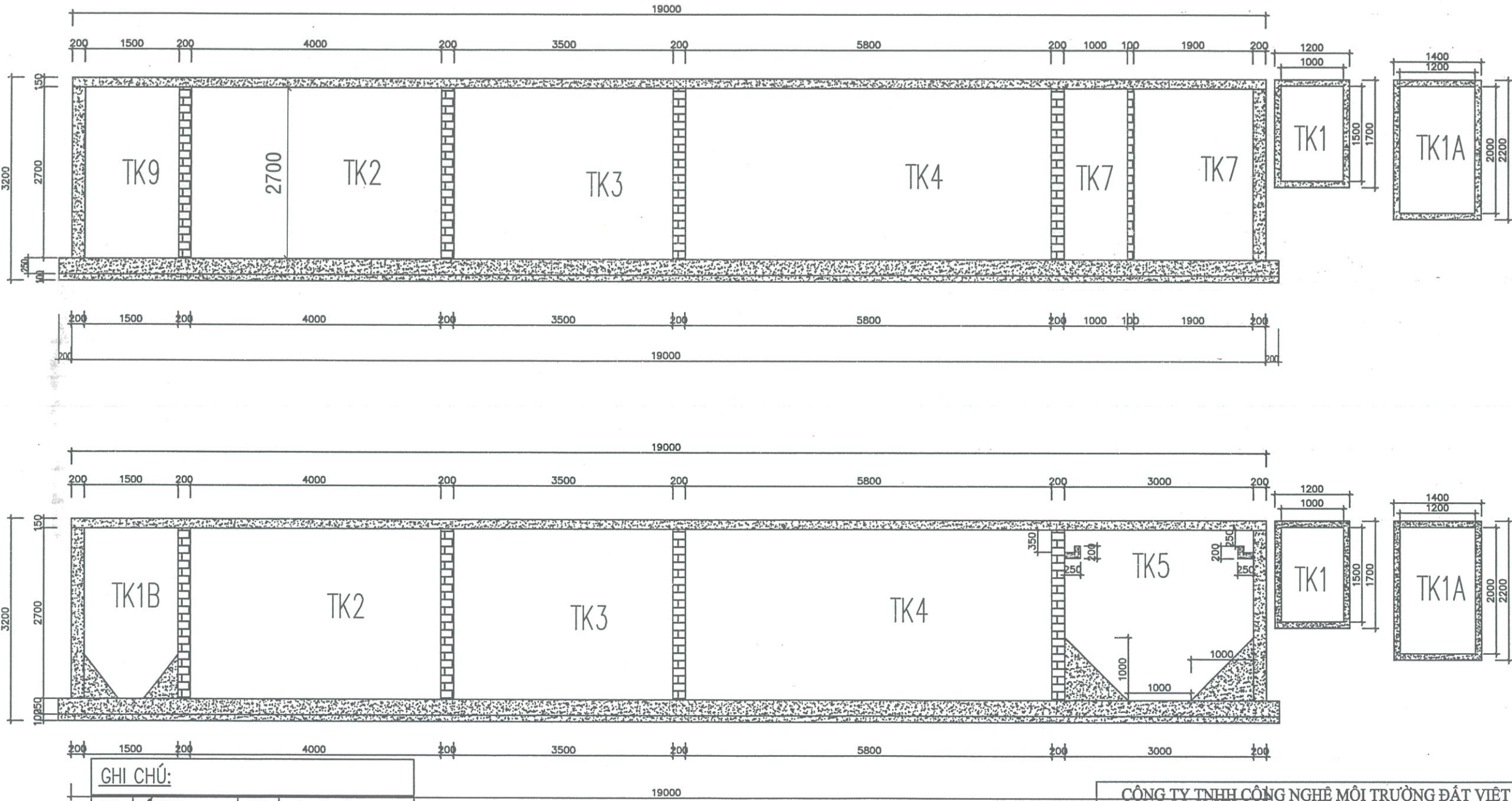
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC, LỖ CHỜ

HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	KC - 03
TỶ LỆ:	



MẶT CẮT CỤM BỂ XỬ LÝ



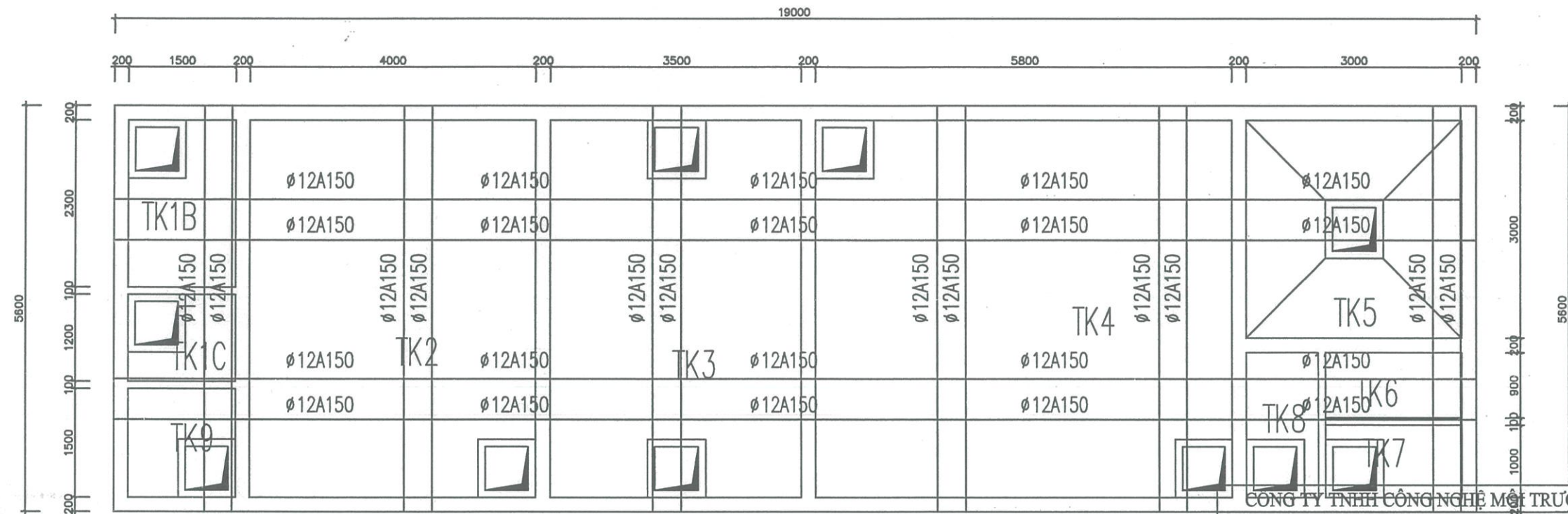
GHI CHÚ:			
TK1	BỂ GOM	TK7	BỂ KHỬ TRÙNG
TK2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK8	BỂ BƠM BÙN
TK3	BỂ THIẾU KHÍ	TK1A	BỂ GOM NT GIẶT
TK4	BỂ HIẾU KHÍ	TK1B	BỂ PHẢN ỨNG+LẮNG
TK5	BỂ LẮNG	TK1C	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ
TK6	BỂ LỌC	TK9	BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THUY	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT CẮT CỤM BỂ XỬ LÝ	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	KC - 04
TỶ LỆ:	



## MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP BẾ



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

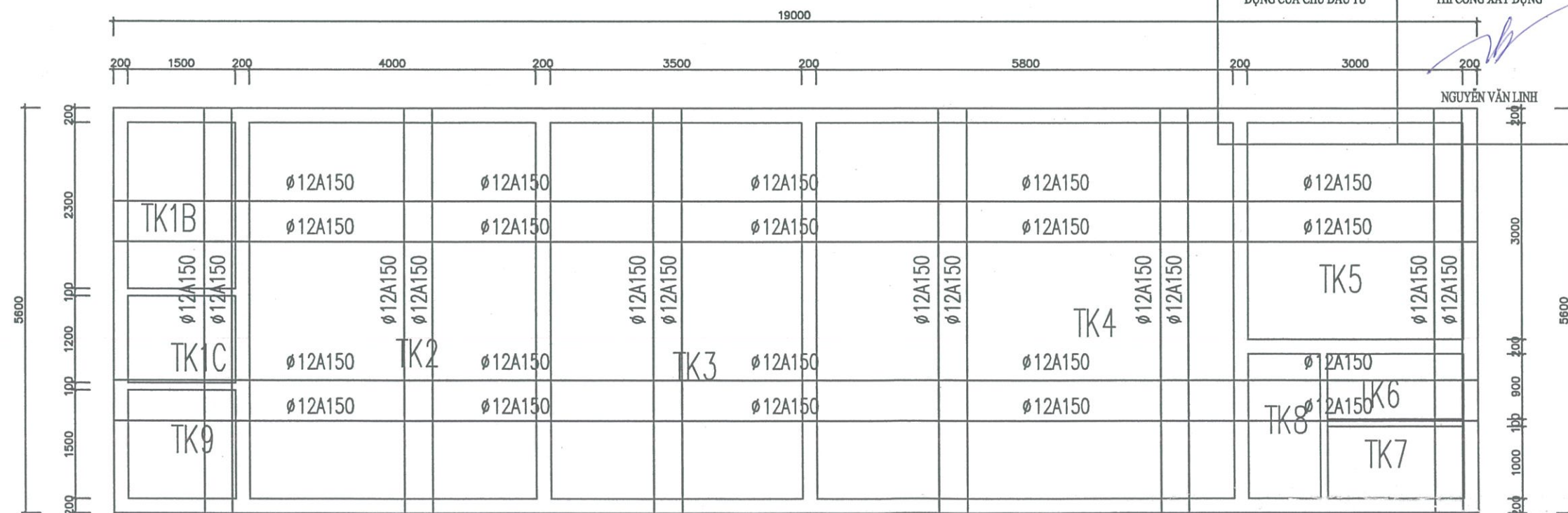
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY  
DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
THI CÔNG XÂY DỰNG

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN VĂN LINH

NGÔ MINH TUẤN

[illegible]

**NƯỚC THẢI**

**HẠNG MỤC:**

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

[illegible]

**GIÁM ĐỐC:**

KS. PHẠM QUANG ANH

**CHỦ TRÌ:**

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS.BẠCH DIỆU THÚY

**TÊN BẢN VẼ:**

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP  
MẶT BÊ, ĐÁY BÊ

**HOÀN THÀNH:**

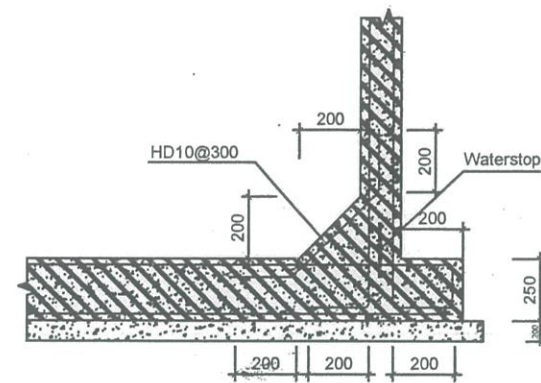
2020

**KÝ HIỆU:**

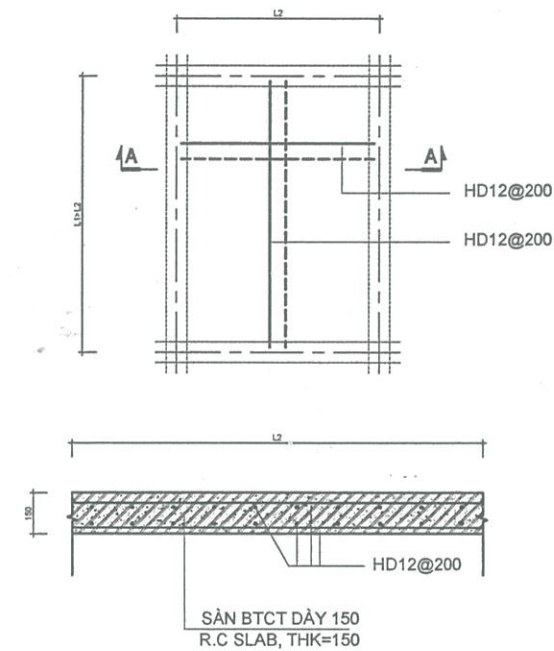
KC - 05

**TỶ LỆ:**





CHI TIẾT GÓC BÊ

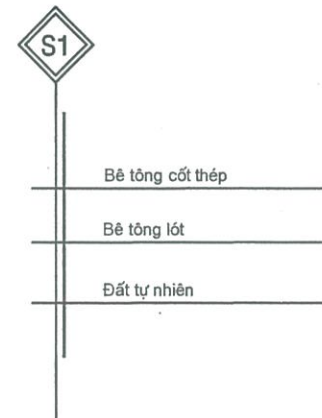
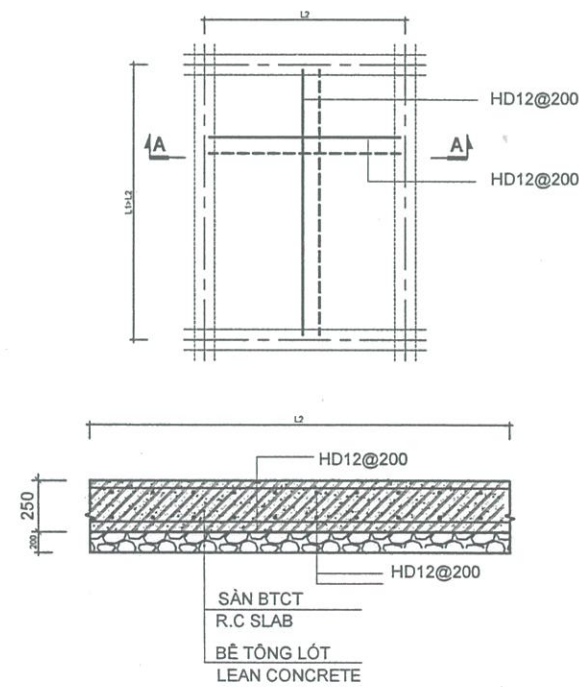


DETAIL SLAB S1

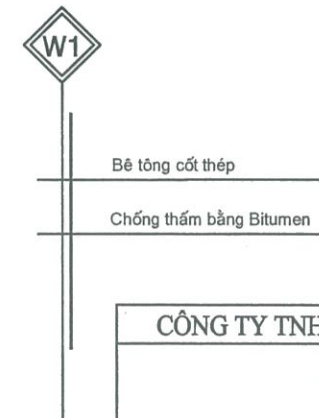
CHI TIẾT SÀN MẶT BÊ S1 A3 : 1/30

DETAIL SLAB S2

CHI TIẾT SÀN ĐÁY BÊ S2 A3 : 1/30



CHI TIẾT THÉP



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT SM MANUFACTURING ĐỊA CHỈ: LÔ CN-03, KCN VĂN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG DỰ ÁN	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT ĐỊA CHỈ: LÔ CN-03, KCN VĂN TRUNG, TP. BẮC GIANG ĐT: 094.887.887 - 091.887.887 - 091.887.887 - EMAIL: CNDV@DVT.COM	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT THÉP	
HOÀN THÀNH: 2020	KÝ HIỆU: KC - 06
TỶ LỆ:	



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

---

PHẦN CÔNG NGHỆ



DANH MỤC BẢN VẼ

PHẦN CÔNG NGHỆ

STT	TÊN BẢN VẼ	KÍ HIỆU	STT	TÊN BẢN VẼ	KÍ HIỆU
1	DANH MỤC BẢN VẼ	DM - 01	12	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN	CN - 11
2	DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ	CN - 01	13	CHI TIẾT TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN	CN - 12
3	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	CN - 02	14	CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM	CN - 13
4	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ	CN - 03	15	CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM	CN - 14
5	MẶT BẰNG ĐƯỜNG CÔNG NGHỆ	CN - 04	16	CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ	CN - 15
6	MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	CN - 05	17	CHI TIẾT ỐNG LẮNG, MÁNG RĂNG CỬA	CN - 16
7	MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP KHÍ	CN - 06	18	CHI TIẾT MÁY LỌC RÁC TÍNH	CN - 17
8	MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÙN	CN - 07	19	CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ	CN - 18
9	MẶT BẰNG ĐƯỜNG HÓA CHẤT	CN - 08	20	CHI TIẾT LẮP ĐẶT HỆ KHUẤY	CN - 19
10	MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN	CN - 09	21	MẶT BẰNG VỊ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ	CN - 20
11	MẶT CẮT CÔNG NGHỆ	CN - 10			

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING

ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VẠN TRUNG

HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

DỰ ÁN

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

M.S.D.N: 2400774322 - C.T. TNHH

**Đạt Việt**

CÔNG NGHỆ

MÔI TRƯỜNG ĐẠT VIỆT

ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VẠN TRUNG - P. XÃ LAM SƠN - TH. BẮC GIANG

ĐT: 094.887.788 - 094.887.789 - 094.887.790 - 094.887.791

GIÁM ĐỐC:



KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:



KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:



KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:



KS. BẠCH DIỆU THUY

TÊN BẢN VẼ:

DANH MỤC BẢN VẼ

HOÀN THÀNH:

2020

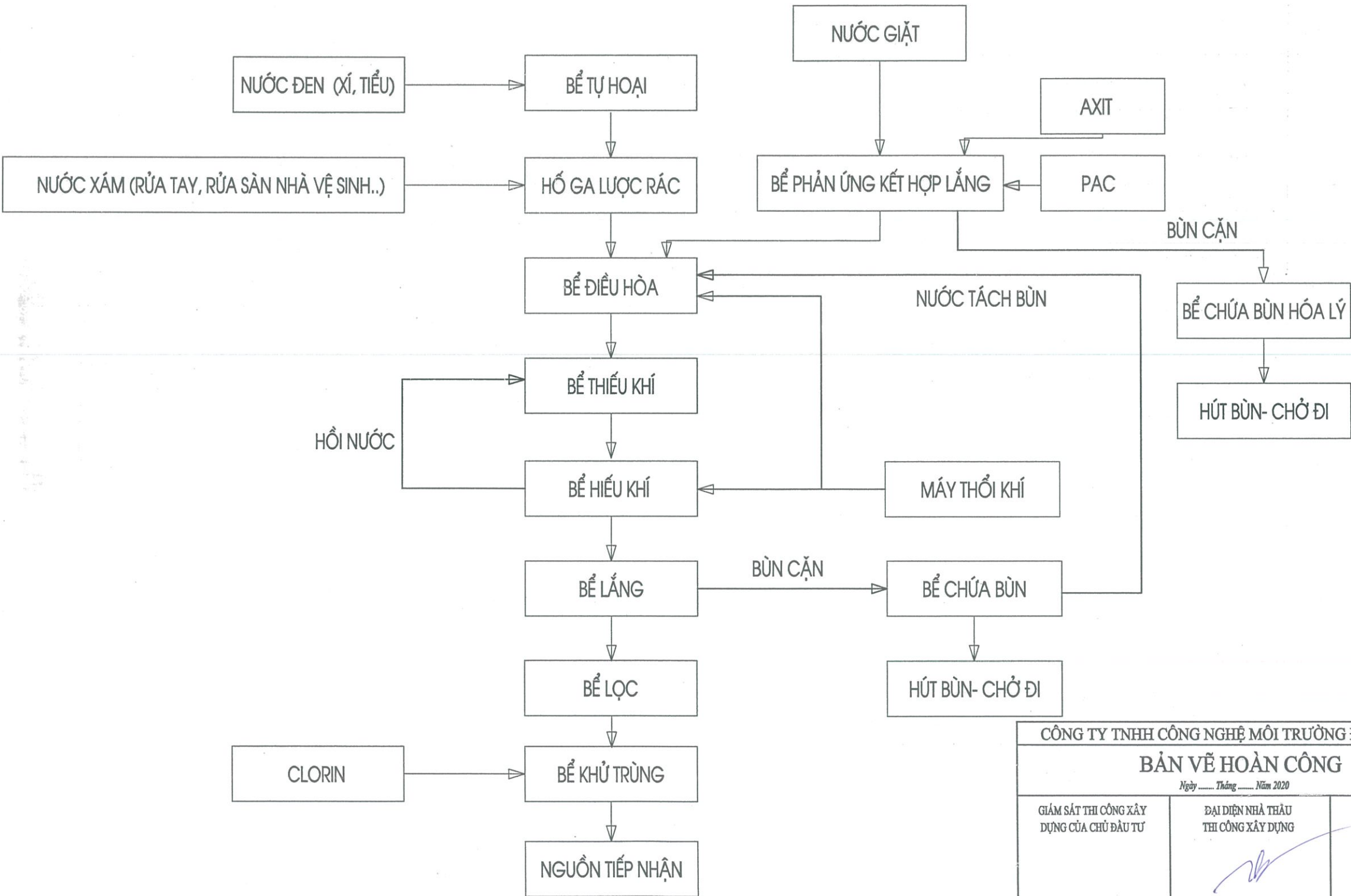
TỶ LỆ:

KÝ HIỆU:

DM - 01



DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ  
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT NHÀ MÁY SMART SHIRTS  
CÔNG SUẤT TÍNH TOÁN: 170M3/NGĐ



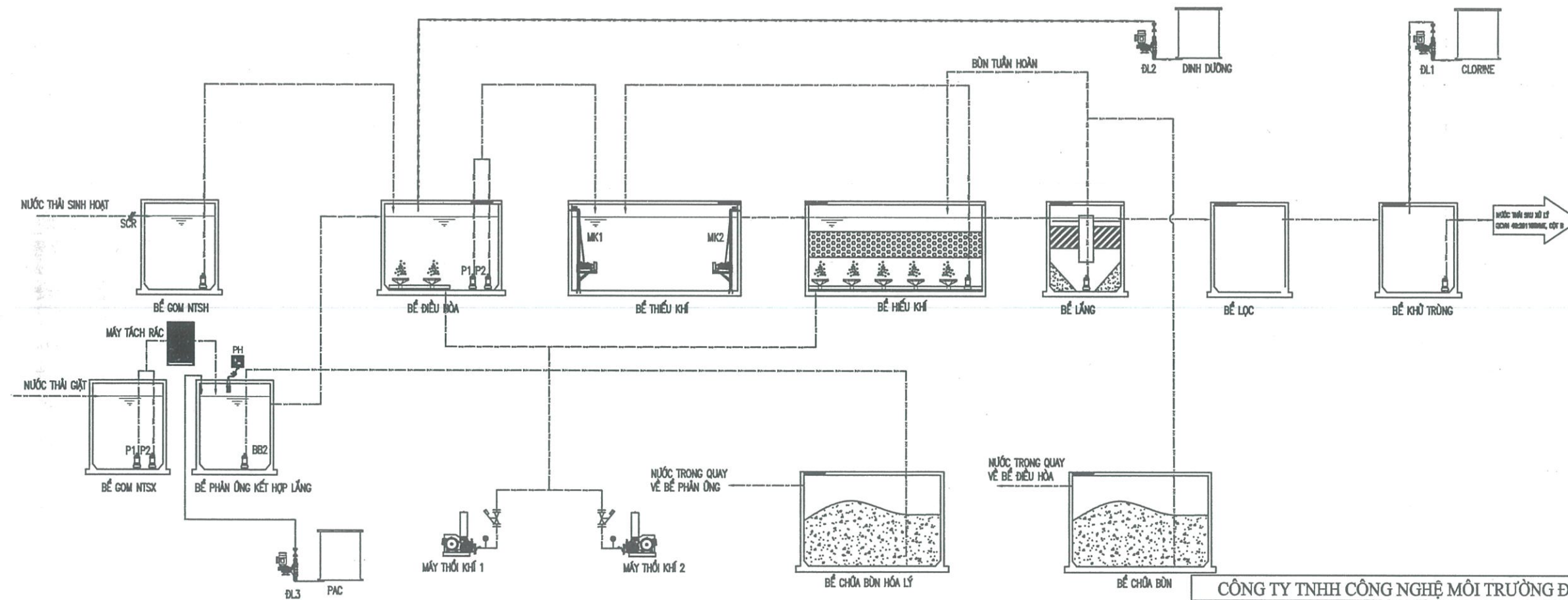
TIÊU CHUẨN XẢ THẢI: CỘT B - QCVN 40 - 2011

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
DỰ ÁN:	
NƯỚC THẢI:	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ	
HOÀN THÀNH: 2020	KÝ HIỆU: CN - 01
TỶ LỆ:	



# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 170 M3.NGÀY. ĐÊM



GHI CHÚ

STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT	STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT	STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT	STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT
01	MK1, MK2	MÁY KHUẤY CHÌM	05	PH	THIẾT BỊ ĐO PH	09		ĐƯỜNG CẤP KHÍ	13		ĐƯỜNG CLORINE
02	P1, P2	BƠM NƯỚC THẢI	06	DL1	BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT	10		ĐƯỜNG NƯỚC THẢI			VAN MỘT CHIỀU
03	BB1, BB2	BƠM BÙN	07	VB12, 2B5	VAN ĐIỀU KHIỂN	11		ĐƯỜNG BÙN			ĐƯỜNG HÓA CHẤT
04	SCR	SÔNG CHẤM RÁC	08	AB01, AB02	MÁY THỔI KHÍ	12		ĐƯỜNG KHÍ			ĐƯỜNG PAC

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY  
DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
THI CÔNG XÂY DỰNG

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN VĂN LINH

NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT  
MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐẤT VIỆT  
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT  
ĐỊA CHỈ: SỐ 01 NGÕ 01/01 ĐƯỜNG 10 - P. XÃ LƯƠNG ĐƯƠNG - TP. BẮC GIANG  
ĐT: 0963.077.777 - 0963.077.777 - EMAIL: CONTACT@DATVIET.COM

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THUY

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ  
HỆ THỐNG XỬ LÝ

HOÀN THÀNH:

2020

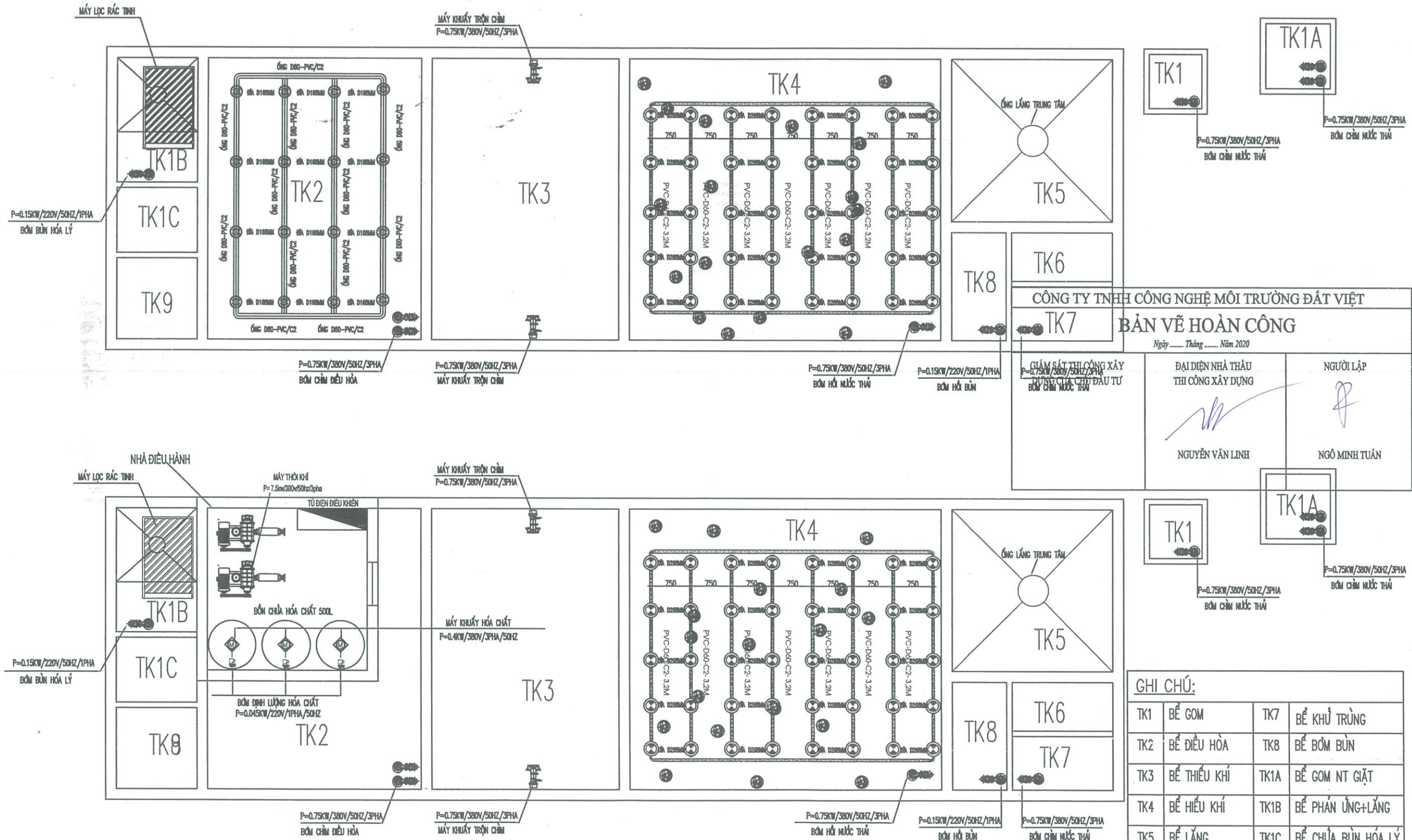
KÝ HIỆU:

CN - 02

TỶ LỆ:



# MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ, MÁY MÓC



**GHI CHÚ:**

TK1	BỂ GOM	TK7	BỂ KHỬ TRÙNG
TK2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK8	BỂ BƠM BỪN
TK3	BỂ THIẾU KHÍ	TK1A	BỂ GOM NT GIẶT
TK4	BỂ HIẾU KHÍ	TK1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG
TK5	BỂ LẮNG	TK1C	BỂ CHỨA BỪN HÓA LÝ
TK6	BỂ LỌC	TK9	BỂ CHỨA BỪN

**GHI CHÚ:**

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING

ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

**NƯỚC THẢI**

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:**

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG: NGUYỄN VĂN LINH

NGƯỜI LẬP: NGÔ MINH TUẤN

**GIÁM ĐỐC:**

KS. PHẠM QUANG ANH

**CHỦ TRÌ:**

KS. NGUYỄN VĂN LINH

**THIẾT KẾ:**

KS. NGÔ MINH TUẤN

**KIỂM TRA:**

KS. BẠCH DIỆU THUY

**TÊN BẢN VẼ:**

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ MÁY MÓC

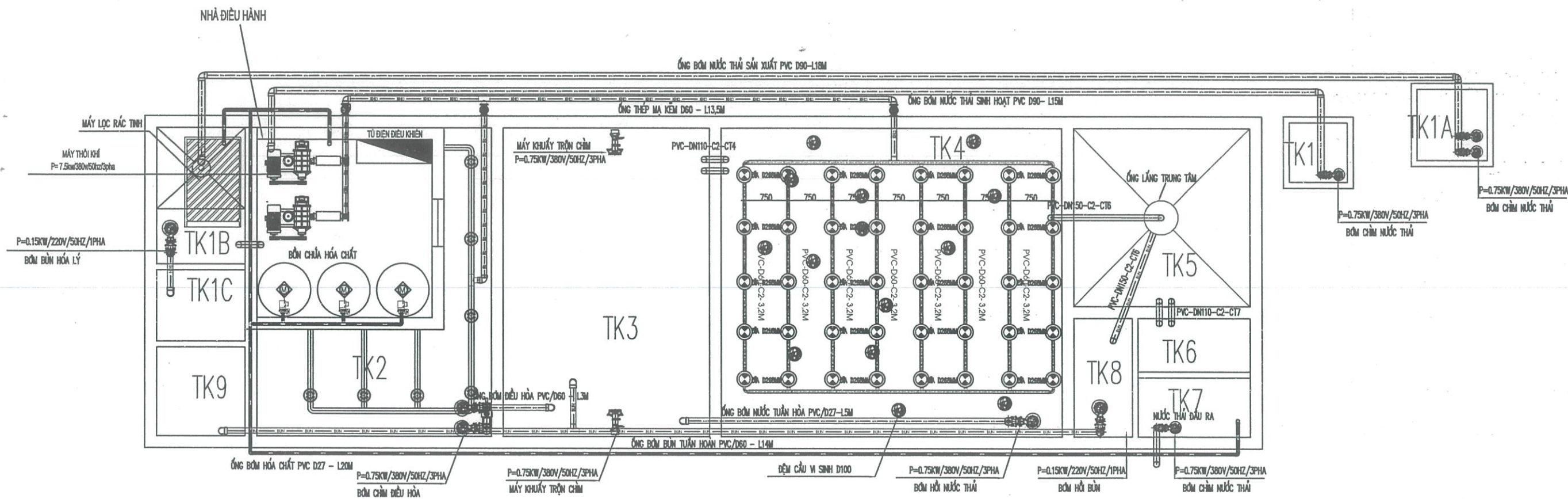
**HOÀN THÀNH:** 2020

**KÝ HIỆU:** CN - 03

**TỶ LỆ:**



# MẶT BẰNG ĐƯỜNG CÔNG NGHỆ



## GHI CHÚ

TK 1	BỂ GOM	TK 7	BỂ KHỬ TRÙNG	ĐƯỜNG NƯỚC CÔNG NGHỆ
TK 2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK 8	BỂ BƠM BÙN	ĐƯỜNG KHÍ CẤP
TK 3	BỂ THIẾU KHÍ	TK 1A	BỂ GOM NƯỚC THẢI GIẶT	ĐƯỜNG BÙN
TK 4	BỂ HIẾU KHÍ	TK 1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG	ĐƯỜNG HÓA CHẤT
TK 5	BỂ LẮNG	TK 1C	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	
TK 6	BỂ LỌC	TK 9	BỂ CHỨA BÙN	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY  
DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
THI CÔNG XÂY DỰNG

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN VĂN LINH

NGÔ MINH TUẤN

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THÚY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG  
CÔNG NGHỆ

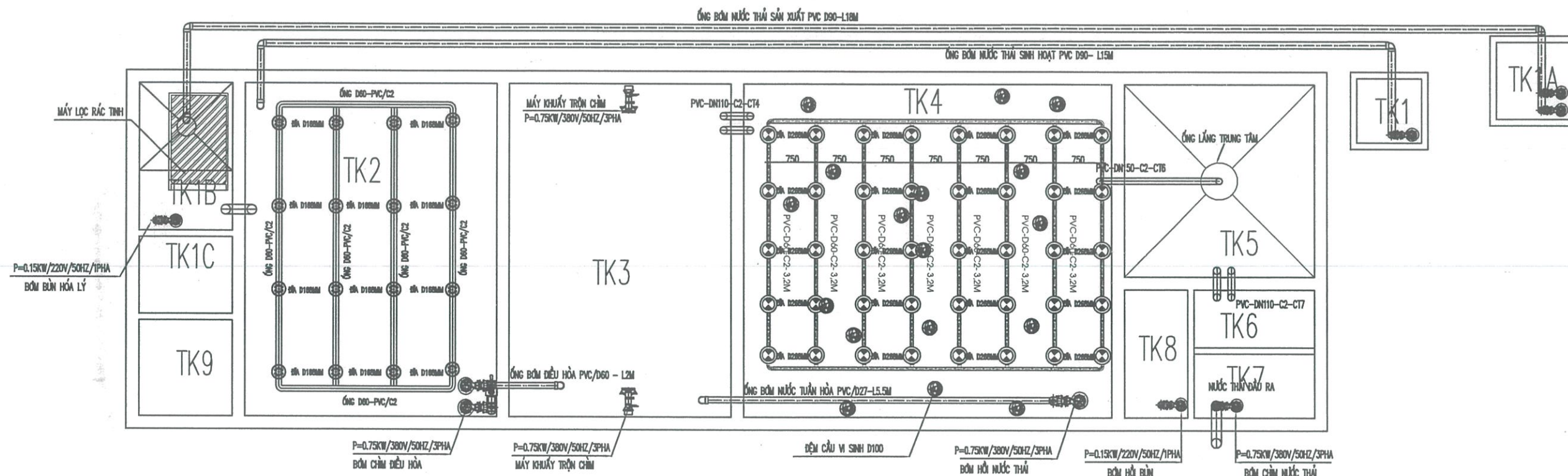
HOÀN THÀNH:  
2020





KÝ HIỆU:

CN - 04



# MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC



GHI CHÚ					
TK 1	BỂ GOM	TK 7	BỂ KHỬ TRÙNG		ĐƯỜNG NƯỚC CÔNG NGHỆ
TK 2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK 8	BỂ BƠM BÙN		ĐƯỜNG KHÍ CẤP
TK 3	BỂ THIẾU KHÍ	TK 1A	BỂ GOM NƯỚC THẢI GIẶT		ĐƯỜNG BÙN
TK 4	BỂ HIẾU KHÍ	TK 1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG		ĐƯỜNG HÓA CHẤT
TK 5	BỂ LẮNG	TK 1C	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ		
TK 6	BỂ LỌC	TK 9	BỂ CHỨA BÙN		

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG  NGUYỄN VĂN LINH	NGƯỜI LẬP  NGÔ MINH TUẤN

**GHI CHÚ:**

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT  
MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
DỰÁN

**NUỐC THẢI**

**HẠNG MỤC:**

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**Đất Việt**

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**

ĐƠN VỊ CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH: P. XUÂN GIANG, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG GIANG  
 ĐT: 0934.442.326 - 093.9174.3268 - EMAIL: CONTACT@DVIETGOIL.COM

**GIÁM ĐỐC:**

KS. PHẠM QUANG ANH

**CHỦ TRÌ:**

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS.BẠCH DIỆU THÚY

**TÊN BẢN VẼ:**

MẶT BẰNG ĐƯỜNG  
NƯỚC THẢI

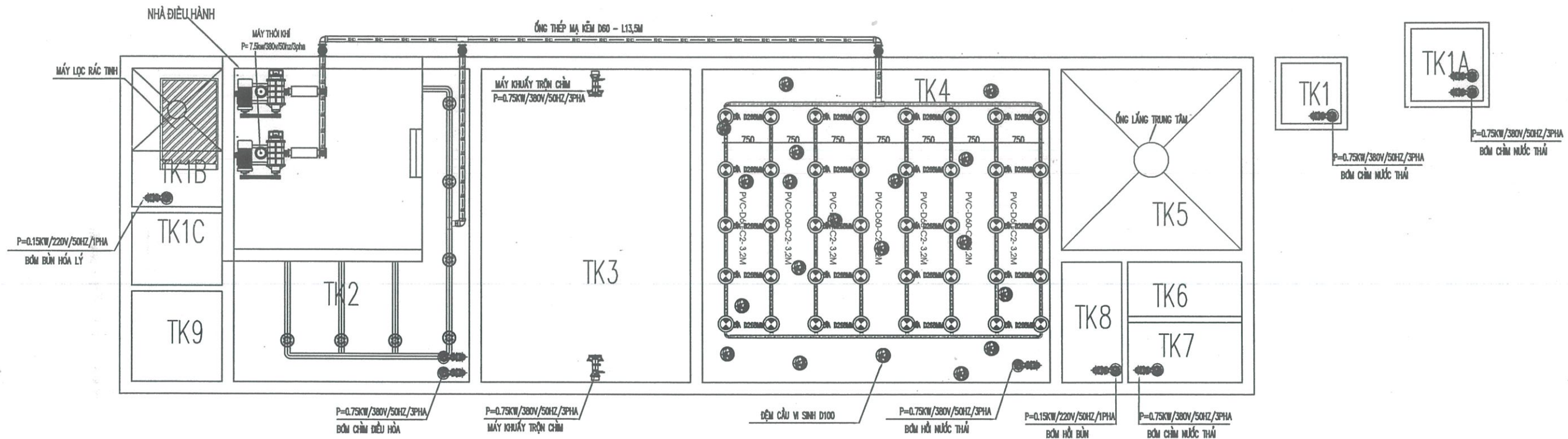
HOÀN THÀNH:	
2020	

**KÝ HIỆU:**

CN - 05



# MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ



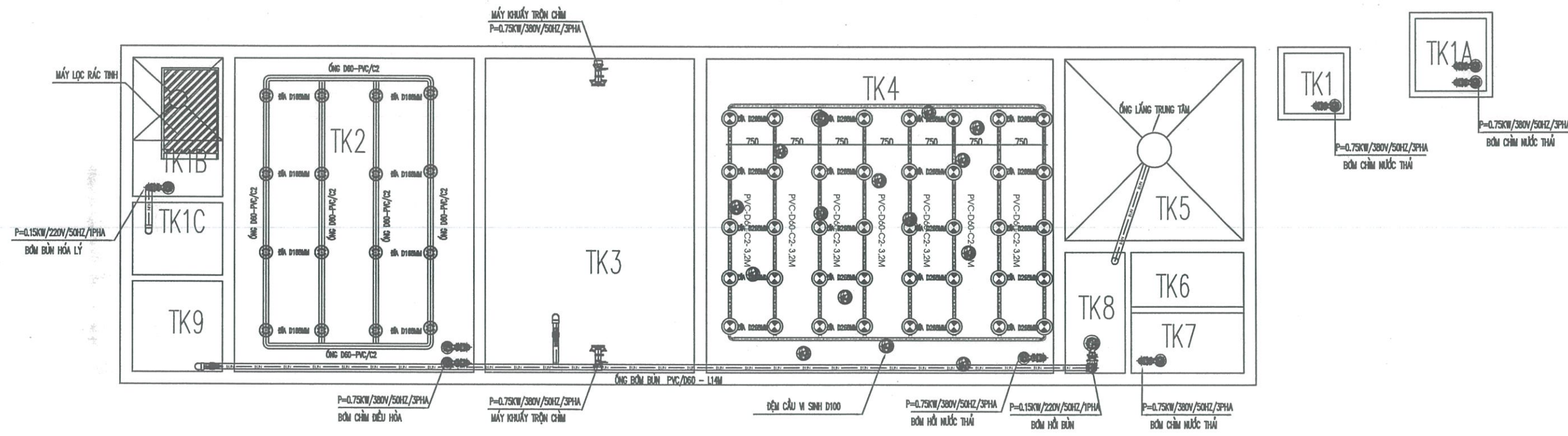
GHI CHÚ				
TK 1	BỂ GOM	TK 7	BỂ KHỬ TRÙNG	ĐƯỜNG NƯỚC CÔNG NGHỆ
TK 2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK 8	BỂ BƠM BÙN	ĐƯỜNG KHÍ CẤP
TK 3	BỂ THIẾU KHÍ	TK 1A	BỂ GOM NƯỚC THẢI GIẶT	ĐƯỜNG BÙN
TK 4	BỂ HIẾU KHÍ	TK 1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG	ĐƯỜNG HÓA CHẤT
TK 5	BỂ LẮNG	TK 1C	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	
TK 6	BỂ LỌC	TK 9	BỂ CHỨA BÙN	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
DỰ ÁN:	
NƯỚC THẢI	
HANG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP KHÍ	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	CN - 06
TỶ LỆ:	



MẶT BẰNG ĐƯỜNG Bùn



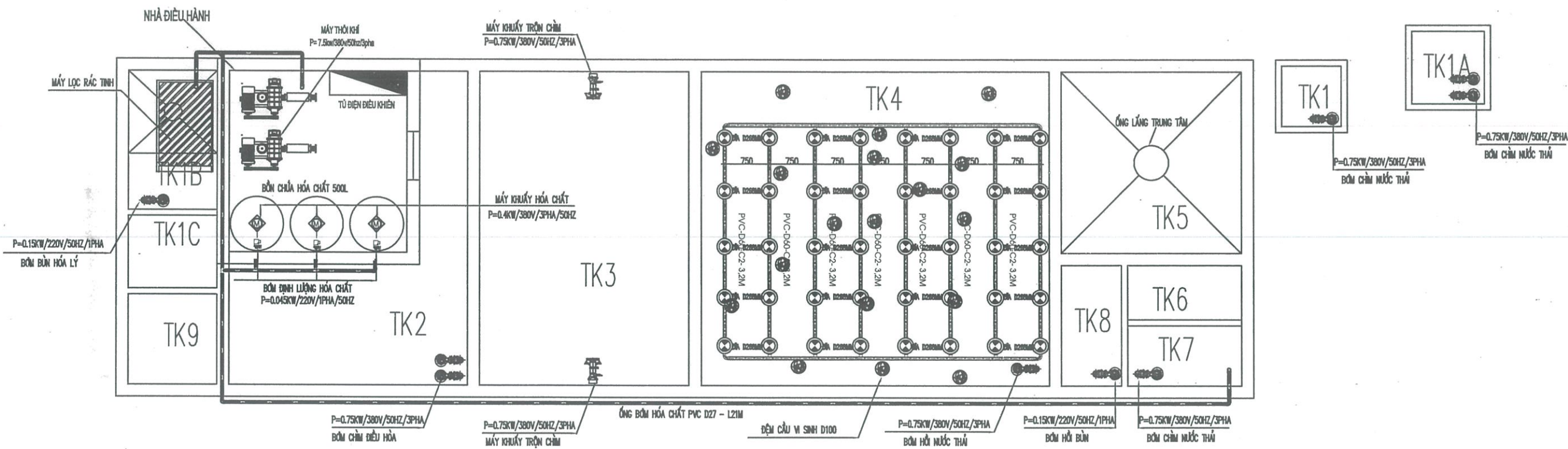
GHI CHÚ				
TK 1	BỂ GOM	TK 7	BỂ KHỬ TRÙNG	ĐƯỜNG NƯỚC CÔNG NGHỆ
TK 2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK 8	BỂ BƠM BÙN	ĐƯỜNG KHÍ CẤP
TK 3	BỂ THIẾU KHÍ	TK 1A	BỂ GOM NƯỚC THẢI GIẶT	ĐƯỜNG BÙN
TK 4	BỂ HIẾU KHÍ	TK 1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG	ĐƯỜNG HÓA CHẤT
TK 5	BỂ LẮNG	TK 1C	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	
TK 6	BỂ LỌC	TK 9	BỂ CHỨA BÙN	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
DỰ ÁN:	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG ĐƯỜNG Bùn THẢI	
HOÀN THÀNH: 2020	KÝ HIỆU: CN - 07



MẶT BẰNG ĐƯỜNG HÓA CHẤT



GHI CHÚ				
TK 1	BỂ GOM	TK 7	BỂ KHỬ TRÙNG	ĐƯỜNG NƯỚC CÔNG NGHỆ
TK 2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK 8	BỂ BƠM Bùn	ĐƯỜNG KHÍ CẤP
TK 3	BỂ THIẾU KHÍ	TK 1A	BỂ GOM NƯỚC THẢI GIẶT	ĐƯỜNG Bùn
TK 4	BỂ HIẾU KHÍ	TK 1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG	ĐƯỜNG HÓA CHẤT
TK 5	BỂ LẮNG	TK 1C	BỂ CHỨA Bùn HÓA LÝ	
TK 6	BỂ LỌC	TK 9	BỂ CHỨA Bùn	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT  
SM MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN- 63, KCN VẠN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
DỰ ÁN

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐẤT VIỆT  
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT  
ĐỊA CHỈ: 10/10 ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG THỊNH AN, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI  
ĐT: 0962.077.442 - 0915.898.385 - EMAIL: CHIEUTAT@DVIET.COM

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THÚY

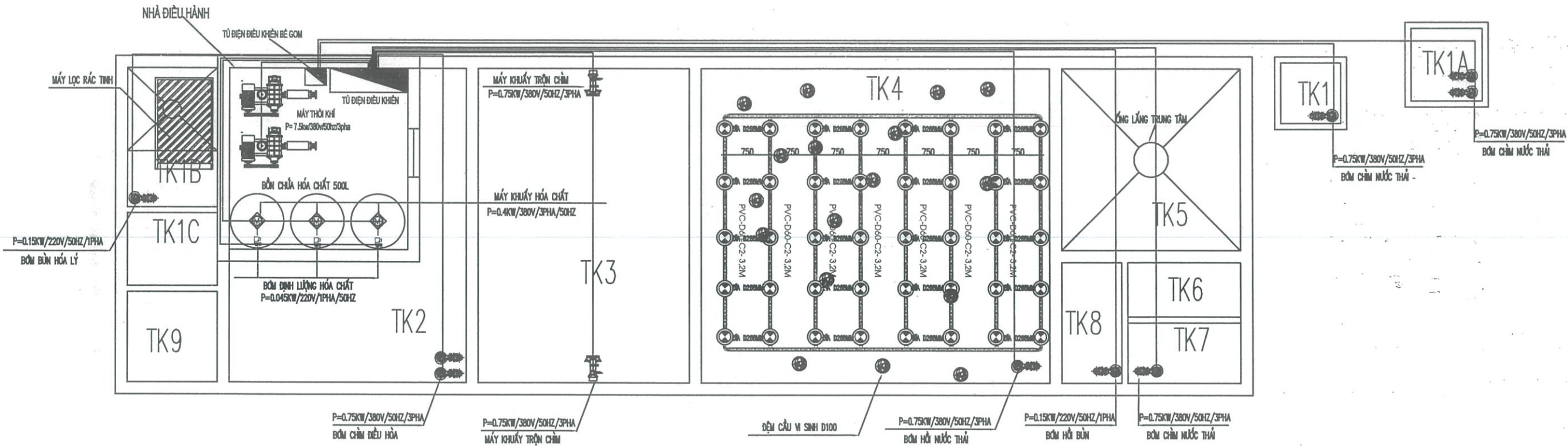
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG HÓA CHẤT

HOÀN THÀNH: 2020	KÝ HIỆU: CN - 08
TỶ LỆ:	



MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN CHO THIẾT BỊ



GHI CHÚ					
TK 1	BỂ GOM	TK 7	BỂ KHỬ TRÙNG	—————	ĐƯỜNG NƯỚC CÔNG NGHỆ
TK 2	BỂ ĐIỀU HÒA	TK 8	BỂ BƠM BÙN	—————	ĐƯỜNG KHÍ CẤP
TK 3	BỂ THIẾU KHÍ	TK 1A	BỂ GOM NƯỚC THẢI GIẶT	—————	ĐƯỜNG BÙN
TK 4	BỂ HIẾU KHÍ	TK 1B	BỂ PHẢN ỨNG + LẮNG	—————	ĐƯỜNG HÓA CHẤT
TK 5	BỂ LẮNG	TK 1C	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	—————	ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN
TK 6	BỂ LỌC	TK 9	BỂ CHỨA BÙN	—————	

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

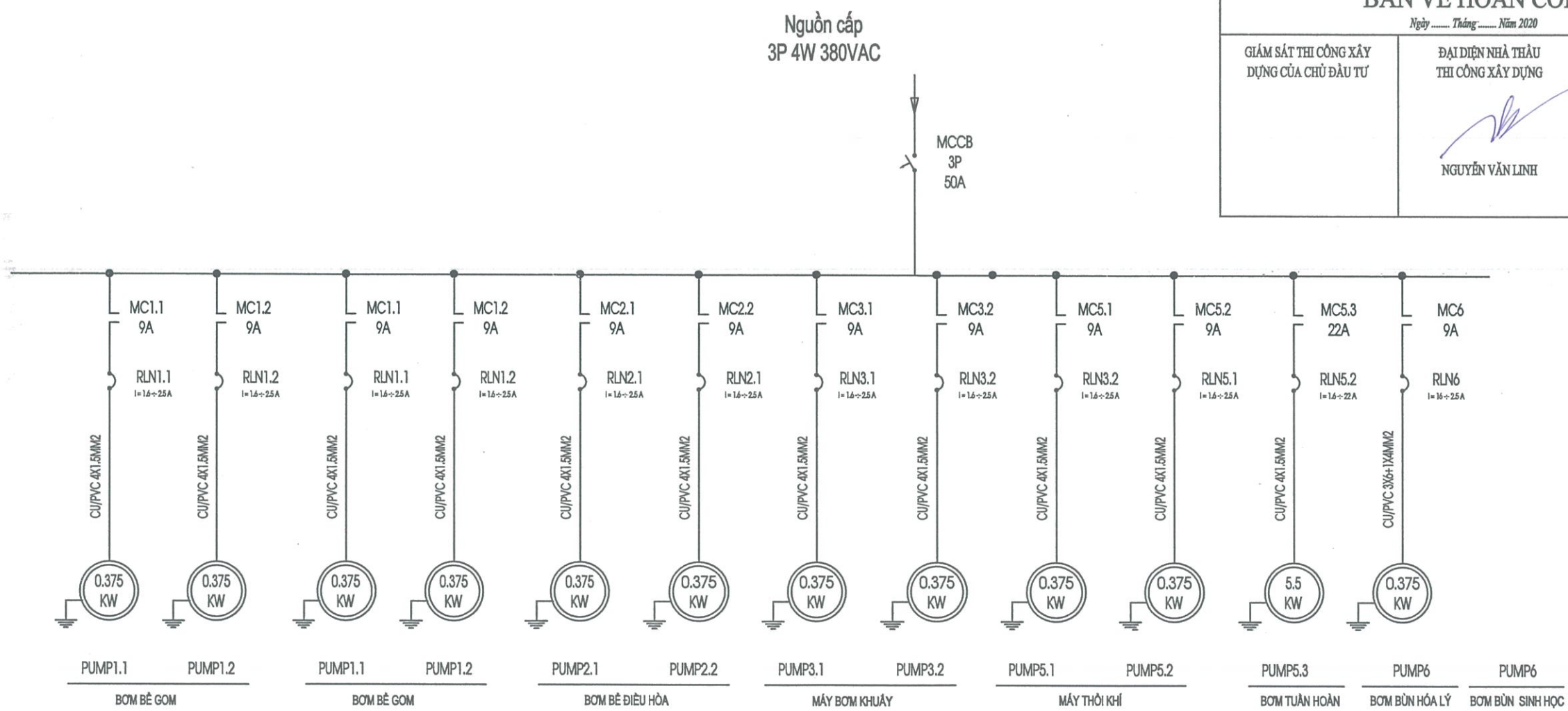
GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
DỰ ÁN:	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
ĐẠI VIỆT	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	CN - 09
TỶ LỆ:	







SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:

CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING

ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

DỰÁN

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN VĂN LINH

NGÔ MINH TUẤN

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THÚY

TÊN BẢN VẼ:

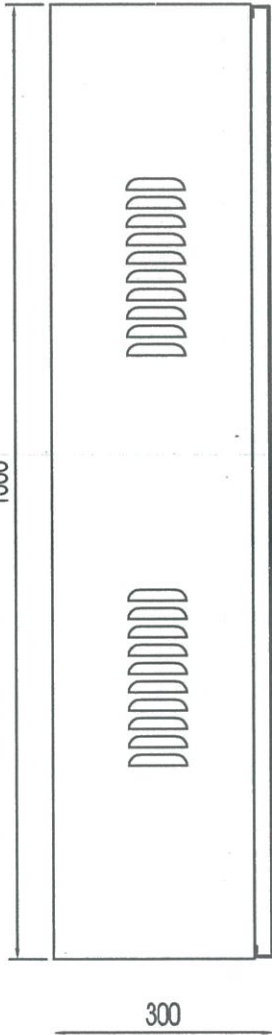
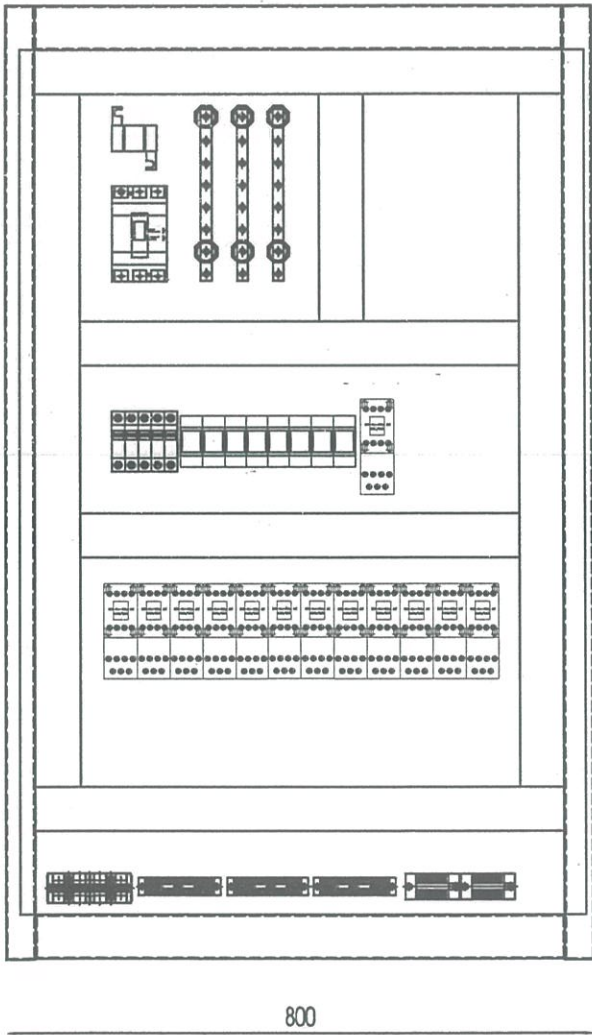
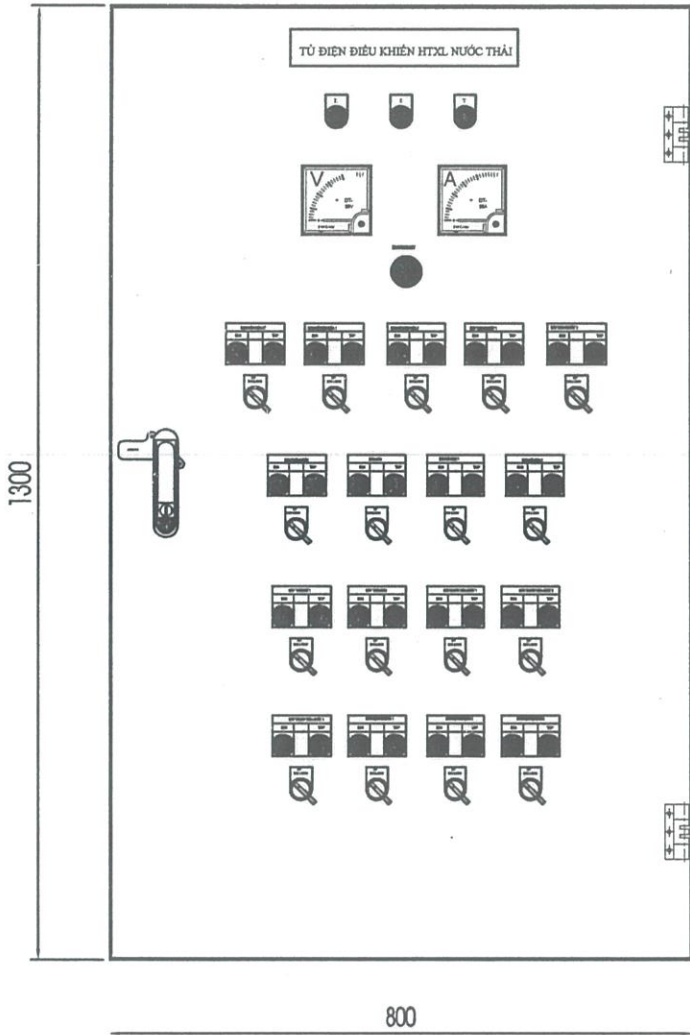
SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

HOÀN THÀNH: 2020

KÝ HIỆU: CN - 11



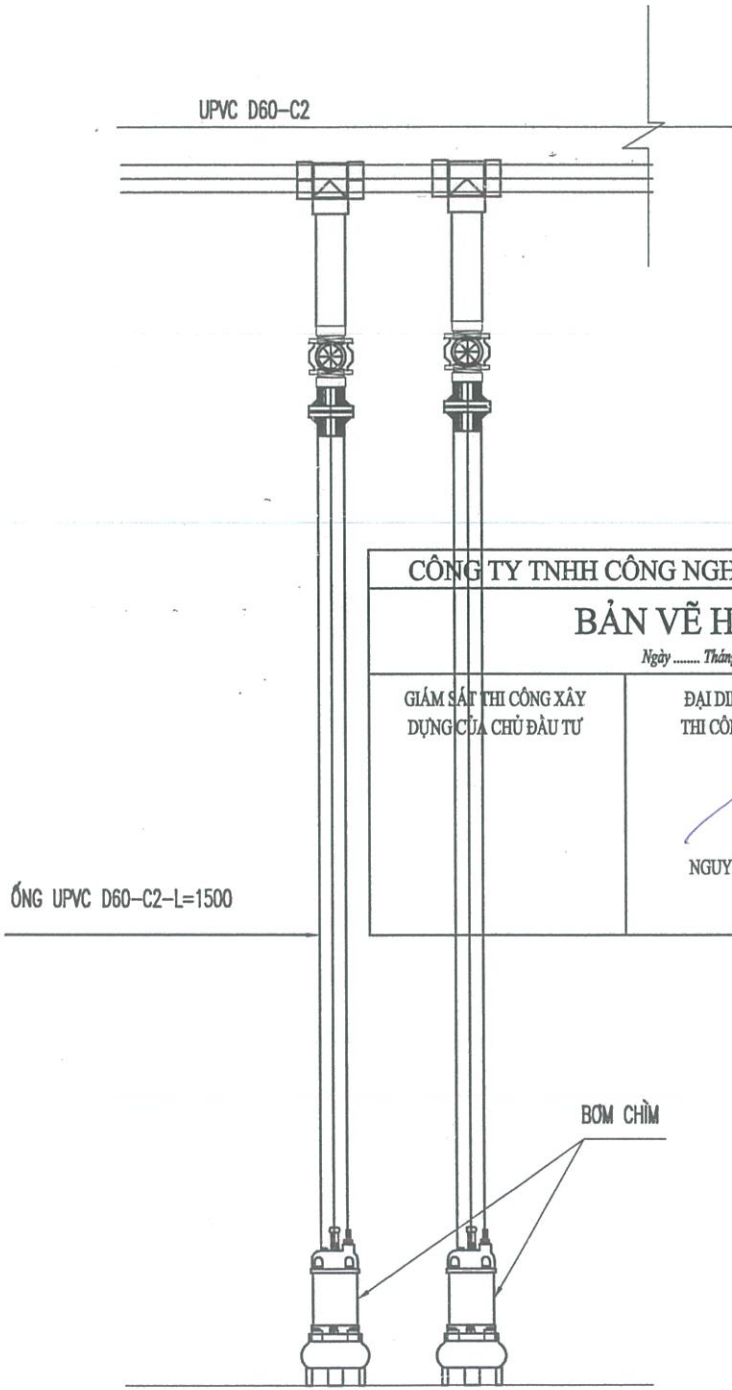
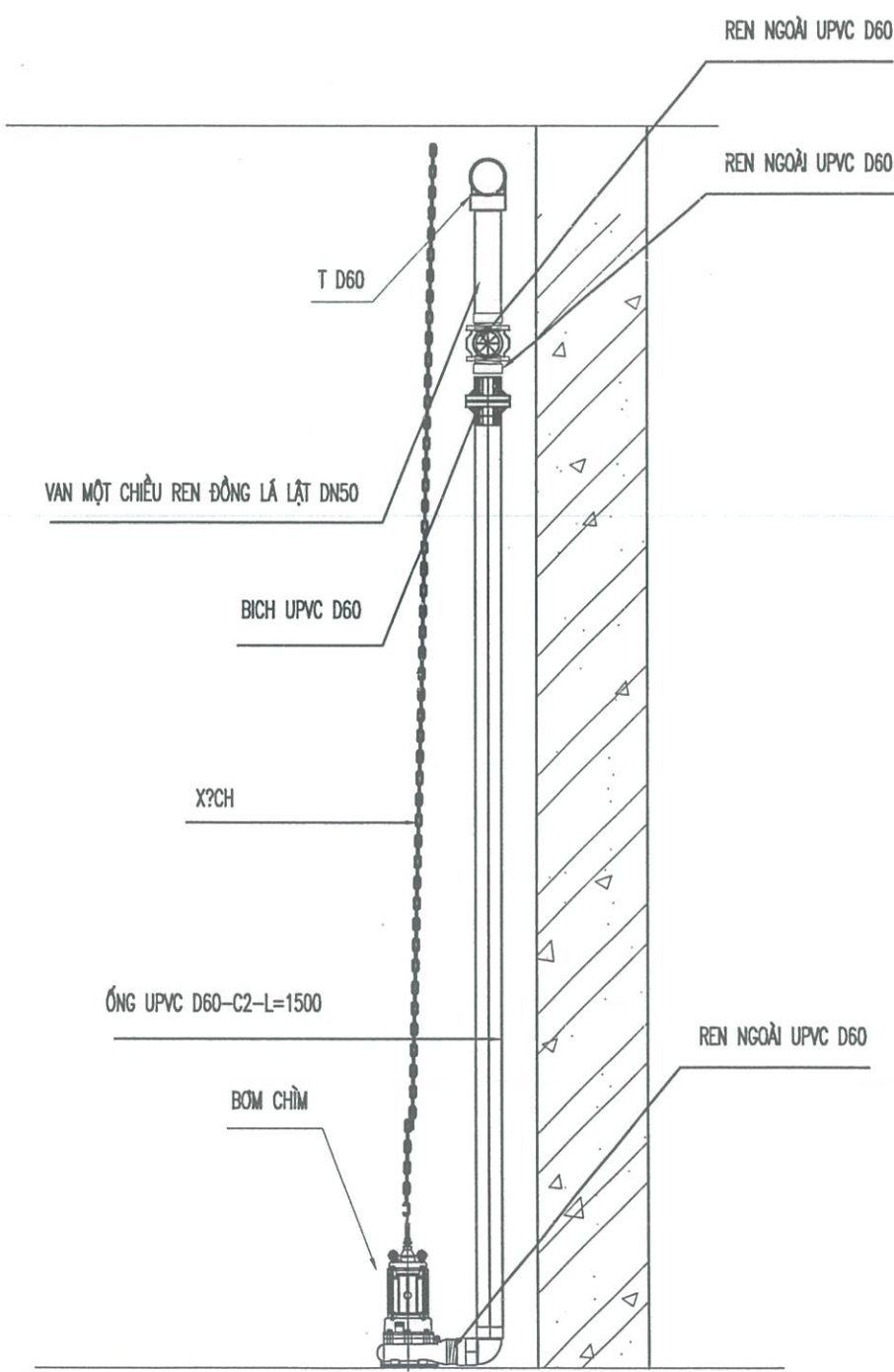
CHI TIẾT TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG	
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG	
BẮC GIANG	
TỈNH BẮC GIANG	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
ĐẠI VIỆT	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT	
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG, P. VĂN TRUNG, QUẬN VĂN TRUNG, TP. HÀ NỘI	
ĐT: 094.887.888 - 091.887.888 - EMAIL: CHIEUTATV@GMAIL.COM	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	CN - 12
TỶ LỆ:	

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM

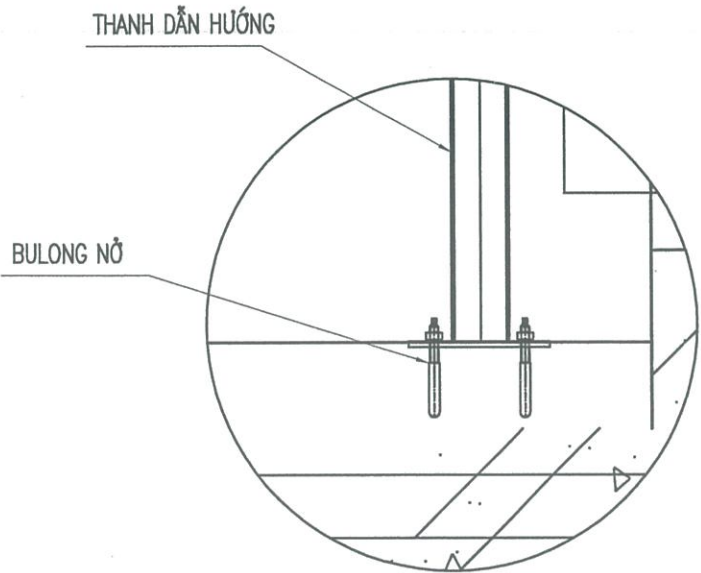
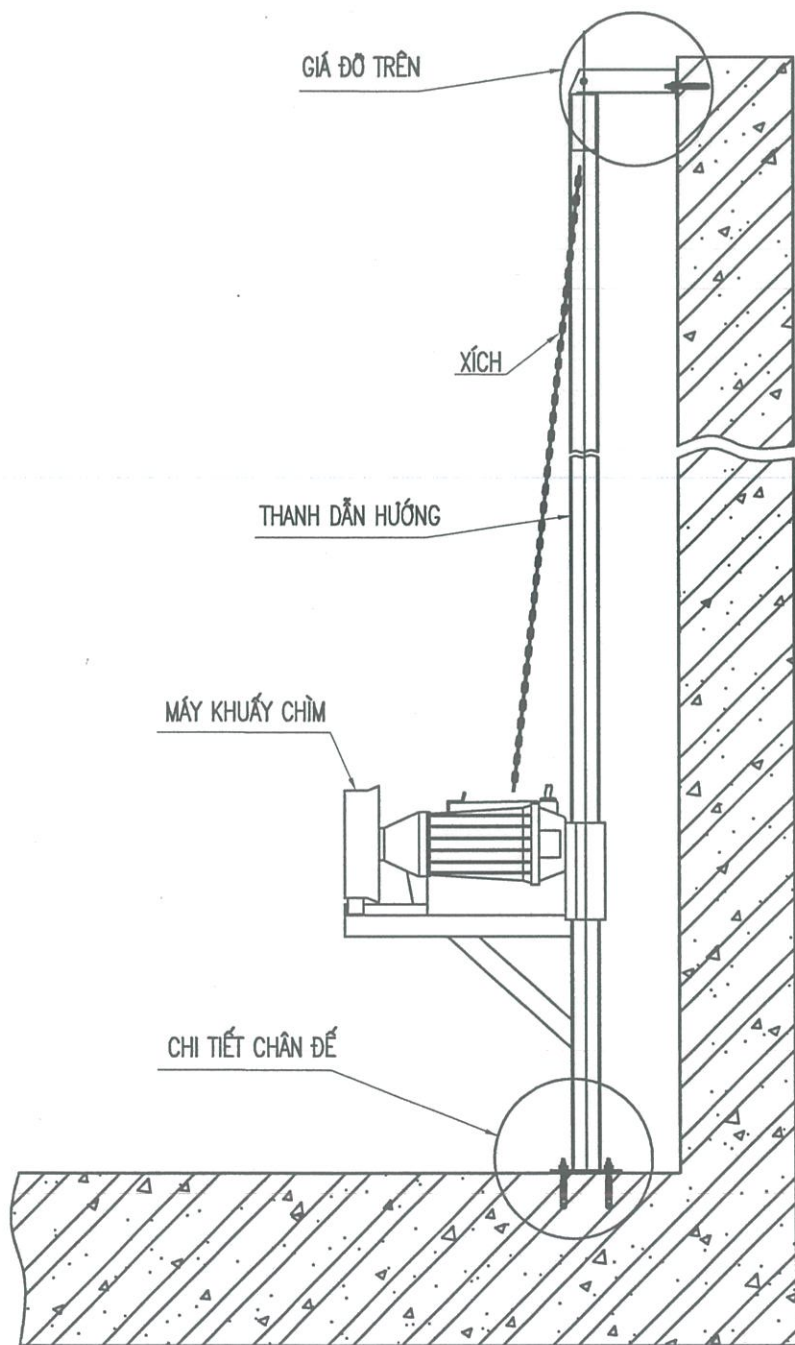


CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG DỰ ÁN	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT ĐỊA CHỈ: SỐ 88 ĐƯỜNG VĂN CUYẾN - P. XƯƠNG GIANG - TP. BẮC GIANG ĐT: 094.6897.888 - 091.638.336 - EMAIL: CHIEUDATVIET@GMAIL.COM	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM	
HOÀN THÀNH: 2020	KÝ HIỆU: CN - 13
TỶ LỆ:	



CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM



CHI TIẾT CHÂN ĐẾ

GHI CHÚ

- TIẾN HÀNH LẮP BƠM THEO BẢN VẼ THI CÔNG.
- ĐẶT THỦ BƠM VÀO VỊ TRÍ THEO ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ.
- LẤY DẤU, KHOAN LỖ VÀ BẮT BULONG NỖ XUỐNG NỀN BÊ TÔNG BỀ.
- ĐẶT BƠM, CẢN CHỈNH VÀ XIẾT CHẶT CÁC ĐẠI ỐC.
- LẮP ỐNG TỪ ĐẦU RA CỦA BƠM VỚI ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ.
- KHOAN LỖ TRÊN THÀNH BÊ ĐỀ LẮP ĐẶT GIÁ ĐỠ ỐNG THEO BẢN VẼ.
- VỆ SINH VÀ SƠ SỬA LẠI CÁC CHI TIẾT CẦN THIẾT

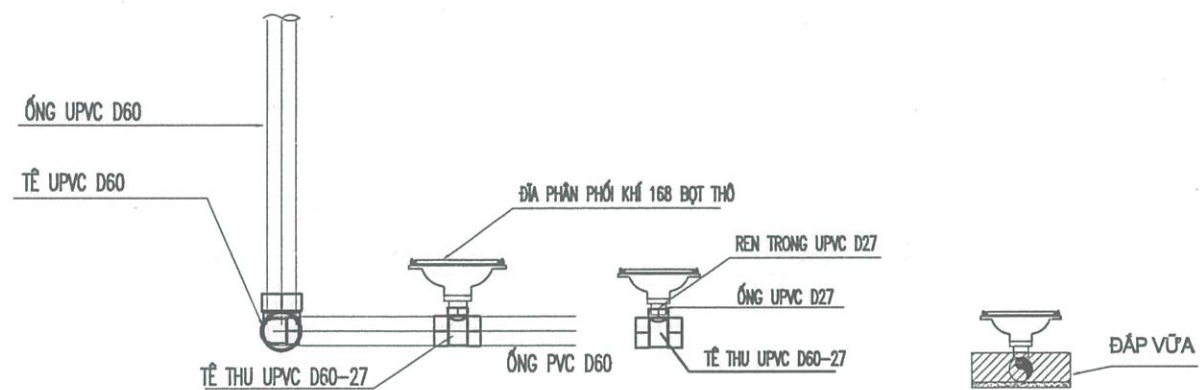
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
<div><div>CHỦ ĐẦU TƯ:</div><div>CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING</div><div>ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VẠN TRUNG</div><div>HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG</div><div>DỰ ÁN:</div></div>	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
<div><div>ĐẤT VIỆT</div><div>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT</div><div>ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VẠN TRUNG, HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG</div><div>ĐT: 0968.888.888 - 0968.888.888 - 0968.888.888</div></div>	
GIÁM ĐỐC:	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
KS. BẠCH DIỆU THÚY	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	CN - 14
TỶ LỆ:	

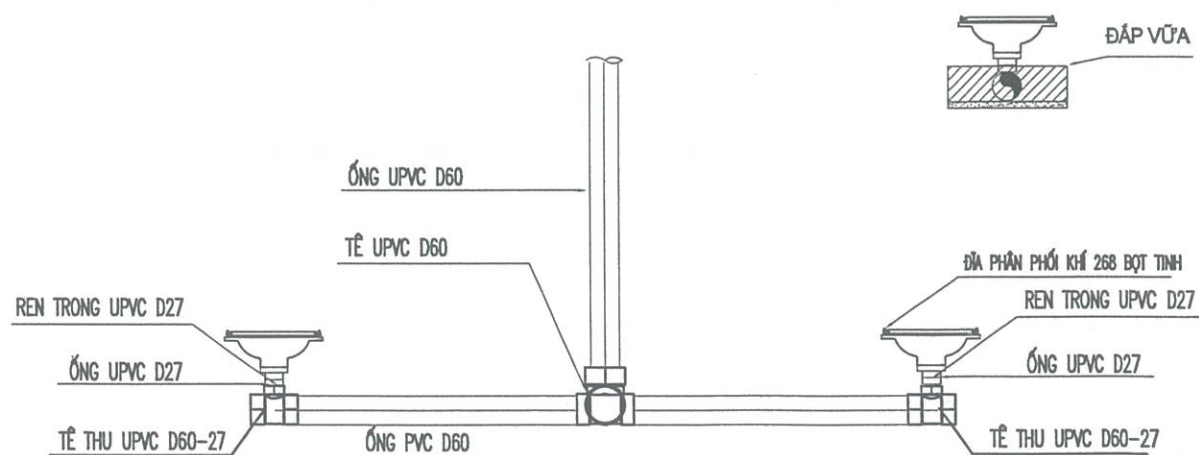


## CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ

## CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA



## CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA KHÍ BỂ HIẾU KHÍ



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020

GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY  
DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
THI CÔNG XÂY DỰNG

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN VĂN LINH

NGÔ MINH TUẤN

GIÁ THỂ SINH HỌC

**GHI CHÚ:**

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT  
MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

**NUỐC THẢI**

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**

**GIÁM ĐỐC:**

KS. PHẠM QUANG ANH

**CHỦ TRÌ:**

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS.BẠCH DIỆU THÚY

**TÊN BẢN VẼ:**

### CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ

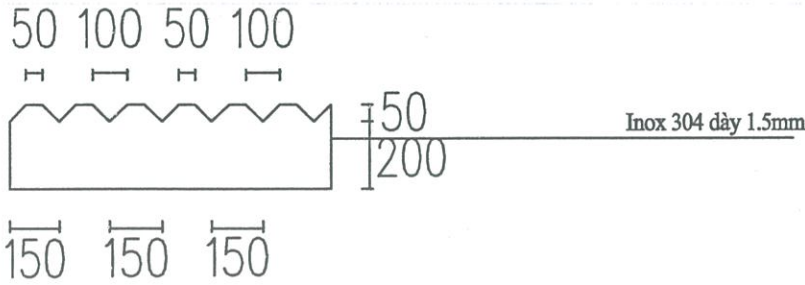
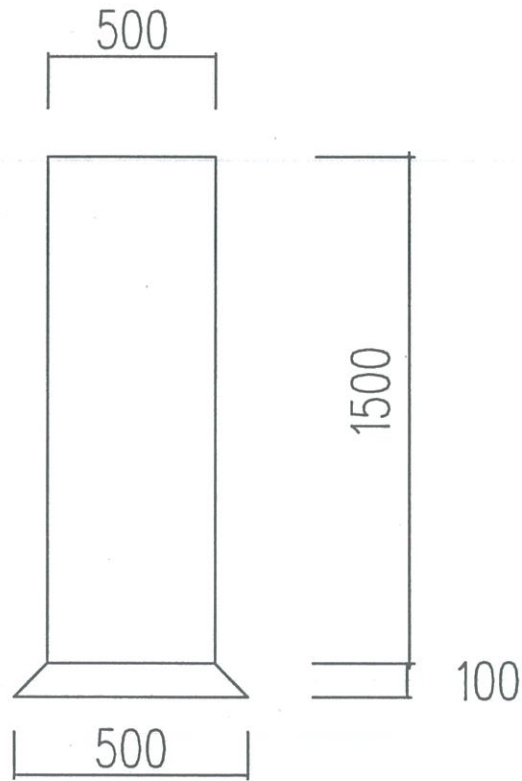
HOÀN THÀNH:	
2020	

**KÝ HIỆU:**

CN - 15

CHI TIẾT ỐNG LẮNG - MĂNG RĂNG CỬA

CHI TIẾT ỐNG LẮNG



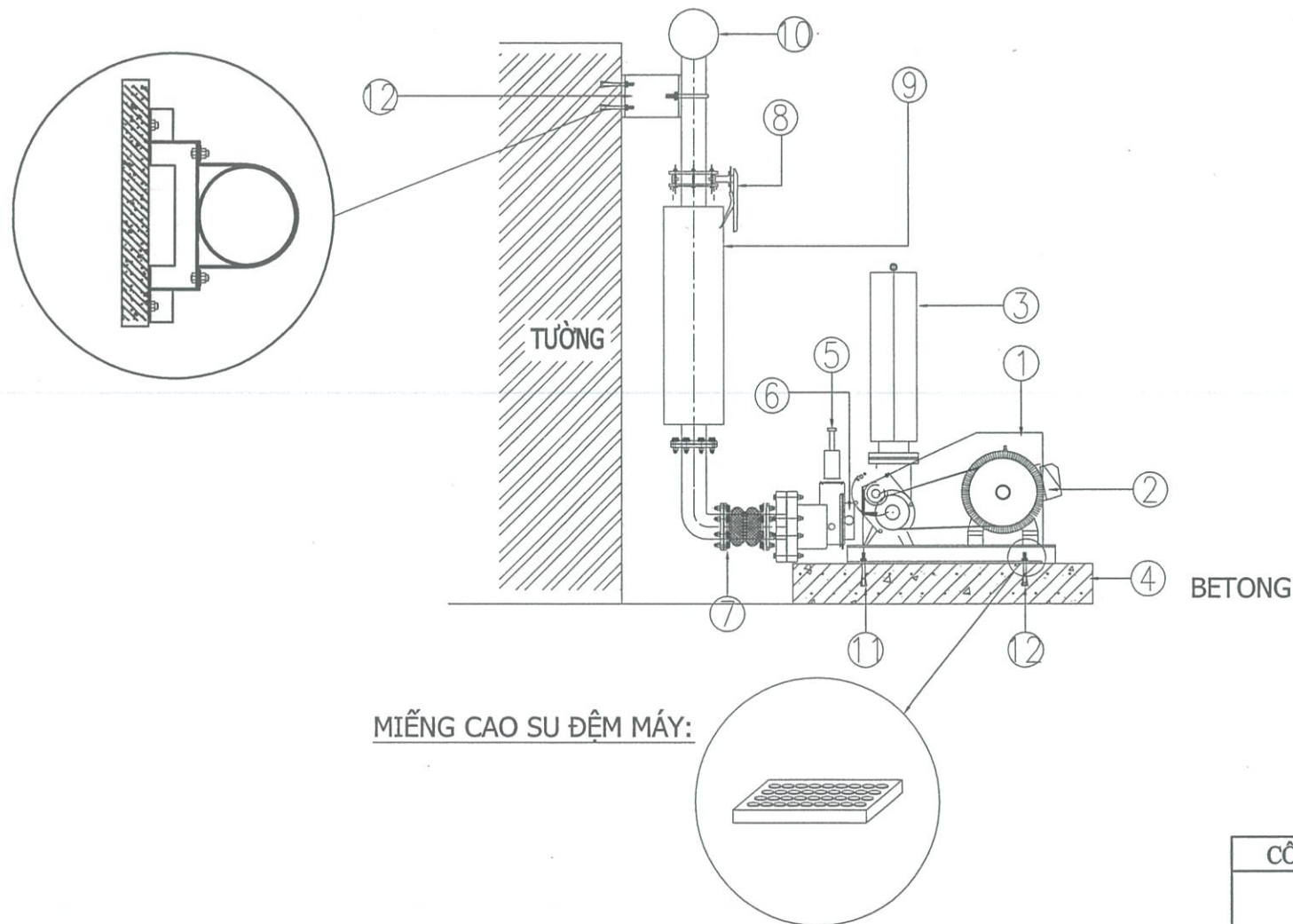
- YÊU CẦU CHUNG:**
- MĂNG KHÔNG ĐƯỢC RÒ RỈ
  - HÀN LIÊN TỤC TRÊN SUỐT CHIỀU DÀI
  - CHIỀU CAO ĐƯỜNG HÀN HÀN THEO TCVN 4244-2005

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

GHI CHÚ:	
<div>CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT MANUFACTURING ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VẠN TRUNG HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG DỰ ÁN</div>	
NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
<div>DatViet CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT ĐỊA CHỈ: SỐ 10 Đ. VÂN CƯỜNG - P. XƯƠNG GIANG - TP. BẮC GIANG ĐT: 0964.007.115 - 0916.007.115 - EMAIL: CMTD@DATVIET.COM</div>	
GIÁM ĐỐC:	
<div></div>	
KS. PHẠM QUANG ANH	
CHỦ TRÌ:	
<div></div>	
KS. NGUYỄN VĂN LINH	
THIẾT KẾ:	
<div></div>	
KS. NGÔ MINH TUẤN	
KIỂM TRA:	
<div></div>	
KS. BẠCH DIỆU THUY	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT ỐNG LẮNG , MĂNG RĂNG CỬA	
HOÀN THÀNH:	KÝ HIỆU:
2020	CN - 16
TỶ LỆ:	



## CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ



<u>GHI CHÚ:</u>	
01	MÁY THỞ KHÍ
02	ĐỘNG CƠ MÁY THỞ KHÍ
03	GIẢM THANH ĐẦU HÚT
04	BỆ ĐỖ MÁY - BTCT
05	VAN AN TOÀN CẤP THEO MÁY
06	VAN MỘT CHIỀU THEO MÁY
07	KHỚP NỖI MỀM
08	VAN BƯỚM TAY GẠT
09	GIẢM THANH ĐẦU ĐẨY
10	ỐNG TRẮNG KẼM
11	TẮC KÊ
12	GỐI ĐỖ GIẢM THANH ĐẦU ĐẨY

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG  NGUYỄN VĂN LINH	NGƯỜI LẬP  NGÔ MINH TUẤN

**GHI CHÚ:**

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT  
MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ LÔ CN- 03, KCN VẠN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
DỰ ÁN

**NƯỚC THẢI**

**HẠNG MỤC:**

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



**Đất Việt**  
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

ĐƠN CHẾ GIẤY BẢO VẬT GIỮN - P. 3, KINH DOANH SẢN PHẨM SẢN PHẨM  
ĐT: 028.666.666.66 - FAX: 028.666.666.66 - EMAIL: CONTACT@DVIET.COM.VN

**GIÁM ĐỐC:**

KS. PHẠM QUANG ANH

**CHỦ TRÌ:**

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS.BẠCH DIỆU THÚY

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT I

## CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỜI KHÍ

HOÀN THÀNH:	
-------------	--

2020

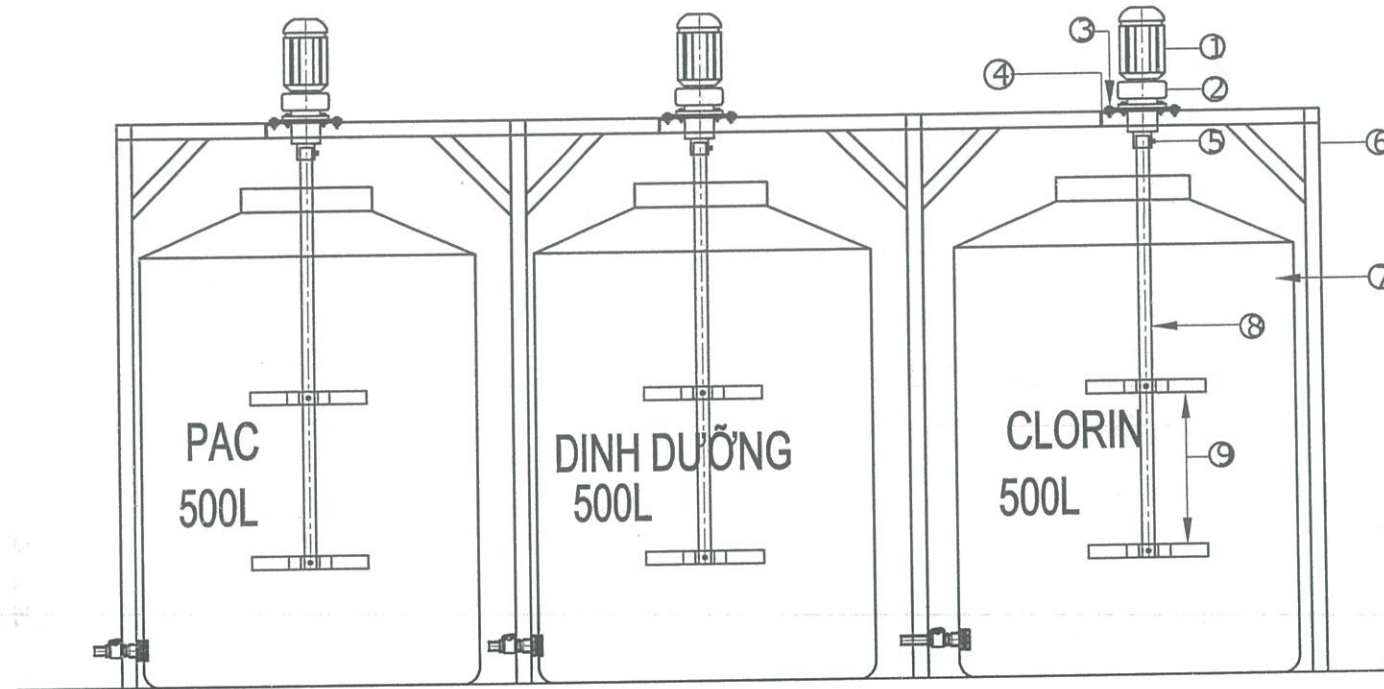
TỶ LỆ:

**KÝ HIỆU:**

CN - 18



## CHI TIẾT LẮP ĐẶT HỆ KHUẤY

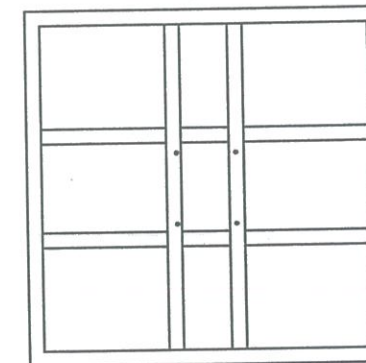


ĐƯỜNG HOÁ CHẤT RA - PVC D27  
VAN BỊ PVC DN27  
RẮC CỎ PVC D27

BƠM ĐỊNH LƯỢNG  
GIÁ ĐỖ BƠM ĐỊNH LƯỢNG  
RẮC CỎ PVC D27  
VAN BỊ PVC DN27



## CHI TIẾT GIÁ ĐỖ ĐỘNG CƠ KHUẤY



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ..... Tháng ..... Năm 2020		
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	NGƯỜI LẬP
	NGUYỄN VĂN LINH	NGÔ MINH TUẤN

### GHI CHÚ:

01	MOTOR KHUẤY	06	KHUNG ĐỖ - THÉP V40 SƠN 2 LỚP CHỐNG RỈ+ MÀU
02	HỘP GIẢM TỐC	07	BỒN CHỨA HÓA CHẤT
03	BULONG ĐỊNH VỊ MOTOR VÀ BỘ NỐI	08	TRỤC KHUẤY
04	TẦNG CỨNG CHO PHẦN BẮT ĐỘNG CƠ	09	CÁNH KHUẤY D=200-300mm, SUS 304
05	ỐC CHỈ, VÍT CHẶT TRỤC VÀ MOTOR	10	BỆ BTCT ĐẶT BỒN HÓA CHẤT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENT  
SM MANUFACTURING  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
DỰ ÁN  
TỈNH BẮC GIANG

NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐẤT VIỆT  
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT  
ĐỊA CHỈ: LÔ CN - 03, KCN VĂN TRUNG  
HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG  
DỰ ÁN  
TỈNH BẮC GIANG

GIÁM ĐỐC:

KS. PHẠM QUANG ANH

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN VĂN LINH

THIẾT KẾ:

KS. NGÔ MINH TUẤN

KIỂM TRA:

KS. BẠCH DIỆU THÚY

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT LẮP ĐẶT  
HỆ KHUẤY

HOÀN THÀNH:  
2020

KÝ HIỆU:  
CN - 19

TỶ LỆ:



Số: 3123 /TNMT-BVMT  
V/v thông báo kết quả kiểm tra các công  
trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm

Bắc Giang, ngày 14 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm đối với Dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang”, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

Kế hoạch vận hành thử nghiệm đề xuất vận hành (01 hệ thống xử lý nước thải và 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi) từ ngày 13/9/2021 và kết thúc ngày 22/11/2021, đối với các công trình xử lý chất thải gồm:

**1. Đối với hệ thống xử lý nước thải**

Đã đầu tư, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 170m<sup>3</sup>/ngày.đêm để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ các bể tự hoại và nước thải sản xuất; với quy trình xử lý gồm các bước: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) và Nước thải sản xuất (lọc túi vải → Bể phản ứng kết hợp lắng) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc → Nước thải ra hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

Đã có biên bản nghiệm thu và bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 170m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải**

+ **Khí thải từ nồi hơi đốt dầu DO (03 nồi hơi):** Khí thải được lọc bụi bằng lưới lọc bụi được tích hợp đồng bộ trong mỗi nồi, sau đó khí thải từ 03 nồi hơi được đưa ra ngoài bằng 01 ống khói chung cao 7m để tránh hiện tượng ô nhiễm môi trường cục bộ.

+ **Khí thải từ nồi hơi đốt viên nén gỗ (02 nồi hơi):** Đã lắp đặt, vận hành 02 hệ thống xử lý khí thải tại quy trình gia công, sản xuất biến áp và gia công, sản xuất bộ sạc với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).



*Thuyết minh quy trình công nghệ:* Khí thải được xử lý tại hệ thống xử lý được đồng bộ tại mỗi nồi hơi cụ thể: Khí thải qua tháp giải nhiệt rồi qua hai lớp vật liệu lọc làm bằng vải lọc chuyên dụng mỗi lớp dày 20cm với các vách ngăn tràn sau đó theo hệ thống đường ống đường kính 30cm và được quạt hút đến đến 01 ống khói chung cao khoảng 12m đường kính 60cm và đi ra ngoài môi trường. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B.

Công ty đã kèm theo biên bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công và hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý khí thải.

### **3. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

+ Đã bố trí kho lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích 14,4m<sup>2</sup>;

+ Kho chất thải sản xuất: Công ty bố trí 03 kho chứa để lưu trữ và thu gom chất thải với diện tích mỗi kho là kho 1: 14,4m<sup>2</sup> (kích thước 3mx4,8m), Kho 2: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m), Kho 3: 19,5m<sup>2</sup> (kích thước 6,5mx3m) bố trí bên ngoài nhà xưởng

### **4. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại**

Bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại với diện tích 10,5m<sup>2</sup>. Đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh.

### **5. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Đã có Kế hoạch quản lý môi trường và Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

\* Căn cứ kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm Dự án như nêu trên, cho thấy Dự án đã đủ điều kiện vận hành thử nghiệm các công trình trên. Yêu cầu Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức lấy mẫu, phân tích trong giai đoạn vận hành thử nghiệm dự án theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện quy định về quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp các công trình xử lý chất thải không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường thì phải thực hiện các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường của dự án. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung, giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong



báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GDS, PGDS - PT;
- CCBVMT;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Văn Tường**

Số: /GXN-TNMT

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2022

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang”**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên.

Địa điểm hoạt động: Lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên.

Điện thoại: 02043.661.426 hoặc 02043.661.966.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400711548 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 18/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 12/7/2019.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 628/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

**II. NỘI DUNG XÁC NHẬN**

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang” (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ DỰ ÁN**

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chương trình quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chủ dự án đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; được điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Phòng TN&MT h. Việt Yên;
- GDS, PGDS (ô. Tường);
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Tường**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-TNMT  
ngày /01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### 1. Công trình thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa từ mặt đường, sân bãi, mái nhà xưởng, được thu vào cống thoát nước mặt PVC Φ110, BTCT D300 độ dốc 0,4%, dọc các tuyến thoát nước mưa bố trí 70 hố ga kích thước (1x1x1)m với khoảng cách giữa các hố ga trung bình 45-50m/hố. Nước mưa của toàn bộ khu vực dự án được thu gom và thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung của khu công nghiệp Vân Trung tại 02 điểm đầu nối.

- Nước thải:

+ Nước thải nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích là 120m<sup>3</sup> (dung tích mỗi bể là 30m<sup>3</sup>/bể gồm: 01 bể tại khu vực nhà xưởng E01, 01 bể tại khu vực nhà xưởng E02, 01 bể tại khu vực nhà xưởng E06, 01 bể tại khu vực nhà xưởng E07), sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý;

+ Nước thải tại công đoạn giặt được thu gom về bể gom nước thải sản xuất rồi được thu gom đầu nối về hệ thống xử lý nước thải với công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom đầu nối cùng về hệ thống xử lý nước thải với công suất 170 m<sup>3</sup>/ngày; với quy trình xử lý gồm các bước: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) và Nước thải sản xuất (lọc túi vải → Bể phản ứng kết hợp lắng) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc → Nước thải ra hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B). Nước thải sau xử lý đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp qua 01 điểm đầu nối.

### 2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- **Khí thải từ nồi hơi đốt dầu DO (03 nồi hơi):** Khí thải được lọc bụi bằng lưới lọc bụi được tích hợp đồng bộ trong mỗi nồi, sau đó khí thải từ 03 nồi hơi được đưa ra ngoài bằng 01 ống khói chung cao 7m.

- **Khí thải từ nồi hơi đốt viên nén gỗ (02 nồi hơi):** Đã lắp đặt, vận hành 02 hệ thống xử lý khí thải tại quy trình gia công, sản xuất biến áp và gia công, sản xuất bộ sạc với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn → Tủ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

**Thuyết minh quy trình công nghệ:** Khí thải được xử lý tại hệ thống xử lý được đồng bộ tại mỗi nồi hơi cụ thể: Khí thải qua tháp giải nhiệt rồi qua hai lớp vật liệu lọc làm bằng vải lọc chuyên dụng mỗi lớp dày 20cm với các vách ngăn tràn sau đó theo hệ thống đường ống đường kính 30cm và được quạt hút đến đến 01 ống khói chung cao khoảng 12m đường kính 60cm và đi ra ngoài môi trường.

### **3. Công trình lưu giữ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị các thùng đựng rác để thu gom tạm thời rác thải hàng ngày và bố trí khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích khoảng  $14,4\text{m}^2$  được xây bằng gạch, nền láng xi măng, đổ trần bê tông,...

- Chất thải rắn sản xuất: Công ty trang bị các thùng chứa chất thải có dung tích 100 lít tại từng xưởng sản xuất, ngay tại vị trí làm việc của mỗi công nhân cắt, may; khu văn phòng,... để thu gom lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh. Công ty bố trí 03 kho chứa bố trí bên ngoài nhà xưởng để lưu trữ và thu gom chất thải với diện tích mỗi tương ứng là: Kho 1 với diện tích  $14,4\text{m}^2$  (kích thước  $3\text{m} \times 4,8\text{m}$ ), Kho 2 với diện tích  $19,5\text{m}^2$  (kích thước  $6,5\text{m} \times 3\text{m}$ ), Kho 3 với diện tích  $19,5\text{m}^2$  (kích thước  $6,5\text{m} \times 3\text{m}$ ).

Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất phát sinh.

### **4. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

Công ty trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, có nắp đậy, dán nhãn quản lý và bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích  $10,5\text{m}^2$ . Kết cấu: nền đổ bê tông chống thấm, xung quanh bồn tôn kín, mái lợp tôn, có biển báo chất thải nguy hại, cửa khóa riêng biệt. Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

### **5. Công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

Đã có kế hoạch quản lý môi trường và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

### **6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

Đã trang bị các thiết bị, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;...

### **7. Chương trình quan trắc môi trường**

#### **a. Không khí làm việc**

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (Khu vực làm việc tại nhà xưởng E01; Khu vực làm việc tại nhà xưởng E02; Khu vực làm việc tại nhà xưởng E06; Khu vực làm việc tại nhà xưởng E07).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, độ ẩm, tốc độ gió, bụi lơ lửng,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$ , CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

#### **b. Khí thải**

- Vị trí, thông số giám sát: 02 vị trí, gồm:

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí thải của nồi hơi đốt dầu DO. Thông số giám sát: Bụi tổng, CO,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{SO}_3$ ,  $\text{NO}_x$ , VOC (Toluen).

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí thải của nồi hơi đốt viên nén gỗ sau hệ thống xử lý. Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19/2019/BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

### ***c. Nước thải***

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp.

- Thông số giám sát: pH, Màu, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng photpho (tính theo P), Coliform.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

## **8. Công trình bảo vệ môi trường đã được thay đổi, điều chỉnh so với nội dung đề xuất trong báo cáo ĐTM**

Không điều chỉnh, thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

## **9. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung, giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; thường xuyên vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi quy mô, công suất, công nghệ xử lý chất thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện việc điều chỉnh, thay đổi khi được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社會主義共和國**

**獨立-自由-幸福**

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN**

**ĐIỂM ĐẦU NỐI CÔNG TRÌNH NƯỚC THẢI**

**污水接駁協議記錄**

Hôm nay, ngày 26 tháng 9 năm 2014, tại văn phòng Công ty TNHH FuGiang,  
Chúng tôi gồm có :

今日 2014.9.26 日, 在富江責任有限公司辦公室; 雙方含:

**I/ Đại diện Công ty TNHH FuGiang.富江責任有限公司代表**

Ông/先生 : Mr.Lin Shih Chang Chức vụ/職務 : Tổng Giám Đốc/總經理.

Ông/先生 : Mr.Zhuo Xian Hong Chức vụ/職務 : Giám đốc/经理

**II/ Đại diện Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang**

**Smart Shirts Garments Manufacturing Bac Giang 責任有限公司代表**

Ông/先生 : Mr.YU CHI WAI Chức vụ/職務 : Tổng Giám Đốc/總經理.

Ông/先生 : Mr.TAM YIU MING Chức vụ/職務 : Tổng Giám Đốc/總經理

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và xả thải của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang tại nhà xưởng E01, E02, E06, E07 Lô CN-03 khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Hai bên cùng nhau làm việc và thỏa thuận những nội dung sau :

根據 Smart Shirts Garments Manufacturing Bac Giang 責任有限公司在北江省越安縣雲中工業區 CN-03 地塊 E01、E02、E06、E07 廠房之生產及排放需求; 雙方經充分協商并達成如下內容:

1. Công ty TNHH FuGiang nhất trí cho Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang đầu nối đường ống nước thải thuộc dự án đầu tư và xây dựng của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang vào hệ thống nước thải của Khu công nghiệp Vân Trung.

Điểm đầu nối thể hiện như bản vẽ đính kèm.

富江責任有限公司同意讓 Smart Shirts Garments Manufacturing Bac Giang 責任有限公司將貴司投資建設預案之污水管接駁至雲中工業區污水系統。接駁點具體詳附圖。

2. Hai bên cùng cam kết thực hiện theo đúng hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và thực hiện theo luật Môi trường Việt Nam.

雙方保證按照污水處理服務合約內容及越南環保法嚴格執行。

Biên bản được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản để theo dõi và thực hiện.

本記錄一式 06 份，雙方各執 03 份以利跟進及執行。

**CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS  
GARMENT MANUFACTURING  
BẮC GIANG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
TAM YIU MING**

**CÔNG TY TNHH FUGIANG**

富江責任有限公司



**GIÁM ĐỐC  
ZHUO XIAN HONG**

4300  
CÔNG  
TY  
SHIRTS  
FUGIANG  
C GI.  
V. T.

430  
CÔNG  
TY  
FUGIANG  
YÊN-



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 04/9/2023, tại Văn phòng của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang – tại lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm:

**I. THÀNH PHẦN**

**1. Đoàn làm việc:**

- Ông Ngô Quang Trường, Phó Chi cục trưởng (PT) Chi cục Bảo vệ môi trường Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- Ông Nguyễn Văn Dũng, Chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;
- Ông Nguyễn Hữu Nam, Chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang;

**2. Đại diện Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang:**

- Ông Ye Xiaofu – Giám đốc;
- Bà Hoàng Thị Nhân – Phiên dịch;
- Bà Nguyễn Thị Hồng – Nhân viên.
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Luật sư nhà máy

**II. Nội dung làm việc:**

Xem xét, hướng dẫn việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đối với Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang (sau đây viết tắt là Công ty).

**III. Kết quả:**

Qua nghe báo cáo của Công ty, xem xét thực tế và trao đổi thảo luận, các thành phần tham dự thống nhất nội dung sau:

**1. Tình hình hoạt động**

Dự án Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang do Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang làm chủ dự án đầu tư thực hiện tại lô CN-03, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang; với quy mô, công suất: Sản xuất và kinh doanh các loại áo sơ mi nam nữ, đồng phục và các



sản phẩm may mặc khác (8.000.000 sản phẩm/năm); giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do công ty sản xuất (8.000.000 sản phẩm/năm).

Được cấp Giấy xác nhận số 171/GXN-TNMT ngày 17/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang.

Dự án Nhà máy Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9802734904 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/02/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 08/8/2023; **Với mục tiêu và quy mô dự án:** Sản xuất các loại áo sơ mi nam, nữ, đồng phục và các sản phẩm may mặc (4.000.000 sản phẩm/năm); giặt công nghiệp các sản phẩm may mặc do công ty sản xuất (4.000.000 sản phẩm/năm); cho thuê nhà xưởng (nhà xưởng E-02, E-07 với diện tích 10.409,4m<sup>2</sup>. Tổng vốn đầu tư của dự án là 144.858.000.000 đồng.

Đối với Công ty TNHH Artiverse Apparel: đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400972701 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 31/8/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/9/2023;

Dự án Nhà máy may mặc Artiverse Apparel Việt Nam đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8744158323 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/8/2023. **Với mục tiêu và quy mô dự án:** Sản xuất, gia công trang phục hàng may mặc sẵn cho phụ nữ, nam giới và trẻ em (5.000.000 sản phẩm/năm); Sản xuất, gia công trang phục đan móc và hàng dệt kim (500.000 sản phẩm/năm); Sản xuất, gia công sản phẩm chăn, túi ngủ, khăn trải giường, trải bàn, đệm ghế và các sản phẩm dệt may sẵn khác (1.000.000 sản phẩm/năm). Tổng vốn đầu tư của dự án là 94 tỷ đồng.

Theo báo cáo của Công ty:

+ Công ty đã điều chỉnh đầu tư lần thứ ba ngày 08/8/2023, đã bổ sung mục tiêu cho thuê nhà xưởng. Hiện nay, Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang đã ký hợp đồng nguyên tắc thuê nhà xưởng số 2023/SK2-AKL-HDNT tháng 01/2023 với Công ty TNHH Artiverse Apparel.

+ Dự kiến Công ty TNHH Artiverse Apparel thuê nhà xưởng đi vào hoạt động: nước thải được đầu nối, xử lý cùng trạm xử lý nước thải công suất 170m<sup>3</sup>/ngày của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang; không phát sinh khí thải; chất thải nguy hại phát sinh dưới 100kg/tháng, được thu gom vào chung kho của Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang để ký hợp đồng với đơn vị xử lý theo quy định.

- Đối với Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang thuộc lĩnh vực may mặc thuộc nhóm B theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công; thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh cấp phép theo quy định.

- Đối với Công ty TNHH Artiverse Apparel: đề nghị căn cứ quy định sau lập thủ tục môi trường cho dự án nếu thuộc đối tượng:





+ Nếu dự án có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức thì dự án thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường (theo quy định khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường).

+ Nếu dự án khi đi vào vận hành không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải sinh hoạt dưới 300 kg/ngày được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương; hoặc phát sinh nước thải dưới 05 m<sup>3</sup>/ngày, khí thải dưới 50 m<sup>3</sup>/giờ được xử lý bằng công trình, thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương hoặc thuộc đối tượng quy định tại phụ lục XVI thì dự án được miễn đăng ký môi trường (theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

+ Nếu dự án có phát sinh chất thải không thuộc các trường hợp trên thì dự án thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường tại UBND cấp xã (theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường).

Đề nghị: Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang và Công ty TNHH Artiverse Apparel lập thủ tục môi trường theo quy định trước khi triển khai thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp.

#### IV. Ý kiến của Công ty

Công ty nhất trí đồng ý với ý kiến nêu trên

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, biên bản đọc lại cho các thành viên cùng nghe và nhất trí ký tên.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH  
YE XIAO FU

ĐẠI DIỆN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngô Quang Cường



# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230410.KKSX06

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'54,49 E: 106°08'19,07
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX04: Không khí tại nhà xưởng E07
Ngày quan trắc:	29/03/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	29/03/2023-10/04/2023
Ngày trả kết quả:	10/04/2023

### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	24,9	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	64,2	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,27	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,435	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

#### Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.  
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.  
3. Các số liệu thống kê mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.





CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO  
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội  
ĐT: 024 52239007 Web: [lienminhmoitruong.com.vn](http://lienminhmoitruong.com.vn)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00069/2023/PKQ-VILAS/23.63

Tên khách hàng : Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH  
Địa chỉ : Số 172 Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
Loại mẫu : Nước sạch Công ty TNHH Smart Shirts Garments Manufacturing Bắc Giang – Lô CN03-KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang  
Số lượng mẫu : 01  
Ngày nhận mẫu : 31/03/2023  
Ngày trả kết quả : 10/04/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 6-1:2010 /BYT
			SMART SHIRTS.CÂY LỘC NƯỚC.NU01		Phụ lục II
1	pH	-	6,05	TCVN 6492:2011	-
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	212	SMEWW 2540C:2017	-
3	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	-
4	Sắt (Fe)	mg/L	0,05	TCVN 6177:1996	-
5	Độ cứng tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	92	TCVN 6224:1996	-
6	Mg	mg/l	9,7	TCVN 6224:1996	-

**Ghi chú:**

- + Mẫu do khách hàng Thái Văn Chiến gửi đến, thông tin do khách hàng cung cấp;
- **Quy chuẩn so sánh:**
- + QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với Nước khoáng Thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục II: Các chỉ tiêu hóa học của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm);
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

ĐẠI DIỆN CÔNG TY  
TRƯỞNG PHÒNG

QA/QC

Dương Thị Minh Châu

Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

**Chú thích:**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (\*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH  
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam  
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn  
Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230410.KKSX03

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'56,86 E: 106°08'21,27
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX01: Không khí tại nhà xưởng E01
Ngày quan trắc:	29/03/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	29/03/2023-10/04/2023
Ngày trả kết quả:	10/04/2023

### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	25,5	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	58,9	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,29	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,415	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

#### Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
- Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH  
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam  
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn  
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230410.KKSX04

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'57,03 E: 106°08'19,33
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX02: Không khí tại nhà xưởng E02
Ngày quan trắc:	29/03/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	29/03/2023-10/04/2023
Ngày trả kết quả:	10/04/2023

### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	25,3	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	64,7	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,25	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,348	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

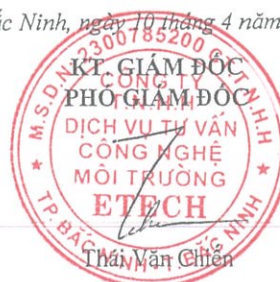
#### Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

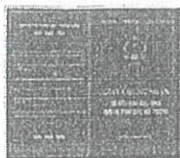
Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn







# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230410.KKSX05

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'54,44 E: 106°08'21,13
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX03: Không khí tại nhà xưởng E06
Ngày quan trắc:	29/03/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	29/03/2023-10/04/2023
Ngày trả kết quả:	10/04/2023

### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	24,4	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	61,5	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,23	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,441	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

#### Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh  
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn  
Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 230410.01.0483

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'58,92 E: 106°08'20,94
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT01: Sau HTXL trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN
Ngày quan trắc:	29/03/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	29/03/2023-10/04/2023
Ngày trả kết quả:	10/04/2023



### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	24,2	100
3	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8,0	50
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,08	10
5	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	2,18	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH	0,5
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9	10
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2500	5000

#### Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- + Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: **VIMCERTS 222**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**ĐD.P QUAN TRẮC**

Tạ Đình Tuấn

**PT.P THÍ NGHIỆM**

Nguyễn Ích Tuấn

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

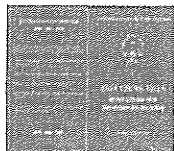


1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.

2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.





# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230712.KKSX01

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°24'15,21 E: 106°13'92,44
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX01: Không khí tại nhà xưởng E01
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	28,9	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	68,2	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,29	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,248	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

#### Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

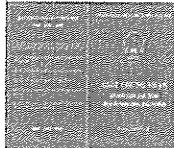
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230712.KKSX02

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°24'86,50 E: 106°13'86,95
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX02: Không khí tại nhà xưởng E02
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	27,8	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	55,6	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,32	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,219	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

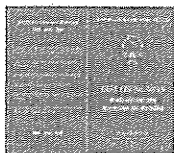
**Ghi chú:**

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

**ĐD.P QUAN TRẮC****Tạ Đình Tuấn**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giới quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



# CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230712.KKSX03

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°24'89,44 E: 106°13'69,13
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX03: Không khí tại nhà xưởng E6
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

### II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	28,5	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	56,0	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,37	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,187	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

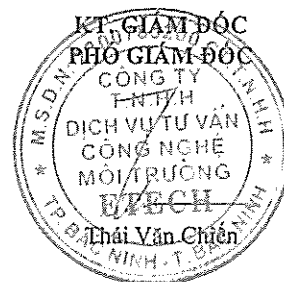
#### Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



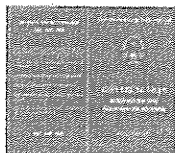
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQMT lấy về.
- Quả thời hạn lưu mẫu PTN không giới quyết khẩu nại.
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

ĐM OT 15.01

Hạn hành lần 01

Trang 1/



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230712.KKSX04

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°24'85,85 E: 106°13'85,87
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX04: Không khí tại nhà xưởng E7
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	28,4	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	62,4	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,30	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,170	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

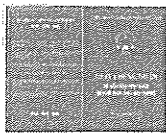
**Ghi chú:**

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

**ĐD.P QUAN TRẮC****Tạ Đình Tuấn**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQMT lấy về.
  2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không gửi quyết khiếu nại.
  3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- RM-OT-15 01



Số phiếu: 230712.01.0881

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

## I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°24'97,46 E: 106°13'91,69
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT01: Sau HTXL trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

## II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,83	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	78,5	100
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	37,9	50
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,44	10
5	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	3,65	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,06	0,5
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,3	10
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3000	5000

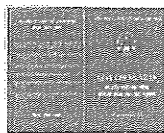
## Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- "&lt;" là nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: **VIMCERTS 222**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

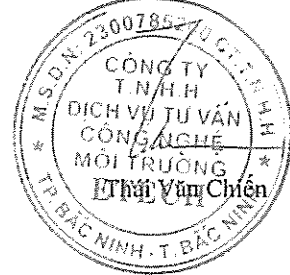
**ĐD.P QUAN TRÁC**

Tạ Đình Tuấn

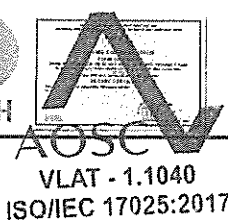
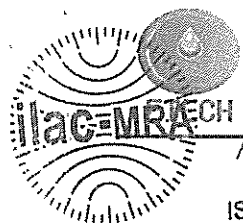
**PT.P THÍ NGHIỆM**

Nguyễn Ích Tuấn

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**







CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH  
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam  
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruonggetech.vn  
Số hiệu công nhận năng lực phòng thử nghiệm: VLAT-1.1040

Số phiếu: 230712.04.055

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu:	Nước ăn uống
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NAU01: Tại máy lọc nước của Công ty
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 06-1:2010/BYT	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,3	-	6-8,5
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	16,0	-	1000
3	Amoni ( $\text{NH}_4^+$ )	mg/l	TCVN 6179-1:1996	KPH	-	0,3
4	Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW3111B:2017	<0,09	-	0,3

#### Ghi chú:

- QCVN 06-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- (-): Không quy định
- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.
- "<" là nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

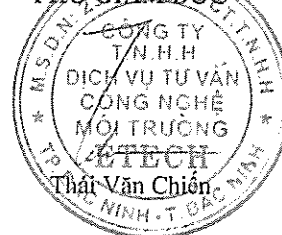
ĐD.P QUAN TRÁC

Tạ Đình Tuấn

PT.P THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ích Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

VILAS 968

Số: 00327/2023/PKQ-VILAS/23.243

Tên khách hàng : Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH  
Địa chỉ : Số 172 Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
Loại mẫu : Nước sạch Số lượng mẫu: 01  
Ngày nhận mẫu : 03/07/2023  
Ngày trả kết quả : 12/07/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 6-1:2010/ BYT
			20230630.SMART SHIRTS.NAU01		Phụ lục II <sup>(1)</sup>
1	Độ cứng tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/L	KPH	TCVN 6224:1996	-
2	Mg	mg/L	KPH	TCVN 6224:1996 + TCVN 6198:1996	-

**Ghi chú:**

+ Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, thông tin do khách hàng cung cấp. Phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu.

**- Quy chuẩn so sánh:**

- + QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với Nước khoáng Thiên nhiên và nước uống đóng chai;
- + (1): Các chỉ tiêu hóa học của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm;
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

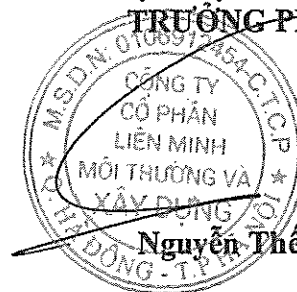
Nguyễn Thị Hà

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thê Năng

**Chú thích:**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (\*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH  
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam  
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn  
Số hiệu công nhận năng lực phòng thử nghiệm: VLAT-1.1040

Số phiếu: 230712.04.055

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Văn Trung, xã Văn Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu:	Nước ăn uống
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NAU01: Tại máy lọc nước của Công ty
Ngày quan trắc:	30/06/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	30/06/2023
Ngày trả kết quả:	12/07/2023

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 06-1:2010/BYT	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,3	-	6-8,5
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	16,0	-	1000
3	Độ cứng tính theo CaCO <sub>3</sub> *	mg/l	TCVN 6224:1996	KPH	-	300
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	TCVN 6179-1:1996	KPH	-	0,3
5	Mg *	mg/l	TCVN 6224:1996 + TCVN 6198:1996	KPH	-	-
6	Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW3111B:2017	<0,09	-	0,3

#### Ghi chú:

- QCVN 06-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- (-): Không quy định
- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp).
- (\*) là thông số được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- "<" là nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.

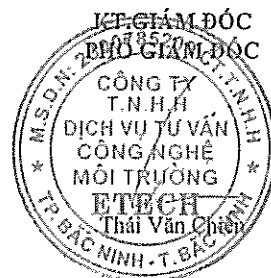
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn

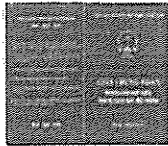
PT.P THÍ NGHIỆM

Nguyễn Ích Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTAT lấy về.  
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.  
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
BM-QT-15.01



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230919.KKSX06

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'57,04 E: 106°08'21,40
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX01: Không khí tại nhà xưởng E01
Ngày quan trắc:	08/09/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	08/09/2023
Ngày trả kết quả:	19/09/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	30,3	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	54,5	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,42	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,384	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

**Ghi chú:**

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

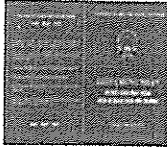
Bắc Ninh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về
2. Quá thời hạn lưu mẫu P.T.N không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230919.KKSX07

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'54,42 E: 106°08'19,05
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX02: Không khí tại nhà xưởng E02
Ngày quan trắc:	08/09/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	08/09/2023
Ngày trả kết quả:	19/09/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Tùng lẫn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	29,7	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	50,7	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,46	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,476	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

**Ghi chú:**

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

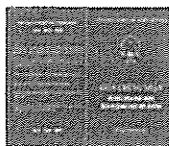
ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn



Bắc Ninh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTA/T lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thường tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230919.KKSX08

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'54,30 E: 106°08'20,61
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX03: Không khí tại nhà xưởng E6
Ngày quan trắc:	08/09/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	08/09/2023
Ngày trả kết quả:	19/09/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	31,1	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	53,5	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,55	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,420	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

**Ghi chú:**

- Giá trị "&lt;" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

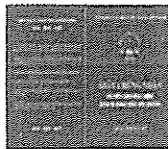
Bắc Ninh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230919.KKSX09

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

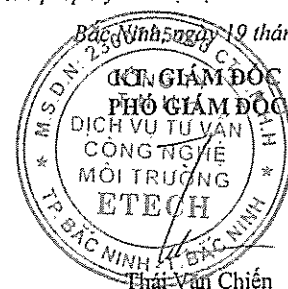
Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'57,00 E: 106°08'19,02
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KKSX04: Không khí tại nhà xưởng E7
Ngày quan trắc:	08/09/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	08/09/2023
Ngày trả kết quả:	19/09/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	31,6	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	61,5	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,34	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Bụi tổng lơ lửng (Tính theo bụi toàn phần)	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02:2019/BYT	0,386	QCVN 02:2019/BYT	8	-
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	CO	mg/m <sup>3</sup>	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40

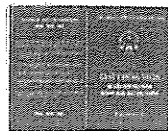
**Ghi chú:**

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

**ĐD.P QUAN TRẮC****Tạ Đình Tuấn**

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thống tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 230919.01.1140

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

Khách hàng:	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH - Chi nhánh Bắc Giang
Địa chỉ:	Thôn An Phong, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING BẮC GIANG
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô CN03- Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Tọa độ:	N: 21°14'58,95 E: 106°08'21,09
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT01: Sau HTXL trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN
Ngày quan trắc:	08/09/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	08/09/2023
Ngày trả kết quả:	19/09/2023

**II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,16	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	19,5	100
3	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18,9	50
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,71	10
5	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	TCVN 6202:2008	2,03	-
6	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH	0,5
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9	10
8	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	1700	5000

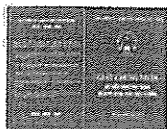
**Ghi chú:**

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- + Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.
- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)
- "<" là nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.

2. Quá thời hạn hai mẫu PTN không giữ quyết khiếu nại.

3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH**

Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh

ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn

Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

**ĐD.P QUAN TRÁC**

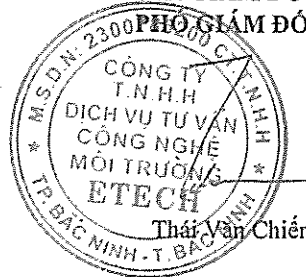
Tạ Đình Tuấn

**PT.P THÍ NGHIỆM**

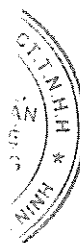
Nguyễn Ích Tuấn

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thái Văn Chiến



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.